

HOÀNG LONG



TỦ SÁCH
TRẢI NGHIỆM
DU HỌC

TÔI VÀ PARIS

CÂU CHUYỆN
MỘT DÒNG SÔNG

“Dù có sóng gió gập ghềnh, sông càng cuộn chảy, không bao giờ ngừng nghỉ, cũng như con người, không bao giờ đánh mất niềm tin.”

TÔI VÀ PARIS - CÂU CHUYỆN MỘT DÒNG SÔNG

Tác giả: **Hoàng Long**

Thể loại: **Tự truyện**

Phát hành: **Alphabooks**

Nhà xuất bản: **NXB Thế Giới**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn: **Waka.vn**

Lời Tựa

Rồi tôi đã qua những miền đất.

Chưa đủ để biết hết cả, chưa đủ để hiểu hết cả, nhưng hầu như ở thành phố nào tôi cũng thấy một dòng sông. Dù nhỏ, dù lớn, hiền hòa hay dữ dội, kiêu hãnh hay khiêm nhường, đỏ màu phù sa hay xanh ngắt màu trời, ở đâu dường như vẫn là con sông ấy, là mạch máu, là hơi thở, là chút nào tâm hồn của thành phố. Có phải người xưa xây dựng các thành phố gần sông chỉ đơn giản vì đường thủy vốn là tuyến lưu thông vận chuyển và thương mại quan trọng, hay vì khi đó họ đã biết rằng rồi một ngày thành phố sẽ phát triển như bây giờ, đầy ắp người và chen chúc xe cộ, rằng những tòa nhà kia, những con người bận rộn ấy sẽ cần có một dòng sông để giữ lại cho mình chút thơ mộng, chút trong lành, để hít thở, để nạp đầy, để thả hồn theo những con sóng về xa.

Rồi tôi đã gặp những cuộc đời.

Những tính cách, mảnh đời không bao giờ đơn giản, lặng lẽ hay ồn ào, sóng gió hay bình yên, những thân phận ấy vẫn giao nhau nhằng nhịt, hay song hành mãi mãi, xa cách hay hòa vào nhau. Mỗi người một lý tưởng, một mục đích sống, mãi miết trên con đường của mình.

Rồi tôi đã gặp tôi.

Dường như phải đi hết chừng ấy chặng đường, gặp gỡ chừng ấy con người, tôi mới bắt đầu gặp được mình. Tôi đi bao nhiêu ngày đường mới đủ học để hiểu chính mình, phần nào. Rồi tôi thấy mình là một dòng sông, có lúc êm đềm, đôi khi sóng dữ, có lúc thanh thoi có khi vội vã, giản dị thế mà huyền bí đến thế. Mỗi cuộc đời là một dòng sông, mãi miết theo những lối chảy đã được định trước hay là tự mình chọn lấy? Quan trọng là tiến lên hay dừng lại, quan trọng là mạnh mẽ hay dịu dàng, là đến được nơi nào đó hay không cần ở đâu cả? Cái đó tùy vào mỗi người, mỗi hoàn cảnh. Nhưng dường như con sông nào, cuộc đời nào cũng cần có những bến bờ, để dựa vào, để vươn tới. Bến bờ ấy vừa ở đằng sau, thúc đẩy ta, vừa ở phía trước

để ta khát vọng, vừa song hành, vừa ở chính bên trong mỗi người. Bến bờ của ta là một người thân như thể cội nguồn, là một người rồi ta sẽ gặp trên dòng chảy hay một hình bóng mãi mãi ở phía trước? Bến bờ của ta là một miền đất, một thành phố từ đó ta đi, hay dừng lại giữa cuộc hành trình, hay cái đích nơi ta sẽ đến? Có thể là tất cả.

Rồi ngày nào đó tôi đến Paris.

Trên dòng chảy của mình, tôi dừng lại đó lâu hơn những nơi khác. Bởi định mệnh đưa tôi đến hay bởi tôi đã chọn nó làm điểm đến và dừng chân nghỉ lại? Tôi giống như biết bao dòng sông trẻ trung muốn vươn mình ra biển lớn, đi thật xa để học thật nhiều, học để hiểu những gì mình có, những gì mình muốn. Hai chữ du học có gì huyền bí, có gì của một “miền đất hứa” như chính thành phố xa xôi kia? Có những ai đã từng “phiêu du” để học lấy điều gì đó như tôi, có ai muốn kể lại phần đời của mình, và những ai đã làm điều đó? Hẳn là rất nhiều. Nhưng tôi vẫn muốn viết. Tôi viết về cuộc hành trình của con sông tôi, về một thành phố và con sông của chính nó, về mỗi địa điểm đã gắn liền với tôi như những cột mốc, những bờ bến của cuộc phiêu lưu còn chưa kết thúc.

Dù có sóng gió gập ghềnh, sông càng cuộn chảy, không bao giờ ngừng nghỉ, cũng như con người, không bao giờ đánh mất niềm tin.

Đi xa để gặp những bến bờ mới, để trân trọng những bến bờ của ta, đã vì ta.

Chảy đi sông tôi ơi!

1

Khải Hoàn Môn: ngày tôi đến



Khải Hoàn Môn. (Ảnh: Nguyễn Hồng Long)

Sân bay Charles de Gaulles. Sáu giờ sáng, một ngày cuối tháng Ba năm 1999. Gã ngố, là tôi, ra khỏi cửa Hải quan, ngạc nhiên vì không có bất kỳ ai chặn lại, thậm chí không một ai hỏi han hay để mắt tới. Vào Pháp dễ đến thế sao?

Nếu như tôi có hình thức đáng tin hay hành lý gọn nhẹ thì có thể hiểu được. Đằng này... Chắc chẳng ai đặt chân đến Pháp với bộ dạng thô thảm

như tôi. Tám mươi cân hành lý được nhồi nhét trong hai cái vali to, thêm hai thùng carton, một túi kéo, một túi đeo trên người. Nếu phải mang từng ấy thứ, tôi cũng chẳng ngại. Đáng ngại ở chỗ tôi mang gấp đôi trọng lượng cho phép. May sao chị tôi lại quen một anh làm ở sân bay. Anh bảo tôi mở vali, lấy đồ cho vào một đồng túi giấy VN Airlines mà anh vừa quờ được ở đâu đó. Nhét đầy chục túi, anh cầm vào trong, đợi tôi ở cửa máy bay và giao lại.

Lúc lên máy bay, tôi ngượng chín người vì ai cũng nhìn mình với đồng túi giấy linh tinh. Lúc xuống máy bay ở đầu Paris còn thê thảm hơn. Sau khi lấy vali, tôi muốn mở chúng ra để nhét lại đồ vào nhưng không sao nhét được. Cũng dễ hiểu, vì đó là “công trình” thu xếp bao nhiêu ngày của mẹ tôi, bà lèn, bà cuốn, bà nhét giỏi đến mức lấy ra vô số đồ rồi mà vali vẫn đầy nguyên. Chỉ có cách đổ hết ra xếp lại từ đầu. Mà tôi thì không đủ dũng cảm làm việc ấy. Bởi trong vali không chỉ đựng quần áo, sách vở mà còn là muối vừng, ruốc, ớt bột, mì chính, hạt tiêu, nôi cơm điện... Phong phú chẳng khác nào một cửa hàng tạp hóa! Hành trang của gã sinh viên nghèo đi du học là thế. Có lẽ cũng vì vậy mà Hải quan Pháp thậm chí chẳng ngó ngang đến tôi, chẳng kể nào khùng điên đến mức mang hàng cấm mà gây sự chú ý một cách tự nhiên như thế.

Tôi bặm môi, xốc lại cái túi đeo trên người, bỗng nhiên kẹo từ trong túi rơi ra lả tả. Trước lúc lên máy bay, mẹ tôi nhét đầy kẹo vào túi. “Con đang hút thuốc lá nhiều thế mà bỏ, thế nào cũng buồn mồm con ạ, ăn kẹo cho đỡ thèm.”

Mà thèm thật, sau mười mấy tiếng trên máy bay, tôi thèm một điếu thuốc đến phát cuồng. Tháng Ba, Paris vẫn còn lạnh. Lạnh thế này mà hút thuốc thì đã phải biết. Thôi, ăn tạm cái kẹo. Đắng ngắt.

Không có ai ra đón. Biết trước là như thế mà tôi vẫn cảm thấy hụt hẫng và lạc lõng giữa sân bay quá rộng lớn và đông đúc này. Cậu bạn cùng khóa cũng được học bổng lần này đã đi trước tôi một tuần. Cậu đang ở nhà một người quen của tôi, đợi tôi sang rồi cả hai đi tìm nhà thuê chung. Cậu không đón tôi, chỉ viết mail: “Đi về trung tâm dễ lắm, không cần tao đón.

Đến sân bay chỉ cần mua cái thẻ điện thoại gọi cho tao, tao chỉ đường cho về.”

Vật vờ ở sân bay một lúc không tìm thấy chỗ nào bán thẻ điện thoại, tôi nghĩ thầm: “Khỏi cần, gọi điện thì nó cũng chỉ chỉ đường đi tàu điện ngầm về trung tâm thôi. Mình sẽ tự hỏi”. Bất gặp một người nói tiếng Anh, tôi chìa địa chỉ cần đến ra hỏi, ông ta nghĩ một lát, nhìn đồng hành lý của tôi và bảo: “Để đến chỗ này, nếu đi tàu điện ngầm phải đổi mấy lần, lên xuống nhiều cầu thang, riêng chỉ đi bộ từ đây ra đến bến tàu cũng đã cả cây số rồi. Tôi khuyên anh đi xe bus. Có xe đỗ ngay trước cửa kia”. Vậy là tôi lên xe bus, tài xế bảo: “Xe về trung tâm Paris”. Tôi tặc lưỡi “Thế là được, về đó tính sau. Mua thẻ gọi bạn ra đón.”

Xe bus đi khá lâu, chùng cả tiếng đồng hồ rồi thả tôi xuống một vòng xoay giao thông rộng lớn. Tôi ngỡ ngàng nhận ra: Khải Hoàn Môn.

Trước lúc đến Paris, hình như tôi đã nhìn thấy ảnh Khải Hoàn Môn trong một cuốn sách nào đó. Chẳng hiểu sao tôi cứ nghĩ nó giống như cái cổng chùa hay cổng làng ở Việt Nam, to hơn một chút là cùng. Đến nơi rồi, thấy nó sừng sững đứng đó tôi mới giật mình: thật kỳ vĩ! Người xưa không có máy tính để làm mô phỏng, để tính toán chính xác khối lượng, kỹ thuật và thời gian mà lại nghĩ và làm được một công trình thế này, quả thật đáng kinh ngạc vô cùng!

Không biết với mọi người, ấn tượng đầu tiên khi nhìn thấy Khải Hoàn Môn là gì, chỉ biết rằng lúc đó, tôi thậm chí không đủ sức ngược nhìn quá lâu. Mệt đói, kiệt sức với gánh nặng của gần 100 cân hành lý và gánh nặng tinh thần: tôi đến Paris du học với 500 đô-la trong túi. Học bổng của tôi chỉ được miễn học phí, còn ăn ở sinh hoạt trông vào vền vẹn số tiền ấy. Cái vali to kéo được gần 100 mét thì gãy bánh. Vậy là từ lúc ấy tôi thành một phu khuân vác, trời lạnh mà mồ hôi đầm đìa. Lúc lên máy bay tôi đã cố mặc thật nhiều quần áo để nhẹ bớt hành lý, bây giờ làm sao cởi ra?

Khải Hoàn Môn khi ấy với tôi là điểm đến đau khổ hơn là Cổng vòm chiến thắng ngày về.

Nhưng tôi vẫn nhớ rất rõ rằng khi ấy, tôi, mồ hôi nhễ nhại với đồng hành lý linh kinh đã ngang qua cổng Khải Hoàn Môn và tự nói với lòng

mình: “Mẹ ơi, đừng lo, rồi con sẽ chiến thắng trở về”. Tôi có những ước mơ và một niềm tin.

Rồi tôi đi tìm chỗ bán thẻ điện thoại để gọi cho cậu bạn. Nhưng đành chịu: hôm ấy là Chủ nhật, trời hãy còn sớm nên không mấy ai ngoài đường, nhiều cửa hàng còn chưa mở cửa. Thêm nữa, sau này tôi mới biết, ở Paris muốn mua thẻ điện thoại thì phải vào hàng bán... thuốc lá. Cậu bạn tôi quên dặn điều đó.

Tôi loay hoay với đồng hành lý, giở cuốn sổ nhỏ ghi các địa chỉ ra xem. Tôi có một cái bản đồ nhỏ. Nhờ đó, tôi biết rằng từ chỗ tôi đang đứng đến nơi tôi định đến rất xa, nếu không gọi điện được cho bạn thì chắc hẳn không thể đến đó. Tôi tìm một địa chỉ khác rồi quyết định: tìm cách đi bộ về nhà người bạn gần nhất, đó là một bạn gái cùng trường đại học nhưng dưới tôi một khóa. Điều này không nằm trong dự tính ban đầu, tôi cũng không báo trước với bạn.

Bản đồ của tôi không đủ chi tiết để tìm đường, tôi quyết định hỏi đường bằng tiếng Anh. Có đến lần lượt hai, ba quý ông, quý bà chăm chú nghe tôi hỏi, mỉm cười rồi hăng hái trả lời tôi bằng tiếng... Pháp. Điều này cũng rất có thể xảy ra với bạn khi đến Pháp, người Pháp phần lớn biết tiếng Anh nhưng ngoài lớp trẻ, thường thì họ không thích nói tiếng Anh, không biết vì lòng kiêu hãnh dân tộc, vì không tự tin với accent [cách phát âm] tiếng Anh của mình hay chỉ đơn giản vì họ không thích (người Anh và người Pháp vốn không ưa gì nhau). Sau hơn hai tiếng đi bộ, tôi kiệt sức, mất phương hướng, nghiêng rằng gọi một cái taxi. Taxi chở tôi vòng vèo qua các phố, 20 phút sau dừng lại, lấy của tôi 40 đô-la và cho tôi xuống. Khi taxi đã đi rồi, tôi quan sát kỹ và nhận ra rằng chỗ tôi đang đứng chỉ cách chỗ tôi bắt taxi chừng 300 mét. Thế đấy, khi ta ngu ngơ thì ở đâu ta cũng dễ dàng bị “chặt chém”. Taxi ở Paris thường không dám chinh đồng hồ hoặc chạy không đồng hồ, nhưng khi bạn trông ngu ngơ và gặp phải kẻ xấu, hẳn sẽ cho bạn đi chơi vòng xa gấp nhiều lần quãng đường thực.

Tôi so tên phố, nhìn số nhà với địa chỉ trên tay và nghĩ đến cảnh bạn tôi sẽ chạy ủa ra đón khi tôi bấm chuông, vẻ đầy ngạc nhiên vì tôi không báo trước.

Nhưng tôi ngạc nhiên thì đúng hơn, vì không có cái chuông nào cả. Có một cái khóa có mã để có thể vào được bên trong tòa nhà bạn tôi ở vì đó là một khu chung cư. Không biết mã khóa. Tôi ra cabin điện thoại công cộng, định bụng chờ ai đó gọi xong thì năn nỉ họ cho tôi gọi nhờ đúng một câu báo bạn tôi xuống đón. Sáng Chủ nhật, cabin vắng tanh. Rất lâu mới có một người. Và rất lâu mới có một người hiểu những gì tôi nói và tin tôi nói thật để cho tôi dùng nhờ thẻ điện thoại. Bạn tôi dường như còn đang ngái ngủ, tỏ ra không quá vồn vã, chỉ bảo: “Chờ em tí nhé, em đánh răng”. Tôi hơi ngạc nhiên, nghĩ rằng không cần khách sáo quá như thế, có thể cứ cho tôi vào nhà rồi đánh răng sau cũng được. Sau đó tôi mới hiểu nguyên do.

Tôi đợi, lại đợi, rất lâu. Cho đến khi cảm thấy mình như một vị khách không mời mà đến, tôi tự ái, kéo vali đi, định tiếp tục cuộc hành trình đến nhà người bạn theo kế hoạch ban đầu thì cô bạn xuống, hốt hải tìm kiếm, chạy theo bảo tôi: “Em xin lỗi nhé, tại em đang ngủ, nhà bữa bọn quá không có chỗ ngồi nên phải dọn một lúc.”

Vào trong tòa nhà, thêm một lần nữa ngạc nhiên, bạn tôi ở tầng tám, không cầu thang máy. Sau này tôi mới biết rằng, hầu hết sinh viên bên này đều ở như thế. Chúng tôi hay gọi đùa những căn buồng đó là “chuồng chim” vì nó rất nhỏ với một ô cửa sổ cũng rất nhỏ. Căn buồng chỉ khoảng bảy, tám mét vuông, thường ở tầng trên cùng, rất cao, không cầu thang máy. Đó thường là những căn buồng mà trước đây các gia đình quý tộc dành cho người hầu ở hay là nơi để đồ đạc cũ. Cầu thang bộ tách riêng với khu cầu thang máy chính. Buồng tắm và toilet mỗi tầng một cái, dùng chung cho rất nhiều chuồng chim. Trong buồng ngoài góc lavabo để đánh răng rửa mặt, một khoảng nữa đặt tủ và giường, còn lại gần như không còn chỗ trống, quả thật nếu không dọn thì không thể có chỗ ngồi. Cũng vì thế mà bạn tôi phải đánh răng trước, nếu không sẽ phải làm việc đó ngay trước mặt tôi. Và với các cô gái sống trong những căn buồng kiểu này, họ rất ngại mời bạn trai đến nhà, bởi hiểu theo cách trực diện nhất: mời đến nhà đồng nghĩa với việc mời lên giường, ngoài chỗ ấy ra không còn chỗ nào ngồi hết.

Tôi khuân đồ lên vì không dám để dưới nhà, nghỉ một lát rồi gọi cho người bạn đang chờ điện thoại. Bạn tôi đến, khuân đồ xuống. Chúng tôi đi

tàu điện ngầm. Tới nơi. Lại chuông chim, lại tầng bảy, lần này có cầu thang máy nhưng hẹp đến nỗi hai người cùng đứng sẽ úp mặt vào nhau. Căn phòng bảy mét vuông có thêm tôi là ba người ở. Nó chật đến mức ai muốn di chuyển thì phải “đăng ký”, nếu không thì không có chỗ đi. Hôm đầu tiên đến, tôi hăng hái rửa bát, dọn dẹp suốt, được một lúc anh chủ nhà bảo: “Em ngồi yên một góc đi, để anh quen anh làm, nhà chật mà em cứ đi vòng vòng, chóng hết cả mặt”... Tôi ở đó ba ngày, ngày nào cũng dậy thật sớm và về thật muộn để đi tìm nhà, đăng ký học... và nhất là để không làm chật nhà của anh. Không tìm được nhà, nhưng cũng không thể ở thêm phiên bạn quá lâu, tôi và người bạn mới sang thuê chung một phòng trọ rẻ tiền: 210 đô-la một người một tháng. Ôi, 500 đô-la của tôi.

Viết đến đây, tôi muốn cung cấp cho bạn vài bài học và kinh nghiệm “xương máu” rút ra từ lần đầu bỡ ngỡ của tôi đến Paris và những lần đi du lịch sau này:

- Trước khi đến một thành phố xa lạ, hãy chuẩn bị bản đồ, ngay cả khi có ai đó hứa sẽ ra đón bạn. Bạn có thể mua từ trước, tìm trên internet hoặc nếu không, khi tới nơi, mua ở sân bay (ở các thành phố châu Âu, bạn có thể xin miễn phí ở văn phòng du lịch, điểm hỏi thông tin về phương tiện giao thông công cộng ngay tại sân bay hoặc trung tâm thành phố). Kể cả nếu bạn không cần dùng đến, nó cũng ít nhiều cho bạn sự tự tin, thứ mà bạn luôn cần khi đến nơi xa lạ.

- Tốt hơn, nếu có thể, hãy tìm mua một cuốn hướng dẫn du lịch. Không phải ngẫu nhiên mà đó luôn là loại sách bán chạy. Với những hiểu biết thực tế của mình, người viết sẽ cung cấp cho bạn những thông tin thiết yếu mà tự bạn không dễ gì tìm ra, trong khi những người thân của bạn sống ở đó không nghĩ đến để dặn bạn từ trước, như kiểu ở Paris, muốn mua thẻ điện thoại phải vào hàng bán thuốc lá, và hàng thuốc lá thì không có hình bao thuốc hay điều thuốc nào ở ngoài, chỉ có chữ “Tabac”...

- Câu “đầu xuôi, đuôi lọt” không phải lúc nào cũng đúng. Nếu bạn có nhiều hành lý, hãy lo tính và chuẩn bị kỹ càng để vừa “xuôi” ở sân bay Việt Nam, vừa ổn khi bạn đặt chân ra nước ngoài. Nhớ rằng khi ở Việt Nam, bạn có gia đình, người thân bên cạnh, còn ở nơi đất khách quê người, bạn

chỉ có một mình. Không chỉ cân nặng, số lượng hành lý mà “nội dung” những thứ bạn mang theo có thể khiến bạn khổ. Thời tôi đi còn dễ, càng ngày việc kiểm soát an ninh, vệ sinh thực phẩm, thương mại càng thắt chặt. Mang những đồ ăn tươi sống (và cả thực phẩm khô) có thể khiến người ta lục tung hành lý của bạn, tịch thu và bắt bạn nộp phạt. Người Việt mình hay xếp đồ ăn vào các thùng carton hay thùng xốp. Đừng. Hãy để mọi thứ vào các vali, vì thùng carton và thùng xốp là lời tố cáo rõ ràng nhất với hải quan nước ngoài rằng bạn mang theo thực phẩm. Mang theo bên mình hàng giả, hàng nhái cũng có thể khiến bạn lao đao, dù đó là chiếc thắt lưng bạn đang thắt trên quần hay đôi giày in chữ Nike nhưng lại có ba vạch biểu tượng của Adidas bạn đang đi dưới chân: tất cả đều có thể bị lột ra và hủy trước mặt bạn kèm theo một khoản tiền phạt. Tôi biết một cậu em sang Mỹ du học với hàng trăm CD và DVD phim sao chép ở Việt Nam đã bị bắt lại ở sân bay Mỹ, nộp phạt 25 ngàn đô-la và suýt bị cho vào tù. Tất nhiên không phải ai cũng bị kiểm tra, nhưng hãy đề phòng trường hợp xấu nhất. Nếu có dùng hàng nhái, ít nhất đừng chừa diện nó ra trên người bạn (như kiểu các tiểu thư hay khoác theo túi Louis Vuitton nhái), nếu đựng trong vali, đừng để nguyên bao bì, nhãn mác và đừng để cùng một thứ với số lượng lớn, bởi khi đó, bạn khó lý giải rằng chỉ mua để dùng chứ không để buôn bán.

- Ở các thành phố lớn, sân bay thường rất xa trung tâm nhưng luôn có các phương tiện giao thông công cộng dành cho bạn. Nếu có thể xoay xở được hãy dùng tàu điện (ngầm hoặc nổi) vì đó là phương tiện nhanh nhất đưa bạn vào trung tâm. Đi taxi có thể rất tốn kém và mất nhiều thời gian, có khi mất hơn nửa ngày vì kẹt xe, tắc đường, chưa kể bạn còn bị lừa hay bắt chẹt.

Dùng cảm lên, tất cả mới chỉ là sự bắt đầu!

Tháp Eiffel: nhập học



Tháp Eiffel và sông. (Ảnh: Tác giả)

Có bao giờ bạn nghĩ rằng mọi thứ xung quanh bạn, từ cái cây, ngọn cỏ đến bức tường hay thùng rác đầu phố đều có tâm hồn riêng?

Tôi thì luôn nghĩ như vậy, và luôn tìm cách để giao lưu, hít thở cái tâm hồn ấy của vạn vật. Có những thứ tôi tìm thấy và cảm nhận được, có thứ thì vô cảm. Có thể điều đó phụ thuộc vào việc tôi có đủ thời gian tìm hiểu, cảm nhận, đủ tình cảm với cảnh vật đó hay không.

Trước khi đặt chân đến Pháp, tôi thầm nghĩ, tháp Eiffel, biểu tượng của nước Pháp, hẳn phải mang trong mình một tâm hồn. Và rồi tôi đã tìm thấy câu trả lời: tháp Eiffel là một khối sắt có tâm hồn.

Như hầu hết các công trình kiến trúc khác ở Pháp, tháp Eiffel nằm trên một quảng trường rộng và trong một quần thể các công trình kiến trúc với quảng trường Trocadero có hệ thống đài phun nước hiện đại hay khu trường quân sự quốc gia (Ecole Militaire). Ngay trước chân tháp Eiffel cũng có một cây cầu lớn và một bến sông rộng, nơi ta có thể lấy thuyền đi dọc sông Seine hay ngồi nhâm nhi một ly cà phê. Những quần thể kiến trúc đa dạng ở gần nhau và đặc biệt những khoảng vườn, quảng trường lớn ở trước mỗi công trình càng làm tăng thêm vẻ đẹp, sự hùng vĩ của chúng. Với cá nhân tôi, điều ấy cũng thể hiện được tầm nhìn quy hoạch và ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa kiến trúc của người Pháp.

Lần đầu đến tháp Eiffel, nhiều người sẽ bị choáng ngợp trước sự hùng vĩ của nó, trước sự đồ sộ của khối thép có kết cấu cực kỳ phức tạp, tinh xảo, hay có thể ngập tràn cảm xúc khi ngồi trong thang máy lên cao dần nhìn xuống cảnh đẹp của Paris.

Mắt bạn sẽ lấp lánh khi 10 nghìn bóng đèn của tháp phát sáng hay thấy vô cùng lãng mạn khi cầm một ly champagne trong một nhà hàng sang trọng nằm trên tầng cao của tháp, nhìn hoàng hôn và thành phố đang lên đèn (Tất nhiên bạn sẽ chỉ thấy lãng mạn khi hóa đơn thanh toán không khiến bạn quá bận tâm). Tất cả những cảm giác ấy đều rất thực, và còn nhiều trạng thái cảm xúc khác nữa mà tháp Eiffel có thể đem đến cho bạn. Có phải vì thế mà tôi bảo đó là một khối sắt có tâm hồn? Không phải.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về tháp Eiffel: thất vọng. Tôi thấy nó xấu và thô thiển. Hai ngày sau khi đặt chân lên đất Pháp, tôi đến đăng ký ở ngôi trường đã trao học bổng cho tôi và phát hiện ra trường của mình chỉ cách tháp Eiffel chừng 700 mét. Thế là mỗi sáng đi học tôi sẽ nhìn thấy tháp Eiffel.

Phải hiểu rằng thất vọng là cảm giác chung của tôi về Paris khi ấy. Không phải vì những khốn khổ về vật chất và tinh thần mà tôi ném trái trong những ngày đầu đến Paris, hoặc cũng có thể nhưng chỉ phần nào thôi.

Nguyên nhân chính, mà có thể rất phổ biến là khi chưa từng đến Paris, người ta thường vẽ ra quá nhiều những ảo tưởng, do thiếu hiểu biết, do thói mơ mộng viễn vông hay do những lời phóng đại của báo chí, sách vở... để rồi khi đối mặt với thực tế, ta cảm thấy thất vọng.

Paris, cũng như bất kỳ thành phố nào khác đều có những góc khuất của nó, cũng ăn xin, có rác rưởi, cũng vô tâm, cũng kiêu ngạo, cũng có trộm cắp, lừa đảo. Không ở đâu có thành phố trong mơ. Cảnh đẹp, kiến trúc là điều không phủ nhận, nhưng cảnh đẹp và kiến trúc ấy mỗi người cảm nhận một khác, trong mỗi hoàn cảnh ta lại thấy khác. Cũng giống như bạn vào một nhà hàng ăn món cực ngon, nhưng phải chờ đợi quá lâu hay gặp anh bồi bàn phục vụ kém thì món ăn có thể mất đi 90% hương vị. Ấy là chưa kể, đôi khi để thấy được một công trình kiến trúc đẹp bạn còn phải ít nhiều có kiến thức, hiểu biết về nghệ thuật, văn hóa và xuất xứ của nó. Giống như khi uống một ly rượu vang, nếu có một người am hiểu chỉ cho bạn đặc trưng của loại rượu, của vùng sản xuất, những yếu tố thời tiết của năm sản xuất rượu hay cách chế biến nho, bạn đột nhiên sẽ cảm nhận được thứ đang ngấm dần vào mạch máu của bạn không chỉ đơn giản là thứ đồ uống lên men mà thấy hương vị của nó, “thần thái” của nó.

Và cuối cùng, cái đẹp cái xấu, cái hay cái dở nếu muốn cảm nhận thực sự bạn phải cảm nhận nó bằng tâm hồn của mình, theo đúng cách mà nó đáng được cảm nhận. Ly rượu vang Pháp sẽ ngon hơn, thơm hơn và nồng hơn khi bạn ngồi nhâm nhi nó với một người bạn hợp ý, khi bạn có thời gian và sự thanh thản, khi bạn uống với tinh thần thưởng thức chứ không phải uống để say hay để khoe khoang.

Hồi ấy, với tôi, như rượu vang định nghĩa đơn giản là thứ nước nho lên men, tháp Eiffel chẳng qua là một khối sắt đồ sộ, lâu ngày không được bảo dưỡng thì biến thành cục sắt đen xỉ. Sáng nào đi học tôi cũng thấy cục sắt ấy.

Khi mới biết trường mình học ngay gần tháp Eiffel, tôi đã tự hào, mơ mộng viễn vông về một ngôi trường đẹp đẽ, tráng lệ, chẳng gì cũng nằm ở “khu xịn nhất Paris cơ mà”. Tôi hình dung khi đến trường đăng ký, sẽ có

người đón tiếp long trọng. Dù sao tôi cũng là một trong hai sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc nhất khóa của một trường đại học ở Việt Nam có mối quan hệ tốt với trường bên này, được hiệu trưởng người Pháp về tận nơi phỏng vấn và lựa chọn trao học bổng cho khóa thạc sĩ (MBA) theo chuẩn quốc tế đầu tiên của trường. Nhưng tôi đã lại phải ngạc nhiên. Không có lễ chào đón nào cả, cũng không có ngôi trường hoành tráng sang trọng như những campus (khu đại học) tôi từng xem trên phim.

Các trường đại học công lập của Pháp có cơ sở vật chất khá tốt, khuôn viên rộng rãi, nhưng nếu so sánh thì còn kém xa các campus ở Mỹ, ở Anh. Các trường tư thục thì cơ sở hạ tầng càng kém hơn. Giống như hầu hết các trường tư về quản trị kinh doanh hay tài chính của Paris, ngôi trường tôi học chỉ có địa chỉ đẹp trên bản đồ (vì nó sẽ gây ảnh hưởng marketing tốt, thu hút sinh viên mới). Để đổi lấy vị trí đẹp, trường không hề rộng vì ở những khu này, tắc đất là tắc vàng. Rất nhiều phòng học được đặt dưới tầng hầm hoặc trong các góc của khu nhà không có quá nhiều ánh sáng (vì những phòng thuận tiện với cửa sổ lớn đã được để dành cho các văn phòng, công ty khác thuê). Giáo viên và nhân viên của trường cũng ở mức tối thiểu vì chi phí về nhân sự và thuế trên lương nhân viên ở Pháp rất cao. Tôi cũng ngỡ ngàng và dần dần hiểu ra rằng, trường đón tôi đến không phải vì tôi là một nhân tài mà trường muốn đầu tư để sau này làm rạng danh cho cả trường, tôi chỉ đơn giản là một quân bài marketing trong chiến dịch mở rộng thị phần sang châu Á, đặc biệt là thị trường Việt Nam và Trung Quốc. Và học bổng của tôi thực chất là một gánh nặng chi phí mà nhà trường đầu tư như một hình thức quảng cáo tại Việt Nam cho chiến dịch này.

Dẫu vậy tôi vẫn là một sinh viên có học bổng, được đón nhận vào trường vài ngày sau khi đặt chân đến Pháp, và khi tôi đi là do tôi lựa chọn, không có ai quảng cáo, tô vẽ cho “bến mơ” ở Paris. Nhưng sau tôi, đã có rất nhiều sinh viên Việt đến Pháp theo con đường tự túc, được các công ty du học tô son điểm phấn về một tương lai huy hoàng, dựng nên bức tranh đầy màu sắc về trường lớp sung túc, thực chất khi đến chỉ được học khóa tiếng Pháp trong một cơ sở kiểu như trung tâm ngoại ngữ nhà mình, điều kiện vật chất thậm chí còn kém hơn, hoặc nhiều người phải bon chen nộp

đơn xin học cả năm trời trước khi được nhận vào một trường công, nỗi thất vọng của họ còn đến thế nào?

Trong nhiều năm sau này, tôi gặp nhiều người, với “bi kịch” thất vọng khi thực sự bắt đầu cuộc hành trình du học của mình. “Thê thảm” nhất là các “cậu ấm, cô chiêu” quen sống trong nhung lụa, rồi đến những bạn trước đó chỉ biết học và học, không có nhiều kỹ năng sống, cũng không biết tự lo việc nội trợ. Nhưng ngay cả những người từng trải hơn, mạnh mẽ, năng động hơn cũng thất vọng. Phần lớn là do bị phỉnh gạt hoặc nghe phóng đại quá mức về một “thiên đường” không có thực, hay là tự huỷ hoại chính bản thân mình. Dù thế nào thì cũng bởi thiếu thông tin, thiếu sự chuẩn bị. Thời đại càng phát triển, thông tin càng nhiều và ở khắp mọi nơi. Hãy trang bị cho mình lượng thông tin đầy đủ nhất và chuẩn bị trước tinh thần và kỹ năng (ngoại ngữ, giao tiếp, đi chợ, nấu nướng...) cho những thứ mình sẽ gặp phải, chứ đừng chỉ nhét vào vali của mình những giấc mơ.

Đời thì không đẹp như mơ. Tôi đã biết như thế, và dường như tháp Eiffel cũng vậy. Khi ấy tôi không hiểu cái khối thép vô hồn ấy có gì để người ta tự hào đến thế, ca ngợi đến vậy.

Nhưng càng ngày, càng nhìn, càng hiểu, càng ngắm “tâm hồn” Paris, tôi bỗng nhận ra rằng tháp Eiffel đẹp và sống động. Nó thay đổi mỗi mùa, mỗi ngày, mỗi giờ, nó thay đổi theo thời tiết, ánh sáng, nó thay đổi theo cả vui buồn của tôi.

Những ngày tôi mới sang là cuối đông, đầu xuân, trời còn lạnh, tối và hay mưa phùn. Tháp Eiffel màu đen xám, ủ rũ giữa bầu trời mây vần vũ. Trông nó buồn như nỗi lòng tôi lúc ấy.

Những ngày sau, xuân về, nắng lên, trời xanh ngắt, tháp Eiffel cũng tươi hơn, ánh lên một màu xanh kiêu hãnh. Với đặc tính kim loại và nằm bên cạnh dòng sông, tháp Eiffel phản chiếu rất nhiều ánh sáng mà nó nhận được từ trời mây, sông nước.

Những ngày nắng nóng, tùy theo nhiệt độ và ánh nắng, tháp Eiffel lại có màu nâu vàng hay nâu sẫm. Tôi hay liên tưởng đến sở thích của người Paris, mỗi khi trời nắng nóng lại tranh thủ phơi nắng, da càng cháy nắng nâu bóng lên thì càng thấy đẹp, có vẻ như tháp Eiffel cũng vậy.

Những ngày cuối thu, khi những hàng cây và khu vườn quanh tháp vàng rực màu lá, tháp Eiffel lại có ánh vàng đỏ của lá thu. Những lúc như vậy, tháp Eiffel như một cô gái tóc đỏ ngồi một mình trong sân quán cà phê có mái che màu đỏ chiều cuối thu, vừa nổi bật khiến ta đi ngang qua cũng phải giật mình quay lại, vừa hài hòa đến không ngờ với cảnh sắc xung quanh.

Những lúc vui, tôi thấy tháp Eiffel lấp lánh, thỉnh thoảng lại lóe tia nắng khi được phản chiếu bởi một mảnh kim loại trên tháp (hay đèn flash của một chiếc máy ảnh) giống như nó nháy mắt cười với tôi.

Eiffel buổi đêm vô cùng quyến rũ, nó như một vũ công rực sáng dưới ánh đèn khiến ai ngang qua cũng phải trầm trồ. Cứ một tiếng một lần, 10 nghìn ngọn đèn trên tháp đồng loạt nhấp nháy, cảm giác như tháp đang nhảy múa.

Nếu đã đọc những dòng này, khi nào có điều kiện đến thăm tháp Eiffel, bạn đừng nhớ hết những gì tôi viết, hãy nhìn và cảm nhận tháp Eiffel ở những thời điểm khác nhau. Bạn hãy thử xem tháp Eiffel có thay đổi không, có đồng cảm với vui buồn của bạn không. Tôi thì thấy có, nhưng không phải chỉ vì thế mà tôi nghĩ là khối sắt ấy có tâm hồn.

Chính là ta gieo tâm hồn của mình lên vạn vật. Nếu bạn mở lòng ra, nhìn cảnh vật và cảm nhận nó với tâm hồn của bạn, nó sẽ hiểu bạn và đáp lại bạn. Bạn có thể buồn, có thể vui, có thể lạc quan hay tuyệt vọng, nhưng đừng bao giờ đóng cánh cửa tâm hồn mình, hãy chia sẻ, nếu thấy cần có thể hét lên, hoặc không cần qua lời nói, chỉ bằng ánh mắt, bằng suy nghĩ, bằng nụ cười hay nước mắt cũng đã đủ rồi.

Bạn có thể thấy suy nghĩ này thật điên rồ, nhưng cứ thử làm xem: hãy mỉm cười với góc phố thân quen mỗi ngày bạn qua, bạn sẽ thấy dường như nó mỉm cười với bạn.

Có thể bạn sẽ thấy ngớ ngẩn, nhưng phương châm của tôi để vượt qua mọi khó khăn là: mỗi ngày tôi cố gắng tìm cho mình ít nhất một lý do để có thể mỉm cười với cuộc đời này. Và đôi khi tôi mỉm cười với cái cột điện đầu đường vì nghĩ rằng ngày nào nó cũng đứng đó chào tôi. Nụ cười ngớ ngẩn ấy bỗng nhiên khiến tôi... bật cười. (Cả bạn nữa, có thể cũng đang

cười đấy. Thấy không? Nếu như tôi cười với cái cột điện và việc đó khiến tôi cười, bạn cười thì nụ cười của bạn cũng có thể khiến bạn và nhiều người khác vui, những niềm vui ấy nhân lên để tôi, bạn và bao nhiêu người quên đi những khó khăn, buồn tủi. Vậy thì nụ cười với cái cột điện của tôi chưa chắc đã ngớ ngẩn (Tất nhiên tôi không đánh giá cao những người đứng cả ngày cười với cột điện đâu nhé).

Đó cũng là lý do vì sao đến một ngày, tôi thấy tháp Eiffel không còn là một khối sắt vô hồn.

Trung Tâm Ký Túc Xá Cité Universi Taire: Ở Trọ



Cite université. (Ảnh: Tác giả)

*“Con chim ở đậu cành tre,
Con cá ở trọ trong khe nước nguồn
Tôi nay ở trọ trần gian...”*

Tôi hát khe khẽ khi bước vào phòng trọ đầu tiên của mình trên đất Pháp. Căn phòng trọ rẻ tiền ấy thực ra nằm trong khu ký túc xá quốc tế đẹp và hoành tráng của Paris: Cité Universitaire – một khuôn viên rộng mênh mông với các tòa nhà, vườn hoa, sân bóng, thư viện, nhà ăn... Mỗi tòa nhà

trong khu này ưu tiên cho sinh viên đến từ một nước, một khu vực địa lý hay một chuyên ngành nào đó. Những sinh viên sống ở đây được hưởng nhiều quyền lợi và hỗ trợ của chính phủ, có rất nhiều sinh viên được ở miễn phí. Nhưng để giành được một suất ở chính thức như vậy, bạn phải là sinh viên đi du học theo diện học bổng chính phủ, hoặc phải làm hồ sơ, nộp đơn chờ đợi xét duyệt rất lâu, có khi cả năm trời.

Còn tôi mới đến Paris có bốn ngày. Tôi ở đây theo đúng kiểu “ở trọ”, tức là chỉ ở tạm thời và trả tiền theo từng ngày, bởi thế mà mức phí đắt hơn nhiều so với giá thuê hàng tháng của các sinh viên trong khu này, tuy nhiên, với chúng tôi, đó đã là mức giá rẻ nhất có thể rồi. Căn phòng đúng ra chỉ dành cho một người, nhưng chúng tôi có hai, vì thế một đứa đang hoàng làm giấy tờ, còn đứa kia vào theo kiểu “ở chui”. Một đứa được phát cái thẻ nhựa có đục lỗ để mở cửa bếp hay khu phòng tắm, nhà vệ sinh một cách đáng hoàng, đứa còn lại kiểm cái thẻ điện thoại cũ ngòì mài mài, đục đục một lúc thì cũng được đi toilette đáng hoàng không kém. Trong phòng chỉ có một cái giường đơn, vì thế, đứa được nằm giường thì sẽ không có đệm, chỉ trải chăn để nằm, còn đứa kia thì trải đệm xuống đất, chuyện ngủ và vệ sinh như thế là giải quyết xong.

Trong phòng ngoài cái giường ra còn có thêm một tủ quần áo, một cái bàn và một cái ghế. Nhà vệ sinh, buồng tắm và bếp đều ở bên ngoài, dùng chung.

Cả tôi và cậu bạn ở chung phòng đều đã trải qua đời sinh viên, nhưng chưa từng nếm mùi ở trọ, cái gì cũng bỡ ngỡ. Từ phòng tôi ra bếp chung khá xa, nấu được bữa cơm hai đứa cứ chạy đi chạy về mãi, lại còn thiếu thốn đủ thứ. Nhớ hôm đầu thêm cơm rang mà rang lên ném đi ném lại cứ thấy nhạt nhạt, thiếu thiếu cái gì, thêm muối mãi vẫn thấy nhạt. Tối ăn xong thì khát nước khủng khiếp, hóa ra không phải vì thiếu muối mà là thiếu nước mắt, thiếu mì chính: những thứ mà bên này không dễ gì có được, nhất là ở bên này không ai ăn mì chính.

Chúng tôi ở khu nhà trọ đó hơn một tháng, giờ nghĩ lại vẫn có nhiều chuyện buồn cười đến chết. Có hôm đi học về, thấy trên đường đầy thứ hạt gì giống như hạt dẻ, mà rất to, hai thằng hớn hở bảo nhau đúng là xứ văn

minh, hạt dẻ rụng đầy đường mà không ai buồn nhặt. Chúng tôi liền nhặt về một túi to, đợi tối ăn cơm xong thì mang ra bếp nướng để “nhâm nhi” trong lúc học đêm, ai dẻ để được một lát thì khói um lên, hệ thống chống cháy tự động rú chuông, phun nước các hành lang, sinh viên chạy ủa ra, nhiều anh chị chỉ mặc quần áo lót, vừa chạy vừa chửi đũa nào nghịch đại. May mà khu ký túc xá chưa có camera nên hai chú “ngổ” Việt Nam không bị phát hiện, và hai chú ngổ cũng quần áo ngủ chạy ra ngoài, vừa chạy vừa chửi thật to thẳng diên nào làm ông phải khổ. Sau này mới biết muốn nhặt hạt dẻ cũng dễ, nhưng phải vào rừng, còn loại cây có hạt giống như thế trồng trong phố thì không ăn được, mà hạt có rất nhiều nước, khi cho lên bếp thì hiển nhiên khói sẽ bốc lên nghi ngút như cháy nhà.

Ở đây, mỗi tầng sẽ có một khu nhà tắm dành cho nam và một khu cho nữ. Tôi không biết bên khu nữ thế nào, còn bên khu nam, để hạn chế các anh tắm quá lâu tốn nước, các công tắc điện đã được lập trình sẵn để mỗi lần bật, đèn sẽ sáng tối đa hai mươi phút, sau đó thì tự động tắt. Nếu ai tắm lâu hơn thì cứ một lúc lại phải quần khăn mò ra bật lại đèn. Nhìn ông bạn thư sinh cẩn thận và sạch sẽ, tôi biết anh chàng này thế nào cũng tắm lâu nên hai thằng cùng vào hai phòng tắm cạnh nhau, tôi tắm xong thì chào đi về trước, nhưng tôi không về, đứng đợi ở gần cái công tắc tổng, một lúc sau đúng là đèn tắt, thấy ông bạn vừa lồm bồm kêu ca, vừa quần khăn mò ra lần tìm công tắc, đợi đến gần thì tôi quát to một tiếng, ông bạn hoảng quá vứt cả khăn chạy ra hành lang, vừa chạy vừa hét làm các cô trong phòng cũng nhao ra, rồi nhìn thấy ông bạn của tôi trong tình trạng ấy thì lại hét lên và lao vào phòng đóng chặt cửa lại. Thế mà người ta bảo là học trò chỉ đứng thứ ba về nghịch phá.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng nhớ quê nhà đến quay quắt, nhớ quận ruột. Một gã trai 23 tuổi như tôi, quậy phá suốt những năm trung học rồi đại học, hoạt động sôi nổi, gặp đủ loại người, va chạm đủ mọi thứ chuyện, đã tưởng mình chai sạn lắm, trưởng thành lắm, khi xa nhà cũng chỉ như đứa trẻ thêm hơi mẹ, giá được khóc gào lên như em bé thì chắc cũng nguôi ngoai được phần nào. Nhưng không khóc, không than thở, bởi vậy nỗi nhớ mới càng quặn quại hơn: Nhớ Hà Nội, nhớ nhà, nhớ gia đình, nhớ

bạn bè và nhất là hình bóng của một người con gái. Nhớ từ những thứ hoành tráng ấn tượng đến những thứ tầm thường nhất. Mỗi đêm, ký ức tôi lại soạn ra đủ những món ăn hoài niệm cho mình nằm gặm nhấm, gặm đến năm giờ sáng, mệt quá cũng ngủ thiếp đi, hôm nay gặm mãi chưa hết, đêm mai lại nằm gặm tiếp.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng mong thư, ngồi đọc thư rồi lại viết thư. Internet hồi đó còn là một thứ xa xỉ, ở Việt Nam không phải ai cũng có, nếu có thì việc dùng cũng hạn chế, nên thư tay vẫn là phương tiện liên lạc thường xuyên nhất. Ngoài những lúc đi học và nấu nướng, ăn uống tắm giặt, còn lại tôi chỉ đọc thư và viết thư. Lần đầu tiên khám phá ra rằng đọc thư thôi cũng có thể đem lại đủ thứ cảm giác: hạnh phúc, vui vẻ, đau đớn, hoài nghi, khao khát... Đọc thư mà có lúc người nóng ran lên, trán toát mồ hôi như phát sốt, có lúc cười tủm tỉm, mắt long lanh, có lúc cúi kinh vo viên lá thư ném vào một góc, rồi lúc sau lại mang ra vuốt vuốt, nâng niu như báu vật. Có lá thư đọc xong giấu kỹ quá, mấy hôm sau tìm không thấy thì phát điên lên, lục tung nhà vẫn không thấy đâu liền ngồi chờ ra cả buổi, đến nỗi cậu bạn chạy đến sờ đầu, lay hỏi, tưởng mình hóa đá rồi. Nói tóm lại, chỉ vì mấy lá thư thôi mà biến mình thành một kẻ như mất trí. Có lá thư đọc đi đọc lại cả chục lần, thuộc cả dấu chấm dấu phẩy, nhớ cả chữ nào bị nhòe vì nước mắt người viết mà vẫn còn đọc lại nữa. Đọc rồi lại ngồi viết, viết rồi gửi đi, rồi hồi hộp mong chờ hồi âm, rồi lại trả lời. Có lúc tôi tự nhủ: “Mình đi cả chục ngàn cây số sang đây để du học hay là để ngồi đọc thư?” Nếu chỉ thế này thì ở nhà cho xong.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng ăn ruốc, vì lúc đi mẹ tôi bảo để mẹ làm thật nhiều ruốc, sang Pháp lúc nào bạn học hay không có thời gian hoặc thèm món Việt Nam thì lấy ra ăn. Sang đây học chưa bận lắm, thời gian vẫn có, cũng chưa thèm món ăn quê nhà nhưng đi chợ nhìn giá quy đổi ra tiền Việt thì không dám mua gì, chưa kiếm được việc làm thêm thì càng không dám tiêu, thành ra tôi chỉ ăn ruốc. Sáng thì ruốc kẹp bánh mì, trưa thì mì tôm nấu ruốc, tối về lại nấu cơm ăn với ruốc cùng trứng tráng. Hồi đó tôi ăn ruốc nhiều đến nỗi cả chục năm sau ngửi thấy mùi ruốc đầu óc vẫn còn quay cuồng không nghĩ được gì. Ăn đến nỗi hồi đó có một đêm,

tôi mơ giấc mơ kỳ lạ, bản thân biến thành một chú chó nhưng không sủa “gâu, gâu” mà luôn gắt lên “ruốc, ruốc”. Chắc tôi nhớ đến việc mỗi khi gặp bạn ở trường chúng nó lại hỏi hôm nay mày ăn gì. Tỉnh dậy, nghĩ đến giấc mơ ấy, tôi lại cười đau bụng, cười đến chảy nước mắt.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng tôi vật lộn với cơn thèm thuốc lá. Thời sinh viên tôi hút nhiều thuốc, nhất là mỗi khi thức đêm học thi hay làm lập trình trên máy tính, có khi tôi hút hơn một bao thuốc chỉ trong một đêm. Trước lúc lên máy bay tôi rít một điếu thuốc cuối cùng với cậu bạn và hô “Quyết tâm, quyết tâm”. Tôi biết rằng thuốc lá ở Pháp đắt hơn ở Việt Nam đến chục lần, mà tôi thì chẳng biết có đủ tiền ăn không nữa. Quyết tâm của tôi càng được củng cố thêm khi đặt chân đến Pháp, thấy giá cả đắt đỏ, ngay cả dân Pháp cũng không mấy ai hút thuốc. Nhưng những cơn thèm thuốc lá thì không chịu hiểu điều đó. Những ngày đầu tiên còn chịu được, có lẽ vì lượng nicotin dự trữ trong cơ thể tôi vẫn còn “đủ xài”. Càng về sau càng thèm, đến ăn cơm tôi cũng không còn thấy ngon. Thèm đến mức có đêm đi về muộn cùng bạn, phố vắng tanh không một bóng người mà tôi cứ bảo nó: “Ở đâu đây có người hút thuốc”, nó bảo tôi hâm, thèm thuốc quá thành ra ảo tưởng. Vậy mà khi đi bộ đến cuối phố, tôi bảo người thấy mùi thuốc lá trên cao, chúng tôi ngẩng lên thì thấy trên gác năm có người đang đứng ngoài ban công hút thuốc thật. Thế mới biết khứu giác của cơn thèm thuốc mạnh đến mức nào. Nhưng nó cũng không mạnh hơn được quyết tâm của tôi lúc ấy.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng thất vọng. Đó là lúc tôi khám phá ra nhiều điều, về một Paris không phải là một thành phố “trong mơ”, nhất là với một sinh viên nghèo ngoại quốc, về nỗi khốn khó tìm nơi ở, tìm việc làm thêm. Nhưng trên tất cả là nỗi thất vọng về bản thân: cứ tưởng mình oai hùng, từng trải, năng động lắm, sang đến xứ người thì ngơ ngác như chú thỏ non, cứ tưởng mình tài giỏi bách nghệ lắm mà hóa ra tiếng Pháp không nói được đã đành, tiếng Anh mười mấy năm đèn sách, lúc nào cũng đứng đầu lớp về điểm số hóa ra cũng chẳng ăn thua gì, trình bày một bài luận trước lớp cũng ấp a ấp úng. Nghe thầy giáo người Anh giảng bài mà tôi cảm thấy bất lực vì không hiểu gì. Ở Việt Nam tôi chỉ giỏi Toán và Văn,

các môn xã hội đều rất kém, sang đây chẳng biết nói chuyện gì với các bạn nước ngoài, không lẽ đổ họ căn bậc hai với đồ thị hàm sin.

Một tháng ấy (và tất cả những tháng sau đó) tôi sống bằng niềm tin và hy vọng. Tôi tin ở cuộc đời, ở chính mình và nghĩ rằng rồi mọi thứ sẽ ổn. Đây là tin như vậy, còn thật ra, tôi chưa biết làm gì để mọi việc có thể ổn được, mọi thứ đều rối mù, mờ mịt xa vời. Có bao giờ bạn mơ đặt chân đến một đất nước xa xôi ở phía bên kia trái đất, đến khi bạn thật sự đặt chân đến đó rồi, thấy nó còn xa vời hơn cả trong những giấc mơ? Đó có lẽ là cảm giác của rất nhiều những sinh viên đi du học giống như tôi.

Một tháng ở ký túc xá là một tháng chúng tôi đi tìm nhà thuê. Việc tìm nhà thuê ở Paris của sinh viên nước ngoài khó khăn thế nào chắc tôi khó lòng kể hết được trong vài trang sách, nhất là khi đó internet còn chưa phát triển. Rồi tôi sẽ còn nói đến chủ đề này ở một chương sau, chỉ biết rằng ngày nào chúng tôi cũng đọc các tin tức rao vặt về nhà cửa trên báo, ngày nào cũng tranh thủ lúc không có giờ học thì ra các trung tâm hỗ trợ sinh viên để xếp hàng xem có nhà nào cho thuê không. Cái khó không chỉ ở chỗ tìm được người muốn cho thuê nhà, mà ở chỗ làm thế nào để cạnh tranh được với những người khác cũng muốn thuê nhà. Chưa cần nói đến những điều kiện về thu nhập, người bảo lãnh... chỉ riêng việc chúng tôi mới chỉ nói bập bẹ được vài câu tiếng Pháp mà đi xem nhà, mặc cả, ký hợp đồng thuê nhà với người Pháp đã là điều không tưởng. Có ông chủ nhà còn bảo chúng tôi rằng: “Tôi cho các anh thuê nhà, nhờ có hỏa hoạn chắc các anh cũng không biết gọi điện cho cứu hỏa, mà có gọi thì biết nói gì?” Kể ra cũng đúng!

Tôi với anh bạn lập một quỹ riêng dành cho việc tìm nhà: quỹ thời gian và quỹ tiền. Mỗi ngày mỗi đứa dành hai giờ để đọc báo và tìm thông tin, mua chung một cái thẻ điện thoại để gọi điện đi khắp nơi tìm nhà cho thuê. Trong quy định về “quỹ thời gian” của chúng tôi có cả phần dành cho việc đi thăm nhà, nhưng cả tháng trời gọi điện, nộp hồ sơ, chúng tôi đều bị trượt ngay từ đầu, không được đi xem nhà lần nào. Tôi hình dung nếu có ai gọi chúng tôi đến xem nhà thì lúc ấy hai đứa tôi sẽ đến, không phải để xem

và ngắm nghía xem có thích hay không mà sẽ đến với tập giấy tờ trên tay và xông vào hỏi ngay “Ký hợp đồng nhé, ký luôn nhé!”

Sau cả tháng trời, khi tiền trong tài khoản của tôi đang cạn dần vì khoản tiền phải trả cho chỗ ở tạm quá lớn, hai cái thẻ điện thoại dành cho những cuộc gọi một chiều đã dùng hết và không còn tia hy vọng nào tìm được nhà cho thuê, chúng tôi lại tìm được. Quả là trời không phụ lòng người.

Chiều tối hôm đó, chúng tôi lang thang trong khuôn viên “Nhà thờ Mỹ”, nơi dành cho cộng đồng người nói tiếng Anh ở Paris. Ở đó có một tấm biển dán quảng cáo, rao vặt bằng tiếng Anh mà chúng tôi thường đến xem có tin gì về nhà cửa không. Hôm đó cũng không có gì mới, toàn những tin cũ tôi gần như đã thuộc lòng rồi, hầu hết các nhà đều đã cho thuê mà chủ của nó không có thời gian đến gỡ tờ quảng cáo. Trong lúc chán nản ấy, bỗng có một quý ông tiến lại hỏi chúng tôi: “Các bạn tìm nhà hả, tôi có nhà cho sinh viên châu Á thuê, đang định dán quảng cáo đây, các bạn muốn đi xem nhà không?”

Tất nhiên chúng tôi đồng ý liền. Ông chủ nhà đưa đến xem nhà bằng ô tô của ông. Thật là hơn cả trong mơ. Đến nơi, một căn hộ nhỏ bé cũ kỹ nằm trong một khu nhà cũ. Căn hộ ngay tầng trệt có vẻ ấm thấp và cách nhiệt kém, bù lại có cái vườn nhỏ xinh xắn phía sau, và nhất là giá cả phù hợp với dự trù của chúng tôi. Tôi đã nói rồi, chúng tôi không cần xem nhà đâu, chúng tôi đến để hỏi “Ký hợp đồng luôn nhé!”

Dần dần chúng tôi biết thêm, ông chủ nhà là một người rất tốt, một cựu chiến binh người Mỹ đã từng tham chiến ở Việt Nam rồi sau này lấy vợ và định cư tại Pháp. Như để trả nợ cho những gì đã làm trong cuộc chiến, khi có nhà cho thuê, ông quyết định ưu tiên giúp đỡ các sinh viên Việt Nam và châu Á. Sau này ông không chỉ như một chủ nhà bình thường mà với chúng tôi, ông giống như một người bạn, một người đỡ đầu giúp chúng tôi rất nhiều việc. Ấu cũng là cái cơ duyên may mắn mà chúng tôi gặp được ở Paris.

Tuy nhiên, căn hộ của ông thì không được “tốt bụng” như chủ nhân của nó. Nó nằm trong một khu nhà nhỏ được xây dựng từ những năm 1930.

Bạn đừng ngạc nhiên, ở Pháp có rất nhiều những khu nhà cũ kỹ như vậy, vì những quy định chặt chẽ để bảo tồn kiến trúc lịch sử và vì chi phí sửa chữa xây dựng rất đắt đỏ mà hầu như người ta chỉ sửa sang lại nội thất các căn hộ hoặc sơn lại bên ngoài tòa nhà, còn về kết cấu vẫn là “nguyên thủy”. Căn hộ của chúng tôi thấp và ẩm, tường lại mỏng nên cách âm, cách nhiệt rất kém. Mùa đông trời lạnh mà chúng tôi tiết kiệm sưởi nên trong phòng nhiệt độ không chênh so với bên ngoài là mấy. Đi ngủ chúng tôi vẫn mặc nguyên quần áo ấm, và cách duy nhất chống lại cái lạnh là đắp thật nhiều chăn. Nhiều sáng tỉnh dậy, một đồng chăn đè trên ngực nặng như đồng gạch, phải chống tay mới ngồi dậy được. Trên các đường ống nước chạy trong nhà, hơi ẩm ngưng tụ rồi lại nhỏ tí tách xuống như thể trong các hang động. Có một phòng chừng tám mét hai thẳng (sau này là ba) bọn tôi vừa làm phòng ngủ và phòng học, một phòng sáu mét làm phòng ăn và nơi tiếp khách, còn cái bếp chưa đầy hai mét vuông. Giường của chúng tôi cũng nhỏ, hai người nằm đã khó khăn rồi, vậy mà sau này chúng tôi còn ngủ ba. Mùa đông thì ẩm, chứ mùa hè thì hết nói. Phòng ngủ chật và bí đến nỗi có hồi tôi đi làm thêm ở nhà hàng, cả ngày quần nem, rán nem, tối về tắm xong, rửa tay xà phòng thêm cả chục lần rồi mới dám đi ngủ mà sáng hôm sau thấy cậu bạn ngủ dậy tu nước ừng ực, hỏi sao lại thế thì nó bảo: “Không hiểu sao cả đêm qua mơ ăn nem, chắc ăn nhiều nước mắm nên khát khô cổ.” Tôi giật mình, để ý thấy trong phòng sức nước mùi nem.

Đấy, “cơ ngơi” của du học sinh thời ấy là thế. Vậy mà tôi thấy vẫn còn dễ chịu hơn những “chuồng chim” bảy mét vuông với bếp và chậu rửa mặt, thậm chí là buồng tắm ngay bên trong của nhiều bạn bè khác.

Và tôi bắt đầu cuộc đời “ở trọ” của tôi, lần này thì không còn là tạm thời nữa.

Vài kinh nghiệm nhỏ cho người đi du học:

Chuyện kiếm chỗ ở lâu dài là một chủ đề nóng hổi với bất kỳ du học sinh nào. Ở nước nào thì việc này cũng đều không đơn giản, trừ khi bạn có tiền, rất nhiều tiền.

Sau này tôi biết rằng, người như ông chủ nhà của tôi không phải là cá biệt. Nghĩa là có rất nhiều người, vì lý do này hay lý do khác, chỉ thích cho

sinh viên thuê nhà. Chỉ ít sinh viên cũng thường là những người có học, và sinh viên nước ngoài nói chung không đòi hỏi yêu sách gì nhiều, không muốn gây phiền toái với chủ nhà của mình, để tập trung cho việc học. Thêm nữa, nếu tìm nhà để thuê là việc khó khăn, mất thời gian thì tìm người thuê nhà mình cũng vậy. Mỗi khi người thuê nhà cũ rời đi, chủ nhà rất ngại phải bắt đầu lại công việc quảng cáo, hẹn cho xem nhà, duyệt hồ sơ... Vì thế cho sinh viên thuê có điểm lợi: một sinh viên khi chuyển đi thường có sẵn những mối quen biết, bạn bè để giới thiệu với chủ nhà người sẽ thay thế mình. Về phần bạn, làm việc với những chủ nhà như thế rất thuận lợi: họ đã quen với việc bạn sẽ không có người bảo lãnh, không có thu nhập và không có nhiều tiền trong tài khoản, họ chỉ cần cảm thấy tin tưởng rằng bạn sẽ trả tiền đầy đủ và không làm hỏng căn hộ của họ là đủ. Cái khó là làm sao gặp được họ?

Bởi thế, ngay khi tới du học ở một thành phố (thậm chí là trước khi lên đường), hãy tìm cách tiếp cận sớm nhất với cộng đồng sinh viên nước mình tại nơi đó. Ngày nay, khi internet phát triển, mọi việc hết sức dễ dàng. Ở Pháp, nhất là ở Paris có nhiều trang web, forum của các bạn sinh viên và cộng đồng người Việt (uevf.org, nnb.org, daugau.com, raovatphap...) mà bạn có thể tìm thấy đủ thứ thông tin, dịch vụ hữu ích, nhất là thông tin nhà cho thuê hoặc tìm người ở chung, chia phòng... Bạn cũng có thể đặt những câu hỏi để được trả lời về những gì mình còn băn khoăn.

Cũng cần nhớ thêm rằng, ở châu Âu nói chung, đi thuê nhà bạn cũng phải qua một cuộc phỏng vấn với chủ nhà. Hãy coi trọng cuộc gặp mặt ấy như thể bạn đi tìm việc: khi bạn không có bảo lãnh hay thu nhập, bạn chỉ có hai điểm mạnh duy nhất: bạn là sinh viên và bạn là người có thể tin được. Hãy chứng minh mình là người có học, có ý thức: đến đúng giờ hẹn, ăn mặc chỉnh tề, đừng ngại nói về kế hoạch học tập và tìm việc của bạn vì nó thể hiện bạn có quyết tâm và biết đâu là mục đích của mình. Hãy chiếm lấy lòng tin của chủ nhà một cách tự nhiên nhất.

Và hãy nhớ: khi bạn thuê được nơi ưng ý, hãy giữ uy tín. Chúng tôi, những khóa đi trước và trước nữa đã luôn cố gắng như thế, để những lớp sinh viên sau này luôn có cơ hội, để khi bạn giới thiệu với ai có nhà cho

thuê rằng: “Tôi có một người bạn, cũng là sinh viên Việt Nam”, người đó sẽ gật đầu và mỉm cười, nhìn bạn đầy tin tưởng. Đó là cả một sự tự hào mang tính dân tộc, là một “uy tín” được gây dựng, gìn giữ qua nhiều thế hệ. Và nó mang lại cho bạn nhiều thuận lợi hơn bạn tưởng: không chỉ khi thuê nhà mà còn khi bạn xin đi làm thêm, xin nhập học, tìm công việc chính thức...

4

Les Invalides: Những Khiếm Khuyết Của Một Thành Phố Phát Triển



Invalides và quảng trường. (Ảnh: Tác giả)

Những buổi chiều hè, lúc mặt trời vàng ngả về phía đường chân trời, tôi hay thích đi dạo ở gần Invalides. Năng mùa hè ở Paris thật đặc biệt, đến chín giờ tối vẫn còn nắng, nắng chiếu ngang tầm mắt và vẫn còn chói chang. Nếu đứng trên một căn phòng ở tầng cao nhìn nắng, bạn sẽ có cảm giác nó chiếu song song với mặt đất, xuyên ngang qua căn phòng của bạn.

Lúc ấy mà chụp ảnh thì tuyệt đẹp. Năng khiến cảnh vật lung linh hơn và các công trình kiến trúc trở nên to đẹp hơn (bởi cái bóng của các tòa nhà kéo dài tưởng như vô tận).

Nhiều người khi nghe tên Hotel des Invalides thì dịch ngay là khách sạn cho người tàn tật, kể ra có một cái khách sạn như thế cũng hơi đặc biệt, nhưng chữ Hotel trong tiếng Pháp nên được hiểu trước tiên là Trụ sở, và bởi thế, tòa nhà này xuất xứ là trụ sở cho các thương bệnh binh. Nơi đây cũng là Bảo tàng Quân đội và bảo tàng các mô hình, sa hình, nơi lưu trữ phần tro cốt của Hoàng đế Napoléons và phần mộ của nhiều nhân vật trong gia tộc Bonaparte cũng như vài vị hoàng đế, vị tướng trong lịch sử nước Pháp...

Quảng trường Invalides rộng lớn với những ô cỏ trải xa hút tầm mắt. Vào những ngày đẹp trời, người dân Paris và khách du lịch có thể ngồi ở đó, thưởng thức chút đồ uống và đồ ăn nhẹ mang theo, chơi đàn và hát, cũng có những nhóm chơi bóng, chơi cầu lông... Khung cảnh đông đúc mà thanh bình.

Tòa nhà Invalides luôn rực sáng nhờ phần mái dát vàng lấp lánh, ngày cũng như đêm. Bao quanh tòa nhà là một khu vườn đẹp với những khẩu pháo thần công cổ đại, với bức tường và những hàng cây được cắt tỉa cầu kỳ chạy vòng quanh. Ngồi ở đó nhìn ra những ô cỏ thanh bình đầy ắp người vui chơi, tôi có cảm giác mình đang ngồi giữa cuốn tiểu thuyết kể về chiến tranh và hòa bình, về quá khứ và hiện tại, về con người và thiên nhiên.

Invalides đẹp như vậy, sao tôi lại đặt tiêu đề cho chương viết này là “những khiếm khuyết của một thành phố phát triển”? Một cách trùng hợp, chữ “Invalides” trong tiếng Pháp có nghĩa là khuyết tật, không toàn vẹn. Tôi dùng từ này chỉ để lạm bàn về một vài “khiếm khuyết” của Paris theo quan điểm rất cá nhân. Les Invalides cũng là nơi mà lần đầu tiên tôi “nếm mùi đau khổ” của sự phát triển, chứng kiến những vấn đề mặt trái của thành phố “trong mơ” ấy.

Những ngày gian khó

Thứ Tư, ngày 2 tháng Sáu năm ấy, gần ba tháng sau khi tôi đặt chân đến Paris. Tám giờ sáng, giờ cao điểm, chúng tôi đang trên tàu điện ngầm

đến trường. Tàu đang chạy trong một đường hầm tối đen đột nhiên dừng lại. Đi thêm một đoạn. Lại dừng. Vào ga, chính là ga Invalides, người ta thông báo gì đó trên loa. Mọi người nhốn nháo, thở dài kéo nhau ra khỏi tàu. Tôi và người bạn loáng thoáng hiểu: Đình công.

Thế là bắt đầu ngày tận thế. Mọi người chen chúc nhau leo lên những cầu thang để có thể ra khỏi các ga tàu điện ngầm. Trên phố đông nghẹt người và xe cộ. Quảng trường Invalides dường như trở nên chật chội. Bình thường, trên phố không mấy khi đông người đi bộ, nhưng một khi hệ thống tàu điện ngầm có vấn đề, ta mới thấy được bộ mặt “dưới lòng đất” của Paris nhao lên đường. Phải biết rằng hệ thống tàu điện ngầm của Paris chuyên chở 4,1 triệu lượt người mỗi ngày, nếu tính toàn hệ thống giao thông công cộng ở Paris và vùng lân cận thì con số ấy lên đến hơn 10 triệu lượt. Hãy hình dung gần ấy lượt người ủa lên mặt đường vốn đã khá đông đúc xe cộ thì bạn sẽ hiểu được khung cảnh trở nên hỗn loạn đến nhường nào.

Tôi và cậu bạn mò mẫm bản đồ, tính toán tìm tuyến đường phải đi bằng xe buýt. Tìm ra được đến bến xe buýt thì đã đông nghẹt người. Tuy ở đây người ta không đến nỗi đánh chửi nhau để giành chỗ lên xe buýt, nhưng khi hàng ngàn người đều muốn lên một chiếc xe buýt thì chuyện chen lấn là không tránh khỏi. Sau gần nửa giờ, hai đứa tôi chui lên được một chiếc xe, bẹp như hai con gián, mồ hôi đầm đìa, chưa kịp thở phào thì nghe thông báo: hệ thống buýt cũng đình công luôn.

Sau này chuyện ấy trở nên quen thuộc với tôi hay bất kỳ ai sống ở Paris. Luật pháp nước này cho phép nhân viên của bất cứ công ty nhà nước hay tư nhân nào được quyền đình công để bày tỏ những bất đồng với giới chủ, hay để đòi quyền lợi. Và luật này được công đoàn của các công ty áp dụng triệt để, đặc biệt trong các ngành mà nhân viên của họ biết rằng việc đình công của họ gây ảnh hưởng nặng nề đến nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt hằng ngày của người dân như bưu điện, giao thông, vệ sinh môi trường hay trường học, nhà trẻ. Thông thường các cuộc đình công không ở mức độ 100%, tức là chỉ có một phần nhân viên đình công, một số khác vẫn phải làm việc để đảm bảo mức vận hành tối thiểu của công ty. Nhưng khi có

những vấn đề mà theo công đoàn của ngành là nghiêm trọng hoặc những tai nạn gây bức xúc, họ đồng loạt đình công.

Ít hôm sau đó tôi biết rằng chiều hôm trước, có một nhân viên thanh tra của RATP, công ty độc quyền về giao thông công cộng ở Paris, trong lúc truy bắt một nhóm thanh niên bán hàng trái phép trước cửa ga đã bị chết vì đau tim. Nguyên nhân được cho là người này đã bị nhóm thanh niên kia đẩy ngã. Và sáng hôm sau, toàn bộ nhân viên của công ty, dưới sự chỉ đạo của công đoàn đã đình công đòi đảm bảo an ninh cho người lao động.

Đó là sự khởi đầu của ba ngày đau khổ. Hầu hết người Paris đã quen cảnh này và có những phương án thay thế cho phương tiện công cộng: họ đi nhờ xe của người thân, đồng nghiệp, họ có xe đạp, xe máy hoặc ô tô, họ xin làm việc ở nhà... Tất nhiên đó chỉ là những giải pháp tình thế, ai cũng đều vất vả, khổn khổ, mất rất nhiều thời gian cho việc đi lại, dù sao thì họ cũng còn lối thoát khả dĩ nào đó. Còn chúng tôi, những sinh viên nước ngoài vừa đến Paris chỉ có phương tiện duy nhất là đôi chân của mình. Nhà cách trường chín cây số, bốn giờ đi bộ mỗi ngày. Thức dậy từ năm giờ sáng để đi học, chín giờ tối mới về đến nhà. Ngày đầu tiên đi chúng tôi vẫn còn phấn khích lắm, vừa đi vừa cười đùa, hát vang phố. Đến ngày thứ ba thì thẳng nào thẳng nấy cầm đầu mà đi, vừa đói vừa mệt, chẳng ai nói với ai câu nào, về đến nhà là ngã lăn ra giường, ai vào giường chạm thì hết chỗ, đành nằm vật xuống đất. Chân sưng phồng lên. Giày da Việt Nam sang đây gặp thời tiết khô thì cứng như đá, ngày nào cũng đi bộ hai chục cây số trên đôi giày ấy còn hơn cả đi hành quân.

Tôi không hiểu tại sao ở một xã hội phát triển đến thế, cái chết của một người, dù với lý do gì đi nữa, lại có thể gây ra sự khổ cực, phiền toái cho hàng triệu người như vậy. Đồng ý rằng dân chủ là tốt, rằng việc người lao động đứng ra bảo vệ cho quyền lợi của mình là biểu hiện của sự tiến bộ, nhưng có phải họ đang lợi dụng tính độc quyền trong ngành của mình để đòi hỏi, để làm mình làm mẩy. Trong những ngành nghề khác cũng có khi xảy ra tai nạn đáng tiếc, nhưng không có ngành nào đình công nhiều như lĩnh vực giao thông công cộng ở Pháp, họ đình công vì bất cứ nguyên nhân gì: đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi cải thiện các điều kiện phúc lợi mặc

dù nhân viên trong ngành này đã có vô số những quyền lợi, những đặc quyền hơn hẳn các ngành khác. Tôi còn nghĩ rằng trong mấy ngày ấy, có thể số vụ tai nạn giao thông đã tăng lên hàng chục lần so với bình thường, đã có nhiều ca đột quỵ hay đau tim vì việc đi lại quá vất vả, các công ty thua thiệt hàng trăm triệu euro vì không có nhân viên, vì đường xá ách tắc, vì các chuyến công tác bị hủy...

Ba ngày sau, cuộc đình công bị dừng lại cũng đột ngột như khi nó diễn ra: lý do là đã có rất nhiều người làm chứng rằng, cái chết của nhân viên thanh tra kia hoàn toàn là do một cơn đau tim tự nhiên (người này đã có bệnh tim từ trước), không có ai xô đẩy hay đụng chạm gì đến ông ấy. Và công đoàn ngành giao thông không có lý do gì để tiếp tục cuộc đình công. Tất cả chỉ có thể, chừng ấy khổ sở, vất vả, hỗn loạn cho một câu chuyện được thêu dệt và thổi phồng. Với riêng tôi, đó cũng là mặt trái, là khiếm khuyết của sự phát triển.

Nhưng cũng chính trong những ngày ấy, tôi thấy được phẩm chất của những người Pháp. Trong cảnh hỗn loạn, đông đúc, người Pháp vẫn nhẫn nại chịu đựng. Không phải cam chịu mà là cảm thông và biết chia sẻ. Nếu bạn hỏi ý kiến bất kỳ ai trong những ngày giao thông công cộng tê liệt như thế, phần lớn sẽ trả lời rằng họ có thể cảm thông được với những người đình công và “phải có lý do họ mới làm thế”. Tất nhiên, trong những câu trả lời ấy có không ít người không thật lòng nghĩ như vậy (người Paris vẫn được biết đến như là những “hypocrite [\[1\]](#)”), nhưng cũng để thấy một phẩm chất khác: họ không than vãn, kể khổ, cũng không mượn tình hình để kêu gào về những khó khăn của bản thân.

Cũng chính từ đó, tôi lại rút ra một phương châm khác cho cuộc sống của riêng mình: sống tích cực. Trong bất kỳ câu chuyện, hoàn cảnh nào cũng đều có những mặt khiếm khuyết hay tiêu cực, lại có những điểm tích cực có thể rút ra. Nếu ta cứ chăm chăm phê phán và soi mói chuyện của người khác, hay than vãn kêu ca về chuyện của bản thân, ta sẽ thấy đời sao mà bạc, người sao mà tệ. Còn cũng giống như câu chuyện “Tái ông thất mã”, nếu ta lấy mỗi câu chuyện, mỗi kinh nghiệm dù là tệ bạc để phân tích

và nhìn vào những điều tích cực cũng như rút ra một bài học cho mình, ta sẽ thấy cuộc sống đẹp hơn và con người cũng đẹp hơn.

Paris, như tôi đã nói, còn nhiều “khiếm khuyết” khác, và điều khiến du khách hay phàn nàn là người Paris không niềm nở, thậm chí lạnh lùng. Đường phố Paris không phải nơi nào cũng văn minh sạch đẹp, không phải nơi nào cũng an toàn tuyệt đối. Từ 20 năm trở lại đây đường phố Paris bẩn hơn, nhộn nhạo hơn. Không phải vì người Pháp, người Paris không còn sạch sẽ, không còn tiếp tục những cử chỉ đẹp của mình, mà vì càng ngày họ càng trở nên thiếu số so với những người ở nơi khác đến, những người nhập cư và khách du lịch. Khi đến Paris, nếu bạn muốn chê trách thái độ của một “người Paris”, liệu bạn có chắc rằng người đó không phải cũng giống như bạn, từ nơi khác đến, và hẳn rằng người đó có thể cũng đang nhìn vào bạn để đánh giá về “người Paris”. Ở những điểm du lịch mà du khách thường phàn nàn về vệ sinh, họ có nghĩ rằng hầu hết rác thải là từ những du khách như họ. Ở Paris, ở Hà Nội hay bất kỳ nơi nào khác trên thế giới, nếu bạn sống ở đó hay chỉ đơn giản là có mặt ở đó vào một thời điểm, hãy đừng vội phán xét, hãy nghĩ trước tiên về thái độ và tính văn minh của bản thân, về những gì bạn có thể đóng góp được cho nơi đó.

Có những công trình khoa học đã chỉ ra rằng, ở giữa cộng đồng, có những hành vi mang tính lan truyền. Ngáp là một ví dụ: trong một căn phòng, khi một người bắt đầu ngáp thì ít lâu sau sẽ có người khác, rồi thêm người khác nữa. Họ cũng vậy, khi nghe ai đó ho, ta cũng thấy mình ngứa cổ. Các chứng minh khoa học hình như mới chỉ dừng ở đấy. Nhưng tôi tin rằng, trong cộng đồng người ở bất kỳ đâu, rất nhiều, rất nhiều hay có thể nói là mọi hành vi, cử chỉ đều có tính lan truyền. Cười là một ví dụ, vui vẻ là một ví dụ, vứt rác cũng có tính lây lan, chửi thề, chê bai cũng thế. Cái xấu cái tốt đều có thể lan truyền, mà chẳng hiểu sao, cái xấu dễ lan hơn, có lẽ vì bao giờ làm việc xấu cũng dễ dàng hơn. Tốt ở trong gia đình đã là tốt, tốt ngoài xã hội còn tốt hơn. Việc gì tốt ta làm được, đừng nghĩ nó chỉ dừng lại ở ta, hãy tiếp tục làm, làm nhiều hơn, nó sẽ lan ra, nhân lên. Những

khiếm khuyết và phẩm chất của một thành phố, một đất nước nơi bạn sinh ra hay đang ở phụ thuộc cuối cùng vào chính mỗi chúng ta.

5

Nhà Thờ Đức Bà Paris: Có Nên Tin Vào Số Phận?



Nhà thờ Đức Bà Paris toàn cảnh. (Ảnh: Tác giả)

Đã bao giờ bạn để ý đến tiếng chuông chiều của Nhà thờ lớn Hà Nội, của một ngôi chùa cổ kính ở một làng nhỏ, hay ở bất cứ đình chùa, nhà thờ nào trên khắp thế giới? Bạn có lắng nghe và đón nó vào lòng như một tiếng nguyện cầu cho sự thanh bình và thanh thản? Thanh bình ở cảnh vật, cuộc sống và thanh thản trong lòng. Tôi thì luôn cảm nhận như thế. Cứ mỗi khi

lòng mình nhận nhạo những lo lắng, tức tưởi những giận hờn, trĩu nặng những áp lực, cứ sau những ngày tháng kiệt quệ chạy vạy, những đêm căng thẳng tính toán hay vật vã khó ngủ, bao giờ tôi cũng tìm đến, trong vô thức, một góc sân chùa hay đứng trước nhà thờ, đứng rất lâu, chỉ để nghe vọng ra một tiếng chuông, nghe thì thầm trong lòng một lời cầu nguyện là thấy lòng mình thanh thản lại, thấy cuộc sống này thanh bình, đáng yêu biết bao. Những lúc ấy tôi như được nạp đầy sinh lực để trở lại trong cuộc chiến đấu sinh tồn không bao giờ dừng lại của loài người.

Nước nào cũng vậy, đạo nào cũng thế, những giá trị cuối cùng mà loài người hướng tới, mọi người kỳ vọng cuối cùng lại là những thứ đơn giản nhất: yên bình và an lành, không có biên giới, không có sự khác biệt nào. Sao cứ nháo nhác lên mà đấu đá, tranh giành, chém giết, hờn ghen đổ kỵ. Chỉ nói yêu thương nhau thôi có được không? Chỉ ôm nhau thôi có được không?

Tôi đã nghĩ như thế khi đến trước Nhà thờ Đức Bà (Notre Dame de Paris) ở Paris, bởi dù to lớn, tinh xảo hơn rất nhiều lần nhà thờ ở Hà Nội, khác biệt hoàn toàn so với khung cảnh những đình chùa ở Việt Nam, nhưng cảm giác khi đứng trước nó, nghe tiếng chuông chiều vẫn thế, vẫn vọng lên tiếng nguyện cầu bình an muôn thuở. Tôi vẫn còn nguyên niềm khao khát như mọi khi: đứng giữa sân hay quảng trường rộng lớn, dang rộng vòng tay để sẵn sàng ôm lấy bất cứ người nào ngang qua. Không, tôi không dang tay, tôi chưa đủ dũng cảm và tự nhiên, tôi chỉ dang rộng tấm lòng mình, sẵn sàng chào hỏi, vui cười, trò chuyện và giúp đỡ bất kỳ ai.

Nhắc đến Paris, không thể không nhắc đến Nhà thờ Đức Bà. Bởi nó là một trong những biểu tượng của Paris, là điểm du lịch thu hút nhiều khách tham quan nhất của nước Pháp (và cả thế giới).

Nhà thờ Đức Bà không phải là nhà thờ đặc sắc nhất, không to nhất hay cao nhất nước Pháp nhưng lại quá nổi tiếng vì kiến trúc đẹp, vì những bức tượng phong phú trên khắp các mặt của nhà thờ, vì sự pha trộn của các trường phái kiến trúc (do quá trình xây dựng nhà thờ kéo dài gần hai thế kỷ). Nhà thờ Đức Bà càng nổi bật hơn vì phong cảnh thơ mộng xung

quanh, nơi dòng sông Seine tách ra thành hai nhánh, rồi lại hợp lại ngay để vùng đất quanh nhà thờ biến thành một hòn đảo nhỏ xinh đẹp.

Nhà thờ cổ kính ấy cũng nổi tiếng vì gắn liền với tác phẩm văn học cùng tên của Victor Hugo, câu chuyện lãng mạn mà đau thương của chàng gù Quasimodo với nàng Esmeralda xinh đẹp. Câu chuyện đã đi vào lịch sử văn học thế giới và là cảm hứng cho những bộ phim, ca khúc, những vở nhạc kịch..., đã từng làm rung động trái tim và lấy đi nước mắt của bao thế hệ người đọc.

Có một điều không phải ai cũng biết, có vẻ không liên quan gì đến nhà thờ nhưng lại là một trong những lý do khiến cho nhiều khách du lịch muốn đến thăm Nhà thờ Đức Bà. Đó chính là “Mốc số 0”, điểm khởi đầu của tất cả các con đường của nước Pháp nối liền với thủ đô. Ngay trước mặt Nhà thờ Đức Bà, trên khuôn viên của giáo đường, cách cổng chính chừng 50 mét là một tấm bảng đồng nhỏ khiêm tốn được gắn trên mặt đất với dòng chữ “Điểm số 0 của các con đường nước Pháp”.

Chỉ đơn giản là điểm mốc để tính khoảng cách từ Paris đến các thành phố khác và để đặt cột cây số trên các con đường bắt đầu từ Paris tỏa ra toàn nước Pháp. Có điều gì hấp dẫn kéo khách du lịch đến đây? Chắc chắn không phải họ kéo nhau tới để chiêm ngưỡng một tấm bảng đồng nhỏ gắn trên mặt đất. Có lẽ chính là do một tin đồn, một lời nguyện nào đó không được kiểm chứng cho rằng: ai đã từng đến đây, nếu đặt lên bảng đồng này một đồng tiền (hoặc không cần) rồi đặt một chân (hay cả hai chân) lên điểm này, người đó sẽ có cơ hội để trở lại nước Pháp, trở lại Paris ít nhất là một lần, bất kể điều kiện địa lý, kinh tế hay sức khỏe của người đó ra sao. Mười khách du lịch đến Paris thì có đến chín người rười rượi mong một lần trở lại, và “Mốc số 0” lại liên sát với một công trình nghệ thuật quá nổi tiếng, thế nên bất kỳ ai biết điều này cũng đều cố gắng đến, cố gắng đặt chân lên đây, đến nỗi tấm bảng đồng ngày càng mòn vẹt đi.

Có nên tin vào hai chữ “số phận”?

Tôi không biết độ chính xác và sức mạnh của lời nguyện kia đến mức nào. Không biết trong số hàng trăm triệu người đặt chân lên tấm bảng đồng ấy, có bao nhiêu người đã có dịp trở lại Paris, đặc biệt là những người có

thể trở lại bất chấp hoàn cảnh của mình. Tôi cũng không biết những người đã, đang và sẽ đặt chân lên đó, trong thâm tâm họ muốn làm điều ấy giống như là một phần tất yếu trong “số phận” của họ, hay muốn thay đổi chính số phận ấy? Nhưng tôi muốn mượn câu chuyện “Mốc số 0” để nói về quan điểm của tôi về thứ mà mọi người gọi là “duyên phận” và nhất là “duyên phận” của tôi với nước Pháp và Paris.

Tôi vốn là người không tin vào số phận. Tôi sống ngang tàng và tự tin. Tôi tự tin vào niềm tin và khả năng của mình, vào người thân và bạn bè. Tôi chưa bao giờ mê tín, không muốn nghĩ rằng mình sinh ra đã có một số phận nào đó được đặt ra từ trước, rằng mình có cố gắng thế nào, có tự thay đổi ra sao cũng không thể đi ra khỏi được con đường “số phận” đã vẽ ra ấy. Mặc dù càng sống, càng từng trải, càng chứng kiến hay biết đến những câu chuyện mà nhiều khi khoa học cũng không giải thích được, ta càng tự hỏi mình “có số phận thật hay không?” Tôi vẫn không muốn tin vào hai chữ số phận. Hay nói đúng hơn, với tôi, nếu đúng như mỗi người thực sự có một “số phận” nào đó được đặt trước, hãy đừng nghĩ đến, đừng tin vào điều đó một cách mù quáng mà biến nó thành cái đích hay động lực cho cuộc sống của mình ngày càng tốt hơn.

Nghĩa là nếu như thầy bói phán rằng “số phận” của ta là cái gì đó tích cực: ta sẽ giàu có, sẽ an nhàn... thì đừng ngồi đó khoanh tay chờ đợi cái giàu tự đến, ngược lại, ngay trong thời điểm cùng cực của nghèo khó vất vả, hãy có niềm tin vào cái đích “số phận” ấy, lấy nó để động viên mình, để mà gượng dậy, mà xoay xở để nó thực sự trở thành hiện thực. Còn nếu bị phán là số nghèo khổ, vất vả, đừng ngồi than trời và từ bỏ những ước mơ, hãy lấy “số phận” của mình làm động lực để lao động, hãy đầu tư làm giàu để nếu như ta không thành công cũng không có gì phải hối tiếc. Còn nếu thành công, ta càng tự hào đã vượt qua được số phận của chính mình. Đó là cách suy nghĩ của tôi.

Ngay từ khi đặt chân đến Paris và nghe câu chuyện về “lời nguyện Mốc số 0” trước Nhà thờ Đức Bà, tôi đã không để ý đến và không bao giờ có ý định đặt chân lên tấm bảng đồng ấy. Có thể khởi điểm ban đầu vì tôi không có ý định ở lại Paris mà nghĩ mình sẽ quay về sau hai năm học cao

học. Có thể vì Paris đối với tôi không có gì hấp dẫn đến mức phải tìm cách ở lại, hay quay lại bằng mọi giá. Cũng có thể vì bản tính thích thách thức số phận của tôi hay vì suy nghĩ “nếu như ta có ‘số’ ở lại Paris, ta sẽ ở mà chẳng cần đặt chân lên đó”. Và thực tế là ngày hôm nay, sau 16 năm sống ở Pháp, tôi vẫn chưa bao giờ đặt chân mình lên đó dù đã hàng trăm lần đứng đó ngắm nhà thờ hay rất nhiều lần dẫn bạn bè, người thân đến giới thiệu và kể về câu chuyện “Mốc số 0” để họ, nếu thích, có thể đặt chân lên tấm bảng huyền bí kia.

Người ta có số phận, có duyên tiền kiếp không? Điều đó tùy vào suy nghĩ của bạn. Bây giờ tôi sẽ kể vì sao và làm thế nào tôi lại đến Paris và ở lại nơi đây, rồi bạn sẽ phán xét giúp tôi rằng tôi có duyên phận với thành phố này hay không.

Từ khi tôi còn rất bé, mẹ tôi đã bảo: “Thầy bói phán cả hai đứa nhà này (tôi và chị gái) đều có số xuất ngoại, thậm chí định cư ở nước ngoài”. Chúng tôi chỉ cười. Gia đình tôi kinh tế luôn chỉ ở diện trung bình kém, vất vả mới đủ ăn. Nghĩ gì đi Tây.

Từ một kỳ thi đại học thất bại... và sự tìm lại chính mình

Kỳ thi đại học của tôi có thể nói là không thành công. Có nhiều lý do. Lý do thứ nhất là ba năm học cấp ba của tôi đã thực sự trở thành “thảm họa” với gia đình: từ một học sinh tốt nghiệp với điểm số cao nhất trường cấp hai và thi vào cấp ba với thành tích xuất sắc, sau ba năm trung học “nổi loạn” với đủ thứ nhức nhối “mới mẻ”: yêu đương, uống rượu, hút thuốc, tụ tập với những “thành phần” phức tạp, tôi trở thành một học sinh cá biệt, thậm chí được đánh giá là không đủ khả năng thi đỗ kỳ thi tốt nghiệp cấp ba, chứ đừng nói là thi đại học, mặc dù tôi vẫn tin vào khả năng của mình và bạn bè, người thân đều đánh giá tôi là người thông minh nhanh nhẹn. Lý do thứ hai là tôi ôm đồm quá nhiều thứ. Từ nhỏ tôi đã chứng tỏ được khả năng của mình trong nhiều lĩnh vực: khoa học tự nhiên, văn thơ, thể thao, ca hát, hội họa. Có thể nói tôi là một “tài năng” nửa vời trong đủ loại “cầm kỳ thi họa”. Từ cấp một đến cấp hai, trước mỗi kỳ thi học sinh giỏi quận, thành phố, các giáo viên bộ môn luôn phải đấu tranh để giành lấy tôi làm đại diện cho bộ môn của mình: nào tiếng Anh, nào Văn, nào Toán, hay cả

Vật lý, và môn nào đi thi tôi cũng từng đạt giải cấp Quận, cấp thành phố. Ba mẹ tôi là kiến trúc sư, từ nhỏ tôi cũng bộc lộ năng khiếu hội họa nên ba mẹ muốn tôi nối nghiệp, còn tôi ngoài mơ ước trở thành kiến trúc sư lại thích làm phóng viên, nhà văn. Vì thế khi thi đại học, trong khi các bạn bè tôi chỉ tập trung cho một khối duy nhất, tôi luyện thi cho ba khối, hay đúng hơn là hai khối cộng thêm môn vẽ: tự nhiên, xã hội và cả kiến trúc nữa. Gọi là luyện thi cho oai, kỳ thực tôi không mấy khi đến lớp, tối ngày trốn học và say xỉn.

Cuối cùng tôi cũng đỗ đại học, đỗ ba trường hẳn hoi nhưng mục đích chính thì đều trượt: tôi không đỗ Kiến trúc mà đỗ Mỹ thuật Công nghiệp, không đủ điểm vào Khoa Báo chí trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội mà chỉ đủ điểm vào một số khoa khác trong trường, và Đại học dân lập Thăng Long (tôi đi thi vì nghe bạn của chị nói là rất tốt, còn thời đó, vào đại học dân lập giống như sự thừa nhận một kỳ thi đại học thất bại).

Tôi đã cấp bị cói đi học Đại học Mỹ thuật Công nghiệp được một tuần, nhưng đó cũng là thời điểm tôi đột nhiên nhận ra nỗi thất vọng về bản thân sau ba năm trung học. Có lẽ khoảnh khắc đứng trước tấm bảng đăng kết quả tốt nghiệp cấp ba hay kết quả thi Đại học Kiến trúc đã giống như những cái tát trời giáng vào mặt tôi: chưa bao giờ tôi thấy nhục nhã và hổ thẹn đến thế, tôi sẽ nhớ mãi những giọt nước mắt mà tôi không thể khóc ra được khi xung quanh mình bạn bè ôm nhau hồ hởi hay hét lên vì sung sướng. Bởi vậy khi bước chân vào Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, tôi thấy rùng mình: xung quanh tôi nhan nhản những mái tóc kỳ quái, những cái đầu đeo tai nghe nhạc rock giật giật, những cái quần bò rách và bị cói. Đã từng đi học vẽ cùng nhau nhiều nên tôi biết: bọn họ không hư nhưng thích sống khác người (tôi đã từng như thế), đầu óc lãng mạn và “nổi loạn” (cũng từng luôn). Còn tôi bỗng muốn mình dừng lại, muốn tách ra khỏi môi trường ấy một thời gian, để sống bình thường và giản dị hơn. Vậy là tôi dừng lại. Tôi quyết tâm học Dân lập Thăng Long mặc dù chẳng có nhiều thông tin về ngôi trường này.

Bởi thế khi vào trường, tôi không hề biết rằng trường áp dụng giáo trình và cách dạy học của hệ thống trường tư thục của Pháp, rằng rất nhiều

bạn bè tôi vào trường với ước mong một ngày sẽ giành được một suất học bổng đi Pháp. Tôi chỉ bị cuốn hút trước phương thức đào tạo hết sức nghiêm túc với giáo trình rất nặng, nhưng đặc biệt phát triển kỹ năng sống và tạo điều kiện cho hoạt động ngoại khóa của sinh viên. Như cá gặp nước, tôi trở về với những khả năng của mình: vừa luôn đạt kết quả học tập xuất sắc, vừa trực tiếp gây dựng và tham gia các hoạt động ngoại khóa: bóng đá, bóng bàn, âm nhạc, thi SV96... Nhưng mỗi năm một lần, trường tổ chức buổi họp mặt, phổ biến thông tin về chương trình đào tạo kết hợp với trường ở Pháp thì tôi dừng dừng, chưa một lần tham dự. Tôi có một tình yêu đặc biệt với Hà Nội và chưa bao giờ muốn rời xa nó. Và lại, sau tất cả những gì đã gây ra cho ba mẹ trong ba năm trung học, tôi muốn bù đắp cho họ, không muốn xa ba mẹ tôi.

Hai năm học cuối cùng là lúc tôi bắt đầu đi làm cho một công ty nước ngoài rồi loay hoay một dự án mở công ty riêng, cộng thêm những hoạt động ngoại khóa quá tải, điểm học của tôi bắt đầu chững lại. Khi tôi kịp nhận ra thì có vẻ như đã hơi muộn: Tôi cần bảo vệ luận văn với điểm số tuyệt đối mới có thể nâng điểm tổng kết cho đủ tấm bằng loại giỏi, mà điều ấy hoàn toàn không dễ. Bởi ở trường tôi, không giống như các trường công lập, điểm bảo vệ luận văn không phải là một món quà mà nhà trường ban cho sinh viên như một kỷ niệm đẹp trước khi ra trường. Hội đồng chấm điểm luận văn tốt nghiệp của trường Thăng Long cũng khắt khe như bất cứ một kỳ thi nào trước đó và ở trường tôi, người ta không thích cho điểm tối đa. Bởi thế tôi có phần buông xuôi. Những sinh viên chưa ra trường thì lo có tấm bằng đẹp để đi xin việc, còn tôi từ năm thứ hai đã đi làm cho công ty nước ngoài, giữa năm thứ tư đã mở công ty riêng nên tôi không quan tâm lắm đến tấm bằng này. Tôi luôn đánh giá cao khả năng của mình hơn là những tấm bằng tôi có. Bạn bè trong lớp tôi cũng muốn có bằng giỏi để được vào diện lựa chọn cho cuộc thi giành học bổng xuất sắc đi Pháp (chỉ có hai suất cho cả khóa), nhưng khi ấy tôi càng không quan tâm: gia đình tôi nếu trước đó đã không giàu có thì thời điểm đó càng không có lấy một đồng. Mẹ tôi cho một người anh họ của tôi vay toàn bộ số tiền trước đó ba mẹ dành dụm được, nhưng không may người này đầu tư làm ăn rồi phá sản.

Khi nghe tin ấy, những chủ nợ khác, thậm chí là người trong nhà đều chạy lại giành nhau thu lấy đồ đạc giá trị trong nhà anh ta, còn mẹ tôi mỗi lần chạy tới lại cho con anh ấy tiền ăn, học, thậm chí thấy gia đình anh bị đòi tiền ráo riết quá thì lấy thêm tiền của mình ra mà trả nợ giùm, và gia đình tôi cũng khánh kiệt. Khi ấy tôi chỉ có duy nhất một suy nghĩ là tập trung kiếm tiền thật nhanh để giúp đỡ gia đình. Tôi đã định bỏ mặc luận văn tốt nghiệp. Nhưng một người con gái đã làm tôi thay đổi suy nghĩ ấy.

Một luận văn tốt nghiệp đầy gian khó...và suốt học bổng không mong đợi

Trong khi bạn bè cùng lớp đã tìm được giáo viên hướng dẫn và bắt tay vào viết luận văn được hơn hai tháng, chỉ còn ba tuần nữa là đến kỳ bảo vệ, tôi vẫn chỉ chạy ngược xuôi cho ngày ra mắt công ty riêng. Chỉ khi tình cờ nói chuyện với cô bạn thân, cô ấy mới giận dữ bảo tôi sao chỉ còn một kỳ luận văn cuối cùng mà buông xuôi kết quả học tập xuất sắc của bốn năm đại học. Không phải cơn giận dữ ấy, mà chính ánh mắt thất vọng của bạn khi tôi bảo “mặc kệ” lại làm tôi suy nghĩ. Tôi đã từng làm thất vọng những người thân của mình một lần và tự hứa sẽ không để điều đó lặp lại.

Vậy là tôi đi tìm một giáo viên hướng dẫn luận văn (điều bắt buộc nếu tôi muốn bảo vệ khóa luận). Tôi không có nhiều lựa chọn, ai cũng lắc đầu. Chỉ có một cô giáo nhận lời nói chuyện với tôi, nhưng câu trả lời của cô khiến tôi lâm vào bế tắc: Cô giáo biết khả năng của tôi nhưng nói rằng đã quá muộn. Thời gian còn lại không đủ. Cả buổi tối, tôi ngồi thuyết phục cô nhưng cô cũng không chịu, nhất là khi cô biết tôi còn chưa viết được dòng nào, thậm chí cả đề tài cũng còn chưa có. Tôi trở về nhà, ngồi trước máy tính và suy nghĩ, rồi tôi viết, viết điên cuồng, thậm chí tay vừa gõ bàn phím, mồm nhai miếng mì tôm khô, mắt vừa đọc tài liệu để lấy thêm ý tưởng. Và trong một đêm trắng tôi viết 50 trang giấy. Tám giờ sáng hôm sau tôi bấm chuông nhà cô với đôi mắt thâm quầng và tập bản thảo vừa in vội trên tay. Cô ngạc nhiên, ban đầu nghĩ tôi sao chép trên mạng, nhưng sau một hồi đọc những gì tôi viết, cô bảo “Cậu là một thằng điên, hoặc là một thiên tài hay cái gì gần như thế. Tôi nhận làm giáo viên hướng dẫn của cậu.

Tôi nghĩ có thể tự hào vì cậu, cũng có thể mọi người sẽ bảo tôi điên. Điều đó tùy vào sự cố gắng của cậu.”

Tất nhiên là tôi không để cô phải thất vọng. Điểm luận văn và bảo vệ của tôi không tuyệt đối, nhưng đạt điểm 9,8/10 với lời khen ngợi đặc biệt của hội đồng có tiếng là khắt khe, vừa đủ để tôi đạt tấm bằng tốt nghiệp loại giỏi.

Sau kỳ bảo vệ ấy, tôi lại lao vào công việc của công ty riêng mới mở. Khi nghe nói có buổi phổ biến về việc lựa chọn sinh viên cho kỳ thi chọn hai suất học bổng đi Pháp, tôi cười khẩy và bỏ qua. Hai hôm sau tôi nhận thông báo được chọn vào một trong bốn sinh viên dự kỳ thi cuối cùng này. Tôi cũng cười khẩy. Trong số bốn người có tôi và hai người bạn thân của tôi. Người đầu tiên giống như tôi, gia cảnh khó khăn và cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện đi Pháp, ngay sau khi biết tin, đã tuyên bố bỏ thi. Người thứ hai, có thể gọi là “anh em kết nghĩa” với tôi cũng được: thân thiết từ hồi cấp ba, luôn sát cánh và cũng là “đối thủ” đáng gờm của tôi trong mọi lĩnh vực: học hành, hoạt động ngoại khóa. Bạn tôi lúc nào cũng nung nấu ý định sang Pháp du học, ngay từ những năm đầu tiên vào trường. Tôi, bởi thế cũng muốn tuyên bố bỏ thi vì nghĩ rằng làm như vậy, cậu bạn thân sẽ nghiêm nhiên được đi, trong khi gia đình tôi không có điều kiện, dù chỉ là bỏ tiền ra mua vé máy bay.

Lại là người con gái ấy và mẹ tôi làm tôi đổi ý. Cả hai đều thuyết phục tôi rằng, chuyện có khả năng đi hay không thì chưa biết, nhưng bỏ thi lúc này là hèn nhát, là tôi hồ nghi về khả năng của mình. Sẽ không ai nghĩ tôi bỏ thi vì muốn bạn tôi không phải chịu áp lực mà chính vì tôi sợ. Cứ thi đi rồi nếu được, nhường lại suất của mình mới là đàn ông quân tử.

Tôi thì chưa bao giờ hoài nghi về khả năng của mình, cũng chưa bao giờ muốn mọi người nghĩ mình là một kẻ hèn.

Tôi đồng ý đăng ký dự thi. Nhưng không chuẩn bị gì cả. Đêm trước hôm thi tôi đi nhậu với lớp cấp hai cũ, ai cũng bảo uống ít thôi để mai còn thi, tôi chỉ cười. Uống say đến nỗi về đến nhà phải bò lên cầu thang.

Tôi ra khỏi phòng thi mà lòng không vương bận. Cũng có thể tâm lý thoải mái “không có gì để mất” đã khiến tôi làm tốt và phỏng vấn rất trôi

chảy. Hai hôm sau trường gọi chúng tôi đến, người phụ trách sinh viên thông báo kết quả cuộc thi và đưa cho tôi một tờ giấy: giấy gọi nhập học với học bổng toàn phần của hiệu trưởng trường ở Pháp, người đã về Việt Nam phỏng vấn và thi tuyển chúng tôi. Còn người bạn tôi, buồn thay, không được chọn. Người cũng trúng tuyển cùng với tôi lại là người tuy học cùng lớp nhưng dường như ở một thế giới khác, không mấy khi giao tiếp, chơi bời với chúng tôi. Cuộc đời luôn trở trêu như thế.

Tôi nhìn ánh mắt thất vọng của cậu bạn thân, tôi với nó đã từng có những cuộc “đối đầu” thầm lặng như thế trong các kỳ thi, nhiều lần tôi thắng, nhiều lần nó thắng, và cả hai luôn lấy đó làm động lực cho các kỳ thi tiếp theo, nhưng kỳ thi lần này chỉ có một. Tôi bảo nó đừng vội buồn, rồi tôi chạy ra gọi điện về cho mẹ và chị gái: hai người đang ở nhà đợi nghe kết quả kỳ thi của tôi. Tôi nói với mẹ: “Con được chọn rồi, nhưng con sẽ không đi đâu. Con không muốn ba mẹ thêm khó khăn vào lúc này”. Mẹ nói giọng nghèn nghẹn “Mẹ hiểu con, nhưng mẹ muốn con nghĩ lại năm phút. Nếu con muốn đi, ba mẹ bằng mọi cách sẽ lo được. Đây là ước mơ của cả ngàn người, không thể quyết định mà không suy nghĩ như thế”. Tôi buông máy, ngồi im năm phút suy nghĩ, rồi gọi lại “Con nghĩ rồi, con sẽ không đi. Mẹ sẽ thấy không cần đi học nước ngoài con mẹ cũng sẽ thành công. Con sẽ nhường lại suất đi này”. Tôi cúp máy nhưng còn kịp nghe tiếng khóc nghẹn của mẹ và chị tôi, tiếng khóc của tất cả những yêu thương, cảm phục, hãnh diện, tự hào, xen lẫn nỗi xót xa, đau đớn, tiếc nuối. Tất cả ngàn ấy thứ và hơn thế nữa, tiếng khóc mà cả đời tôi không thể nào quên.

Tôi quay sang cậu bạn: Mày nghe tao nói rồi nhé, tao không đi, không có gì hối tiếc cả.

Nhưng mọi sự không đơn giản như thế. Ban giám hiệu sôi sục lên khi nghe tuyên bố của tôi. Họ nghĩ tôi đang đùa. Thầy hiệu trưởng mắng tôi té tát, nói rằng cả nghìn sinh viên trường này mong được như tôi. Rằng tôi không coi trọng vận may của mình và không coi trọng cả kỳ thi tuyển, nếu không muốn đi lẽ ra không nên đi thi. (Vâng, nhưng ai chịu hiểu cho những khó xử trong lòng tôi) Điều quan trọng là giấy mời đã đề tên tôi, và chỉ có một người có thể ký giấy mời này. Đó là ông hiệu trưởng người Pháp, đang

chuẩn bị ra sân bay. Không nói một lời, tôi nắm tay cậu bạn, kéo nó lao xuống lấy xe máy phóng như điên đến khách sạn. Không kịp, ông ấy đã lên máy bay. Tôi quay về trường và biết thêm thông tin: nếu tôi không đi thì suất này cũng coi như bỏ, không thể thay thế. Bạn tôi có lẽ mặc cảm vì cái danh phận phải nhận lại suất nhường, cũng tuyên bố không đi nữa dù nếu có được. Mặc những lời mắng mỏ của ban giám hiệu, trách tôi làm mất đi một suất học cho một người có thể làm rạng danh nhà trường, tôi vẫn đi về với quyết định: sẽ bỏ suất.

Tôi lại đến nhà cô bạn như mọi ngày, nhân tiện thông báo với cô ấy kết quả cuộc thi, và tất nhiên cả quyết định của mình. Trong lòng tôi khi ấy thanh thản, không hối tiếc, không oán trách. Tôi bảo “không bao giờ tin vào số phận nhưng chắc là số mình không đi Tây được”, rồi cười. Lại một lần nữa cô ấy thuyết phục tôi, cô nói “biết bao nhiêu người mong được như cậu, bao nhiêu người xót xa khi nghĩ cậu phải bỏ cơ hội như thế, còn cậu thì cười”. Rồi bố mẹ cô cũng cố gắng thuyết phục. Tôi vẫn còn nhớ (và biết ơn) lời của bố mẹ cô: “Hãy đi đi, nếu muốn thì đi hai năm rồi về để không bao giờ phải hối tiếc. Cần bao nhiêu tiền bác sẽ cho cháu vay, mười năm, hai mươi năm, lúc nào có thì trả lại bác. Bác tin ở cháu”. Điều khiến tôi cảm động không phải vì bố mẹ cô ấy hứa cho tôi vay tiền (chẳng bao giờ tôi nghĩ đến chuyện vay tiền của bố mẹ bạn gái), mà ở sự quan tâm và niềm tin mà họ dành cho tôi.

Quyết định ra đi

Không chỉ có họ, tất cả gia đình tôi, bạn bè của ba mẹ tôi đều thuyết phục tôi. Bạn bè của ba mẹ tôi còn lập ra một quỹ quyên góp tiền cho tôi vay “không lãi, không thời hạn”. Và cuối cùng tôi suy nghĩ lại, tôi bỗng nghĩ rằng việc tôi không đi không phải là một hành động anh hùng trả ơn cho ba mẹ, mà có thể là một gánh nặng tâm lý cho suốt phần đời còn lại của họ: họ sẽ luôn phải hối tiếc, phải xót xa và thấy có lỗi trong quyết định của tôi. Nếu như tôi ở lại mà thành công thì còn đỡ, nếu tôi phải vất vả khổ sở, có lẽ mẹ tôi sẽ hối hận mãi vì đã cho người ta vay hết tiền mà rồi không bao giờ nhận lại được. Rồi tôi tự nói với mình “Chỉ hai năm thôi, rồi ta sẽ quay lại và mọi thứ lại như cũ”. Sau khi quyết định, tôi bán chiếc xe máy

mới mua bằng tiền học bổng và tiền dành dụm khi đi làm để lấy tiền mua vé máy bay. Bạn bè ba mẹ tôi quyên góp cho vay một chút để mua đồ đạc, máy tính cũ và chút tiền dặt lưng. Và thế là tôi đặt chân đến Paris với tám mươi cân hành lý, 500 đô-la, hai bàn tay và một niềm tin để bắt đầu một cuộc hành trình, một cuộc chinh phục mà tôi không được phép thất bại để khỏi phụ niềm tin của biết bao người, của một người. Cũng có thể vì tâm niệm “không được thất bại” ấy mà tôi đã chiến đấu trên mảnh đất quê người bằng tất cả sức lực và ý chí, cố gắng ở lại cho đến lúc làm được điều gì đó, đến lúc mất một người con gái và gặp một người con gái. Rồi tôi ở lại Paris với những nỗi niềm, với một cái nợ quê hương không bao giờ trả hết.

Quận 13: Tết Này Con (lại) Không Về



Quận 13. (Ảnh: Tác giả)

Ở bất kỳ thành phố lớn nào của châu Âu [hay trên thế giới], luôn có ít nhất một con phố, những con phố hay nhiều hơn là một quận tập trung những người châu Á. Vẫn là kiến trúc giống như tổng thể thành phố nhưng mang tâm hồn, nét văn hóa rất riêng của người châu Á. Người châu Á có nhiều đặc điểm, nhưng theo tôi cái khiến cho nó tách biệt khỏi văn hóa châu Âu, châu Phi, Ả rập... là hai đặc điểm: văn hóa ẩm thực và lối sống thích tụ tập, theo kiểu “buôn có bạn, bán có phường”. Vì thế mà trong các

khu châu Á, mật độ người ở luôn cao hơn hẳn những khu khác, luôn có rất nhiều chợ và đặc biệt rất nhiều nhà hàng, tiệm ăn.

Và như một lẽ hiển nhiên, nếu bạn là người châu Á, khi đặt chân đến Paris, bạn sẽ tò mò muốn đến thăm nơi này, hoặc nhu cầu ẩm thực của bạn sẽ khiến bạn không thể không tìm kiếm xem chỗ nào ta có thể ngồi ăn một bát phở, một đĩa bún chả hay mấy cái nem.

Quận 13 của những người châu Á

Không rõ có phải vì Pháp từng là mẫu quốc của nhiều quốc gia châu Á, nên văn hóa của người Pháp gần gũi với người châu Á hơn rất nhiều nước châu Âu khác. Người châu Á nói chung và người Việt nói riêng ở Pháp, ở Paris đặc biệt đông. Trong 20 quận của Paris, người châu Á ở khắp nơi nhưng đặc biệt tập trung ở Quận 13, một trong những quận có diện tích lớn nhất và nhiều dân cư nhất Paris.

Điều nổi bật của quận này là những khu nhà cao hàng chục tầng (điều ít gặp trong nội thành Paris vì thành phố từ rất lâu đã hạn chế xây những khu nhà cao tầng trong nội thành nhằm không phá vỡ nét kiến trúc cổ đặc trưng), là những siêu thị thực phẩm rất rộng, nơi bạn có thể mua từ cái tăm tre đến bao gạo, từ đồ vàng mã đến những loại rau quả rất đặc trưng của Việt Nam hay châu Á. Và thêm nữa là những dãy phố nối dài đầy ắp những nhà hàng tiệm ăn đủ loại, lớn có, nhỏ có, sang trọng có, bình dân có. Không có quán rong vỉa hè như ở Việt Nam, nhưng có rất nhiều quán cũng cho phép người ăn ngồi ngay trên vỉa hè, dĩ nhiên chỉ khác là không có rác vút bừa bãi thôi.

Quận 13 đặc biệt gần như không có thắng cảnh gì (khác biệt với tất cả những quận khác của Paris), chỉ có người và người, nhà (hàng) và nhà (hàng). Nhưng chuyện về Quận 13 của tôi thì nhiều, nếu có thời gian kể, có lẽ vài buổi tối mới hết được những câu chuyện này.

Quận 13 có thời gian giống như một quận đặc biệt “loạn” của Paris với những băng đảng kiểu Mafia, những nhóm đầu gấu không sợ pháp luật, những cuộc đấu súng ban đêm (hay cả ban ngày). Đến nỗi đã có cả một bộ phim viễn tưởng khá nổi tiếng ở Pháp được làm với viễn cảnh Quận 13 trở thành một quốc gia tự trị, độc lập, một vương quốc ngoài vòng pháp luật ở

giữa Paris. Tuy nhiên, sau nhiều năm với sự nỗ lực của hệ thống pháp luật và của chính phủ, Quận 13 đã dần đi vào khuôn phép và trở nên an toàn, yên bình với người dân như bất cứ quận nào khác của Paris.

Rằng Quận 13 rất đông người Trung Quốc, và không ai biết được, thống kê được chính thức có bao nhiêu người Trung Quốc. Bởi nhiều người trong số họ không có giấy tờ, không có kê khai chính thức. Trẻ em sinh ra cũng không được thông báo, người chết đi cũng không có thông báo và nhiều khi người ta lấy giấy tờ của người chết để dùng cho một người còn sống nhưng chưa có giấy tờ.

Sau cộng đồng người Hoa là đến cộng đồng người Việt, phần lớn là người miền Nam, đến Pháp theo hai làn sóng di cư lớn những năm 1954 và 1975.

Cũng vì sự vượt trội của cộng đồng người Hoa và người Việt ở Quận 13 mà đến đây, bạn rất dễ gặp những người nói được (dù có thể chỉ là bồi) cả tiếng Trung và tiếng Việt, dù cho họ là người Hoa, người Việt hay người Lào, Thái, Campuchia bởi hai ngôn ngữ ấy là thứ đảm bảo cho bạn dễ dàng kiếm được một công việc nơi đây.

Với những người đến Paris theo “làn sóng” thứ ba, tất nhiên là ít hơn rất nhiều so với hai “làn” trước đó là những du học sinh như tôi (hầu hết đến từ Hà Nội và các vùng lân cận) thì trong một thời gian dài (ít nhất là đến trước khoảng năm 2002, 2003, trước khi có phong trào du học sinh sang Pháp ồ ạt nhờ chính sách nới lỏng cho du học sinh Việt Nam của chính phủ Pháp trong vòng vài năm), việc vào Quận 13 mà nói giọng Bắc là điều chẳng hay ho gì. Phần lớn dân di cư những năm 1975 đều không ưa gì những người giọng Bắc, đặc biệt những người đến từ Hà Nội.

Khổ một nỗi, người châu Á mình đi đâu rồi cũng phải nấu nướng và ăn các món cổ truyền mà nguyên liệu đầy đủ chỉ có thể tìm thấy trong các chợ châu Á. Thế nên sinh viên Việt Nam đến Paris, chỉ gắng gượng được một tuần là bắt đầu hỏi nhau về Quận 13, bắt đầu lọ mọ đi chợ, xem giá. Đứa nào cũng trợn mắt lên khi thấy một bó hành giá gần trăm ngàn nếu tính ra tiền Việt. Tiếng Pháp chưa rành, mà tiếng Việt nói ra chưa chắc người ta có hiểu hay không, nên chúng tôi đứa nào cũng chỉ trỏ, khua chân múa tay

loạn xạ. Muốn mua cánh gà thì vẩy vẩy hai tay, muốn mua đùi lợn thì co chân lên đập đập. Nghĩ lại vẫn thấy buồn cười!

Thêm nữa, với những sinh viên nghèo như tôi, việc đầu tiên khi sang Pháp là tìm việc làm thêm bên cạnh việc đi học. Và với một người không biết tiếng Pháp như tôi khi ấy, chỉ có thể tìm được việc ở Quận 13, trong những tiệm ăn mà chủ quán và phần lớn nhân viên đều nói tiếng Việt. Nhưng dường như tất cả bọn họ đều không ưa gì những sinh viên Việt như tôi.

Nếu bạn còn nhớ, ở chương 1 tôi đã kể, tôi đến Paris với 500 đô-la. Ngay tuần đầu tiên tôi đã chi hơn 200 đô-la cho chuyến taxi lừa đảo, cho vé tàu, tiền bảo hiểm, ăn uống và tiền mua sắm một số dụng cụ học tập. Sau ba ngày ở nhờ bạn, chưa tìm được nhà để thuê, tôi cùng cậu bạn bắt buộc phải thuê một phòng trọ (lẽ ra chỉ dành cho một người) với giá 420 đô-la/tháng. Tính cả tiền ăn, nếu có tần tiện lắm tôi chắc mình cũng chỉ cầm cự nổi một tháng. Vậy là ngay tuần thứ hai đặt chân đến Pháp tôi đã lao đi tìm việc làm.

Và Quận 13 “cực nhọc” của riêng tôi

Một người bạn giới thiệu tôi vào làm phụ bếp cho một nhà hàng Việt.

Ở đây, phụ bếp có nghĩa là làm tất cả. Là đến sớm đi chợ, còng lưng đẩy một xe hàng to. Là dọn dẹp lau chùi, là thái thịt rửa rau, là lau nhà cọ bếp, là quay cuồng giữa một đồng bếp ga bốc lửa hừng hực, xào nấu những món đơn giản, trong khi mắt còn trông chừng nước sôi, chảo nem quá lửa và nhất là rửa bát, chao ôi là rửa bát. Không phải vì tôi là gã công tử chưa biết mùi lao động hay không quen rửa bát. Tôi từng là kẻ quậy phá trong suốt một thời gian dài. Nhưng trong chính thời gian đó hay bất kỳ lúc nào khác, khi ở nhà, tôi là một “thiên thần” theo cách gọi “mĩa mai” của mấy cậu bạn tôi. Dù là con trai nhưng ở nhà tôi tự giác nấu cơm rửa bát, dọn dẹp nhà cửa không cần ai thúc giục. Bởi từ bé mẹ tôi đã bảo “con trai con gái đều phải ăn thì đều phải làm như nhau, công việc chia đều, cái gì cũng phải biết”. Bởi chị tôi thì bận học, rồi đi dạy thêm kiếm tiền phụ giúp gia đình, ba mẹ đi làm về cũng đi làm thêm, tôi bỗng dưng thành người nấu cơm rửa bát thường xuyên trong nhà. Có thời gian nhà tôi ở tầng cao không có nước,

ngày nào tôi cũng gánh cả chục gánh nước cho cả nhà sinh hoạt nên tôi quen với những việc này lắm, kể cả những việc nặng nhọc. Và tôi là người có sức khỏe, chơi thể thao thường xuyên ở mức độ gần như chuyên nghiệp.

Ấy thế mà làm việc ở nhà hàng ấy chỉ một thời gian ngắn tôi đã thấy mình kiệt sức. Một ngày lao động 14 tiếng gần như không nghỉ. Thật ra trên hợp đồng thỏa thuận bằng miệng thì có hai tiếng nghỉ trưa. Nhưng không có trưa nào mà bà chủ không nghĩ ra việc cho tôi làm. Có hôm thì mang cả đồng nồi ra đánh cho trắng bóng lên, có hôm thì bắc ghế lau trần nhà. Những việc ấy sau này tôi mới biết là cả chục năm rồi không có phụ bếp nào chịu làm, chỉ có thằng “Việt cộng” tôi là bị bắt phải làm. Bởi vì tôi đi làm theo kiểu làm chui, không có giấy tờ (ở Pháp, sinh viên nước ngoài được quyền đi làm, nhưng không quá 20 tiếng một tuần. Nếu muốn làm hơn thì chỉ có cách làm chui, không có hợp đồng gì cả, và nếu bị bắt thì rất phiền hà, có thể năm sau đó không được ở lại Pháp nữa) và vì tôi cần tiền quá, làm việc hết mình mà chỉ lo nhất bị chủ đuổi, nên bà bắt làm gì tôi cũng lao vào làm như thiêu thân.

Trong cái bếp bé chừng bảy mét vuông ấy, mùa đông cũng như mùa hè, lúc nào cũng nóng đến 40 độ, vì phòng bé, trần thấp, hai bếp chính, một bếp phụ và sáu cái bếp ga thi nhau tỏa nhiệt. Có một cái cửa sổ nhưng không dám mở vì sợ khói bay sang nhà hàng xóm. Nóng đến nỗi, cứ 15 phút tôi lại phải nhúng cả nửa người vào vò nước, thế mà 15 phút sau người đã khô cong, quần áo khô đến mức cứng lại như giấy. Cả buổi tối phục vụ xào nấu, bát đĩa khách ăn cho vào các thùng nhựa lớn. Thỉnh thoảng tôi mới có thời gian rửa một thùng để lấy bát đĩa quay vòng. Cuối buổi là cả chồng thùng chất cao, rồi nồi niêu xoong chảo. Kết thúc giờ làm vào 11, 12 giờ đêm, cũng là khi sức cùng lực kiệt, giới hạn chịu đựng của con người đã ngập ngề (hoặc có thể đã bị vượt qua từ rất lâu). Mà còn phải làm nhanh, làm sạch và không quá ồn ào vì hàng xóm sẽ kiện nếu anh gây ra tiếng ồn ban đêm. Mỗi thùng bát nặng chừng 30kg nhấc lên chậu rửa, ban đầu veo một cái là lên, càng về cuối càng không nhấc nổi. Có khi tôi phải khom người xuống, nhấc thùng bát đặt lên đùi để thở, để lấy sức, rồi ép vào tủ bếp, kéo dần lên đến ngang thành chậu, rồi mới dồn sức nhấc

hắn lên mặt bồn rửa. Rất nhiều khi tôi nghĩ mình đang rửa bát bằng ý chí, còn thân xác tôi đã kiệt sức từ lâu lắm rồi. Có hôm tôi đang nâng thùng bát lên thì anh đầu bếp chạy qua vứt thêm vào một cái thìa, thế mà tôi buông rơi thùng bát cái rầm. Vì lúc ấy sức đã kiệt, trong đầu chỉ chuẩn bị cho ngần ấy thôi, thêm vào một cái thìa mà tinh thần không có sự chuẩn bị thì cũng không chịu nổi.

Có một lần sáng tôi đến sớm, trong bếp chưa có ai. Nhìn thấy một đồng tấm lọc của hệ thống hút khói ngấm trong bồn rửa, tôi không hỏi han gì ai, xắn tay lên, xông vào rửa. Ban đầu cảm thấy đau nhức ở tay, tôi chỉ nghĩ là mình bị nẻ (hồi ấy mùa đông, khí hậu rất khô, một ngày ngấm nước ngấm xà phòng nhiều giờ nên tay tôi nứt nẻ ra, mà không dám dùng băng vì không quen nên làm rất chậm). Mười phút sau anh đầu bếp mới đến. Anh hét lên, chạy vào giật tay tôi ra: cả hai bàn tay và cánh tay tôi đã đỏ lừ, da gần như bị lột ra. Hóa ra đêm hôm trước anh ngấm đồng tấm lọc khói ấy bằng axit loại mạnh để tẩy hết dầu mỡ. May mà có cho thêm nước và sau một đêm axit đã hả đi phần nhiều, nếu không chắc lúc rút ra tay tôi chỉ còn xương. Thế mà hôm ấy, bà chủ chỉ bồi cho tôi chút mỡ trần rồi lại bắt tôi đeo găng vào rửa bát tiếp như bình thường, còn quát tháo tôi rửa chậm không kịp tiến độ, rồi dọa đuổi việc, trừ lương. Cả đêm hôm ấy tôi nhức tay không ngủ được, ít ngày sau da bị bóc ra hết, da mới còn chưa kịp lên, đỏ lừ mà tôi vẫn rửa bát, đêm nào về cũng ngồi nhìn hai cánh tay sưng rộp lên, không ngủ được mà cũng không khóc được. Sau này tôi mới biết bình thường nếu xảy ra chuyện đó tôi phải được nghỉ nhiều ngày đến khi tay lành hẳn mà vẫn được hưởng lương, bà chủ còn phải bồi thường cho tôi và chịu mọi chi phí điều trị. Nhưng khi ấy tôi chưa biết, tôi chỉ không hiểu tại sao cũng là con người, lại cùng là người Việt xa quê mà người ta có thể đối với nhau như thế. Không chút yêu thương đã đành mà dường như còn đầy thù hận.

Dần dần sau này, tôi mới hiểu. Tôi không viết rõ ra đây, chỉ biết rằng, trước, trong và sau cuộc “di cư”, hầu hết trong số họ đã có nhiều mất mát, đau đớn, ám ảnh về cả vật chất lẫn tinh thần. Và khi con người mất đi những gì quan trọng nhất, lại mất cả niềm tin thì tình người không phải là

thứ dễ dàng ban phát. Tôi nhận ra rằng so với nỗi đau mà họ mang, những gì tôi đang phải chịu đựng không có gì ghê gớm, rằng cách họ đối xử với tôi vẫn còn “tử tế”. Và tôi chấp nhận được hết bởi có một điều tôi khác họ: trong lòng tôi có một niềm tin, một quyết tâm mạnh hơn nhiều sức mạnh của chính tôi: tôi biết rằng một ngày những chuyện ấy sẽ kết thúc, tôi sẽ tốt nghiệp, sẽ đi làm, sẽ sống đàng hoàng như ba mẹ tôi mong ước và như tôi tự hứa với chính mình.

Nhưng ngày ấy thì còn lâu mới đến. Vì khóa học của tôi kéo dài hai năm (và trên thực tế còn kéo dài thêm vài năm nữa vì sau một bằng cao học hệ tiếng Anh, tôi còn học thêm cao học trong hệ thống tiếng Pháp để có thể đi xin việc). Suốt học bổng của tôi khi ấy chỉ trả cho tôi tiền học, mọi chi phí sinh hoạt tôi phải tự lo, còn phải kiếm tiền gửi về trả số nợ mà ba mẹ tôi đã vay để lấy tiền cho tôi đi. Tiền công lao động ở Pháp nói chung là cao, nhưng với một người không biết tiếng Pháp và đi làm chui như tôi, mức lương thật bèo bọt. Những đợt nghỉ hè, nghỉ đông, nghỉ lễ (ở Pháp sinh viên được nghỉ rất nhiều) tôi đi làm 7/7 và 14/24. Thậm chí có thời gian tôi đi làm, đi học 20 giờ một ngày, kéo dài suốt nhiều tuần liên tục: buổi sáng tôi dậy lúc sáu giờ để sáu rưỡi đến dọn dẹp cho một quán bar. Tám rưỡi tôi rời quán bar để đến lớp lúc chín giờ, học đến mười một giờ thì nghỉ, tôi ăn vội rồi bắt đầu chạy đến làm cho một nhà hàng từ mười hai giờ đến mười giờ đêm. Mang đồ ăn từ quán về, tôi đến thẳng một căn hộ cần sửa chữa mà tôi đã nhận làm thêm: vừa ăn vừa sơn tường, sơn trần, trải thảm và một số việc vặt. Rồi ngủ thẳng trên nền gạch lúc hai giờ sáng để bốn tiếng sau bắt đầu một ngày mới y như thế. Không tắm, không thay quần áo là chuyện thường (may sao ở Pháp khí hậu khô ráo, người không bị ra nhiều mồ hôi). Có nhiều hôm tôi còn không kịp đánh răng. Bạn chung phòng với tôi hỏi: “Mày sống bằng gì?” Tôi bảo “Bằng niềm tin”.

Tôi đã khóc, chỉ một lần duy nhất...

Khi ấy, tôi đã chuyển sang một nhà hàng khác, lương được cao hơn và chỉ làm 10 tiếng một ngày nhưng cường độ thậm chí còn kinh khủng gấp mấy lần chỗ cũ. Nhà hàng tôi làm là một chuỗi sáu nhà hàng nhưng chỉ có một cái bếp cung cấp đồ cho cả hệ thống với hai bếp chính, một bếp phụ là

tôi và một cậu da đen rửa bát (Lạy trời, ít ra tôi cũng thoát được chức “rửa bát”).

Tôi làm việc đúng kiểu “công nghiệp hóa và chuyên môn hóa” cao. Cái gì cũng được lập trình sẵn, có hẹn giờ, làm như một cái máy. Một ngày làm việc của tôi được xác định bởi những khối lượng: thái 25kg hành Tây (vừa thái vừa “khóc” như mưa vì cay mắt không chịu nổi), thái 40kg thịt gà và 20kg thịt bò đông lạnh (tay tôi cứng đến mức nhiều khi cắt vào tay mà không biết), rán khoảng hai nghìn cái nem, nấu khoảng 40kg gạo, hấp hàng nghìn cái há cảo, chuẩn bị hàng chục khay mỳ, khay cơm trộn. Rồi bóc vỏ vài chục thùng tôm (cũng đông lạnh), mổ và nhổ xương (bên này họ không chịu nhả xương đâu nhé) vài chục cân cá (cũng đông lạnh) rồi khuôn bát sạch lên gác (bếp ở dưới tầng hầm) rồi khuôn bát bắn xuống cho cậu da đen rửa, rồi... rồi...

Xung quanh tôi luôn có năm, sáu cái timer (đồng hồ báo thức chuyên dụng) đặt sẵn, cái thì nhắc đảo nem, cái thì nhắc đổi vỉ há cảo, cái thì canh nồi cơm, cái thì canh nồi tôm luộc... Nhiều khi chúng thi nhau kêu toáng lên, không biết đăng nào mà làm cho kịp. Sức ép công việc là thế, sức ép tinh thần còn nặng nề hơn, camera gắn ở khắp nơi, trong cái bếp nhỏ cũng có đến ba, bốn cái. Làm việc mà có cảm giác như xem phim “Thời đại công nghiệp” của Chaplin, tôi vẫn đang làm việc, chỉ vừa ngẩng lên cười đùa chút xíu với anh đầu bếp, đã có loa gọi nhắc nhở. Lão chủ người Hoa, nhưng biết nói tiếng Việt, đúng hơn là biết chửi bằng tiếng Việt, mở mồm ra là “Đ... má mày”. Hồi đầu mới nghe lão chửi thề liên tục, tôi uất ức lắm, cảnh báo lão “Ông nói với tôi mà đ... thêm một lần nữa là tôi đập ông đấy nha. Muốn mắng gì thì mắng, đừng có đụng tới má tôi”. Lão trợn mắt lên “A, ở đây chưa có thằng nào dám dọa tao mà mày dám? Đ... má mày”. Vậy là tôi lao tới liền, nhìn mặt tôi lão biết tôi không chỉ dọa, lão liền co giò chạy, tôi đuổi theo túm cổ, may mà có mấy anh khác nhảy vào lôi ra, không thì hôm đó chắc tôi cho lão méo mồm luôn. Các anh ấy bảo “Tao làm việc ở đây hơn hai chục năm, lão chủ khiếp lắm, thằng nào cũng sợ như cọp. Cãi lại còn chưa dám, đừng nói dọa chủ, túm chủ đòi đánh như mày. Chắc nó cho mày nghỉ luôn”. Nhưng không, lão không đuổi tôi, lão cần tôi quá. Sau

này tôi mới biết một mình tôi làm khối lượng công việc của hai người trước đây. Sau hôm ấy mỗi lần nhìn thấy tôi, lão cũng cố nói năng đàng hoàng hơn. Tôi cũng biết rằng lão nói như vậy vì nghe người ta nói nhiều thành quen, chứ bản thân lão chưa từng ý thức được câu ấy ý gì, còn tôi cũng cần lão, nói đúng hơn là cần tiền của lão, bởi vậy tôi vẫn tiếp tục “cày” mỗi ngày.

Một ngày, trong đầu tôi đang nghĩ đến việc đến giờ nghỉ trưa, tôi sẽ chạy ra bắt điện thoại gọi điện về chúc mừng sinh nhật cậu bạn thân, chắc sẽ được nói chuyện với cả lũ bạn lần đầu tiên từ ngày rời Việt Nam. Lúc ấy tôi đang cắt dăm bông bằng một cái máy cắt công nghiệp lớp với lưỡi cắt quay tốc độ cao. Chỉ một chút thoáng một, một giây mất tập trung, một động tác nhỏ sai quy trình, tôi đưa ngón tay vào lưỡi cắt. Nghe thấy tiếng động lạ, lưỡi cắt rít lên, hai đầu bếp bên cạnh nhìn sang hét lớn. Tôi không kịp cảm thấy đau, chỉ thấy cái gì ứt hết mặt. Đưa tay lên vuốt đều là máu của mình, máu theo lưỡi cắt văng lên ứt mặt tôi, ứt hết cả áo. Tôi mới nhìn đến ngón tay mình: nó như bị chẻ làm đôi, vết cắt chạm vào đến xương. Anh đầu bếp lao đến, cầm cả một đồng khăn giấy bịt đầu ngón tay tôi. Để cầm máu và để tôi khỏi nhìn thấy. Có nhiều người khi nhìn thấy vết thương của mình thì sợ quá, bất tỉnh. Tôi thì không sợ. Tôi chưa bao giờ biết sợ trong những lúc nguy hiểm. Nhưng vết thương ra nhiều máu quá, không khăn nào cầm được. Anh kéo tôi vào hàng thuốc bên cạnh, người ta tiêm trực tiếp thuốc cầm máu vào đầu ngón tay tôi mà máu không cầm được. Anh lại lôi tôi ra vẫy taxi vào viện. Nhưng gã taxi nào ngay từ xa nhìn thấy máu tuôn xối xả từ tay tôi cũng đều vòng xe bỏ chạy. Đến khi mắt tôi hoa đi vì mất máu thì một chú đưa hàng của quán đánh xe về, thế là có xe đến viện.

Khâu mười mấy mũi xong, tôi trở về quán, mặt tái nhợt vì mất máu. Lão chủ xông vào mắng chửi rồi bảo tôi làm ăn cầu thả nên bị tai nạn, làm náo loạn cả quán, nhiều khách nhìn thấy sợ gần ngất, rồi lão bảo tôi đeo găng vào mà làm tiếp. Vẫn thế (làm như cái găng tay ở Pháp là một phép màu nhiệm, chữa lành mọi vết thương). Khi ấy tôi vẫn chưa biết thế nào là “chế độ” khi bị tai nạn lao động ở Pháp, chỉ biết rằng nếu không làm sẽ bị

đuổi việc. Lão chủ thậm chí còn trừ thời gian đi bệnh viện vào thời gian nghỉ trưa của tôi. Tôi vẫn chưa quên sinh nhật bạn, tôi xin 15 phút để ra cabin giữa phố gọi điện, đồng nghĩa với việc khỏi ăn trưa, nhưng ít ra cũng được chuyện trò với các bạn tôi.

Điện thoại thông với đầu bên kia, tiếng cười đùa, hát hò, chúc tụng ầm ĩ, tôi chỉ kịp nói lời chúc sinh nhật và hỏi thăm anh em rồi nói rằng “Tao ổn lắm, khỏe lắm, học tốt lắm”, vậy là tất cả ủa vào, nói “mày sướng nhé, ai cũng mừng cho mày, ai cũng mong được như mày, bao nhiêu người ghen tị, sướng như thế thì phải chia cho anh em một chút, đừng có hưởng cả nhé...” Không biết vì mệt, vì thiếu máu hay vì bao nhiêu cảm xúc lẫn lộn mà tai tôi ù đi. Tôi không cúp máy mà ôm chiếc điện thoại vào lòng. Từ từ ngồi xuống cabin.

Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong suốt những năm ở Pháp tôi khóc. Mà không phải, tôi không khóc, không có bất kỳ âm thanh nào thoát ra khỏi cổ, chỉ nước mắt tự chảy ra, lăn dài trên má, tràn xuống ướt đầm cả ngực chiếc áo mới thay vẫn còn dính loang vệt máu. Tất cả những mệt nhọc hờn tủi, những thèm khát tình cảm không được chia sẻ, những áp lực, những nỗi lo lắng bộn bề, những nỗi đau thể xác và tâm hồn ủa về, ngập đầy trong lồng ngực rồi theo hai khóe mắt mà tràn ra. Xung quanh người xe tấp nập. Trong điện thoại, không ai cảm nhận được sự đột nhiên yên lặng của tôi, tất cả vẫn cười đùa, nhạc vẫn ầm ầm. Tôi ngồi trong cabin kính trong suốt, nhìn thấy tất cả, mà không thấy gì, nghe thấy tất cả, mà chỉ nghe thấy chính mình. Tôi thấy chỉ có một mình mình trên thế giới này. Hiểu rằng chỉ một mình tôi mới biết hết hoàn cảnh của tôi. Chỉ một mình tôi mới đủ sức vực tôi dậy, tiếp tục con đường của mình và tin vào thành công.

Tôi đứng dậy, nghiêng răng và bồng mím cười. Tôi đột nhiên buồn cười vì nghĩ rằng cảnh vừa rồi có thể được dùng trong một bộ phim. Nếu tôi là đạo diễn, tôi sẽ cho một máy quay chạy vòng quanh cái cabin bằng kính ấy, chạy đến chóng mặt rồi chậm dần lại, chạy dần lên cao để thấy phố phường tấp nập xung quanh, thấy vô số những người qua đường nhìn vào cabin tò mò, rồi lại thản nhiên bước đi, nền âm thanh sẽ là tiếng còi xe ầm ĩ, tiếng

cười nói, tiếng nhạc (từ phía đầu bên kia đường điện thoại) trào lên, ép vào màng nhĩ, làm tức cả lồng ngực. Rồi tắt cả âm bật. Một giây. Chỉ còn nghe tiếng một giọt nước mắt rơi xuống hè phố như một nốt nhạc lạc lõng... Tôi cười rằng tôi vừa đóng vai chính vừa làm đạo diễn, được xem cảnh ấy, được xem cả cảnh đầu bên này và đầu bên kia đường dây điện thoại. Còn các bạn tôi chỉ được biết có một nửa, những gì họ nhìn thấy và nghe thấy.

Tôi trở về quán, lòng nhẹ bẫng. Cảm ơn những giọt nước mắt của tôi.

Mẹ ơi, Tết này con không về

Rồi cái Tết đầu tiên ập đến. Ở Quận 13 dịp Tết cổ truyền châu Á cũng sôi động lắm. Các nhà hàng cũng trang trí, hoa đào khắp nơi, bánh chưng ngập phố. Rồi cũng múa lân, múa rồng, lại còn được đốt pháo nên không khí Tết còn náo nhiệt hơn cả Tết ở nhà (Hoặc có thể không bằng nhưng với những người con xa nhà thì cái không khí ấy khiến chúng tôi nao lòng lắm, nó càng náo nhiệt khi ta chẳng có thời gian mà tận hưởng, đi xem, chỉ hình dung trong đầu thôi).

Ngày 30 Tết âm lịch cũng là một ngày bình thường ở Pháp. Tôi vẫn đi làm. Gần sáu giờ tối ở Pháp là sắp đến giao thừa ở Việt Nam, lão chủ bồng ở đâu ập đến, kêu ca rằng tôi ngồi không làm gì (Thật ra chẳng bao giờ việc không ngập đầu, tôi chỉ vừa thưởng cho mình được hai phút để nghĩ về giao thừa thì đúng lúc lão đến). Lão bảo tôi đi cọ toilette, giống như là hình phạt. Ừ thì cọ, có hề gì, vừa cọ vừa hát nhé. Đồng hồ điểm sáu giờ ^[2], đúng giao thừa nhé. Tôi bỗng nhiên lại thấy buồn cười. Nếu trước đây có ai vẽ ra cho tôi cái cảnh ngày 30 Tết, đúng giao thừa mà tôi vừa đói meo, vừa mệt lả, lại phải đứng cọ toilette trong một nhà hàng xa lạ ở Paris mà vẫn hát vang yêu đời thì chắc tôi bảo người đó bị điên.

Người ta bảo “đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Vậy mà đúng thật. Tôi đi được bao nhiêu ngày, đã học được bao nhiêu thứ. Tôi học được rằng mình luôn phải tôn trọng mọi người, bất kể ai, nếu họ sống bằng lao động, sống bằng sự chân thành. Trước đây đi ăn uống, nhìn các anh bồi bàn, các chị rửa bát, trong thâm tôi luôn nghĩ họ đến từ tầng lớp khác, họ là những cuộc đời “thất vọng”. Có thể vì từ bé mẹ tôi hay dọa “Đấy, không

chịu khó, không học hành tử tế thì rồi cũng đến thế thôi”. Bây giờ, vào nhà hàng, những người bồi bàn chào chúng tôi “Chào quý ông, quý bà”, tôi sẽ chào lại “Xin cảm ơn, chào các quý ông”. Ở ngoài phố, nhìn người quét rác trong giá lạnh, tôi xót xa. Tôi hiểu rằng đằng sau mỗi gương mặt, mỗi bộ quần áo kia là một cuộc đời, một con người hoặc cả một gia đình đang giành giật với cuộc sống này, để có thể sống tốt hơn. Nếu họ càng thiếu thốn điều kiện, cuộc “chiến đấu” của họ càng đáng được trân trọng.

Thứ lớn nhất tôi học được là vượt qua chính mình, vượt qua những mặc cảm, những tủi hờn, cực khổ mà sống tích cực, giữ niềm tin của mình. Những khoảnh khắc giao thừa không được đón Tết ấy, tôi không thấy khổ, không tự tội nghiệp cho bản thân, cũng không cần an ủi mình theo kiểu AQ. Tôi chỉ thương, chỉ thấy có lỗi với gia đình vì không thể góp mặt phút quây quần ấm cúng đêm 30, không thể về để vui đi nỗi mong đợi nhớ thương của mẹ, của ba. Khi ấy tôi chỉ dừng lại một chút, và nói thầm “Mẹ ơi, cả nhà ăn Tết vui vẻ nhé, con xin lỗi, Tết này con không về”.

Không chỉ Tết ấy tôi không về, mà cả chín cái tết tiếp theo cũng vậy. Tôi chỉ có điều kiện về thăm nhà lần đầu năm năm sau khi rời khỏi Việt Nam, nhưng lại vào dịp hè. Và lần về tiếp theo, đúng vào dịp Tết, là phải đợi thêm những năm năm nữa. Mười cái Tết tôi không về, năm nào đúng vào giao thừa tôi cũng đứng gọi thầm “Mẹ ơi, con xin lỗi, Tết này con (lại) không về”...

Và tôi viết một bài thơ tặng mẹ tôi, tặng những người mẹ mỗi Tết về ngóng con nơi chân trời xa, viết cho tấm lòng của những người con mỗi khi xuân về nhớ mẹ, nhớ cái Tết cổ truyền đầm ấm, viết cho những cuộc hành trình để học lấy những yêu thương:

*Con gọi mãi đến cuối trời nghe vọng
Tiếng trả lời của một cõi hồn thơ
Là con đó của một thời mơ mộng
Vẫn phiêu du cho đến tận bây giờ.
Rắn rỏi lạnh lùng con bước mãi
Nơi đất người, chùng quên mất lệ rơi
Rồi buổi ấy tiếng thơ xưa vọng lại*

Bút rưng rưng trang giấy trắng hoen lời.
Là một chút ngày xưa xa nẻo nhớ
Phút nao lòng ngồi ngắm áng chiều rơi
Cả những buổi cha phạt đòn nước nỡ
Ngày chia ly, tóc mẹ trắng chân trời.
Con xa thế nơi quê nhà mẹ gọi
“Thêm Tết này còn nhớ bánh chưng xanh”
Mẹ nơi ấy, xuân về con khẽ hỏi
“Gốc đào xưa ai cắt lá tía cành”.
Chỉ là thế, chỉ là đơn giản thế
Chỉ quê hương cho nỗi nhớ run lòng
Không ôm hết, mẹ ơi con không thể
Bóng mẹ ngồi chạn chứa mắt đợi mong.
Con là sóng của một thời nông nổi
Thuở ngạo cười lên những bình yên
Cho đến tận bây giờ con tự hỏi
Đong được chăng – biển mẹ – những ưu phiền.
Con xa thế rồi một ngày trở lại
Ôm vào lòng cả ánh mắt mẹ yêu
Con vẫn thế vẫn là con khờ dại
Chỉ yêu thương nay đã lớn thêm nhiều...

Có lẽ đọc đến đây bạn sẽ xúc động một chút, ngạc nhiên và e ngại thì nhiều. Đời du học không lẽ lại cực đến thế, chẳng khác gì đi đày, đày đoạ cả thể xác lẫn tâm hồn. Nếu bạn định đi du học, bạn sẽ tự hỏi “Đi làm thêm kiểu này mình có kham nổi không? Còn những vấn đề gì nữa đằng sau chuyện đi làm thêm ở nước ngoài?”

Các bạn đừng lo, tôi là một trường hợp cá biệt, chắc hẳn không mấy ai đặt chân ra nước ngoài mà trong túi chỉ có 500 đô-la và nặng trĩu một khoản nợ như tôi. Hơn nữa, bố mẹ tôi không muốn tôi cố gắng kiếm tiền trả nợ, thậm chí họ còn gắng xoay xở để gửi thêm tiền cho tôi, nhưng tôi không muốn thế. Đó là chưa kể “số phận” tôi (dù chẳng bao giờ tôi tin) luôn có “duyên” với những chuyện đặc biệt (rồi bạn sẽ thấy điều đó).

Nhưng tôi luôn khuyên bạn bè, các lớp du học sinh sau này: nếu ra nước ngoài, dù gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, hãy tranh thủ đi làm thêm, một chút thôi cũng tốt. Ngược lại, thấy ai lao vào kiếm tiền, đi làm thêm tối ngày như tôi thì tôi hét lên “Hãy dừng lại ngay”.

Tại sao thế?

Đơn giản lắm, mỗi thứ là một lựa chọn, và mỗi lựa chọn vừa mang lại những lợi ích, vừa khiến ta trả giá, một kiểu “chi phí cơ hội”.

Làm thêm một chút, để bạn hiểu thêm giá trị của đồng tiền, sẽ khiến bạn tổ chức cuộc sống tốt hơn, hiểu hơn công ơn cha mẹ bạn hết lòng lo cho bạn. Đi làm cũng là môi trường để bạn hòa mình vào xã hội, một xã hội thật sự, không sách vở, để bạn học thêm tiếng, có điều kiện giao tiếp với đủ loại người. Sau này đi xin việc, nếu trong hồ sơ của bạn có nhắc đến chuyện bạn đi làm thêm trong thời gian đi học, dù là một việc “chân tay”, người tuyển dụng cũng đánh giá bạn khác hẳn. Đừng lo không kiếm được việc làm, đừng lo ngoại ngữ mình còn kém. Ngay cả khi tỷ lệ thất nghiệp lên đến mức kỷ lục, những công việc chân tay trong các nhà hàng, hoặc bán hàng cho Mc Donald, hoặc đi phát tờ rơi, thậm chí là đi thu hoạch hoa quả trong mùa hè hay làm nhân viên thu ngân, xếp hàng ở các siêu thị... luôn thiếu người làm và không đòi hỏi nhiều tiêu chuẩn ở ứng viên. Nếu bạn đã tìm được một diễn đàn điện tử của sinh viên nơi bạn ở, bạn cũng có thể tìm thấy các tin tìm người làm việc, hoặc có thể hỏi thêm về công việc. Nhưng theo ý của riêng tôi: nếu tìm được, hãy làm cho người bản xứ, bạn sẽ học được nhiều hơn, từ ngoại ngữ đến cách tổ chức công việc, giao tiếp...

Nếu bạn là người bị bạn bè gọi là “mọt sách”, là “công tử” hay “công chúa” thì việc đi làm thêm lại càng có lợi. Nó khiến bạn trưởng thành với tốc độ mà bạn cũng không thể tin được. Những bài học trên “đường đời” quan trọng không kém gì, thậm chí là hơn nhiều những thứ bạn học trên giảng đường, trong sách vở. Còn nếu bạn đã là người nhanh nhẹn, nhạy bén, có khiếu giao tiếp và có thiên hướng kinh doanh thì đi làm thêm cũng là một cơ hội thiết lập những mối quan hệ hay mở ra một ý tưởng thú vị.

Nếu bạn có điều kiện (kinh tế, ngoại ngữ...) thì tìm việc làm thêm ở một nước lân cận cũng là lựa chọn hấp dẫn. Ví dụ như bạn học ở Pháp, mùa

hè có thể sang Anh hoặc Tây Ban Nha, Thụy Sĩ xin việc làm (trong các quán ăn, các khu du lịch...) Bạn vừa được đi đây đi đó, vừa thực hành ngoại ngữ thứ hai của mình mà thu nhập có thể rất cao (ở Anh và Thụy Sĩ, các công việc chân tay được trả lương cao gấp rưỡi, thậm chí gấp đôi ở Pháp). Sau này, trong hồ sơ của bạn, việc đi làm thêm ở nước ngoài cũng chứng tỏ bạn là người tự tin, giỏi ngoại ngữ và thích khám phá, một điều được người tuyển dụng đánh giá cao.

Thêm một lời khuyên nữa, qua câu chuyện của tôi, trước khi bắt đầu đi làm bạn hãy dành chút thời gian nghiên cứu về luật, về quyền lợi và nghĩa vụ của người làm công. Ở các nước phát triển, mọi thứ đều được quy định rõ ràng, và ông chủ nào, dù có tính “bóc lột” đến mấy cũng đều biết luật. Họ sẽ không thể chèn ép bạn quá đáng nếu bạn biết luật.

Nhưng mà làm vừa đủ thôi, làm vừa phải. Đi làm chỉ nên là “phương tiện” cho mục đích chính là học tập, đừng để cái “phương tiện” ấy lúc nào đó lại trở thành mục đích. Bởi rất nhiều người, khi đã bắt đầu đi làm kiếm được tiền thì cũng bắt đầu ham tiền, và không dừng lại được. Dù là công việc chân tay, ở nước ngoài, số tiền bạn nhận được có thể khiến cho bạn ngạc nhiên. Khi tiêu tiền, cái gì cũng đổi ra tiền Việt làm bạn xót xa thì ngược lại, lúc lĩnh lương, nhẩm tính số tiền thu nhập ra “đồng” sẽ làm bạn choáng váng. Và bạn bị hút vào cơn lốc kiếm tiền. Nhiều bạn, dù gia đình rất có điều kiện vẫn lao đi làm từ sáng đến tối bởi sự cám dỗ của đồng tiền.

Và thế là bạn mất thời gian. Học hành chệnh mảng, vì mệt, vì bận... bạn học đuối dần và cuối cùng không theo nổi. Rất nhiều người sau thời gian lao đi kiếm tiền thì không còn hứng thú và động lực cho chuyện học nữa. Chuyển du học của bạn cuối cùng lại thành ra là “xuất khẩu lao động”.

Với những bạn đã có ngoại ngữ tốt và đã đăng ký chương trình học chính quy từ trước khi đặt chân đến nước ngoài thì còn đỡ, vì dù sao bạn cũng có một chương trình học cụ thể và thời gian biểu rõ ràng. Còn khi bạn bắt đầu du học bằng việc học tiếng, rồi mới thi vào trường nào đó thì cường lại sự “cám dỗ” của chuyện đi làm kiếm tiền sẽ khó khăn hơn nhiều. Bạn cứ lấy lý do là ngoại ngữ của mình còn chưa tốt, đăng nào cũng chưa đi học chính thức được, để tiếp tục đi làm, đi làm và chẳng bao giờ thoát ra được,

hoặc đến lúc thoát ra, ngoảnh đầu lại, bạn đã mất đi bao nhiêu thời gian quý giá của tuổi thanh xuân. Hãy nghĩ đến gia đình và sự nghiệp của mình, nghĩ đến cha mẹ đang mòn mỏi dõi theo từng bước chân bạn, và mong ngày bạn “chiến thắng trở về”.

Sông Seine, Chuyện Của Con Sông Và Những Bến Bờ



Khóa trên cầu tình yêu. (Ảnh: Tác giả)

Tôi sẽ tạm dừng những câu chuyện về đời du học gian khó để lãng đãng một lát trong chương này, để được mơ, được hát.

Cuộc sống là như thế, ít nhất đối với tôi. Có gian khó thì cũng có tận hưởng, có khắc nghiệt thì cũng có lãng mạn, mơ màng. Cuộc sống luôn cân bằng và công bằng với những ai biết sống. Mỗi khi khó khăn, tuyệt vọng tôi lại tìm cho mình những góc yên tĩnh, thơ mộng. Để xả hết, để nạp đầy.

Và ở Paris, nói đến lãng mạn, không thể không nhắc đến con sông và những cây cầu.

Con sông của Paris....

Vẻ đẹp lãng mạn của Paris phần nhiều được tạo nên nhờ dòng sông Seine chảy vắt ngang từ phía Tây sang phía Đông với chiều dài gần 13km.

Nếu nói chính xác, không phải sông Seine mà là sông Yonne chảy qua Paris (hoặc ít nhất cũng là cả hai). Tại sao lại thế? Bởi con sông chảy qua Paris là hợp nhất của hai dòng sông Yonne và Seine, gặp nhau tại Montereau-Fault-Yonne cách Paris 75km về phía Nam, tuy nhiên, dòng Yonne với lưu lượng chảy mạnh hơn nhiều lẽ ra phải là kẻ “bề trên” và đóng góp nhiều hơn cho con sông chảy vào Paris. Tuy nhiên, từ xa xưa (từ thời của người Gaulois cổ đại) người ta vẫn muốn gọi nó là sông Seine bởi cho rằng nguồn gốc của con sông này đến từ những vùng đất thần thánh, linh thiêng.

Sông Seine chảy qua Paris và chia cắt Paris thành hai phần: tả ngạn và hữu ngạn. Cách xác định tả ngạn và hữu ngạn là theo hướng dòng chảy của con sông. Hữu ngạn (bờ phải) là vùng đất nằm ở phía Bắc của Paris so với sông Seine và tả ngạn (bờ trái), tất nhiên, ở phía Nam. Có nhiều người mới đến Paris hoặc ở Paris mà không tìm hiểu về chuyện này, khi nghe tả ngạn hữu ngạn thì không hiểu, tôi nhớ có cô bạn Pháp gọi điện cho tôi bảo “đang đứng đợi cạnh sông Seine, đầu cầu Neuf nhé”, tôi hỏi “Bờ phải hay bờ trái”, cô ấy bảo “Ngốc thế mà cũng hỏi, bờ phải hay bờ trái còn phụ thuộc người ta quay mặt về hướng nào chứ.”

Để nối hai bên tả ngạn hữu ngạn ấy, có cả thấy 37 cây cầu và cầu vượt cho người đi bộ. Mỗi cầu một vẻ, một tính cách, một đặc điểm, một câu chuyện lịch sử.

Cây cầu già nhất còn tồn tại của Paris lại có cái tên Pont Neuf (nghĩa là cầu mới). Được hoàn thành từ đầu thế kỷ XVII, cây cầu nối liền đảo trung tâm (nơi sông Seine tách ra thành hai nhánh) với hai bên bờ sông. Trông nó không thật cổ kính sau nhiều lần được nâng cấp cải tạo nhưng nó đã đứng đó chứng kiến nhiều thăng trầm suốt chiều dài lịch sử của Paris.

Cây cầu mới nhất có lẽ là cầu vượt Simone de Beauvoir, khánh thành cách đây không lâu: một cây cầu vượt bằng gỗ dành riêng cho người đi bộ với những đường cong cầu kỳ, hiện đại.

Cây cầu đẹp nhất, vua của các cây cầu ở Paris là cầu Alexandre III, gần Invalides đã được nhắc đến ở chương trước. Nó là biểu tượng cho mối quan hệ Nga - Pháp, bởi đó là quà tặng của Nga hoàng Alexandre III cho chính phủ Pháp. Khi đến đây bạn sẽ choáng ngợp trước kiến trúc lộng lẫy, cầu kỳ của cây cầu, sẽ đắm chìm vào từng họa tiết trên mỗi tác phẩm điêu khắc, những cột đèn ở hai đầu cầu và dọc thân cầu. Đêm về cầu càng thêm lộng lẫy bởi hệ thống thả sáng của nó và của các công trình nghệ thuật, kiến trúc xung quanh. (Gần cầu Alexandre III không chỉ có Les Invalides mà còn có Grand Palais và Petit Palais là hai bảo tàng nghệ thuật, trung tâm triển lãm và nơi trình diễn các show thời trang nổi tiếng ở Paris.)

Cầu cao nhất (so với mặt sông) ở Paris là Pont Garigliano, nhỏ nhất là Pont Notre Dame; cầu dài nhất là Pont National, cầu tập nập giao thông nhất là Pont d'Austerlitz...

Một cây cầu nữa, tuy nhỏ nhưng không kém phần nổi tiếng ở Paris là Pont des Arts (cầu nghệ thuật) nhưng lại được gọi là cây cầu tình yêu của Paris. Đó là một cây cầu xinh xắn ở gần bảo tàng Louvre, nơi còn được gọi là Cung Nghệ Thuật (vì thế cái tên Cây cầu của nghệ thuật nhưng lại được biết đến nhiều hơn với tên không chính thức “Cây cầu tình yêu”).

Cây cầu được xây dựng như một cầu vượt qua sông Seine cho người đi bộ, sàn lát gỗ, hai bên thành cầu là những tấm lưới sắt bảo vệ. Đó là nơi lý tưởng cho các bạn trẻ đến tụ tập trên cầu vào những ngày và đêm đẹp trời, đi dạo, ngắm cảnh hay ngồi đàn hát, ăn uống, nhìn xuống dòng sông và những chuyến tàu qua. Chính những lưới sắt hai bên thành cầu cho bạn cảm giác như tầm mắt của mình không bị chặn lại, ngồi bệt xuống cầu vẫn có thể nhìn mọi cảnh vật trên sông. Nhưng bắt đầu từ những năm 2008, có một phong trào, một cái mode lan ra rất nhanh: những đôi yêu nhau đến cầu thề ước, cùng nhau khóa một ổ khóa bằng thép hay bằng đồng lên tấm lưới sắt bảo vệ, rồi ném chìa khóa xuống dòng sông.

Chiếc khóa trở thành một hẹn ước của tình yêu, một lời thề thủy chung không thay đổi (không thể gỡ bỏ) để rồi lâu lâu họ trở lại, tìm bằng được chiếc ổ khóa (có thể đã bị phủ lên bởi hàng ngàn chiếc khóa khác) và tự hào vì tình yêu của họ vẫn còn, như chiếc ổ khóa kia. Đây là trong hoàn cảnh lý tưởng nhất, còn tôi không biết trong hàng chục, hàng trăm ngàn các đôi tình nhân đã cùng nhau đến cầu làm lễ “khóa tình yêu”, liệu có bao nhiêu đôi trở lại đầy đủ hai người, vẫn tay trong tay, vẫn yêu thương thăm thiết. Có thể không ít người trở lại tìm chiếc khóa của mình để mà rơi lệ xót xa, hay phá lên cười cho một thời yêu đương lãng mạn và thơ ngây, cái khóa cũng có thể trở thành một “vết sẹo tình yêu” mà nhiều người không bao giờ muốn nhìn thấy nữa. Nhưng chỉ sau thời gian rất ngắn, những chiếc khóa ban đầu có vẻ ngộ nghĩnh đáng yêu thơ mộng, đã trở thành một hiểm họa thực sự: các tấm lưới sắt phải oằn mình gánh thêm sức nặng của hàng ngàn ổ khóa, có thể rơi xuống dòng tàu thuyền qua lại bên dưới bất kỳ lúc nào. Thành phố phải cử người đến cắt bớt khóa đi, tuyên truyền khuyến cáo các bạn trẻ đừng lại để bảo vệ cây cầu. Nhưng vô ích. Các ổ khóa lớp này chồng lên lớp khác phủ kín hai bên thành cầu. Năm 2014, một tấm lưới sắt đổ sập xuống, người ta cân được 520kg khóa các loại. Với 37 tấm lưới sắt như thế, cây cầu chịu thêm sức nặng gần 19 tấn “thề ước tình yêu”. Và thế là các tấm lưới sắt bị dỡ bỏ, người ta phải thay tạm, hoặc ốp đê ra ngoài bằng những tấm gỗ để ngăn chặn các ổ khóa mới. Và cũng ngăn luôn tầm mắt của bạn khi ngồi trên cầu. Cây cầu vì thế xấu xí đi rất nhiều. Đó chỉ là một trong vô vàn những câu chuyện về những cây cầu của Paris: mới có, cũ có, vui vẻ có, kỳ bí cũng có. Những cây cầu, và dòng sông góp mình vào vẻ đẹp và sự lôi cuốn đến lạ kỳ của thành phố này.

Nếu có dịp đến Paris, đừng bỏ qua cơ hội làm một chuyến du lịch trên sông Seine bằng thuyền để chiêm ngưỡng các cây cầu và các công trình kiến trúc dọc hai bên bờ sông. Không hiểu vô tình hay cố ý mà hầu hết các điểm du lịch, những nơi dừng chân đẹp nhất Paris đều nằm gần hai bờ sông Seine và điều đó càng khiến chúng trở nên lộng lẫy. Có nhiều cách để đi thuyền ngắm cảnh dọc sông. Bạn có thể chọn những chiếc Bateaux Mouches cho một chuyến đi chừng 1 giờ 15 phút không có điểm dừng: tàu

sẽ khởi hành từ Pont de l'Alma, đi xuống hướng đông đến Pont de la Sully (gần Notre Dame de Paris), rồi quay đầu đi dọc lên phía Tây cho đến qua Tháp Eiffel rồi quay lại điểm khởi hành. Nếu không, có thể lấy Bateaux Bus hoạt động như những chiếc xe bus trên sông với các bến dừng là các thắng cảnh nổi tiếng, bạn có thể rời tàu, lên thăm quan rồi lại về bến, đợi chiếc tàu tiếp theo. Cuối cùng, nếu có điều kiện, có thể chọn một số tàu lớn, sang trọng đi dọc sông trong khi bạn dùng bữa trưa hay bữa tối trên tàu. Thời gian lý tưởng cho một chuyến đi không có điểm dừng là lúc gần tối (khoảng 16 giờ 30 vào mùa đông và 20 giờ 30 vào mùa hè), như thế, khi đi bạn sẽ được chiêm ngưỡng cảnh vật trong ánh sáng ban ngày và khi về là vẻ đẹp của thành phố lên đèn.

Nếu có nhiều thời gian hơn, hãy đi bộ dọc sông Seine qua các điểm du lịch. Có rất nhiều những điểm nhìn (Point de Vue) dọc hai bờ sông, nơi bạn có thể phóng tầm chiêm ngưỡng các công trình kiến trúc cổ soi bóng xuống mặt nước, nơi mà bầu trời hòa mình xuống dòng sông và nhân lên cái vô hạn của tự nhiên, cái đẹp không giới hạn của cảnh vật. Hãy ngồi lại một chút nơi yên tĩnh để ngắm dòng sông, nghe tiếng sóng vỗ vào bờ đá (hay vỗ vào lòng bạn) và cảm nhận cái đẹp bằng tâm hồn bạn.

Và con sông của đời tôi...

Tôi rất thích được ngồi bên bờ sông ngắm nhìn dòng nước chảy. Từ lâu rồi, từ thuở nào không biết, tôi ví đời mình như một dòng sông: có lúc êm đềm, có khi sóng dữ, cứ chảy mãi, mãi miết với khát vọng vươn mình ra biển lớn để sục sôi, chảy mãi không thôi. Ngày xưa, cạnh sông Hồng, thời chưa ai biết đến “Bãi Tre” ở gần cầu Thăng Long (tôi cũng không biết bây giờ bãi ấy có còn không), nơi chỉ là một bãi cỏ xanh, vài tảng đá sít bên dòng sông và một rặng tre xanh ngắt, không một bóng người qua lại, tôi đã thích ngồi một mình nơi đó mà hát “Chảy đi sông ơi”.

Khi còn ở Hà Nội, tôi thích ra những bãi hoang vắng như thế dọc sông Hồng, ngồi ngắm sông và suy nghĩ miên man. Nếu có thể so sánh, tôi thích sông Hồng hơn sông Seine và cảm thấy giống với mình hơn: tự nhiên hơn, hoang dã hơn, biến đổi không ngừng. Mùa nước lên sông Hồng rộng hơn chính nó gấp nhiều lần, mạnh mẽ, hoang dại. Cái màu phù sa đỏ như máu

chảy trong ven của cơ thể, cuộn cuộn đầy nội tâm. Mùa nước cạn, sông lại hiền lành đến dịu dàng, êm đềm như một lời ru.

Dòng sông Seine có hai bên kè đá, vì thế mà nó bị khống chế, an toàn hơn, hiền lành hơn, đẹp hơn nhưng ít nhiều mất đi vẻ tự nhiên. Sông Seine cũng “thuần” hơn sông Hồng, mực nước giữa các mùa chênh lệch không nhiều, luôn xanh ngắt một màu.

Nếu ví von tôi sẽ thấy dòng sông Seine giống như nàng thiếu nữ gia giáo biết (và bị) kiềm chế, kiêu sa, dịu dàng, cũng biến đổi, cũng cuộn trào, khát vọng nhưng luôn ở trong một chừng mực nào đó. Những lần đầu tiên ngắm sông Seine, tôi đã nhìn thấy hình ảnh của nàng thiếu nữ ấy, và đột nhiên cảm thấy một người con gái như thế sẽ (hay đã) là người lý tưởng, bù trừ (bổ sung hay khống chế) cho một gã trai như tôi, dòng sông Hồng: tự nhiên, hoang dại, cảm xúc dạt dào, muốn giằng xé thoát ra, lại muốn vỗ về ôm ấp, khát khao vượt lên tất cả để tìm đến sự vô cùng, lại thêm khát những bến bờ bình yên.

Tôi đã từng là một dòng sông ngạo mạn, đầy thách thức, coi khinh những cái gọi là “đời thường”, tôi nổi loạn, tôi làm những chuyện không tưởng để chứng minh bản lĩnh và sự tự tin của mình. Ấy là một thời “trẻ trâu” như người ta nói. Nhưng tôi cũng nhiều lúc nhẹ nhàng lãng mạn, luôn quan tâm đến mọi người bằng một tấm lòng sơ mộc nhất. Mộc mạc như chính dòng sông.

Như con sông, tôi đã có cho mình những bến bờ. Bến bờ của tôi là gia đình, là cha mẹ, là chị tôi. Bến bờ của tôi là những bạn bè, những người luôn sẻ chia với tôi mọi vui buồn, của tôi, của họ. Bến bờ của tôi là những người con gái, đã ngang qua cuộc đời tôi. Đã có lúc tôi xem thường những bến bờ ấy, chỉ ào ạt cuộn dâng “nhìn ra biển lớn”, muốn vươn đến cái gì đó vĩ đại hơn, hoành tráng hơn mà tôi không rõ, vô tình bỏ lại sau lưng khắc khoải những bến bờ.

Như dòng sông Hồng bên lở bên bồi, có khi tôi mãi miết bù đắp, trải lòng mình ra mà bù đắp, nghĩ mình đang xẻ tâm xẻ thịt của mình ra để bù đắp cho một người, tưởng rằng những giá trị, những tình cảm ấy từ mình mà ra cả. Đâu biết rằng chính lúc ấy tôi đang rút lòng rút ruột một người

khác, nhiều người khác, lặng lẽ hy sinh, lặng thầm bù đắp cho tôi. Cái phù sa cuộn chảy trong máu mình, mình tưởng là của mình hết cả, mình đem đi bù đắp cho một người, hóa ra cũng đến từ người khác. Cái sức mạnh mình tưởng chỉ riêng mình có, tự mình tạo ra, ào ạt cuộn chảy hóa ra cũng đến từ lặng thầm những bến bờ kia, từ những bờ đất chịu uốn cong mình tạo thành đà cho con nước chảy.

Cuộc sống là thế, có vay có nợ, không cái gì tự nhiên sinh ra, tự nhiên biến mất, chỉ chuyển thể từ dạng này sang dạng khác, từ người này sang người khác. Cái ta có không tự nhiên mà có, cái ta cho đi không hoàn toàn mất đi và có thể lại một ngày quay lại với ta trong một hoàn cảnh khác, trong một hình hài khác.

Ta chinh phục để thỏa mãn sự kiêu hãnh của bản thân, để chứng minh giá trị. Ta phiêu du để dứt ra khỏi cái tầm thường, để không giống như bao kẻ tầm thường kia. Rồi một lúc chơi vơi chân trời xa, giữa cái bao la bỗng thấy lòng trống trải, thềm nghe đơn giản một tiếng yêu thương, thềm một bờ vai để dựa vào, để khóc như chưa từng được khóc. Thấy mình tầm thường đến thế.

Ta đã từng yêu thương mà bị phản bội, đã tự tin, cố gắng hết mình mà thất bại, nhiều khi vì một lý do ngớ ngẩn nhất, bị tổn thương vào lúc ít ỏi phòng nhất, bị hạ nhục bởi đối thủ tầm thường nhất, tưởng rằng mình không bao giờ có thể thất vọng hơn. Cho đến lúc chợt nhận ra mình tự đánh mất những giá trị của bản thân, mất đi chính con người và tâm hồn mình, làm cho chính những người yêu thương mình nhất phải thất vọng tràn trề, mới hiểu rằng cái thất vọng lớn nhất của đời người là đánh mất chính mình.

Ta đã từng trải qua những thăng trầm cuộc sống, những “hỉ, nộ, ái, ố” trong cuộc đời, đã đau đớn và tuyệt vọng, đã nghĩ rằng không mất mát gì làm ta đau hơn, không có thứ cảm giác gì ta chưa từng trải qua. Cho đến lúc một người nhắm mắt, ta hốt hoảng chạy đến, muốn gào thét những lời không thể nói, muốn ôm lấy, muốn kéo dậy. Vừa hối hận những gì chưa kịp (hay đã lỡ) làm, vừa tiếc nuối những gì đẹp đẽ đã trải qua và đau đớn những gì đẹp đẽ không bao giờ còn sẽ chia được nữa, mới biết rằng mất mát lớn nhất của đời người là mất đi người thân yêu, mất đi một bến bờ.

Tất cả những suy nghĩ ấy bỗng một lúc nào đó tôi nghiệm thấy khi ngồi ưu tư bên một dòng sông. Sóng nước cuộn cuộn chảy dường như đem ý nghĩ mình đi xa hơn, rộng hơn.

Vài tháng sau khi đến Pháp, ngồi bên bờ sông Seine nghe dòng nước chảy, tôi đã nghĩ về cuộc đời mình, về một quãng đời ngang tàng, nổi loạn tôi trải qua. Về những bến bờ khắc khoải vì tôi. Về một bến bờ tôi tưởng rằng mình đã có để dừng chân yên bình mà dường như không phải, tôi tự đánh lừa mình hay người ta đang lừa dối tôi. Về khát vọng vươn ra biển lớn để chứng minh bản thân rồi chợt thấy lòng trống trải, chẳng biết về đâu. Chưa từng học một nốt nhạc, tôi bỗng nghe những giai điệu (có lẽ là nhờ sóng) vang lên trong đầu, và tôi viết một ca khúc mà tôi đặt tên là **“Bến bờ”**:

*Nghe con sóng vỗ vào bờ đá
Mà tôi ngỡ như sông đang nói thầm
Một thời rong chơi, một thời vội vã
Rồi một chiều con sóng biết băng khuâng.
Muốn tìm lại một thời nông nổi
Sông ngạo cười trên những bình yên
Sông khao khát vươn mình ra biển lớn
Để lại sau lưng khắc khoải những bến bờ.
Sóng đã vội vàng xa, gió mãi đẩy về xa
Càng dần bước sông càng xa bờ bến
Xa nơi xưa khuất mờ, xa ước hẹn
Giữa biển khơi sông dâng mình mưa giông.
Sóng cứ cuộn trào đi, gió cứ bạc đầu đi
Càng sóng gió, sông càng thêm mạnh mẽ
Sông đam mê, sông tự trào, sông dữ dội
Trong thét gào, sông quên mình bơ vơ.
Rồi một phút bình yên nghe con sóng hỏi
Biển mênh mông đến thế, sao mình không biết
về đâu?...*

Ca khúc ấy rồi tôi đổi lại tên thành “Bến bờ 1”, nó giống như chương đầu trải nghiệm của con sông tôi về những “bến bờ”, nó cũng giống như phần đầu của cuộc hành trình đời tôi đi tìm (những/một) bến bờ.

Hai năm sau tôi đã (lại?) yêu một người con gái. Và cũng một chiều bên sông, tôi viết bài hát “Bến bờ 2” như một lời tự sự, cũng như lời kết cho cuộc hành trình tìm những bến bờ của tôi:

*Thật giản dị, tình anh dành cho em
Chỉ thế thôi, không có chàng hoàng tử nào về trong giấc mơ ban tối
Thật lạ lùng, tình anh dành cho em
Đắm say, như chưa bao giờ anh tự biết trái tim mình
Anh đã đi tìm, một tình yêu trong mưa gió
Lang thang như áng mây phiêu du
Còn em, cơn mưa nào bỗng về mát lành
Anh ngỡ ngàng, gặp lại tim anh sau bao năm tháng cô đơn chân trời xa.*

*Bay đi những áng mây phiêu du
Rồi con sông sẽ tìm về bờ bến
Trong bài hát có niềm vui chợt hiện
Có tuổi thơ, có năm tháng học trò
Rồi con sóng sẽ vỗ vào bờ đá
Kể em nghe chuyện tình yêu rất lạ
Rằng như sông một ngày anh chợt biết
Trong tim ai cũng cần có bến bờ
Rồi như sông một ngày anh tìm thấy
Cho riêng anh, là em, bến bờ...*

Và giống như lời kết của chương, (con sông) tôi muốn nói với bạn: “Trong tim ai cũng cần có bến bờ”, hãy trân trọng bến bờ của bạn, đó là điểm tựa để (con sông) bạn vươn đến mọi thành công.

Bạn có thể đã nghe hai ca khúc ấy nếu bạn từng là du học sinh ở Paris cùng thời với tôi, nếu không, một ngày nào đó, nếu có thể, tôi sẽ hát cho bạn nghe...

Các Nhà Ga: Nơi Bắt Đầu Hay Kết Thúc (một Chuyến Đi Một Tình Yêu Hay Nhiều Hơn Thế)



Gare de Lyon. (Ảnh: Tác giả)

Ở Paris có nhiều nhà ga. Tôi không nói đến những ga tàu điện ngầm vì thứ ấy có hàng trăm cái. Tôi nói đến những cái ga theo định nghĩa cổ điển, tức là điểm đến và điểm đi của những chuyến tàu xa: tàu nhanh, tàu chậm, tàu ngày, tàu đêm.

Ở Hà Nội tôi chỉ nhớ có ga Hàng Cỏ (bây giờ đổi tên là ga Hà Nội) cũng mang dáng dấp của các nhà ga ở Pháp vì nó được xây dựng từ thời

Pháp thuộc. Tôi đã có biết bao kỷ niệm với ga Hàng Cỏ mà có lẽ tôi sẽ kể ở một cuốn sách khác.

Còn ở Paris, những ga như vậy rất nhiều. Với một thành phố hiện đại và phát triển, đặc biệt là ngành đường sắt phát triển, việc xây dựng các nhà ga là điều quan trọng. Ở mỗi hướng đông tây nam bắc của Paris đều có các nhà ga lớn, là đầu mối cho hàng ngàn chuyến tàu ra vào mỗi ngày.

Những công trình kiến trúc và nơi hội tụ cảm xúc dâng trào

Các nhà ga ở Paris không chỉ đơn thuần là nơi đón đưa các chuyến tàu. Mỗi nhà ga cũng là một công trình kiến trúc, một chứng nhân lịch sử. Rất nhiều nhà ga đã được đưa vào sử dụng từ gần 200 năm, có thể kể đến Gare de l'Est (Ga phía Đông), gare du Nord (Ga phía Bắc), Gare de Lyon, Gare Saint Lazare, các nhà ga này đều được đưa vào sử dụng trong khoảng từ 1837 đến 1849 - Thời kỳ cực thịnh của ngành đường sắt cổ xưa ở Pháp.

Nếu đến Paris, có thể bạn sẽ bắt buộc phải có mặt ở một trong những nhà ga ấy nếu bạn muốn đi tàu ra các tỉnh hay sang các nước châu Âu khác. Nếu không, hãy cố đặt chân đến một trong những nhà ga ấy, đó có thể cũng là một điểm dừng chân thú vị. Bởi như đã nói, mỗi nhà ga đều là một công trình kiến trúc cổ kính. Đường nét kiến trúc bên ngoài của các ga đều được giữ gần như nguyên vẹn, còn bên trong thì được nâng cấp, cải tạo để đáp ứng được rất nhiều những nhu cầu của thế giới hiện đại: mỗi nhà ga đều ít nhiều trở thành một trung tâm thương mại với hệ thống các cửa hàng, quán ăn, vừa nối trực tiếp với hệ thống tàu điện ngầm dưới lòng đất để tạo thuận lợi cho hành khách. Điều đó cũng sẽ khiến bạn thấy khâm phục với tầm nhìn quy hoạch của người thiết kế nhà ga từ gần 200 năm trước: sau gần ấy thời gian, khung của nhà ga vẫn đủ lớn, đủ tiện lợi cho sự phát triển, cải tạo không ngừng ở bên trong. Và khâm phục những người quản lý, thiết kế thời hiện đại: họ phát triển mà vẫn bảo tồn, làm mới mà không chà đạp lên lịch sử.

Các bạn có thể giống tôi: tôi vừa thích lại vừa ghét cảm giác ở bên trong mỗi nhà ga, bến tàu hay sân bay. Bởi mỗi lần đặt chân đến hay rời đi những nơi này, trong tôi đều ngập tràn những cảm xúc khó tả. Đôi khi là hồi hộp đợi chờ ai đó, có khi là háo hức một cuộc hành trình mới, khi thì

căng thẳng lo lắng và vội vã vì sợ trễ giờ, lúc lại trì hoãn chậm chạp vì không muốn tiễn một người đi... Cũng một nơi ấy, cách nhau mấy ngày hay một tuần có khi là hai tâm trạng khác hẳn. Một tuần trước ta từng bừng rộn rã háo hức mong đợi lên tàu để bắt đầu một chuyến đi. Một tuần sau thì mệt mỏi trở về, thấy trước mình là bộn bề cuộc sống đời thường, là nuôi tiếc những gì còn chưa kịp làm, là thấy xa vời cái ngày lại xách va li đi chuyển mới. Mấy ngày trước ta đón một người, ngập tràn cảm xúc chờ đợi, yêu thương (những lúc ấy, tôi hay có thói quen vừa hút thuốc, vừa rút giấy bạc trong bao thuốc lá và viết vội lên đó một bài thơ giống như chép lại những nhung nhớ, đợi chờ dồn nén. Có ai đã từng nhận những bài thơ trên giấy bạc bao thuốc lá của tôi? Còn giữ không? Tôi nhớ hầu hết những bài thơ mình viết, trừ những bài viết trong hoàn cảnh ấy. Có lẽ tâm trạng căng thẳng hồi hộp và cảm xúc dâng trào khiến mình mất đi chút tỉnh táo. Và rồi bài thơ được tặng đi, mình chẳng nhớ dòng nào, chẳng nhớ mình đã viết những gì trong ấy.) Mấy ngày sau ta tiễn người đi, thê thảm giống như là mất nhau vĩnh viễn (mà đôi khi mất thật).

Khung cảnh bên trong các nhà ga ở Pháp thường rất sôi náo nhiệt, bởi vì người mua sắm trong các khu thương mại, người sử dụng tàu điện ngầm dùng nhà ga như lối ra vào, những người đến đón, tiễn và trung tâm của cái không khí ấy: những chuyến tàu. Mỗi chuyến tàu tốc hành của Pháp (TGV) là vài ngàn hành khách. Ngần ấy người, ngần ấy tâm trạng ứa vào, ứa ra. Tôi không biết có phải vì mình nhạy cảm quá không mà ở giữa những người ấy, tôi nghe thấy hết, cảm nhận được hết tâm trạng của từng người, những âm thanh, không chỉ là tiếng nói cười, tiếng chân bước mà cả nghe được tim mọi người đập mạnh, cả sự lưu thông của máu ở trong ven từng người một. Những cảm giác, âm thanh ấy nhân lên hàng ngàn lần, mạnh như ta đang đứng giữa một dàn giao hưởng trong nhà hát Opera (kiến trúc với các mái vòm rất cao của nhà ga Pháp càng làm cho tôi có cảm giác ấy) và âm thanh, cảm xúc mãnh liệt đến mức bao giờ tôi cũng thấy tức ngực, cơ bụng căng như bị ép chặt và tai hơi ù đi.

Thế mà, trong quang cảnh náo nhiệt ấy, giữa biển người như đàn kiến khổng lồ chạy qua chạy lại ấy, bao giờ cũng có những góc thanh bình, tĩnh

lặng đến lạ lùng: một đứa bé ngủ gục, dựa đầu vào chiếc vali trên ghế băng, một quý ông ngồi vắt chân, nhâm nhi cà phê và thanh thản đọc báo, một cặp tình nhân không ôm hôn, chỉ đứng rất lặng nhìn nhau, như thể muốn nuốt trọn cả người kia vào trong đáy mắt, và tôi, đang hí hoáy viết những gì trên một tờ giấy bạc, viết không cần nghĩ, không sửa vì đơn giản là chỉ chép lại những gì đang tuôn trào. Thanh bình, tĩnh lặng đến kinh ngạc.

Bạn có bao giờ nghe thấy, nhìn thấy những điều ấy không?

Đã từng có một cuộc chia ly...

Trong suốt những năm ở Pháp, tôi có cơ man nào là kỷ niệm ở khắp các nhà ga, không chỉ ở Paris, ở các tỉnh mà còn ở những thành phố châu Âu khác, đặc biệt là ở London. Nhưng tôi sẽ vẫn còn nhớ mãi, ghi tâm mãi hai khoảnh khắc ở nhà ga mà giống như những chuyến tàu đi, tàu đến để bắt đầu hay kết thúc một hành trình, đã khép lại và mở ra một chương tình cảm trong cuộc đời tôi, thay đổi lối suy nghĩ và cách sống của tôi hay còn hơn thế nữa.

Trước khi rời Việt Nam tôi đã nói lời yêu với một người con gái. Trước đó có nhiều người con gái ngang qua cuộc đời tôi, có khi rất nhanh, có khi kéo dài sáu, bảy năm trời (và cũng là nguyên nhân chính cho những năm trung học đầy nổi loạn của tôi) mà không đi đến đâu. Nhưng tôi có rất nhiều bạn gái thân thiết, cô nào cũng có với tôi nhiều tình cảm, nhiều chia sẻ, tâm tình, kỷ niệm đến mức đều có thể là người yêu của tôi. Ở Hà Nội cũng có, ở tỉnh xa cũng có, bạn cùng học có, bạn xã hội cũng có. Nhưng cuối cùng lại chẳng có gì cụ thể. Có lẽ vì tôi là người đa tình, có người bảo tôi “đào hoa”. Hoặc có thể là cả hai hoặc không là gì cả. Tôi chân thành, tôi dành tình cảm cho nhiều người, nhưng có thể vì tôi nhát quá, ngốc nghếch quá. Hoặc vì tôi đa mang nhiều công việc, trách nhiệm, nhiều mối quan hệ đến mức không có thời gian để nghĩ lại xem tình cảm của mình với người ấy là gì. Hoặc vì tôi bất cần nổi loạn, “để lại sau lưng khắc khoải những bến bờ” hay hình ảnh của một gã trai tình cảm nhưng ngang tàng phá phách, lầm lì nhưng nóng tính, đa tài và đa tình mạnh đến mức không có cô nào nghĩ đến việc dám yêu tôi, hay dám để tôi yêu. Hoặc vì tôi có một lũ bạn trai thân nhau đến mức cứ một thẳng ngấp nghé có người yêu là cả lũ phá

hoại, sợ sẽ mất đi một thành viên trong nhóm, vì bị “gấu” quản lý. Có thể là vì ngần ấy thứ cộng lại.

Vào khoảnh khắc sắp rời xa, tôi bỗng cuống quýt tự hỏi mình vô số điều: Liệu mình ra đi mà không nói với ai điều gì cả có phải là để lại sau lưng thêm những bến bờ khắc khoải không? Liệu trong số những bờ bến ấy, có một bờ bến đích thực của mình, mà bấy lâu nay mình ham vui hay bất cần không nghĩ đến không? Ra đi như thế có “nặng gánh” quá chăng?

Tôi không sợ mình ra đi mà không có ai để chia sẻ, vì tôi luôn có nhiều nơi để chia sẻ, tôi chỉ sợ mình đang phụ một người, đang khiến một người mòn mỏi đợi chờ tôi nói một câu. Nhưng người ấy là ai? Thật đấy, tôi đã hỏi mình như vậy. Bởi ở thời điểm ấy tôi không biết mình phải nghĩ đến ai.

Là cô gái tôi đã yêu điên cuồng trong suốt nhiều năm (và biết chắc cô ấy cũng yêu tôi) nhưng vì một lời hứa ngớ ngẩn và vô vàn những chuyện ngu ngốc khác mà không bao giờ tôi nói được lời đơn giản nhất mà cũng khó khăn nhất. Và tôi sẽ không bao giờ nói.

Là mối tình lãng mạn nhất mà tôi từng có, gặp mặt lần đầu như sét đánh, là cô gái đầu tiên khiến tôi phải làm thơ, phải hát tặng, phải ngồi hàng giờ làm tượng, vẽ tranh làm quà. Là người đã thay đổi tính nhút nhát của tôi trước đám đông và trước những người con gái?

Là cô bé đáng yêu ở xa Hà Nội, vài tháng mới được gặp một lần nhưng hầu như ngày nào chúng tôi cũng chuyện trò qua điện thoại, và lần nào đưa em ra ga hờn tôi cũng nặng trĩu như phải tiễn một phần lòng mình rời xa.

Là cô gái dưới tôi một khóa, đầy nghị lực và tình cảm khiến tôi rung động. Mỗi kỳ thi lại chép bài, soạn đáp án những môn học chung mang đến tận nhà tôi.

Là em, học cùng lớp nhưng kém tôi đến hai tuổi, cô “bé con” tôi chẳng để ý đến những năm cấp Ba, bỗng một ngày gặp lại, đôi mắt đẹp và sâu thăm thẳm đã khiến tôi sửng sốt. Suốt mấy năm đại học, dù không học chung trường nhưng gần như ngày nào chúng tôi cũng phải gặp nhau (trừ những khi hờn giận hay tôi tỏ thái độ bất cần, hay tôi bị cuốn vào một cuộc

phiêu lưu “sét đánh” nào đó). Cũng chính em là người đã khuyến khích động viên tôi làm luận văn để có tấm bằng loại giỏi, đã khích tướng tôi tham dự kỳ thi tuyển lấy học bổng đi Pháp, đã cố gắng thay đổi suy nghĩ của tôi muốn bỏ suất đi và thuyết phục được tôi dẫn mình vào chuyến phiêu lưu.

Có thể bạn sẽ không tin, nghĩ tôi thối phồng phồng đại (vì đàn ông hay thích khoe khoang những “chiến tích tình ái” của mình, dù nhiều khi chỉ là tưởng tượng), nhưng quả thực vào thời điểm ấy tôi có tình cảm với ngần ấy người con gái, rung động có thể ít hơn hoặc nhiều hơn, tình cảm có thể khác nhau nhưng đều sâu đậm. Có thể vì tôi đa tình mà hồn nhiên quá, dễ trải lòng mình ra nhưng lại không đủ dũng cảm để lựa chọn hay quyết định, hoặc ám ảnh về mối tình đầu tiên kéo dài đau khổ, chưa bao giờ bắt đầu nhưng cũng không bao giờ kết thúc kia khiến tim tôi như bị khóa lại ở một ngưỡng nào đó, không thể đi xa hơn, khiến tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ còn có thể thuộc về ai được nữa và khiến người ta cũng chững lại, nghi ngờ.

Nhưng khi ấy không hiểu sao tôi bỗng bắt buộc mình phải chọn một người, có thể bởi vì tôi sẽ không còn có điều kiện để “đa mang” nữa, có thể vì tôi sợ người ta phải chờ đợi vô vọng một kẻ không ra gì như tôi. Và tôi đã chọn em, cô bé trung tâm của câu chuyện khiến tôi “xuất ngoại”. Tôi chọn em cũng vì tôi cảm thấy mình mang “nợ” với em sau tất cả những gì em làm cho tôi. Hoặc tôi sợ rằng một người giàu tình cảm như em, nếu quả thực đang yêu tôi thì việc tôi ra đi không nói năng gì có thể làm em sốc nặng không gượng lại được.

Chính bởi thế mà tôi đã sai lầm. Tình yêu không bao giờ (nên) là một toan tính, một lựa chọn (hay bất cứ sản phẩm nào khác của lý trí) trong bất cứ hoàn cảnh nào. Cũng không phải là thứ ta mang đi trả nợ hay để ban ơn. Nó chỉ nên được điều hành bởi duy nhất trái tim bạn, rung động của bạn. Đừng đặt ra đường đi cho tình cảm, mà chính nó sẽ dẫn đường cho bạn, giống như một câu thơ mà sau này tôi viết “Con tim yêu tự biết lối để đi/Tự biết lối đến bến bờ hạnh phúc” (Câu chuyện của những câu thơ này cũng thật tai ác, rồi bạn sẽ hiểu khi đọc đến phần cuối của câu chuyện này).

Cảnh tỏ tình của tôi có lẽ cũng vì thế mà giống như một phiên cảnh tồi tệ nhất trong một cuốn phim serie hạng B. Nó miễn cưỡng và thô cứng, vụng về thiếu tự nhiên. Và em, có lẽ cũng bối rối vì hoàn cảnh, cũng không đủ tỉnh táo trong thời điểm mà quá nhiều thứ trộn lẫn ập đến quá nhanh ấy, đã không biết mình đang nghĩ gì và phải nói gì. Em không nhận lời, cũng không từ chối, nhưng nói “Em sẽ chờ”.

Ngày hôm sau tôi lên máy bay với 80 cân hành lý và Ba Ngàn Cân “Em sẽ chờ” nặng trĩu trên vai.

Những ảo ảnh của một “mối tình” không có thực

Trong rất nhiều ngày tháng, ba tiếng ấy đã là động lực, là mục tiêu của tôi những lúc khó khăn. Tôi lấy đó là mục tiêu cho mình, tự hứa với mình sẽ chiến thắng trở về để không phụ một người đã và sẽ chờ tôi.

Trong rất nhiều ngày tháng, tôi đã tự mê hoặc đầu óc mình bằng ba chữ ấy, đã phát điên lên vì thứ tình cảm bị chính tôi phóng đại lên dành cho em. Đặt chân đến Paris, tôi chỉ nghĩ đến em, đến viết thư, làm thơ gửi cho em, đến “khủng bố” hòm thư của em bằng trăm ngàn những dấu “?”, “!!!!” những “xxxx” thay cho những nụ hôn. Tôi không ăn không ngủ khi không nhận được thư, phát sốt lên khi đọc một lời yêu thương, thê thảm khi thấy một dòng viết lạnh lùng của em. Giá thời ấy phương tiện trao đổi thông tin phong phú và thuận lợi như bây giờ, để tôi và em có thể thoải mái trao đổi với nhau sau khi đã vượt qua cú sốc của cuộc chia ly, hay có điều kiện để nói với nhau nhiều hơn, để không bị đánh lừa bởi sự thiếu thốn thông tin thì có lẽ mọi chuyện đã được giải quyết nhẹ nhàng hơn. Nhưng thời ấy internet vẫn còn là thứ xa xỉ, check mail và viết một cái mail ở Hà Nội khi ấy không phải dễ dàng và nhất là không nhanh chút nào. Gọi điện thoại lại mất quá nhiều tiền. Tôi chỉ cho mình vài phút mỗi tuần, chỉ kịp nói vài câu. Chính cái thiếu thốn ấy lại càng khiến cho ta mong nhớ đến phát cuồng, không biết rằng ta đang tự dối lòng.

Mà cái gì không thật lòng thì không kéo dài được lâu, ít nhất là với em. Những ngày đầu tiên em viết cho tôi mỗi ngày một lá thư tay, đợi đủ bảy ngày thì gửi. Mỗi ngày vài lá thư điện tử. Em kể đã khóc rất nhiều vì nhớ tôi, đã thức nhiều đêm để nghĩ đến tôi, đã ngất đi vì căng thẳng và

thiếu ngủ trong phòng thi tuyển cao học, đã chia sẻ với tôi đủ thứ hồi hộp, nhớ mong...

Rồi dần dần thư tay thưa đi, thư điện tử cũng ngắn dần lại. Đó có lẽ cũng là lúc em bắt đầu có hình bóng của một người khác. Nhưng điều ấy mãi sau này tôi mới biết.

Tôi nghĩ mình là người mắc sai lầm đầu tiên trong câu chuyện tình yêu tưởng tượng ấy. Và sau này tôi đã vui vẻ trở lại với em như một người bạn bình thường cũng bởi tôi hiểu em, trân trọng những tình cảm em đã dành cho tôi. Nhưng tôi sẽ mãi mãi trách em, giận em vì em đã không đủ thành thật với tôi trong suốt một thời gian dài. Vào những lúc mà tôi cần em nhất, hay ít ra, cần đến sự chân thành của em nhất.

Nãy giờ chỉ mới là tiền đề cho câu chuyện đầu tiên của chương này, mà đã dài thế. Tôi đã cố gắng tìm cách ngắn nhất để diễn tả những gì muốn nói. Câu chuyện sắp kể lại không chỉ liên quan đến riêng mối quan hệ với một người con gái, mà còn là một trong những câu chuyện phức tạp nhất vẫn chưa có lời kết trong đời tôi.

Những người bạn và câu chuyện “đồng tiền xương máu”

Bây giờ tôi trở lại với Paris với những năm tháng khó khăn.

Tôi không có nhiều thời gian, nhưng luôn có nhiều bạn. Bao giờ cũng thế, kể cả ở Paris. Bởi tôi luôn mở lòng với mọi người, tôi giúp bất cứ ai bằng bất cứ cách nào tôi có thể nếu tôi thấy người đó thật sự cần. Tôi không chỉ mở lòng, mà mở cửa nhà đón chào bất kỳ ai muốn đến hay cần đến. Bởi cho đến lúc ấy, tôi chỉ đơn giản nghĩ rằng nếu mình thật lòng với người, họ cũng sẽ thật lòng với mình. Cũng vì tôi tin vào trực giác của mình, tin vào kinh nghiệm từng trải, ném mùi đời với đủ hạng người của mình để nghĩ rằng không có gì gian dối qua được mắt tôi.

Hồi ấy mới sang, để tiết kiệm tiền nhà, tôi chung phòng với cậu bạn cũng nhận học bổng cùng đợt với tôi, mặc dù trước kia chúng tôi chưa bao giờ thấy hợp nhau và chơi với nhau nhiều. Sau này thấy một cậu em cùng trường sống vất vưởng ở ký túc xá, gầy đói vì không biết nấu ăn, tôi lại kéo đến nhà ở chung. Phải nói thêm rằng, ai ở chung nhà với tôi cũng chỉ một

thời gian sau là tròn xoe, và đứa nào cũng kêu “Tại anh nấu ăn ngon quá, anh chăm cho em ăn còn hơn mẹ em”.

Ít hôm sau nữa thì cậu em ấy dẫn về một người, giới thiệu là anh họ, rất giỏi, rất tốt. Nhìn mặt không được thiện cảm lắm, nhưng sau một hồi nói chuyện thấy có vẻ cởi mở, tôi cũng coi như bạn bè. Người ấy không sống cùng chúng tôi, nhưng rất hay đến ăn uống, ngủ lại. Vì là “người nhà” của anh em trong nhà nên tôi đối đáp rất chu đáo, không một chút nghi ngờ.

Rồi ba anh em trong nhà chúng tôi tham gia một chuyến du lịch của một tổ chức từ thiện, không mất tiền. Trong đoàn đi có nhiều người Việt Nam từ nhiều vùng khác của nước Pháp. Chúng tôi làm quen và kết bạn với một anh bác sĩ từ Việt Nam qua thực tập một năm, ở cách Paris vài trăm cây số. Sau chuyến đi anh em cũng quý nhau, mỗi lần anh lên Paris có việc lại ghé qua nghỉ ở nhà tôi, lần nào đến anh cũng mua quà, mua đồ ăn ngon vì biết chúng tôi không có tiền, chỉ toàn mua những thức ăn rẻ mạt nhất.

Vài tháng trôi qua, tôi quay cuồng trong guồng quay đi học – đi làm, rồi những vất vả, những tai nạn liên tiếp ở nhà hàng, những uất ức với ông chủ, những thất vọng ngày càng nhiều trong mối quan hệ với em khiến tôi càng trở nên “tâm trạng”, tôi chẳng quan tâm nhiều đến chuyện đời, mỗi đêm đi làm về, thấy có khách đến chơi thì làm đồ ăn rồi ngồi uống rượu tiếp chuyện, uống đến say mèm rồi lăn ra ngủ.

Vì đi làm chui nên tôi chỉ nhận tiền mặt. Làm nhiều đến nỗi tôi không có thời gian gửi tiền vào tài khoản, mỗi lần nhận lương về thì cất vào cái cặp để ở ngăn tủ trong phòng ngủ, cũng là phòng khách, phòng ăn của chúng tôi. Cho đến một buổi sáng chúng tôi có giờ lên lớp muộn hơn thường lệ, hai đứa cùng phòng rủ nhau lên trường sớm đọc e-mail, lúc ấy tôi định lấy số tiền dành dụm gần ba tháng của mình để đi gửi vào tài khoản đã cạn tiền của tôi. Tôi mở cặp, chỗ để tiền chỉ còn cái phong bì trống không.

Cả đời tôi không quên lúc ấy. Mồm há hốc, khô khốc. Tôi không biết mình phải làm gì, phải hét lên, phải đập phá, khóc lóc hay phát điên lên. Số tiền kiếm được bằng mồ hôi, rất nhiều mồ hôi và máu, rất nhiều máu của tôi đã biến mất. Số tiền mà tôi dự định dành dụm cho năm học tới, số tiền

mà tôi định trích ra gửi về trả nợ cho mẹ. Số tiền mà không có nó, ngày mai tôi chưa biết sống bằng gì. Nhưng tôi vẫn nhớ rằng khi đó, cảm giác mất tiền đối với tôi không quá ghê sợ, cái khiến tôi bỗng đau đớn, bỗng bẹp dí ra như người rơi từ nóc nhà cao tầng xuống đất là cảm giác mất niềm tin, bị phản bội. Sở dĩ tôi vẫn còn sống can trường được cho đến lúc ấy, bất chấp mọi khó khăn là vì tôi có niềm tin, nhưng bây giờ điểm tựa cuối cùng của tôi cũng đã lung lay, tôi không biết dựa vào đâu.

Nhưng tôi không nói gì cả, không đập phá cũng không khóc. Tôi ngồi yên, mặt tái đi. Cậu bạn và cậu em ở chung chạy vào, hiểu ngay vấn đề vì họ cũng biết tôi để tiền ở đó. Họ im lặng không dám nói gì, lúc sau mới bảo không lấy tiền của tôi, nếu tôi muốn khám, muốn kiểm tra thì cứ tự nhiên. Tất nhiên tôi không khám hay kiểm tra làm gì. Tôi tin họ như tin chính mình. Họ có hoàn cảnh tốt hơn tôi, không đến nỗi vất vả như tôi nhưng cũng đi làm thêm, cũng hiểu thế nào là kiếm đồng tiền ở nơi xứ người, không bao giờ họ dám lấy những đồng tiền “xương máu” ấy. Vậy thì ai?

Hôm ấy là thứ Hai. Trước đó ba ngày, tôi vừa lĩnh lương ở hai nơi làm việc, khi cho vào, số tiền trước đó cũng vẫn còn nguyên. Tối thứ Bảy có thêm người “anh họ” của cậu em cùng nhà đến ăn cơm, có cả anh bác sĩ từ dưới tỉnh lên chơi, còn mang theo một con gà rất ngon. Sáng sớm Chủ nhật tôi và người bạn đi làm sớm từ sáu giờ, chỉ còn cậu em ngủ ở nhà với hai ông anh.

Cậu em lập tức khẳng định: “Em chắc chắn anh họ em không lấy, anh ấy đi làm cho ngân hàng, nhiều tiền lắm. Anh ấy là tiến sĩ, lại giỏi tiếng Pháp. Anh ấy không cần tiền. Vả lại, lúc anh ấy ở đây đều có em cả.” Tôi cũng không thể nghĩ là anh bác sĩ vì anh luôn tỏ ra rất chân thật, cũng là người có học, lại có vẻ chi tiêu rất thoải mái.

Tôi ngồi bình tĩnh lại rồi bắt đầu lật lại từng chi tiết từ đêm thứ Sáu. Có điều lạ là anh bác sĩ lần này đến chơi không vui vẻ như mọi khi, liên tục than thở ăn chơi quá hết tiền, bây giờ sắp đến ngày về không có cả tiền mua quà, may có ông bạn (hay thầy) người Thụy Sĩ cho (vay) ít tiền. Uống rượu xong, lại thức khuya nên ai cũng ngủ say. Nhưng vào lúc năm rưỡi sáng tôi bật dậy theo thói quen để đi làm (không cần để đồng hồ báo thức) thì thấy

anh đang nằm nhưng mắt mở nhìn tôi chăm chăm. Tôi hỏi anh sao không ngủ, anh nói “không ngủ được”.

Tôi hỏi cậu em: “Hôm qua anh ấy về lúc nào” thì nó kêu “O, em tưởng anh ấy về cùng lúc anh đi làm, vì em tỉnh dậy đã không thấy anh ấy rồi.” Kỳ lạ, ngoài hành lang nhà tôi luôn có khóa, thường khách phải đợi chủ nhà ra mở cửa tiến về. Tôi chạy ra gần cửa ra vào, thấy có một cái cặp tài liệu to, anh còn để quên lại. Có lần anh cũng để quên cái gì đó, nhưng gọi điện đến ngay nhờ cất vào một chỗ, lần sau anh đến lấy. Nhưng lần này thì không. Mở cặp tài liệu ra thấy đầy ắp những báo cũ, những giấy tờ linh tinh, không có chút giá trị nào. Chỉ ngần ấy chi tiết là đủ để tôi hoàn thành lập luận của mình. Tôi bảo: “Anh phải đi tìm ông ấy”.

Nhưng khi ấy tôi mới nhớ ra: ngoài tên và số điện thoại (tất nhiên lúc ấy tôi không thể gọi điện cho anh ta), chúng tôi chẳng biết gì về anh cả. Chỉ biết thành phố anh đang ở, tên bệnh viện anh đến thực tập và biết rằng từ nhà anh ở đi bộ đến bệnh viện chừng 10 phút.

Chuyến đi “cuộc đời”

Tôi vẫn bảo “Anh sẽ đi, kiểu gì anh cũng tìm ra”. Cậu em cùng nhà đòi đi cùng vì sợ tôi không giữ được bình tĩnh nếu có chuyện gì xảy ra. Tôi đồng ý. Ra ga, tôi dốc số tiền còn lại mua hai vé khứ hồi. Và chúng tôi lên đường. Đến nơi là 10 giờ sáng. Vì đi vội vàng, cả hai chẳng có hành lý gì, cậu em còn không mang cả tiền theo, nó cũng không biết rằng khi mất hết khoản tiền dành dụm thì tôi thành người “vô sản”, nghèo đến mức không còn đủ tiền để ăn hai bữa. Tôi tính toán, mua một chai nước và một túi bánh mì khô. Ăn vào xong uống nước thì nó sẽ nở ra đỡ đói. Với chai nước và túi bánh mì ấy, hai anh em tôi đi bộ tìm bệnh viện (cách nhà ga chừng 10 cây số) rồi lấy đó làm tâm điểm cho một vòng tròn có bán kính là 10 phút đi bộ, chúng tôi đi từ tòa nhà này sang tòa nhà khác, từ phố này sang phố khác và tìm tên anh bác sĩ trên các hòm thư. Tôi không đến thẳng bệnh viện vì sợ có thể chuyện sẽ ầm ĩ lên khiến người kia mất mặt, trong khi mình không có chứng cứ gì. Khi ấy là đầu đông, ngoài trời chừng 00C, rét cóng. Hai anh em tôi lang thang như thế đến sáu giờ tối. Đôi chân trở nên nặng nề và buốt cóng như hai tảng đá, mắt mờ không nhìn rõ tên người, cậu em gần

như không lê nổi, tôi phải kéo nó lên những con dốc, còn tôi gần như muốn bỏ cuộc vì kiệt sức và đói. Đúng lúc đó, tôi tìm thấy cái tên mà chúng tôi đang tìm kiếm giữa hàng trăm hòm thư của một tòa nhà 20 tầng. Ông trời hóa ra không thể nhắm mắt trước quyết tâm của tôi. Chúng tôi nhìn số hòm thư để đoán số phòng, đợi một người đi vào để lọt vào trong tòa nhà (ở Pháp các tòa nhà cao tầng luôn có khóa số, người ngoài không thể tự nhiên ra vào).

Rồi đứng trước cửa nhà anh, hít một hơi thật sâu, tôi bấm chuông. Anh ra mở cửa, thoáng thẳng thốt nhưng gần như không quá ngạc nhiên, cũng không hỏi làm thế nào tìm được nhà anh, chỉ bảo “xuống chơi sao không báo trước”. Tôi vào nhà, ngồi xuống và xin phép bắt đầu một câu chuyện. Tôi nói: “Hôm nay, em có một câu chuyện khó hiểu, xin kể với anh. Anh hơn tuổi em, hiểu biết nhiều hơn, khi nghe xong chuyện xin cho em biết anh nghĩ gì, khuyên em nên làm gì và đi tìm ai.” Rồi tôi kể câu chuyện mất tiền của tôi, về những chi tiết lạ lùng trong cách cư xử của anh, những câu hỏi của tôi về sự “biến mất” không một lời nhắn nhủ của anh, về cặp tài liệu đầy giấy lộn mà anh để lại như thể con tin, nhưng không hề gọi điện lại. Trong lúc kể chuyện, tôi nhiều lần tìm cách nhìn thẳng vào mắt anh, như cố tìm lấy một chút chân thành trong ấy, nhưng anh tránh ánh mắt của tôi.

Câu chuyện kết thúc. Anh thở dài. Không phản kháng, không uất ức, không lu loa. Tôi đã chuẩn bị tinh thần đối diện với việc anh hét lên, mắng tôi là đồ mất dạy, đồ vu khống hoặc có thể xông vào đánh tôi. Tôi thậm chí đã nghĩ đến tình huống anh xông vào tôi với thứ vũ khí gì đó vớ được. Tôi không sợ cho tôi, tôi có võ, mà tôi sợ cho anh (thật sự). Thường ngày khi tôi nổi nóng lên đã khiến người ta phải khiếp sợ rồi, huống chi bây giờ, tôi như con thú bị thương. Tôi với cậu em bí mật ghi âm cuộc nói chuyện ngay từ đầu để đề phòng những tình huống xấu xảy ra.

Nhưng không có. Anh có lẽ không thể làm như thế trước sự điềm tĩnh và cách nói nhẹ nhàng của tôi. Anh bối rối thôi, bảo: “Anh không lấy, anh thề là anh không lấy. Nhưng em nói đúng, trong hoàn cảnh của em thì nghi phạm chỉ có thể là một người. Là anh. Có thể số anh đen đui mà mọi thứ

đều chống lại anh. Anh đúng là không có tiền nhưng bạn anh đã gửi cho. Khi ra về vì không muốn đánh thức cậu em anh nên anh tự lấy khóa ra mở cửa, sau đấy quay lại cất chìa và ra ngoài sập cửa lại. Cặp tài liệu không có gì quan trọng. Định bao giờ tiện thì ghé qua lấy, em có lỡ vứt đi cũng không sao.” Đó là tôi tóm tắt lại ý chính, còn lúc ấy, anh không nói rõ ràng rành mạch và ngắn gọn được như thế. Anh lúng túng, nhiều câu nói còn không nghe rõ như thể anh nói với mình anh.

Tôi kết luận: “Em không xuống đây để đòi tiền, không kết tội anh lấy tiền. Dù tiền ấy là mồ hôi, là máu của em, em cũng không làm ầu. Em đến kể một câu chuyện để xin lời khuyên. Hỏi một câu để đợi được trả lời. Em đi mấy trăm cây số và mất một ngày tìm nhà anh chỉ để gặp anh khi anh không có sự chuẩn bị tinh thần hay đề phòng nào trước, để được nhìn vào mắt anh và nghe câu trả lời của anh. Bây giờ em có câu trả lời, anh nói không lấy tiền của em (dù khi trả lời anh ấy không nhìn vào mắt tôi, mặc dù anh biết tôi đang tìm cách nhìn vào mắt anh). Em nghĩ không còn gì để nói thêm nữa, xin phép anh em về”.

Anh bảo giờ này không chắc còn tàu về Paris nữa, hay là ngủ lại mai về. Tôi bảo tôi đã xem giờ tàu rồi, vẫn còn. Nếu không, tôi ngủ khách sạn chứ trong hoàn cảnh này làm sao tôi ngủ đêm lại nhà anh được. Rồi chúng tôi ra về. Nhưng tôi nói dối. Đúng là tôi đã xem giờ tàu, vì thế tôi biết chắc chắn giờ đó quay lại thì không kịp chuyển cuối cùng nữa. Tôi cũng nói dối việc nghỉ tại khách sạn. Trong túi tôi chỉ còn vài đồng. Nhưng tôi biết chắc là tôi không thể ở lại, những chuyện khác tính sau. Thật ra khi ấy đầu óc rối bời, tôi chỉ biết là mình phải ra đi chứ chưa lường hết những gì có thể đến. Thiếu chút nữa tôi đã có thể hại chết cả hai anh em.

Đêm, chúng tôi đến ga. Đã hết tàu về nhưng chúng tôi vẫn ra ga trú chân. Số tiền còn lại của tôi chỉ đủ mua một suất ăn nhanh, hai anh em chia đôi. Đói. Hai chúng tôi đều có sức ăn rất tốt. Cả ngày vật vờ đã gần như nhịn đói. Đêm đến chỉ có một gói khoai tây chiên bé xíu và một cái bánh kẹp chia đôi. Tôi nhìn cậu em, xin lỗi vì đã lôi cậu vào cuộc phiêu lưu này. “Anh hết tiền, không còn lấy một xu”. Nó gần khóc, bảo anh em có nhau

anh đừng lo. Nếu chết thì cùng chết. Câu nói ấy trong hoàn cảnh đó hóa ra không hề phóng đại chút nào.

Bởi không chỉ có đói. Đói chúng tôi còn chịu được. Ga ở các vùng quê không mở suốt đêm như Paris. Ở đây không có tàu đêm, 12 giờ là ga đóng cửa. Vậy là chúng tôi bắt đầu một đêm khốn khổ. Trời -20C. Cái đói, cái mệt đã ngấm, nhưng chúng tôi cứ phải lang thang vì dừng lại thì lạnh không chịu nổi. Có lúc chúng tôi chui vào đứng trong cabin điện thoại, nhưng kính lại hở dưới chân nên gió lùa buốt không đứng nổi. Chúng tôi còn đứng một chân, giơ chân kia cao lên cho khỏi buốt. Một lúc lại đổi chân, nhưng cũng không được bao lâu. Đã hành xác cả ngày rồi mà đêm còn đòi tập yoga?

Hai giờ sáng, không còn sức để đi nữa, chúng tôi tìm thấy một tòa nhà mà trước sảnh có cái thảm chùi chân. Lúc ấy nghĩ, sao chân người không to hơn để người ta làm cái thảm rộng một chút. Chúng tôi bảo nhau nằm xuống, ít nhất lưng không phải đặt thẳng lên nền đá hoa. Cái lạnh khủng khiếp bắt đầu ngấm vào xương tủy. Chuột rút khắp nơi vì cơ bắp phải căng lên, gồng lên chịu lạnh quá lâu rồi. Tôi còn đỡ, cậu em như bị sốt rét. Người nó run bắn lên. Nó rít qua hai kẽ răng đập vào nhau lộc cộc: “Anh ơi, em lạnh chết mất!” Tôi nhường nó cái áo nào mà tôi có thể cởi, thậm chí tìm được chiếc khăn mùi xoa trong túi tôi cũng mang ra đắp cho nó. Nhưng áo nào cũng chỉ đắp được một lúc lại lạnh như cũ. Khi ta đắp chăn, chẳng qua cũng là để giữ lại hơi ấm của cơ thể ta tỏa ra thôi, bản thân cái chăn không tự ấm. Cơ thể chúng tôi khi đó có lẽ gần với nhiệt độ ngoài trời hơn là với 37 độ bình thường của thân nhiệt con người. Có lúc tôi thấy nó gần như không thở nữa, chân tay cứng đờ. Tôi phải nằm đè lên nó, lấy thân mình làm sưởi. Một lúc, nó mở mắt, bảo: “Ấm hơn, dễ chịu. Nhưng nặng quá cũng không thở được anh ạ”.

Thời gian như chậm lại. Bên ngoài tuyết bắt đầu rơi. Gọi là “bên ngoài” thôi, thực ra chúng tôi đâu ở “bên trong”, chỉ có một chút mái hiên của tòa nhà, còn xung quanh trống trơn. Gió thổi những bông tuyết bay vào, rơi trên mặt, rơi cả trên môi tôi, mà tôi không thấy lạnh, chỉ thấy hơi mẩn mẩn. Cậu em nằm yên, còn tôi bắt đầu nói những câu chuyện vu vơ,

rồi hát. Tôi hát, bằng những sức lực cuối cùng của mình. Bạn sẽ bảo tôi còn khỏe và yêu đời đến thế ư, không phải, đấy là tôi tranh đấu để sinh tồn. Lúc ấy dù kiệt sức, tôi biết mình cần làm gì đó để không ngủ thiếp đi, để có thể canh chừng cậu em. Thỉnh thoảng thấy nó yên lặng quá, tôi sờ mũi nó kiểm tra, nhìn xem lúc nào nhà ga sáng đèn trở lại thì lôi nó vào trong. Năm đấy, nếu nhắm mắt lại, có thể chúng tôi sẽ thiếp đi, không bao giờ còn dậy được nữa.

Và tôi nằm, nghĩ miên man về cuộc đời mình, về những câu chuyện kỳ lạ sao cứ đến tìm mình, như thể ông trời thấy thử thách tôi vẫn còn chưa đủ, và nghĩ về em. Trước khi đi, trong lúc đợi tàu, tôi đã viết cho em, tôi không nói rõ chi tiết mọi chuyện, nhưng lá thư tôi gửi đi giống như một tiếng kêu tuyệt vọng, một lời cầu cứu. Những chuyện ấy tôi không kể với gia đình, với mẹ, vì mẹ sẽ lo lắng, sẽ khóc lóc và mọi chuyện có thể loạn hết cả lên. Còn em, tôi chỉ mong nhận được từ em một lời động viên, chia sẻ. Một lời thôi là đủ để tôi lấy lại niềm tin.

Năm giờ sáng thì ga sáng đèn đón chuyến tàu đầu tiên. Tôi lôi cậu em dậy. Chúng tôi gần như không đi được, xương cốt cứng như đá, phải nhích từng chút một. Chúng tôi vào ga, lên chuyến tàu sớm nhất để quay về. Chưa bao giờ sự ấm áp lại có thể khiến ta sung sướng đến thế. Về đến nhà ga ở Paris, cậu em bảo: “Về nhà đi anh. Chắc em ngủ luôn đến ngày kia”.

Cái kết của một “cuộc tình”

Nhưng chỉ có nó về. Tôi còn ở lại ga. Hồi ấy các ga lớn ở Paris bắt đầu có những điểm dừng internet miễn phí, ta có thể đọc mail và xem vài thông tin đơn giản. Vì đây là hình thức mới nên nhiều người muốn dùng, trước mỗi điểm internet là một hàng người dài lặng lẽ đứng chờ. Tôi không biết mặt mũi thằng bé (hay con bé) tình yêu ra sao mà lại khiến người ta có thể làm những điều như thế. Dù có thể cái tình yêu của tôi khi ấy là ảo tưởng, nhưng nó thúc đẩy tôi làm những điều không tưởng. Lúc ấy nếu như có cơn gió mạnh thổi đến chắc tôi cũng không đứng vững nổi, tôi như muốn phát điên lên vì những suy nghĩ và lo lắng quay cuồng. Vậy mà tôi đứng đó, kiên nhẫn nhích từng bước một. Chờ từng người, từng người qua, có cả

những người có lẽ mới sử dụng máy tính nên chưa thuộc cả bàn phím, dò dẫm từng chữ cái một để viết một lá thư rất dài.

Đợi gần hai tiếng. Rồi cũng đến lượt tôi. Tôi hồi hộp đến thắt cả tim khi mở hòm thư của mình. Có mail trả lời của em. Tôi mở ra và đọc. Tôi đọc một lần rồi đọc lại. Đọc thêm lần nữa. Tôi không hiểu. Rõ ràng là em trả lời mail của tôi. Rõ ràng là em nghe thấy tiếng kêu tuyệt vọng của tôi. Nhưng em viết những gì thế. Đó không phải là một hồi đáp, cũng không phải là bức thư để em gửi đi sự quan tâm của mình. Em viết lằng đằng, ngo ngoắt. Hãy hình dung như bạn rút lòng rút ruột kể về nỗi đau khổ thất tình của mình với cậu bạn để xin nó một lời chia sẻ. Nghe xong nó cười lớn rồi bảo: “Sáng nay tao ăn bát phở, sao ngon thế”. Lá thư của em cũng đại loại như vậy. Tôi hình dung ra em ngồi trước máy tính, đọc thư của tôi rồi trả lời nhưng trong đầu nghĩ chuyện khác, nghĩ đến người khác. Ít lâu nay trong thư của em đã có những dấu hiệu lằng đằng, vu vơ, đã thường xuyên xuất hiện người ấy, nhưng tôi cố gạt đi, tìm cách đánh lừa mình như thế cố giữ lại cho mình một điểm tựa giả tạo.

Còn bây giờ tôi hiểu, đột nhiên tôi hiểu, đau đớn sao tôi lại hiểu vào lúc ấy. Tôi đã không đủ tỉnh táo, hay không đủ dũng cảm nhìn vào sự thật. Hoặc là tôi quá tự tin để nghĩ rằng nếu thực sự có gì đó giữa em và người ấy, ít nhất một trong hai người sẽ nói thật với tôi. Bởi “người ấy” của em không ai khác, chính là cậu bạn thân nhất của tôi trong thời gian trước khi tôi rời Việt Nam, mà ngay trước khi đi tôi đã giới thiệu với em, để nó có thể thay mặt tôi giúp em việc gì khi cần thiết, để có thể khiến em đỡ buồn trong những ngày đầu xa cách vì nó có phong cách nói chuyện không khác gì tôi, cũng hài hước và vui vẻ. Vì nó nhiệt tình đề nghị giúp tôi bất cứ điều gì mà nó có thể.

Chính người bạn ấy mới vài tuần trước còn úp mở viết thư cho tôi nói đã yêu một người (từ vài tháng nay), nhưng không biết liệu có đúng là người dành cho mình hay không. Nó bảo nó giống như chiếc giày cô đơn tìm mãi chiếc thứ hai, loay hoay mãi rồi nhận ra người ngay bên cạnh hợp với mình thành một đôi. Và chính tôi thức cả đêm viết tặng nó bài thơ có

hai câu kết “Con tim yêu tự biết lối để đi/Tự biết lối đến bến bờ hạnh phúc.”

Tôi không thể trách em phản bội tôi vì lời yêu của tôi em còn chưa nhận lời, tôi cũng không trách người bạn “cướp” tình yêu của tôi bởi tôi không sáo rỗng khi viết “con tim yêu tự biết lối để đi”, tôi biết rằng tình yêu là thế, không giải thích được, không tính toán hơn thiệt được. Nhưng tôi giận họ đã không thành thật với tôi, có cảm giác như họ cười vào những khổ sở, những đau đớn về tinh thần và thể xác của tôi. Bạn có cảm nhận được cảm giác của một người đang ở tận cùng của kiệt sức và thất vọng, bỗng nhiên hiểu ra rằng mình mất người mình yêu từ lâu rồi mà không biết, vẫn ngày ngày dốc lòng ra mà tâm sự, yêu thương. Rằng mình trăn trở thức đêm tìm câu từ chữ để làm thơ tặng cậu bạn thân nhất, bảo nó cứ tự tin lên, để con tim dẫn lối mà hóa ra mình đang động viên nó yêu người mình yêu. Rằng chính người bạn ấy mình vẫn ngày ngày gửi gắm, không nề hà việc gì, nhờ cậu ấy quan tâm đến em, giúp đỡ em, và cậu ta bảo: “Cứ yên tâm, tao sẽ lo”.

Có thể họ bào chữa rằng không phải họ không muốn nói thật, mà vì sợ tôi tổn thương nên họ tìm cách dần dần làm tôi hiểu ra. Quả thật tôi đã tự hiểu ra, nhưng cảm giác ấy thật đau đớn khi niềm tin vào hai người mình muốn tin nhất đã bị phản bội. Thà rằng họ nói thật với tôi. Tôi sẽ buồn, sẽ khổ vì mất đi người mình yêu, nhưng ít ra tôi còn tin vào sự chân thực, chân thành của lòng người, và ít ra tôi vẫn còn hai người bạn.

Lúc ấy dường như tôi không còn gì cả. Thực sự. Tôi vẫn còn gia đình, nhưng họ ở quá xa. Tôi còn bàn tay, khối óc nhưng niềm tin đã bị đánh cắp. Tiền cũng bị lấy cắp. Thân thể tôi nhàu nhĩ, bần thiêu và đau đớn như một miếng giẻ rách kiệt cùng.

Và ở giữa nhà ga bạt ngàn người náo nhiệt ấy, cái cảm giác cô đơn mới đã man làm sao! Cuộc tình của tôi đã kết thúc. Một người giàu trí tưởng tượng như tôi cũng chẳng bao giờ nghĩ ra một cái kết như thế. Thời trẻ dại, bắt đầu biết yêu, tôi đã vẽ cho mình vô vàn những câu chuyện lãng mạn, những tưởng tượng về một tình yêu chia ly vì người ra đi phải lên đường thực hiện sứ mệnh cao cả, hoặc hy sinh vì gia đình. Nhưng không

phải như bây giờ. Bây giờ tôi ở nhà ga, không có chuyến tàu nào cả. Không có người tiễn, người đi. Mà có, có tôi tiễn tình yêu và niềm tin cùng sức lực cuối cùng của tôi đi mất. Tiễn đi mà không kịp nói lời nào, không kịp để nước mắt rơi.

Tôi vẫn còn “nợ” một người...

Câu chuyện của tôi về những nhà ga lẽ ra đã phải kết thúc, nhưng cho đến khi viết những dòng này, nó vẫn còn dang dở. Tôi phải viết nốt để trả nợ lòng mình và trả nợ một người.

Rời nhà ga, tôi lê về nhà. Ngã gục. Tôi ốm. Chưa bao giờ tôi ốm bệt ra như thế. Ốm khi không bị bệnh là thứ ốm tồi tệ. Ốm vì kiệt sức, ốm vì thất vọng, vì mất niềm tin là thứ ốm khó gượng dậy nhất. Suốt mấy ngày tôi không ra khỏi giường. Nhưng trong mấy ngày ấy, tôi nhận được thư tay của anh bác sĩ. Một bức thư tay dài mười mấy trang. Nội dung không có gì mới, anh vẫn thanh minh cho việc anh không lấy tiền. Và anh nói, nếu như trong vòng 10 ngày, tôi tìm lại được tiền thì báo cho anh. Nếu không anh sẽ trả tiền cho tôi, coi như anh trả cho lỗi lầm của anh đã đến nhà tôi ngủ đêm hôm ấy, cho những chi tiết về cách cư xử của anh, mà theo anh là “đáng nghi ngờ” khi xảy ra chuyện mất tiền, nhưng cũng “rất bình thường” nếu như không có chuyện gì xảy ra. Rằng anh sẽ trả lại tôi tiền, coi như đêm ấy anh đến ngủ ở một khách sạn đắt nhất Paris. Khi ấy tôi mệt mỏi đến kiệt sức, so với thứ tôi vừa mất, tiền bạc lúc ấy chẳng còn gì đáng kể. Đọc thư anh tôi càng thêm mệt mỏi. Kèm theo thư, anh còn gửi cả những giấy tờ chứng minh anh có thể được thừa hưởng tài sản giá trị lớn của người bạn (là thầy giáo) nào đó ở Thụy Sĩ.

Tôi không có thói quen nghi ngờ một người bạn dù là bạn thân hay sơ, càng không bao giờ muốn nghĩ xấu cho người ấy. Nếu anh đã nói với tôi anh không lấy, tôi không nói gì thêm, sao còn phải viết thư thanh minh, sao phải đem cả chuyện tài sản thừa kế kia ra để thuyết phục tôi? Những thứ đó có giá trị gì chứ? Tôi viết thư trả lời anh, ngắn gọn. Nói rằng tôi coi trọng đồng tiền tôi làm ra, nhưng tôi còn coi trọng hơn phẩm cách và sự chân thành của một con người hơn thế. Nếu anh không lấy, không việc gì anh phải trả.

Mấy ngày sau, anh tới. Tôi vẫn chưa ra khỏi giường được. Tôi yếu đến mức không ngồi dậy mời được anh ly nước. Anh rút tiền ra đưa cho tôi. Tiền mới tinh. Có thể vừa rút từ ngân hàng.

Tôi nói: “Nếu anh nhất định trả, em sẽ nhận. Bởi em không muốn tin anh là người lấy. Nhưng cũng không tin có người không lấy mà đến trả lại tiền. Có thể em nhầm. Ngày hôm nay em cầm số tiền này, cũng có trách nhiệm với số tiền này. Nếu một ngày em tìm ra người lấy tiền của em không phải là anh, em sẽ tìm mọi cách để gặp lại anh, sẽ trả lại anh tiền của anh.”

Anh gật đầu, mắt đỏ hoe. Rồi anh đi, hình như vài ngày sau thì quay về Việt Nam. Từ hồi đó tôi không bao giờ gặp hay nghe nói gì về anh nữa. Nhưng tôi chưa bao giờ quên gương mặt anh. Trên gương mặt anh luôn có nét buồn phảng phất khó nói, và điều đáng nhớ hơn là khuôn mặt anh có những nét chân thành và thẳng thắn, không hề gian xảo. Trước khi xảy ra chuyện, tôi đã rất yêu quý và tôn trọng anh. Bởi thế nó càng ám ảnh tôi. Tôi càng không hiểu sự thật cuối cùng đằng sau câu chuyện này là gì? Có phải anh đã lấy tiền của tôi? Nếu đúng thì anh là một kẻ cắp đáng thương nhất, còn nếu không phải thì anh là một người bị nghi oan hào phóng nhất, nhưng cũng ngốc nghếch nhất thế gian này.

Tôi càng bị ám ảnh nhiều hơn khi một thời gian sau, tôi phát hiện ra ông “anh họ” của cậu em ở cùng nhà thật ra không phải là anh họ mà chỉ là một người bạn của chị họ, tình cờ gặp ở Paris. Hồi đó cậu ấy đang nóng lòng muốn xin vào một trường tốt để theo học, và ông “anh họ” đã dối trá về những mối quan hệ của mình, hứa xin trường cho nó. Cậu ấy ngây thơ, tin tưởng tuyệt đối vào người kia và ngưỡng mộ tôn thờ anh ta như một đấng tối cao. Anh ta cũng chẳng phải là tiến sĩ, làm việc ở ngân hàng như đã kể mà thật ra chỉ có bằng đại học còn đang dở dang ở Pháp, rồi bỏ đi làm vật vờ ở các nhà hàng, khách sạn, chuyên vay nợ tiền của bất cứ ai có thể vay được. Tôi muốn phát điên lên khi khám phá ra sự thật ấy. Vào thời điểm mất tiền, với lời xác nhận của cậu em như một “chứng cứ ngoại phạm” cho người anh họ, lại thêm những chi tiết có phần “kỳ lạ” của anh bác sĩ, tôi đã gần như chỉ tin vào một khả năng duy nhất. Bây giờ tôi nghĩ

có thể mình đã nhầm. Nhưng lại một lần nữa, tôi không có chứng cứ gì cả. Trong nhiều tuần, tôi đã nhiều lần giăng bẫy: tôi cố tình để tiền ở những chỗ khác nhau, nhiều có, ít có, hờ hững có, bí mật có. Tôi mong hăn sập cái bẫy nhỏ để tôi có thể chất vấn hăn về vụ trộm to. Nhưng không được. Có lẽ không phải là hăn. Cũng có thể hăn lộn lỏi hơn tôi nhiều. Và hăn cũng có nghe kể qua về vụ mất tiền lần trước, nên biết rằng từ sau lần đó tôi không còn hay giữ tiền mặt ở nhà nữa. Có lẽ hăn đánh hơi được cái bẫy đang giăng của tôi. Không biết vì cố tình hay ngẫu nhiên, từ sau hồi đó hăn ít tới dần, rồi biến mất. Sau này tôi vẫn còn vài lần chạm mặt, hăn vẫn tỏ vẻ bình thường nhưng tôi thì không giấu được sự căm ghét của mình. Không cần nói đến chuyện tiền bạc, chỉ cần nghĩ đến khoảng thời gian dài tôi đối đãi tử tế mỗi khi hăn đến nhà, mà sau đó hăn biến mất không một lời giải thích đã đủ để biết hăn thuộc loại người nào.

Bởi vì thế, tôi càng áy náy với anh bác sĩ. Tôi không dám chắc, nhưng có thể tôi nợ anh số tiền đã cầm của anh, và như thế tôi cũng nợ anh ân tình: có thể vì số tiền ấy mà anh đã rơi vào những hoàn cảnh khổ sở, đã phải dẫn vật đón đau, đã mong muốn được thanh minh cho vụ oan ức tày trời ấy.

Nếu lúc nào đó anh đọc được những dòng này, nhận ra câu chuyện của mình, tôi chỉ mong anh liên lạc với tôi, để tôi được gặp anh, để nói chuyện lại với nhau một lần. Bởi có lẽ khi chuyện xảy ra thì cả anh và tôi đều không đủ tỉnh táo. Tôi sẽ chờ đến ngày hội ngộ ấy. Còn nếu suốt cuộc đời này không có ai tìm đến gặp tôi vì chuyện này, tôi sẽ nghĩ rằng câu chuyện của tôi còn chưa đến được tay anh.

Và câu chuyện buồn gắn với nhà ga của tôi là như thế. Sau này, tôi không nghĩ đó là câu chuyện buồn nữa, chỉ là một bài học cuộc đời dạy cho mình, một bài học mà tôi còn chưa thuộc hết, chưa biết liệu mình có lời giải đúng hay không, nhưng chắc chắn, nó giúp tôi trưởng thành hơn. Tôi muốn kể cho bạn thêm một câu chuyện khác, ngắn thôi nhưng vui hơn, và kéo dài mãi, cho đến tận hôm nay. Tôi nghiệm ra rằng trong cuộc đời này đừng bao giờ mất hết niềm tin, mất hết hy vọng. Nếu đủ dũng cảm, bạn sẽ vượt qua tất cả. Nếu đủ niềm tin, bạn sẽ có thứ để tin. Nếu bạn mở tấm lòng chân

thành của mình ra với mọi người, ngày nào đó sẽ có người chân thành đáp lại. Cũng chính ở nhà ga, tôi gặp một người. Một người mới, tình cảm mới và niềm tin cũng mới.

Lại là nhà ga, nơi mở ra một chương mới

Dĩ nhiên thời điểm đó với tôi, mọi thứ không qua nhanh đến thế. Tôi ốm mất hai tuần. Mấy tháng sau tôi cũng chỉ sống vật vờ như cái bóng. Vẫn đi học, đi làm nhưng không còn chút sinh khí nào. Rồi một ngày, cô bạn học cùng cấp hai nhờ tôi viết thư cho bạn thân của cô ấy, hiện đang học cao học ở London. Cô kể rằng bạn cô cũng mới sang học như tôi, nhưng không được vui vẻ, tự tin như tôi, rằng cô bạn ấy khổ sở, kêu ca lắm nên bạn tôi muốn nhờ tôi với sự “từng trải” và “yêu đời” của mình viết mail cho cô ấy, gọi điện cho cô ấy để truyền cho cô ấy ít kinh nghiệm sống, ít vui tươi để có thể vượt qua. Tôi nhận lời. Phương châm sống của tôi vẫn thế, giúp ai được cái gì, tôi sẽ giúp. Nếu tôi đã khổ, đã vất vả vì chuyện gì, sẽ không muốn thấy người khác khổ, vất vả như tôi.

Và tôi viết mail, mà phải viết theo cách tự nhiên nhất có thể, vì dù sao người ta cũng không dễ gì tin tưởng ngay một kẻ xa lạ đang ở một phương trời nào.

Lúc ấy, tôi không còn tâm trạng để nghĩ đến những chuyện xa xôi nào đó, chỉ nghĩ rằng viết để giúp người ta, để người ta vui hơn và mình tự nhiên cũng cảm thấy vui hơn một chút. Rồi thư qua thư lại, sau đó bắt đầu nói chuyện qua điện thoại. Tôi tò mò tự hỏi: “Con gái gì ‘ngố’ thế mà bố mẹ cũng dám cho đi du học một mình?”, nhưng càng ngày tôi càng có cảm tình với cô hơn. Những câu chuyện qua e-mail, qua điện thoại càng có hồn hơn, đầy ắp tiếng cười và đủ màu sắc lung linh. Nó giúp chúng tôi hiểu nhau hơn và cùng vượt qua những thử thách khó khăn mỗi ngày.

Thấm thoát cũng gần một năm, Noel năm ấy cô bạn London nói muốn sang Paris chơi, đi cùng với một cậu em thân. Đã nhờ được người làm giấy mời và cho ở nhờ rồi, cô chỉ thông báo để nếu tôi có chút thời gian thì gặp nhau một chút, gọi là biết mặt sau gần ấy thời gian viết thư và gọi điện cho nhau. Tuần sau, cô gọi điện lại, bảo người bạn gửi giấy mời qua bưu điện nhưng mãi không nhận được để làm visa, trong khi vé đã đặt mua rồi

và người bạn ấy lại đang đi tỉnh có việc gấp, không làm lại giấy mời được, mà như thế nếu có sang cũng không có chỗ ở, nên có lẽ phải hủy chuyến đi. Vé của cô mua theo dạng sinh viên nên không hủy được, sẽ mất tiền vì không được hoàn trả. Tôi đành làm giấy mời và tìm luôn chỗ ở cho cô. May sao dịp đó tôi có anh bạn về Việt Nam ăn tết, nhà để không. Chỉ hiềm một nỗi, giấy mời làm xong phải gửi sang gấp. Tiền gửi chuyển phát nhanh từ Pháp qua Anh không ngờ đắt vậy, nhưng đã hứa rồi, đành phải làm thôi.

Hôm ấy, cô sang và hẹn tôi 10 giờ đêm ở ga. Tôi đi học rồi đi làm thêm, mãi đến sát giờ mới chạy đến. Quần áo bám đầy mùi thức ăn và mồ hôi, tay còn xách một túi đồ ăn từ nhà hàng về, sợ hai bạn chưa ăn tối. Có chuyến tàu đến, tôi đứng nhìn, nhưng lại không biết mặt cô. Lúc ấy mới nghĩ rằng quên không hẹn trước xem làm thế nào để nhận ra nhau. Thành ra cũng hay. Cứ thấy cô nào có vẻ châu Á là tôi nheo mắt đoán: “Phải cô này không nhỉ? Ô không, đừng nhăn nhó thế chứ, nghe giọng nói cũng dễ thương mà!”, “Wow, đừng nói với tôi là cô này nha, cao như người mẫu vậy, tôi đứng chắc tới vai”, “Á, cô này chẳng: béo, mắt cận, có vẻ hợp với dân chuyên Toán nhỉ? Phải rồi, chuyên Toán rồi lại Ngoại Thương, đích thị dân ‘mọt sách’, đầu to mắt cận mà ngố” (Xin lỗi bạn, nhưng lúc đó đúng là mình nghĩ thế).

Cả đoàn tàu qua hết mà chẳng ai nhìn tôi. Ai cũng có người đón hoặc là người ở đây. Tôi tìm cách leo lên cái lan can sắt bên cạnh cây cột đá lớn, nghĩ rằng nếu mình không nhìn thấy người ta thì ít ra cũng để người ta dễ thấy mình.

Đột nhiên, lúc sân ga đã vắng người, có một cô bé đến trước mặt tôi hỏi: “Có phải bạn đang chờ mình không?” Từ trên cao nhìn xuống, trông em thật nhỏ bé. Tôi nhảy xuống, vì không lường trước cái lan can cao đến thế nên khi chạm đất tôi mất đà, hơi lao về phía trước, gần như lao vào người em. Em nhỏ bé, tóc ngắn, mặc chiếc áo khoác dạ màu ghi có mũ và vẫn trùm mũ trên đầu, thành ra trông em có vẻ đẹp bí ẩn lắm (Các cô gái khôn thật, có cách gì để tôn nhan sắc của mình lên thì đều biết tận dụng cả). Mới thế thôi mà tự nhiên trong tôi dấy lên một cảm giác kỳ lạ, đầu hơi choáng. Đôi mắt em như biết cười, đôi môi cũng rất tươi khiến tôi bất ngờ

(trước đó tôi đã nghĩ có thể sẽ phải gặp một “bà cô” nhân nhó). Tôi chẳng biết mình nghĩ gì lúc đó, chỉ biết giơ túi đồ ăn ra hỏi: “Đến lâu chưa? Đói không, có đồ ăn”. Ngay cả cảnh tượng này trước đó tôi cũng chưa bao giờ tưởng tượng ra. Bình thường tôi nói năng khéo léo và hài hước chứ không đến nỗi “anh hai lúa” như vậy.

Sau đó tôi không còn nhớ mình đã nói gì nữa, chỉ biết rằng ra gặp cậu em cùng đi với em, tôi bảo “về nhà đi”, rồi kéo cả hai lên tàu. Rồi lú lo những gì không biết. Đến lúc nghe cậu em rụt rè bảo: “Anh ơi hình như đi ngược hướng, lúc này anh bảo nhà anh phía này, mà em thấy đi ngược lại”, tôi mới giật mình. Đúng là tôi lấy tàu đi ngược thật. Đường tàu ngày nào cũng đi mà còn đi ngược, mấy bến qua rồi mà không biết.

Sét đã đánh tôi như thế, cháy sém cả người, tê liệt cả hệ suy nghĩ. Tôi không biết tại sao. Em không phải là người xinh nhất tôi từng gặp, cũng không duyên nhất, “thú vị” nhất. Nhưng tôi biết tôi đã yêu em từ lúc em hỏi “Có phải...?” Cũng có thể tình cảm được hun đúc từ những ngày tháng viết thư, gọi điện cho nhau, nhưng khoảnh khắc ấy là “đòn” quyết định. Bởi thế mà tình yêu mới kỳ lạ, mới không ai hiểu nổi. Bởi thế tôi mới bảo “con tim yêu tự biết lối đi” chứ nhất định không để cho ta dắt. Em vì lúc ấy đứng gần tôi quá nên sét đánh trúng tôi, em cũng cháy lẹm mất một góc, chắc thế.

Năm ngày sau tôi nói lời yêu em. Hai chúng tôi ngồi bên bờ sông Seine trong cái lạnh se sắt. Hai giờ sáng, thành phố đẹp lung linh. Thình thoảng có con tàu chạy qua, để lại sau lưng những “tiếng sóng vỗ vào bờ đá”. Lời yêu đến nhẹ nhàng, tự nhiên. Cảnh tượng ấy trước đây tôi cũng chưa từng tưởng tượng ra.

Rồi tôi tiễn em quay về London, vẫn nhà ga ấy. Vẫn là nỗi lưu luyến, nhớ mong, yêu thương khi tiễn một người đi, nhất là hai người vừa mới yêu nhau. Nhưng niềm tin nơi tôi đã trở lại. Sau này chúng tôi còn qua lại gặp nhau nhiều lần nữa. Trong suốt mười mấy tháng, chúng tôi gặp nhau mỗi tháng một lần. Lần này tôi sang, lần sau em lại. Lần nào gặp nhau cũng gần ngủi vì cả hai đều bận học, bận làm, nhưng lần nào cũng đầy kỷ niệm, nhất là kỷ niệm với các nhà ga. Nhưng tôi sẽ chỉ kể với bạn lần ấy, lần quan

trọng nhất, lần mà một cô gái đến gần tôi và hỏi: “Có phải bạn đang chờ mình không?” Và tôi đã thầm trả lời trong tim: “Đúng, em là bến bờ mà con sông anh đã đi tìm.”

Đồi Montmatre Sacré Coeur: Có Ngọn Núi Nào Ta Không Thể Vượt Qua?



Montmatre. (Ảnh: Nguyễn Hồng Long)

Tôi đến Montmatre lần đầu tiên như bất kỳ người nào mới đến Paris: đến để thăm quan, để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của một nhà thờ được xây bằng đá trắng trên một ngọn đồi cao phía bắc Paris. Từ đó bạn còn có thể phóng tầm mắt xuống toàn cảnh Paris đầy thơ mộng.

Bạn có thể hình dung ra rằng Paris nằm trên một vùng bằng phẳng được bao quanh bởi rất nhiều rừng và đồi núi. Từ trung tâm Paris đi ra bất

cứ hướng nào các con đường cũng đều phải lên dốc để vượt qua các vùng đồi cao hơn trung tâm Paris. Tuy nhiên, đó là khi bạn đã bắt đầu ở khá xa (khoảng 20km nếu tính từ Mốc số 0).

Montmatre là tên của ngọn đồi nơi nhà thờ Sacré Cœur được xây dựng, nhưng có thể nói là ngọn đồi cao gần trung tâm Paris nhất, và nó vẫn còn nằm trong một quận nội thành của Paris: quận 18.

Từ rất xa, bạn đã bắt đầu có thể cảm nhận được sự kỳ vĩ của quần thể kiến trúc, phong cảnh ở đây bởi nhà thờ lớn với những mái vòm rất cao ở trên ngọn đồi cao, khiến nó được nhìn thấy từ rất nhiều nơi trong Paris, nếu bạn có một khoảng trống đủ rộng. Khi đến gần, bạn sẽ càng ấn tượng hơn bởi nhà thờ được xây dựng hoàn toàn bằng những tảng đá lớn, màu trắng, khiến nó phản chiếu ánh sáng trên cao và càng trở nên lấp lánh thậm chí đến chói mắt vào những ngày nắng to.

Sau Nhà thờ Đức Bà (với kiến trúc của một Cathédrale), Sacré-Cœur có lẽ là công trình kiến trúc tôn giáo được biết đến nhiều thứ hai ở Paris, nhưng kiến trúc của nó hoàn toàn khác, bởi Sacré-Cœur mang phong cách Basilique. Tôi sẽ không có thời gian để đi sâu vào phân tích sự khác nhau giữa hai phong cách kiến trúc và tính sử dụng của Cathédrale và Basilique, bạn có thể hiểu đơn giản là hai kiểu nhà thờ Thiên chúa giáo.

Sacré Cœur được khởi công xây dựng từ năm 1875 nhưng trải qua rất nhiều thăng trầm lịch sử và bị gián đoạn bởi chiến tranh, nó chỉ thực sự được hoàn thành vào năm 1923. Mái vòm chính của nhà thờ cao đến 83 mét. Và phía bên trong, vòm trần được khảm đá cũng trở thành một bức tranh khảm đá lớn nhất của Pháp với diện tích 474m². Tòa tháp hình vuông được xây dựng làm thành tháp chuông, với quả chuông cũng được coi là lớn nhất nước Pháp: đường kính 3 mét và cân nặng gần 19 tấn, riêng cái búa dùng để đánh chiếc chuông này cũng đã nặng đến 1.200 kg. Vài nét như vậy có lẽ đã đủ để bạn hình dung ra sự kỳ vĩ của công trình này. Thường thì bạn sẽ phải tự hỏi mình: làm thế nào mà người xưa, với những phương tiện thô sơ của mình, có thể xây dựng được trên một quả đồi cao những tòa tháp từ những phiến đá khổng lồ như thế? Dù đó chưa phải là Kim tự Tháp, nhưng có lẽ cũng đủ để bạn phải hỏi rằng: Có giới hạn nào

cho sức lao động, cho ý chí của con người không? Có ngọn núi nào mà người ta không thể vượt qua?

Sau khi đã vào thăm nhà thờ, khi những cảm xúc ngạc nhiên, thán phục về công trình này tạm lắng xuống cũng là lúc bạn sẽ để ý đến cảnh đẹp phía bên ngoài, đến những điểm nhìn xuống toàn cảnh Paris cực kỳ sống động. Ngay trước mặt nhà thờ, người ta xây những bậc thang rất rộng, xen lẫn vườn hoa để lên xuống và để khách thăm quan có thể ngồi lại, nhìn xuống phong cảnh Paris. Ở đây cũng là nơi các nghệ sĩ đường phố đàn hát, biểu diễn nhạc kịch, múa rối, ảo thuật. Không khí lúc nào cũng náo nhiệt. Gần đó là khu chợ, vẫn còn giữ được rất nhiều nét kiến trúc và văn hóa cổ xưa của Paris với những quán nhỏ ngoài trời, những nghệ sĩ hát rong, những họa sĩ vẽ tranh đường phố.

Ấn tượng của tôi với Montmatre không chỉ đến từ nhà thờ đẹp oai nghiêm trên đỉnh đồi, từ phong cảnh panorama có thể nhìn thấy của Paris mà còn từ những con phố nhỏ, hay nói đúng hơn là những con dốc nhỏ ở bất cứ một góc nào, cái có bậc thang, cái lát đá, nhỏ hẹp ngoằn ngoèo, với những cột đèn, những bức tường cây leo hết sức thơ mộng và bí hiểm. Ở trong đó, đôi khi bạn không có cảm giác đang ở giữa Paris hiện đại, hoa lệ mà như đang du lịch ở một làng cổ yên bình, lãng mạn, không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi Montmatre là ngọn đồi nghệ sĩ, hay ngọn đồi tình yêu của Paris.

Và tất nhiên, khi đến đó, cũng hãy dè chừng với các tệ nạn, các phiền toái giống như ở bất cứ điểm du lịch đông đúc nào: có móc túi, có lừa đảo, có níu kéo mời mua hàng, có ăn xin... Các điểm đổi tiền cũng là một kiểu lừa đảo trắng trợn: tôi có người bạn mới tới du lịch, muốn đổi tiền đô-la sang euro. Mặc dù tôi đã khuyên không nên đổi ở những điểm du lịch thế này, cậu vẫn khẳng định: “Yên tâm, tao đã xem tỷ giá. 100 đô ăn 76 euro thì cũng OK, tao cần tiền ngay.” Đưa 100 đô ra, gã đại lý đưa lại 50 euro. Trợn mắt lên nhìn, hỏi gã. Gã thậm chí không thèm trả lời, chỉ vào dòng chữ viết bé tí xíu bên dưới (mà có lẽ phải dùng kính lúp mới đọc được) “Phí hoa hồng (dịch vụ): 30%. Tiền đã đổi rồi không hoàn lại”. Ở Pháp mà cũng “đểu” thế ư? Đúng thật, nhưng cái gã đại lý ấy người Á rập bạn ạ.

Từ những con dốc tưởng như không thể vượt qua...

Có một đặc điểm nữa của Montmatre mà không phải ai cũng biết: với đặc điểm đồi dốc của mình (có những con phố dẫn lên đồi dốc đến hơn 30%, dài hàng trăm mét, thậm chí hàng cây số) và các con phố vòng vèo uốn khúc, Montmatre là nơi tổ chức hàng năm cuộc đua/ biểu diễn roller (loại patin chỉ với một hàng bánh) và ván trượt tốc độ của các tay trượt đến từ khắp nơi trên thế giới. Nếu bạn đã từng một lần đứng trên ván trượt hay đôi giày patin, roller rồi đến đây tận mắt xem họ đua và biểu diễn, bạn sẽ không khỏi rùng mình khi thấy những tay trượt thả mình lao dốc, nhảy qua các chướng ngại vật, vượt qua những khúc cua tay áo với tốc độ khủng khiếp. Bạn sẽ lại tự hỏi liệu có giới hạn nào cho sức mạnh, cho sự dũng cảm của con người?

Tôi cũng đã từng hỏi mình như thế khi lần đầu tiên xem cuộc đua. Hồi ấy mới chỉ bắt đầu tập tành trượt roller, tôi đã rất thích môn thể thao này. Cũng phải nói rằng Paris là nơi lý tưởng cho bạn chơi môn này: các quảng trường rộng thênh thang và không lo có ổ gà hay gạch đá, các vỉa hè cũng vậy, gần như phố nào cũng có piste (đường trượt) riêng dành cho người đi xe đạp và roller. Paris cũng là thành phố duy nhất ở châu Âu tổ chức đều đặn mỗi tuần hai lần cuộc dạo chơi miễn phí với xe đạp, roller, patin cho mọi người qua các phố ở Paris với xe cảnh sát đi mở đường, hộ tống, đoàn nhân viên tình nguyện theo giúp đỡ cùng các xe cứu thương đi theo đề phòng tai nạn. Đó giống như một ngày hội cho người trượt roller ở Paris. Không chỉ là người Paris mà vào mùa hè, người từ các tỉnh, cách thành phố lân cận và cả các nước láng giềng cũng đến chơi. Cuộc “dạo phố” nhiều khi có đến hàng chục nghìn người tham dự, trong gần bốn tiếng, xe cảnh sát sẽ mở đường cho bạn đi qua rất nhiều con phố, công trình du lịch của Paris. Mỗi tuần là một hành trình khác nhau nhưng luôn đi một vòng với tổng chiều dài vài chục cây số. Mỗi tuần hai lần: chiều Chủ nhật dành cho mọi đối tượng, kể cả những người vừa tập đi, tối thứ Sáu dành cho người đi giỏi hơn, tốc độ cao hơn và đường đi khó hơn. Tuần nào cũng vậy, quanh năm.

Ngay cả khi bạn không tham gia cuộc hành trình được tổ chức hằng tuần một cách rất quy mô ấy, đi roller hay patin ở Paris cũng thật tuyệt, nhất

là vào buổi tối. Bạn không phải quá lo lắng về vấn đề an toàn cho bản thân: không sợ ổ gà, cống rãnh hay vỉa hè không có chỗ, phải nhảy xuống lòng đường. Đầu óc thư thái, bạn sẽ thoải mái ngắm cảnh đẹp ở mỗi con phố Paris. Người mới đến Paris hay đi ngắm các công trình kiến trúc nổi tiếng, người ở Paris lâu lại thích thú khám phá nét đẹp rất đặc trưng mà mới lạ của Paris ở những góc phố, những con ngõ nhỏ vừa cổ kính, vừa tĩnh lặng. Đối với tôi, đi roller ở Paris vừa là môn thể thao, vừa là cách thư giãn tuyệt vời, lại có thể khám phá rất nhiều những cảnh đẹp mới. Không chỉ có thế, roller với tôi còn là phương tiện đi lại cực kỳ cơ động. Khi còn là sinh viên, ngoài giờ học, tôi thường đi làm thêm vào các buổi tối, công việc thường kết thúc vào buổi đêm, khi tàu điện ngầm đã ngừng hoạt động. Những chiếc xe bus đêm thì thưa hơn nhiều và chạy rất đúng giờ, có khi chỉ chậm 10 giây, bạn sẽ phải đứng đợi thêm nửa giờ đồng hồ. Nếu chỗ làm của tôi xa bến bus đêm, roller là phương tiện hiệu quả nhất giúp tôi không lỡ chuyến, và ngay cả khi lỡ chuyến bus cuối cùng, tôi có thể đi roller thẳng về nhà (giả sử nghĩ đến việc đi taxi, chắc tôi chẳng muốn đi làm luôn, vì taxi vào ban đêm ở Paris rất đắt và khó kiếm).

Bởi vậy mà tôi hào hứng tập roller lắm. Nói là tập cho oai chứ lần đầu tiên nhìn thấy đám bạn đi roller, tôi đã đòi đi theo. Chúng nó cho mượn một đôi, bảo leo lên và trượt đi. Tôi chưa đi bao giờ, chẳng sao, để đi được không khó lắm, cứ căn rãnh vào ngã một hồi là đi được. Cái khó là phanh lại. Thậm chí muốn phanh bình thường cũng chẳng được, vì lũ bạn tôi đã đi rất giỏi, chúng tháo phanh ra cho đỡ vướng và khi cần thì xoay ngang bàn chân để phanh hoặc có nhiều kỹ thuật khác. Còn tôi không có kỹ thuật gì cả. Cứ thế mà lao. Bình thường thì phải tập một thời gian ở các quảng trường hay sân trượt dành riêng cho roller, nhưng thấy bạn bè đi phố, tôi ham quá, đi theo ngay. Có khi gần đến ngã tư đèn đỏ, thấy tôi phóng nhanh quá, một thằng phải nhảy ra đằng trước mà phanh lại để tôi bám vào, nếu không tôi phải tìm cái cột giới hạn vỉa hè mà ôm lấy để dừng lại. Hoặc đang phóng nhanh trên vỉa hè thấy có người đẩy cái xe nôi, tôi sợ không làm chủ tốc độ đâm vào người ta, liền xoay ngang ra mà lao vào... tường, rồi ngã lăn ra. Tập kiểu ấy thì hơi nguy hiểm nhưng biết đi nhanh lắm. Chỉ

sau hai ba lần đi với đám bạn, tôi đã có thể phóng rất nhanh và tất nhiên khi ấy đã biết phanh rồi. Rồi tôi tham gia vào hành trình roller tối thứ Sáu. Quá ấn tượng, quá đông vui. Hàng ngàn người tụ họp, trông ai cũng vui vẻ, hào hứng. Có người mang theo cả đài có loa lớn, để trên vai, vừa đi vừa nhảy. Có người thì hóa trang, treo cả đèn nhấp nháy trên người. Trẻ em, người già, phụ nữ, đàn ông đủ mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp. Có nhiều người chắc vừa tan sở, còn mặc nguyên complet, cravate cũng đeo roller vào tham gia. Cảnh sát đi xe ô tô mở đường, nhưng cũng có rất nhiều cảnh sát đi roller cùng đoàn để bảo vệ, hướng dẫn người tham gia hoặc cảnh báo các tay trượt quá khích có thể gây nguy hiểm cho bản thân hoặc cho những người khác. Đoàn đua lao vun vút trong đêm qua các con phố trong tiếng reo hò, cổ vũ của người dân hai bên đường. Nhưng không có ai chiến thắng cả, tất cả tham gia vào một ngày hội vừa rèn luyện sức khỏe, vừa đi ngắm cảnh Paris.

Ở Paris cũng có rất nhiều bãi, quảng trường lớn mà dân nghiền Paris thường tụ tập, như quảng trường République, quảng trường trước cửa Nhà thờ Đức Bà hay quảng trường Palais Royal gần điện Louvre. Đến đó bạn sẽ gặp những nhóm trượt roller nghệ thuật vừa luyện tập, biểu diễn vừa xin tiền khách qua đường.

Tôi trở lại với đồi Montmatre, nơi diễn ra cuộc thi roller tốc độ hằng năm. Nhìn họ lao dốc mà sợ. Lúc ấy tôi đã biết đi roller khá tốt rồi mà cũng phải xanh mắt. Các tay đua đều được trang bị quần áo có lớp bảo vệ bằng kim loại và những đôi giày đặc biệt để thép dùng để phanh, khi họ phanh lại, các tia lửa bắn đỏ rực càng làm bạn thêm ấn tượng. Khi ấy dù tôi có tự tin và liều lĩnh đến mấy cũng nghĩ rằng chắc mình không bao giờ dám đứng lên đôi roller để lao xuống những con dốc ấy.

Đôi khi tôi cảm thấy rằng ông trời hay “số phận” có vẻ luôn muốn thử thách những “giới hạn” của tôi trong mọi chuyện thì phải (mặc dù tôi đã từng nói rằng mình không tin vào số phận). Chỉ không lâu sau đó, tôi tình cờ được một người bạn giới thiệu vào làm ở một nhà hàng trên đồi Montmatre, đúng con phố nơi tổ chức cuộc đua mà tôi đứng xem hôm nào.

Tôi làm bartender, đứng pha rượu. Công việc thường kết thúc vào lúc một giờ sáng. Để ra bến tàu điện ngầm có tàu đi thẳng về nhà tôi cho kịp chuyến cuối cùng của đêm, tôi thường phải chạy rất nhanh. Chạy nhanh hết sức mà nhiều khi vẫn chậm vài phút. Tôi bắt đầu nghĩ đến (dù không khỏi e ngại) việc đi roller. Ban đầu tôi mang roller theo, nhưng chạy bộ qua khỏi đoạn dốc nhất rồi mới dám đeo vào để trượt đi. Dần dần, tôi đeo roller ngày càng sớm hơn, ở đoạn dốc ngày càng cao hơn. Và đến một đêm, đứng trên đỉnh dốc, nhìn xuống, tôi không còn cảm giác sợ hãi như ngày nào nữa. Tôi lao xuống, tất nhiên không thể nhanh như những tay đua chuyên nghiệp vì đôi lúc tôi phải phanh lại giảm tốc độ giữa chừng, nhưng bỗng cảm thấy tự hào như thể mình vừa vượt qua một ngọn núi mà trước đây chỉ dám ngược nhìn. Và tôi trả lời câu hỏi của tôi hôm nào “Chẳng có ngọn núi nào mà (người) ta không thể vượt qua”.

Đó chỉ là một câu chuyện nhỏ, một ví dụ nhỏ trong suốt cuộc hành trình của đời tôi, nhưng cũng là một khoảnh khắc quan trọng để tôi hiểu ra rằng: Chỉ cần ý chí và tự tin, cộng thêm sự chuẩn bị tốt và lòng quyết tâm, bạn (và tôi) sẽ làm được mọi chuyện (hay ít nhất cũng là rất nhiều chuyện mà ngay cả bạn (và tôi) cũng không ngờ tới).

Đến những suy nghĩ về khả năng và giới hạn của con người

Tôi vẫn nghĩ rằng khả năng, sức chịu đựng và sức mạnh của con người là vô hạn, hay ít nhất vẫn chưa ai xác định được đâu là giới hạn. Hãy nhìn vào những kỷ lục liên tiếp bị phá vỡ trong mọi lĩnh vực để thấy điều đó. Có những thứ chúng ta từng coi là không tưởng, là vượt quá giới hạn khả năng của con người, đến ngày nào đó cũng có người làm được, giống như việc chạy 100 mét dưới 10 giây trong nhiều năm đã được xác định là một điều bất khả của loài người, thậm chí được chứng minh bằng nhiều công trình khoa học. Cá nhân tôi nghĩ rằng, sức mạnh cơ bắp, vật chất của con người có thể là hữu hạn, nhưng với ý chí, tinh thần, sự luyện tập cùng với quyết tâm của mình thì những gì con người làm được có thể là vô hạn. Nói đúng hơn, sự hữu hạn trong khả năng của ta là do ta tự đặt ra, tự ghi nhận và nghĩ mình không vượt qua được, hoặc chưa bao giờ có điều kiện để khám phá bản thân, hoặc do ta không biết cách phát huy hết. Cũng giống như bình

thường bạn chạy rất chậm và bạn chỉ chạy một đoạn ngắn đã mệt, đã thấy muốn ngất đi. Nhưng nếu có một con chó hung dữ tuột xích ở đâu lao vào bạn, tôi dám chắc bạn sẽ chạy nhanh gấp đôi tốc độ mà tự bạn nghĩ là cực đại, và bạn sẽ chạy xa gấp nhiều lần quãng đường mà thường ngày bạn nghĩ mình không thể vượt qua. Như hình ảnh cây gậy và củ cà rốt, tôi nghĩ rằng có ít nhất hai động lực khiến bạn có thể vượt qua giới hạn của bản thân: hoặc là có mối hiểm nguy, đe dọa, hình phạt sau lưng bạn, hoặc là một phần thưởng ai đó hứa hẹn với bạn, một mục đích bạn tự đặt ra phía trước để không ngừng vươn lên. Tôi thì thích củ cà rốt, dù ta sẽ khó cảm nhận, khó chạm vào củ cà rốt hơn là cảm thấy cái gậy lúc nào cũng nóng bỏng sau lưng. Nhưng cái cách đặt ra cho mình những mục tiêu và quyết tâm hoàn thành khiến cho tôi thấy mình tích cực và sáng tạo hơn rất nhiều so với khi bị ép buộc. Và cứ thế, tôi tiến lên phía trước, tôi vượt qua những giới hạn có thể không phải là phi thường, nhưng nó khiến tôi thêm tự tin để chạm tới những củ cà rốt to hơn, ở xa hơn.

Đó cũng là câu chuyện của tôi về đồi Montmatre, nơi mà tôi không chỉ say đắm trong cảnh sắc, thán phục sức lao động, sáng tạo của loài người mà còn tự tìm thấy cho mình một chân lý sống rất giản đơn.

Trong cuộc đời mình, sẽ có một hoặc rất nhiều lần bạn đứng trước những “ngọn núi”, như một sự thách thức bạn đặt ra cho chính mình, như trò đùa người của “định mệnh”, như một thử thách đột nhiên ập đến hay từ trên trời rơi xuống ngang đường bạn. Và bạn tự hỏi mình “Liệu ta có thể vượt qua?”

Những “ngọn núi” trong sự nghiệp học hành của tôi

Trong suốt những năm “du học” của mình, tôi nhiều lần phải đối mặt với những ngọn núi như thế. Có thể các bạn sẽ bảo rằng tôi kể về chuyến “du học” của mình mà không thấy nói nhiều đến chuyện học, chỉ thấy đi làm, đi làm và đi làm. Có chứ, trong chương này tôi sẽ kể cho bạn về chuyện đi học của tôi. Bởi vì hết thấy những công việc ngốn ngang kia chỉ là phương tiện, là giải pháp nhất thời để tôi có thể tồn tại và tiếp tục mục đích chính của mình: học. Học chính là ngọn núi lớn nhất của tôi khi ấy, mà

tất cả những khó khăn, vất vả chịu đựng khác chỉ là những đòi hỏi nhỏ nhỏ trong cuộc hành trình vượt núi.

Ai đó sẽ bảo rằng, việc học làm gì khó khăn đến thế! Nhưng nếu ai đã từng đi du học với hai bàn tay trắng, đặt chân đến một đất nước xa lạ mà không biết nói tiếng bản địa chắc sẽ hiểu vấn đề của tôi. Tôi có thể tự hào rằng: trong suốt những năm tháng cắp sách đến trường, trừ mấy năm cấp ba “nổi loạn”, tôi luôn là một học sinh giỏi, thậm chí là xuất sắc mặc dù tôi không đầu tư nhiều thời gian cho việc học. Có lẽ một phần vì tôi thông minh (theo nhận xét của mọi người) và có trí nhớ rất tốt. Tôi cũng có năng khiếu về ngoại ngữ, học nhiều thứ tiếng: tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh, từ cấp hai đến đại học, tôi luôn đạt điểm xuất sắc, từng đoạt giải trong nhiều cuộc thi. Tôi có nhiều “va chạm” xã hội nhờ các hoạt động ngoại khóa, đi làm và dạy thêm khiến tôi đủ “dày dặn” và tự tin. Đó là những yếu tố quan trọng trong hành trang du học của tôi. Ấy vậy mà khi đặt chân đến Pháp, tôi đã đi từ “bàng hoàng” này sang thất vọng khác về khả năng, trình độ của mình. Ngay cả tiếng Anh tôi tưởng là thứ vũ khí sắc bén của bản thân, sang đến đây mới thấy chẳng khác gì con dao bằng gỗ.

Một đặc điểm nổi bật của người học ngoại ngữ ở Việt Nam (ít nhất là thời của tôi) là chỉ tu luyện ngữ pháp, luyện đọc, luyện viết để luôn đạt điểm cao trong thi cử. Kỹ năng nghe và nói không được coi trọng, và trong cuộc sống cũng không có điều kiện để thực hành (đó là tôi còn đi làm cả năm trời cho một văn phòng đại diện nước ngoài, bạn bè tôi chắc hẳn rất nhiều người cho đến khi ra trường chưa từng nói một câu tiếng Anh nào ở ngoài lớp học của mình). Ngay cả nếu như ở Việt Nam bạn đã từng làm việc, trao đổi với người nói tiếng Anh, bạn cũng sẽ thấy dễ dàng hơn nhiều. Bởi khi ấy, họ ý thức được rằng họ đang nói tiếng của họ với một người nước ngoài, cũng giống như bạn nói tiếng Việt với một người ngoại quốc đang tập học tiếng Việt hay với một đứa trẻ bi bô tập nói, bao giờ bạn cũng có xu hướng nói chậm lại, nói rõ hơn. Còn khi bạn đến đất nước của họ, hoặc khi họ ở trong môi trường mà họ không còn để ý đến chuyện “mình đang nói một thứ tiếng xa lạ”, hoặc họ coi như bạn nghiêm nhiên có đủ

trình độ để nói chuyện “sòng phẳng” với họ thì khi ấy bạn sẽ có điều kiện để nhận ra trình độ thật của mình.

Tôi đã từng bàng hoàng khi ngồi nghe giờ học Marketing đầu tiên do một ông thầy người Anh giảng. Trong hơn hai giờ đồng hồ, có lẽ tôi chỉ hiểu được vài câu chào hỏi ban đầu và lời giới thiệu về môn học. Suốt thời gian còn lại, tôi vò đầu, tôi ra ngoài rửa mặt cho tỉnh, tôi lấy cớ ra ngoài để khi trở lại ngồi vào bàn ngay sát thầy, tôi có thể tập trung cao độ để đọc chữ qua miệng thầy, tôi tự động viên mình, tìm đủ biện pháp để cái thứ ngôn ngữ đang tuôn ra như thác nước kia chui vào tai mình một chút. Không được. Cái bàng hoàng thất vọng của tôi khi ấy còn lớn hơn nhiều sự thất vọng về tháp Eiffel không quá đẹp hay Paris không hoành tráng như tôi tưởng. Bởi lần này là tôi thất vọng về chính bản thân mình. Tôi đã cay cú đến ghen cổ họng khi lần đầu tiên sang Anh, ở một quán cà phê, nói đi nói lại ba lần thứ mình muốn mà không ai hiểu. Nhưng dù sao tôi đã học tiếng Anh hàng chục năm, đã có căn bản rồi nên tôi có thể xoay sở được. Gần hai năm sau ngày nhập học, tôi giành được bằng MBA, kết thúc bằng kỳ bảo vệ luận văn gần hai giờ đồng hồ trước hội đồng chấm thi người Anh, Mỹ và được khen ngợi.

Tiếng Pháp mới thật sự là một “ngọn núi”, nhất là trong hoàn cảnh của tôi. Ở Việt Nam tôi đã từng học tiếng Pháp, học cho vui thôi chứ không thấy có gì thiết thực. Học rồi quên sạch. Sang Pháp, trong hai năm đầu, ở trường các môn học của tôi đều bằng tiếng Anh, ở nhà, có chút thời gian rảnh là tôi đi làm, mà môi trường đi làm của tôi là những quán ăn người Việt, người Hoa, nói tiếng Việt, nhất là nói tục chắc còn hơn lúc tôi ở Hà Nội. Đi chợ chúng tôi cũng vào chợ châu Á, nếu có vào chợ “Tây” thì tiếng Pháp cũng chỉ dừng lại ở “làm ơn, xin lỗi, bao nhiêu tiền”. Đừng bao giờ nghĩ rằng khi bạn sống ở nước ngoài, hằng ngày tiếp xúc với tiếng bản xứ thì thứ tiếng ấy sẽ tự ngấm vào đầu bạn. Sẽ không có chuyện đó nếu bạn không đầu tư thời gian, không học nghiêm túc và không quyết tâm cao độ. Nhất là tiếng Pháp. Tôi quen nhiều người đã ở ba bốn chục năm bên này, tiếng Pháp cũng chỉ dừng lại ở “làm ơn, xin lỗi, cảm ơn” và “bao nhiêu tiền” mà thôi.

Tôi học tiếng Anh không mấy vất vả, chỉ cần rèn luyện vài tháng là đã cảm thấy tự tin khi gặp ai đó, ít nhất cũng nói chuyện được vài câu. Còn tiếng Pháp, học mãi mà khi mở miệng ra là ấp a ắp úng, muốn nói đúng thì méo hết cả mồm, mồm hết cả hệ nhai. Thậm chí mới chỉ nói “xin chào”, người đối diện đã biết trình độ tiếng Pháp của tôi tồi tệ đến thế nào rồi.

Trong suốt những năm ở Pháp, thậm chí đến bây giờ, ngoài một khóa học mang tính giới thiệu làm quen trong chương trình MBA, tôi chưa từng được học một khóa tiếng Pháp nghiêm túc. Lý do: đi làm, đi làm và đi làm. Bởi thế sự học của tôi càng khốn khổ.

Có bằng MBA rồi, tôi hy vọng xin vào thực tập ở một công ty nào đó để kiếm chút kinh nghiệm, nghĩ rằng đi du học mà không được làm việc thật sự trong môi trường bản xứ thì thà ở Việt Nam mà đăng ký học một khóa trong các trường quốc tế còn hơn. Lúc ấy tôi hiểu ra rằng, ở Pháp, trừ khi bạn là người nói tiếng Anh mẹ đẻ và muốn làm giáo viên tiếng Anh, hoặc đã có rất nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực của bạn, còn nếu không nói được chút tiếng Pháp nào, đừng hy vọng kiếm việc làm. Chưa kể tấm bằng MBA của tôi chỉ là bằng về quản lý, quản trị kinh doanh chung chung, chứ không thật sự có một chuyên ngành nào cả. Nhảy vào lĩnh vực nào cũng gặp những “chú” Pháp xịn, có bằng cao học chuyên sâu thì cạnh tranh thế nào?

Lúc ấy tôi không đủ thời gian để có thể đầu tư học lại tiếng Pháp từ đầu. Tôi đã 25 tuổi, nếu học lại tiếng Pháp rồi học thêm một bằng cao học chuyên ngành trong hệ thống các trường Pháp thì bao giờ mới ra trường, bao giờ mới đi làm? Mà đâu phải nói đi học là có tiền học ngay, còn phải “đi cày” nhiều mới đủ tiền để đi học. Hết khóa MBA, tôi trở thành diện sinh viên tự túc 100%, tiền học tất nhiên cũng tự trả. Bởi vậy tôi quyết định đốt cháy thời gian: đi làm nhà hàng một năm đủ dành tiền cho một khóa cao học chuyên ngành tài chính, trong thời gian ấy thì tự học tiếng Pháp. Nhưng việc “tự học” ấy của tôi không suôn sẻ mà bị gián đoạn bởi những mệt nhọc, quá sức của hơn 12 giờ lao động chân tay mỗi ngày, của những thăng trầm tình cảm, tinh thần mà tôi trải qua. Thậm chí nhiều lúc tôi bị lao vào cơn lốc mà rất nhiều người đi du học vương phải: ham kiếm tiền hơn đi

học. Ở châu Âu, kiếm tiền, dù là bằng lao động chân tay, đến lúc nào đó cũng thấy “khá” hơn nhiều so với ở Việt Nam. Nhịp sống đó cuốn tôi đi, càng ngày càng ngại học, thích tính đếm mình để dành được bao nhiêu tiền hơn là nghĩ xem mình sẽ đầu tư nó vào việc gì.

Cho đến khi đã làm đăng ký vào trường, phải đi phỏng vấn đầu vào, tiếng Pháp của tôi vẫn còn bập bẹ, nói được vài câu. Đi phỏng vấn, tôi phải ngồi hình dung những câu người ta có thể hỏi mình, rồi chuẩn bị trước câu trả lời, nhờ người khác chỉnh sửa, học thuộc lòng. Khi phỏng vấn, nghe thấy cái gì có tí chút liên quan đến “tử” thì lôi ra “trả bài”. May quá cũng qua được.

Nhưng khi vào học mới là một cuộc chiến. Lần này không ngoáy tai nữa mà liên tục rửa mặt, bởi một ngày tám tiếng học mà tôi như “vịt nghe sấm”, căng đầu ra cũng không hiểu chữ nào. Những lúc như vậy buồn ngủ khủng khiếp. Học tám tiếng mỗi ngày thì tôi mất thêm bốn giờ ngoài hàng photo để chụp lại vở của bạn, từng bạn một, của cả lớp, vì học sinh ở Pháp không viết nắn nót, họ viết cốt để đọc được. Nếu họ đi thi thì họ còn cố gắng viết để người khác đọc được, chứ chép bài chỉ cần mình họ hiểu là đủ. Lại còn viết tắt, viết tắt kinh khủng. Tôi tự bảo từ tiếng Việt mình ngán thế mà khi chép bài mình còn viết tắt, nữa là tiếng Pháp. Những từ viết tắt chỉ người Pháp hiểu được, với mình thì đành chịu. Tôi photo miệt mài cho đến khi tìm được một cô chữ đẹp nhất, đọc dễ dàng, chỉ hiếm cứ ba từ thì viết tắt hai. Lúc ấy tôi tìm cách làm thân rồi kiếm có ngồi cạnh, rồi năn nỉ để người ta vì mình mà ít viết tắt đi, đại loại trong giờ học, người ta chép bài thì mình ngồi cạnh, cứ thấy viết tắt thì mình ho hay gãi đầu gãi tai để nhắc, nhiều khi người ta lờm mình rồi thở dài, mình cũng phải nhe răng ra cười nịnh. Photo vở tất nhiên không đủ, bởi không phải cái gì người ta nghe, người ta hiểu cũng chép vào vở. Khi họ nghe hiểu được thì thành kiến thức ở trong đầu họ, còn mình đâu nghe thấy gì. Vì thế mà phải tìm thêm sách. May sao ở Pháp, người ta cho mua sách rồi trả lại được. Cứ ra hàng sách ngồi đọc, thấy đúng cái mình cần thì mua, rồi chạy đi photo những phần quan trọng, rồi quay lại trả. Như thế đỡ được chút tiền, vì tiền photo cũng

đặt gần bằng tiền mua sách, nhưng cả ngày đứng ngoài tiệm photo, còn chưa kể đi làm thêm, gần như tôi không có thời gian để học.

Ấy là lúc học, lúc thi còn khổ hơn. Tôi nhớ lần đầu tiên thi môn Phân tích tài chính. Nghĩ rằng phân tích tài chính thì số là chính, chữ là phụ (có lẽ vì vậy mà rất nhiều sinh viên Việt Nam ở nước ngoài hay chọn học chuyên ngành tài chính hoặc tin học vì nghĩ “ít chữ nhiều số”). Vậy mà đề dài 16 trang A4. Thời gian thi ba tiếng, tôi đọc xong đề bài mất gần hai tiếng, khi bắt đầu viết chữ đầu tiên đã có người nộp bài đi về rồi. Các trường tư của Pháp khi trông thi rất nghiêm túc và khắt khe. Trong gần hai năm tôi học khoảng hơn 20 môn, mỗi môn thi hai kỳ. Gần ấy môn không môn nào được dưới trung bình, nếu không thì không được cấp bằng. Nếu dưới trung bình có thể thi lại để nâng điểm. Nhưng chỉ được phép thi lại ba lần. Giả sử khi bạn nghe thông báo phải thi lại lần thứ tư, bạn có thể hiểu rằng việc học tiếp chỉ để lấy kiến thức và giấy chứng nhận đã theo khóa học, còn bằng thì không bao giờ chạm tay vào được nữa. Và khổ nổi, đối với giáo viên ở đây, làm bài mà đúng hết thì mới đạt điểm 14/20 (tương đương điểm 7 ở nước ta). Muốn đạt điểm cao hơn bạn phải thật sự xuất sắc, phải đưa ra cách giải khác với cách giáo viên dạy, phải đưa ra những luận điểm mới chứ không phải bê nguyên si từ trong sách nào đó thì may ra mới được điểm 18, còn điểm 20/20 thì không tồn tại, cũng đúng thôi, chẳng có gì là hoàn hảo tuyệt đối cả. Nếu một trong hai kỳ bạn đạt điểm 6 hay 7 thì gần như chắc chắn môn ấy bạn phải thi lại. Đầu năm lớp tôi có gần 60 người, đến lúc bảo vệ luận văn chỉ còn lại dưới 40 học viên. Các “chiến binh” đã cày ải quá ba lần thi lại đều tự nguyện “hy sinh”. Sinh viên Pháp chiến đấu đã vất vả, sinh viên Việt như tôi còn vất vả gấp trăm lần. Còn nhớ có lần trong phòng thi, gặp từ “khóa” quan trọng mà tôi không biết, tôi giở từ điển tiếng Pháp ra thì bị giáo viên nhắc nhở ngay, dù cả lớp đứng lên bảo vệ tôi. Lúc ấy, cô giáo bảo: “Đã vào trường Pháp, học ở hệ cao học thì nghiêm nhiên phải đủ năng lực tiếng Pháp để học. Không có ngoại lệ”. Sau hơn ba tháng vào trường, kết quả kỳ thi đầu tiên của tôi hết sức tồi tệ. Hơn 10 môn, môn nào khá thì được 8/20, còn lại chỉ 6 hoặc 7, tệ nữa là 4. Tôi nghĩ thầm “Thế là xong”! Tiền học phí là hơn một năm lao động dành dụm

của tôi, nếu thất bại thì quả là “thảm họa”. Vậy là ngày đi học, tối đi làm, đi làm về tôi lại “cày” đèn sách đến ba giờ sáng. Kỳ thi thứ hai, đối với tôi, đã giống như kỳ quyết định. Tôi xem điểm kỳ trước và tự đặt cho mình mức tối thiểu của từng môn, đủ để kéo điểm kỳ trước lên trung bình. Thế nghĩa là môn nào cũng phải thấp nhất là 12. Và tôi làm được, kể cả môn luật với tôi là môn kinh hoàng nhất, kỳ đầu tôi chỉ đạt điểm 4, tôi cũng “kéo” được lên. Kết quả điểm thi dán lên, cả lớp nhìn tôi bằng một con mắt khác: hóa ra cái thằng mở mồm ra là ấp úng, nói chẳng ai hiểu, suốt ngày chỉ cười nịnh, vợ được cuốn vở là chạy mất hút, lúc sau mới quay lại trả ấy, cuối cùng cũng học được, không cần từ điển cũng thi được. Vậy là ngọn núi học hành ấy tôi đã lên được hơn một nửa, và là nửa khó khăn nhất. Rồi cứ đà ấy tôi vượt dốc. Tôi hiểu rằng nếu sinh viên Pháp đã phải cố gắng nhiều vì việc học ở đây không đơn giản là học thuộc lòng, nếu muốn đạt kết quả cao phải thật sự sáng tạo, thật sự phát huy kiến thức của chính bản thân, thì một sinh viên Việt Nam học ở Pháp muốn đạt thành tích tốt càng phải cố gắng hơn gấp 10 lần. Sau này đi làm cũng vậy, người ta cố gắng một thì tôi phải cố hai, ba, không chỉ kiến thức chuyên môn mà phải biết nhiều thứ phụ trợ khác (tiếng Anh, tin học...) mới mong cạnh tranh được với người Pháp, mới mong bù đắp cho điểm yếu của mình là tiếng Pháp và những kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử.

Sẽ có ngày con đường của ta phẳng lặng hơn, ít núi cao vực thẳm hơn. Nhưng với tôi, cuộc sống là cả một quá trình phấn đấu và vượt qua thử thách, vượt qua những ngọn núi lớn nhỏ, không bao giờ dừng lại, ở đâu cũng thế, trong mọi chuyện. Trong cả quan hệ vợ chồng, bố mẹ, con cái, trong cả những cư xử hằng ngày với người thân, bạn bè, đồng nghiệp. Nếu như ta đã vượt qua những núi cao, vực sâu, hãy coi chừng để không bị ngã thật đau bởi một chiếc ổ gà nhỏ hay gây chân vì một mô đất tí hon trên con đường ta đi.

Đó là “tâm niệm” của riêng tôi, còn mỗi người bằng cách này hay cách khác, luôn vượt qua, nhiều hay ít, những “ngọn núi thử thách” trong cuộc đời. Trong suốt quãng đời du học, tôi đã nhìn thấy, đã trân trọng, ngưỡng mộ rất nhiều những tấm gương học hành và lập nghiệp. Rất nhiều

người thành công rực rỡ. Tôi không biết bí quyết của họ là gì, nếu họ chia sẻ những bí quyết của mình, hẳn sẽ giúp ích được cho nhiều người. Tôi chưa làm được điều gì to tát, chỉ mới vượt qua được những khó khăn đầu tiên, nhưng tôi muốn chia sẻ vài kinh nghiệm học tập ở nước ngoài của mình với những ai cảm thấy cần:

- Học ngoại ngữ thì phải ứng dụng, càng nhiều càng tốt. Ngôn ngữ, hiển nhiên và trước tiên là dùng để giao tiếp. Trên ghế nhà trường, kỹ năng viết là rất quan trọng, nhưng cũng đừng bỏ mặc kỹ năng nghe nói của bạn. Đừng nghĩ rằng học lâu, viết giỏi thì tự nhiên sẽ nghe nói được. Tôi biết rất nhiều người, tốt nghiệp đại học, cao học, thậm chí tiến sĩ trong hệ tiếng Pháp mà không đủ tự tin để nói chuyện lưu loát với người Pháp, thậm chí là vài câu đơn giản. Nếu bạn chưa đủ tự tin để bắt chuyện hay trao đổi trực tiếp với người nước ngoài, bạn có thể luyện bằng việc nghe đài, nghe ti vi và nhất là tự đọc to lên mỗi ngày một trang sách hay bài báo. Khi đọc là khi bạn tự nghe và sửa cho mình, cũng là cách cho bạn niềm tin khi cần phải nói trước mặt người khác. Bạn cũng có thể học thuộc lòng những “câu mẫu” chuẩn, hoặc những cụm từ mở đầu, dẫn dắt... những câu, từ mà bạn biết khi ở trong khung cảnh như thế, với ý đại loại như thế, người Pháp sẽ nói câu đó. Học thuộc và áp dụng, ban đầu có thể là máy móc, nhưng nó cho bạn sự tự tin để nói những câu khác sau đó.

- Đừng tự ti rằng mình nói kém. Tôi đã từng có thời gian dài tìm mọi cách để tránh phải nói tiếng Pháp hoặc khi nói, cố gắng nói nhỏ để các “lỗi” của mình không quá lộ. Hoặc nếu một từ nào đó tôi phát âm một vài lần thấy khó, hay bị nhầm thì lần sau tôi tìm cách thay bằng từ khác. Sai lầm. Mình là người nước ngoài, hiển nhiên mình không thể nói tiếng bản địa lưu loát ngay được, chỉ cần đừng ỷ lại mãi vào lý luận đó. Khi ta nói nhỏ hoặc ấp úng, người ta không nghe rõ, sẽ hay hỏi lại, càng khiến ta bối rối và mất tự tin, càng làm ta sợ nói. Nếu bạn nói to, rõ ràng thì ngay cả phát âm chưa đúng, thường người ta vẫn có thể hiểu bạn và điều đó giúp bạn tự tin hơn. Thêm nữa, khi nói to một từ mà ta dễ nghe ra lỗi của mình rồi tự sửa và người đối thoại cũng có thể sửa cho ta, chứ cũng không thể né tránh mãi việc dùng từ đó, bởi nếu ta đã khó khăn với một từ và “trốn” nó,

sẽ lại có những từ khác còn khó hơn... Càng làm như thế càng khiến ta chui sâu vào cái vòng tăm tối, luẩn quẩn của sự thiếu tự tin.

- Nếu ta đã vượt qua được sự tự ti, chắc ta sẽ không giấu dốt. Khi có cơ hội thuận lợi, tôi luôn nói chuyện với bạn bè người Pháp và đồng nghiệp sau này khi bắt đầu đi làm, rằng “Tôi nói tiếng Pháp chưa tốt, nếu có thể, hãy giúp tôi nhận ra những từ phát âm còn chưa tốt và chỉ cho tôi cách sửa nó”. Đừng lo, câu nói đó không làm mất đi chút giá trị nào của bạn, mà ngược lại. Hãy hình dung một người nước ngoài tự nhận mình nói tiếng Việt chưa tốt và đề nghị bạn giúp đỡ để nói tốt hơn, chắc chắn bạn sẽ thấy vui vẻ và cảm thấy người đó cởi mở, chân thành hơn. Đó cũng là cách tôi phá đi bức rào ngăn cản trong giao tiếp với nhiều người mà sau này họ trở thành bạn tôi. Đó cũng là cách tôi học tiếng Pháp của người Pháp ngay cả khi không còn ngồi trên ghế nhà trường.

- Khi đã giải quyết được phần học tiếng thì học chuyên môn có lẽ không quá khó. Người Việt nhìn chung có tư chất tốt và chương trình học của Việt Nam nặng hơn rất nhiều so với ở châu Âu (trẻ con Pháp vừa học vừa chơi, cứ học hai ba tháng lại được nghỉ vài tuần, và chẳng có đứa trẻ nào học thêm ngoài giờ trừ khi quá kém), nên một người với sức học bình thường ở Việt Nam cũng có thể theo được chương trình học ở Pháp hay các nước châu Âu. Tuy nhiên muốn đạt kết quả cao thì khó hơn. Bởi họ không thích sinh viên học thuộc lòng, khi học phải có kiến thức sâu và rộng, tức là phải đọc thêm sách, tìm hiểu thêm bên ngoài. Trừ các môn tính toán, bài thi không có lỗi chỉ đạt điểm trung bình khá. Bài đạt điểm cao khi bạn thể hiện được sự hiểu biết của mình và viết ra bằng câu chữ của bạn (dù có thể bạn viết sai chính tả), chứ không chép lại một cuốn sách người khác đã viết. Nên nhớ khi ta viết tiếng Pháp còn chưa trôi chảy như người Pháp, chẳng gì dễ hơn việc phát hiện ta sao chép nguyên bản một câu nào đó.

- Khi thi, nếu bạn còn chưa giỏi tiếng thì đừng giống như tôi, cặm cụi đọc hết cả đề thi. Hãy đọc câu hỏi chính đầu tiên và sau đó tìm trong phần dẫn dắt trên đó những yếu tố giúp bạn trả lời. Khi biết mình cần tìm cái gì thì đọc cũng nhanh hơn và nhớ hơn. Cố gắng đừng nghĩ đến từ điển hay bị ám ảnh bởi một từ mà ta không biết vì những thứ đó chỉ khiến ta lúng túng

mất thời gian, trừ khi đó là “từ khóa” có tính quyết định cho câu trả lời. Thường thì ta có thể đoán ra, hiểu được nghĩa của từ đó nhờ văn cảnh của nó, không ngay lập tức thì sau đó một lúc bạn sẽ hiểu ra.

- Nếu các bạn châu Âu không quá nổi trội về những môn tính toán thì hầu hết lại rất giỏi những môn xã hội, địa lý, lịch sử... Họ cũng có tinh thần tự lập và khả năng tổ chức, quản lý tốt hơn nhiều so với đa phần người Việt. Hãy đừng chỉ học từ giáo viên và sách vở, học chính những người bạn xung quanh bạn thì thú vị và trực quan hơn nhiều.

- Trong thời gian đi học và sau này ngay cả khi đã đi làm, tôi hiểu rằng để cạnh tranh với người bản xứ khi đi thực tập, xin việc, khi làm việc và mong được thăng tiến thì ngoài những cố gắng về học tiếng (dù bạn học cả đời cũng rất khó bằng được người bản xứ), về một hoặc hai ngoại ngữ khác (ở châu Âu, các sinh viên thường nói vài ba thứ tiếng là chuyện bình thường), về chuyên môn, bằng cấp, nếu có thể, bạn nên trang bị cho mình một thứ “vũ khí” nào đó nữa có thể tạo ra sự khác biệt. Vũ khí của tôi là tin học: tôi nhận ra rằng sinh viên châu Âu không quá giỏi về tin học, đặc biệt là phần lập trình, trong khi nghề nghiệp của tôi (tôi làm về phân tích và kiểm soát tài chính) lại hay cần đến phần này (dù không bắt buộc). Và tôi tập trung một thời gian, tìm hiểu học thêm về lập trình ứng dụng trong tài chính cũng như học để sử dụng thành thạo (đến mức nâng cao) tất cả các phần mềm văn phòng thông dụng. Sau này, nó không chỉ khiến tôi khác biệt với những “đối thủ” khác, mà còn giúp tôi giành được sự yêu mến của các đồng nghiệp, vì tôi luôn sẵn lòng giúp (và giúp được) mỗi khi họ có khó khăn hay thắc mắc gì về tin học.

“Kinh nghiệm” có lẽ vẫn còn, nhưng tôi muốn chia sẻ với bạn một số bí quyết nhỏ của riêng tôi khi du học, hy vọng có ích để bạn “vượt núi” dễ dàng hơn.

Sân Công viên các Hoàng tử: một câu chuyện tình



Sân công viên các hoàng tử. (Ảnh: Tác giả)

Tôi mê bóng đá lắm. Nhiều khi tôi hối tiếc tại sao mình không trở thành một cầu thủ bóng đá. Niềm đam mê ấy được khởi nguồn từ bố tôi. Khi cúp bóng đá thế giới 1978 diễn ra, tôi mới chỉ hai tuổi. Nhà chúng tôi không có ti vi, đêm nào bố tôi cũng thức đêm sang hàng xóm xem nhờ. Mà đi một mình thì chắc e ngại mẹ tôi nghi ngờ, nên ông vác tôi theo. Phải gọi là vác vì tôi mới hai tuổi mà đã “đô con” lắm, và đêm thì tất nhiên tôi ngủ lản ra như lợn con. Thế mà đêm nào ông cũng vác tôi đi, đứng hàng giờ

nhòm qua cửa sổ nhà hàng xóm để xem những trận cầu bốn năm mới có một lần. Không bỏ trận nào. Ban đầu tất nhiên là tôi ngủ, về sau bị thức giấc vì những tiếng hô của bố, tôi tò mò dõi theo những hình ảnh trên ti vi, rồi dần bị cuốn hút vào môn thể thao triệu người mê ấy. Tôi cũng không bỏ trận nào, dù tôi không hiểu những gì người ta nói như bắn súng trên ti vi. Bốn năm sau, nhà vẫn chưa có ti vi, đến lượt tôi đánh thức bố hằng đêm dậy đi xem nhờ. Bấy giờ thì bố không vác tôi được nữa, mà tôi thì thấp nên toàn phải đu hai tay lên song sắt nhà người ta, vừa xem ti vi vừa tập thể hình, có hôm còn bị kẹt tay vào cửa bấm đập, mà vẫn không chịu bỏ. Bố tôi nhìn thấy thế mà đau lòng, hôm sau về bỏ hết tiền dành dụm ra mua một cái ti vi, kê ngoài sân, xếp ghế như rạp chiếu bóng rồi mời cả xóm đến xem. Ông còn pha trà luộc khoai lên mời mọi người ăn đêm.

Tôi mê xem bóng đá là thế, chơi bóng đá còn hăng say hơn. Chẳng lúc nào tôi rời quả bóng, trừ lúc ở trường. Ngồi học ở nhà cũng phải có quả bóng đá qua đá lại giữa hai chân thì chữ mới chịu vào đầu. Trưa nào tôi cũng đội nắng đi đá bóng dù ăn đòn tét cả mông. Đêm đi ngủ tôi cũng ôm bóng lên giường, mẹ tôi bảo bóng bẩn thế, cấm không cho. Thế là tối nào, dù nắng hay mưa, dù lạnh thấu xương tôi cũng mang bóng ra sân mà kỳ cọ, mà tắm cho sạch sẽ để được ôm bóng ngủ cùng. Từ cấp một đến đại học, lúc nào tôi cũng là đội trưởng đội bóng của lớp, của trường. Đau ốm, mưa bão, thậm chí có khi chân bị bóng rộp cũng không khiến tôi dừng chơi bóng. Sang Pháp tôi cũng không từ bỏ được niềm đam mê ấy. Đi làm thuê đêm nhưng sáng thứ Bảy nào tôi cũng phải thu xếp thời gian đi đá bóng vài tiếng, rồi chẳng kịp tắm rửa, chỉ thay quần áo qua loa lại chạy đi làm tiếp đến sáng hôm sau.

Bởi thế mà một trong những điểm đến “mơ ước” của tôi khi đặt chân đến Paris là sân vận động Công viên các Hoàng tử (Parc des Princes), sân vận động mà tôi đã từng nghe nhắc đến trong suốt ngần ấy năm như là đích đến của những giấc mơ. Sân vận động này nằm ngay trong lòng nội thành Paris, ở một khu nổi tiếng, vừa gần rừng vừa gần trung tâm. Sân “Hoàng tử” không quá lớn, chứa được chừng năm vạn người, kiến trúc không quá

cầu kỳ, nhưng đủ to đẹp để làm bộ mặt cho đội bóng thủ đô PSG và làm sáng ngời những đôi mắt người hâm mộ như tôi.

Nhưng ở chương này tôi lại kể đến sân Công viên các Hoàng tử mà gần như chẳng liên quan gì đến bóng đá, lại cũng không phải là câu chuyện của riêng tôi. Tôi nghĩ đến nó như một phần câu chuyện trong hành trình du học của tôi và rất nhiều người khác, của rất nhiều bạn bè và những thế hệ du học sinh đến Pháp. Và đi du học thì không chỉ có chuyện học, hiển nhiên thế, còn rất nhiều những câu chuyện tình đủ sắc thái: cảm động, đẹp đẽ, bề bồng hay thâm trầm. Trong câu chuyện này, tôi sẽ gọi hai nhân vật chính của tôi là “chàng” và “nàng”, như thể trong bất kỳ thiên tiểu thuyết lãng mạn nào.

Tôi không nhớ chính xác tôi quen chàng thế nào. Chàng bằng tuổi tôi, vốn không phải sang Paris để đi du học, mà vì bố chàng sang đây công tác mấy năm, chàng lại không được chăm ngoan lắm, sợ ở nhà chơi với bạn xấu sinh hư hỏng nên bố chàng đưa chàng sang Pháp sống cùng. Chàng chỉ đăng ký đi học lấy lệ và ngày ngày cắp cặp ra khỏi nhà để chiều lòng bố, chứ chàng chẳng học hành gì. Để có tiền ăn chơi, ngoài tiền được chu cấp, chàng phải đi làm thêm khắp nơi. Ấn tượng ban đầu của tôi về chàng là rất “ấn tượng”: một gã trai nhỏ bé, trắng trẻo, gương mặt rất thư sinh, thậm chí hết sức hiền lành nhưng ăn mặc rất “ngầu”, đầu trọc lốc. Sau này chàng bảo để đầu trọc thì đỡ tốn tiền cắt tóc, lúc nào tóc dài là chàng dùng tông đơ tự gọt lấy, nghe thì có vẻ tiết kiệm, nhưng vừa kể chuyện, chàng vừa bỏ ra mấy chục euro mua cái vé số xổ có kết quả ngay, điền xong đi xem thấy trượt, chàng thản nhiên vứt vào sọt rác và điền cái mới. Thường ngày, ở chỗ nào cũng vậy, chàng không bước đi mà lướt đi như “tiên”, vì lúc nào chàng cũng đứng trên đôi roller. Theo sau chàng là một đội thanh niên mặt búng ra sữa, cũng ăn mặc ngầu, đầu trọc, cũng lướt như “tiên” trên các đôi roller. Hồi tôi gặp chàng là những năm bắt đầu của làn sóng du học sinh Việt Nam sang Pháp ồ ạt, trong vài năm, chính phủ Pháp bỗng nhiên mở cửa cho diện sinh viên đi du học tự túc chứ không cần có học bổng như chúng tôi trước đây sang Pháp học. Và thế là ở Việt Nam mọc lên một loạt các công ty “cò du học”, thực chất chỉ là những công ty lừa đảo, vì họ rêu rao có thể xin

được suất đi Pháp (trong khi suất đó hoàn toàn miễn phí, chỉ cần đăng ký vào một trường học tiếng bất kỳ nào đó là được có visa), có thể đưa đón và chỉ dẫn sinh viên ở Paris, giúp đỡ trong việc học tập... và thu một khoản tiền lớn của các ông bố bà mẹ luôn chạy theo cái bóng hào nhoáng của “Du học Pháp”.

Chàng là “đại diện bên Paris” của một công ty như thế, một công việc để kiếm thêm tiền ăn chơi của chàng. Và chàng làm công việc của “nhà đại diện”: chàng đón sinh viên ở sân bay, đưa họ về các khu ký túc xá mà bố mẹ họ đã phải trả cho công ty cò với giá gấp đôi giá thực tế. Rồi chàng đưa họ đến trường học tiếng để đăng ký cũng với giá gấp đôi như thế. Sau đó lẽ ra chàng phải “dìu dắt” các em trong học tập, nhưng chàng có học gì đâu mà “dìu dắt”, chàng chỉ biết ăn mặc ngẫu, để đầu trọc và cả ngày lượn lờ roller đi dạo phố, đi tiêu tiền thì các “em” của chàng cũng thế. Nhân tiện các em đều là con nhà khá giả, bao luôn chàng đi nhậu, ngồi quán billard... Thương thay cho các ông bố bà mẹ ở nhà nhận tin con đã vào trường, phải nộp tiền học, mua bảo hiểm, phải sắm dụng cụ, đi thăm quan... mà hồi hả gửi tiền sang.

Hình như tôi đang “kể xấu” nhiều người, trong đó có bạn tôi. Mà tính tôi không thích kể xấu, dù thật ra tôi chỉ nói thật. Tôi cũng phải nói thật rằng anh bạn tôi, tức là chàng, hoàn toàn không phải là người xấu. Tôi nghĩ chàng là người rất hiền lành và nhiệt tình với bạn bè, chỉ có điều chàng có những suy nghĩ rất đơn giản, mọi thứ đều đơn giản. Thích chơi thì chơi, chẳng việc gì phải lo nghĩ đến tương lai. Bố không cho đủ tiền để chơi thì đi làm thêm, làm cái gì cũng được, có tiền là làm. Còn các em cũng thích chơi hơn thích học, nghĩa là cùng sở thích với chàng thì chàng nhân tiện “dìu dắt” luôn. Hồi đầu chàng rủ tôi làm cùng, tôi thoát nghe thấy công việc được trả lương đàng hoàng, lại có điều kiện giúp đỡ sinh viên mới sang thì hào hứng nhận lời ngay, nhưng ngay khi biết mức lệ phí mà mỗi sinh viên phải đóng cho công ty cò thì tôi chững lại, đó là một gia tài, đối với những người như tôi, và hẳn là với rất nhiều người, và ngần ấy tiền trả cho những thứ lẽ ra gần như là miễn phí? Tôi cũng tìm cách ngăn cản anh bạn, nói rằng theo tôi việc ấy “có tính lừa đảo” thì chàng nói: “Mày hâm à,

có lẽ là công ty lừa thôi, tao làm công lĩnh lương mà. Thời gian và ‘kinh nghiệm’ của tao cũng đáng tiền chứ bộ”. Nói chung nói chuyện với những người suy nghĩ đơn giản như chàng rất khó, bởi suy nghĩ của họ, đối với họ, hiển nhiên đã là chân lý.

Bây giờ tôi quay sang kể về “Nàng”. Nàng là một tiểu thư con nhà giàu có, gia giáo. Nàng 18 tuổi, đẹp, kiều sa. Nàng có vẻ đẹp của cô thiếu nữ 18 tuổi trong sáng, tự nhiên khiến bất kỳ gã trai nào cũng phải mẩn mê. Nàng còn cao ráo như người mẫu với một thân hình đầy đặn cân đối hoàn hảo, đúng là vẻ đẹp hoàn thiện. Nàng là công chúa đài các vì nhà nàng giàu, lại là con gái duy nhất nên bố mẹ nàng chiều chuộng, chăm chút hết mình. Nàng chỉ có việc học và chơi đàn piano, nàng chẳng biết gì về cuộc sống.

Trong suốt những năm sau này, tôi đã thấy vô số những tiểu thư, công tử như thế được bố mẹ gửi sang Pháp. Tôi thấy các ông bố bà mẹ ấy thật dũng cảm. Không biết nên gọi đó là dũng cảm hay là thiếu hiểu biết. Nếu nàng mà là con gái tôi chắc là nàng đi đâu tôi phải vác súng sẵn theo sau mà canh. Bởi nàng đúng là con nai tơ ngơ ngác, da thơm thịt ngọt trong một xã hội đầy rẫy những hiểm họa. Tại sao mọi người cứ hình dung ra rằng đi du học thì tốt, cứ gửi con ra nước ngoài vài năm thì con sẽ thành người, sẽ giỏi giang, lại được thêm cái mác du học, chỉ cần rót tiền vào đầu tư là đủ?

Du học là một môi trường cực kỳ phức tạp và đầy rẫy những chông gai. Thậm chí tôi nghĩ với những thanh niên mới vào đời, nếu không đủ bản lĩnh, quyết tâm và một chút từng trải thì đi du học ở nước ngoài còn nguy hiểm hơn là lao vào cuộc sống “xã hội” ở Việt Nam. Bởi vì khi quanh ta không còn những người thân, ta mất đi chỗ dựa tinh thần to lớn, dù trước đó tưởng như ta không cần đến. Ngôn ngữ thì không rành, giao tiếp khó khăn, chưa nói gì đến chuyện học. Khi học không nổi thì chán, vài anh chán gặp nhau, lại sẵn có tiền, sẵn không có người kèm cặp quản lý, muốn chơi thâu đêm cũng chẳng ai hay thì còn gì “thuận lợi” hơn. Rượu chè, trai gái, ma túy bị quản lý, nhưng những thứ ấy chẳng nước nào cấm triệt để được. Các cô các cậu mới lớn, đột nhiên thoát khỏi cái lồng “gia đình”, vào

một môi trường mới đều cất cánh vụt bay lên thật cao, hô hai tiếng “Tự do”, tung mình vào những cuộc phiêu lưu hoặc là để thử cảm giác mới, hoặc là quên đi nỗi buồn xa nhà, hoặc để chứng minh mình có tiền, mình biết chơi...và thường chỉ tỉnh lại (hoặc có thể là dừng chuyến bay lại chứ không bao giờ còn tỉnh được nữa) sau khi rơi từ trên rất cao ấy xuống mặt đất của những thực tế phũ phàng. Những chuyện ấy tôi không vội nói thêm nhiều nữa, tôi trở lại với câu chuyện của nàng.

Thật ra tôi không quen biết nàng hay gia đình nàng. Gia đình nàng có quen biết với gia đình cậu em ở chung căn hộ với tôi. Kể từ khi cậu em của tôi đi du học nước ngoài (hoặc có thể là từ trước đó rất lâu), gia đình nàng chỉ có ước nguyện duy nhất là nàng cũng đi du học.

Nhân tiện có anh họ nàng sang công tác Paris, gia đình nàng nhờ anh tìm người giúp cho nàng được sang học ở Pháp. Không hiểu sao, ông anh nàng sau vài lần đến nhà chúng tôi chơi và nói chuyện, lại nhất nhất chỉ muốn nhờ tôi, chứ không muốn gửi gắm cậu em đã thân quen từ trước. Tôi băn khoăn lắm, không phải vì không muốn giúp đỡ mà vì e ngại tuổi 18 và sự non tơ của nàng qua lời kể của ông anh họ, cũng e ngại vì tôi khi đó đi làm đi học đến 20 giờ mỗi ngày thì không có thời gian lo cho nàng chu đáo. Lúc ấy tôi có bạn gái ở London rồi, cũng e rằng bạn gái sẽ “dị nghị”. Nhưng ông anh họ của nàng cương quyết lắm, và gia đình nàng còn cương quyết hơn, một mực nhờ vả tôi, nói chỉ cần lo cho em sang được, còn mọi chuyện sẽ tự lo ổn thỏa, rằng nàng là một đứa con ngoan và học giỏi, chắc chắn sẽ có tương lai nếu được đi du học. Họ nài nỉ mãi, tôi đành nhận lời.

Vậy là tôi lo đi xin trường, lo hướng dẫn các thủ tục giấy tờ để nàng sang mà không quá tốn kém cho gia đình, dù gia đình nàng chẳng thiếu thốn gì. Nhưng đó cũng là khởi đầu cho một nỗi ân hận của tôi mãi đến sau này.

Nàng sang Paris. Trước hôm nàng sang tôi đã phải lao đi tìm thuê cho nàng một căn phòng, công việc khó khăn nhất trong những bước đầu tiên của một sinh viên đi du học. Bởi nhà cho thuê ở Paris thì thiếu thốn. Người ngoại tỉnh, người nước ngoài đổ dồn về Paris tìm việc, tìm trường và ai cũng cần nhà cả. Cung không đủ phục vụ cầu nên các chủ nhà “kiêu” lắm,

không chỉ ra giá cao mà đòi hỏi đủ thứ. Người thuê nhà phải có thu nhập cao gấp ba lần giá thuê nhà (hời ôi, sinh viên thì thu nhập làm gì để cao, đến đi làm 20 giờ một ngày như tôi còn không đủ, chưa nói đến chuyện đi làm chui thì cũng chẳng biết chứng minh kiểu gì), họ còn đòi thêm phải có người thu nhập cao và có cơ sở niềm tin về tuổi tác, thành phần gia đình bảo lãnh cho người thuê: sinh viên Pháp thì có bố mẹ, họ hàng, người quen bảo lãnh, chứ sinh viên Việt Nam thì đành chịu. Đi thuê nhà mà bộ “hồ sơ” dày hơn đi tìm việc làm: nào đơn trình bày nguyện vọng, nào sơ yếu lý lịch, nào chứng minh thu nhập, nào giấy chứng nhận của trường, của ngân hàng, của sở cảnh sát, giấy bảo lãnh, giấy chứng nhận thu nhập của người bảo lãnh... Có đủ ngần ấy thứ giấy rồi còn phải cầu nguyện để không gặp phải những người khác đến trước mình, nộp bộ hồ sơ tốt hơn mình. Có lần tôi đọc báo buổi tối, vừa hôm trước có cái nhà mới đăng lên ưu tiên cho sinh viên thuê, hẹn sáng hôm sau 10 giờ bắt đầu cho xem nhà và nhận hồ sơ. Bảy giờ sáng tôi đến, thấy trước cửa vào tòa nhà có ba người đứng chờ thì sung sướng quá, tự nhủ “Con chim dậy sớm kiếm mồi là con chim sẽ bắt được sâu, hôm nay mình chỉ phải ‘tranh đấu’ với ba con khác thôi”. Đứng đó đợi đến hai giờ chiều vẫn thấy ba con chim kia ngơ ngác đứng đó, không nhích thêm được chút nào. Hóa ra, căn hộ cho thuê ở trên lầu bảy thì người xếp hàng đứng từ trên lầu bảy xuống đến đường, mỗi bậc thang là một “con chim” hồi hộp hy vọng như tôi. Khi biết như thế tôi liền đi về, vì biết chắc hẳn trong số hàng trăm “con chim” kia, kể cả những con dậy muộn đến sau tôi, thế nào cũng có con mang đến một bộ hồ sơ tuyệt đẹp, chẳng đến lượt mình.

Sinh viên Việt Nam vì thế chỉ tìm thuê nhà theo những mối quen biết, hoặc thuê lại nhà của những người Việt Nam định cư bên này, ưu tiên cho người Việt thuê để dễ bề “chèn ép”. Phải nói là như thế, dù không phải ai cũng thế. Người Pháp hay người châu Âu khi đi thuê nhà thường đòi hỏi nhiều thứ, ít nhất là nhà phải đạt những tiêu chuẩn tối thiểu về vệ sinh, ánh sáng, sức khỏe... Phòng mà người Việt cho thuê nhiều khi chỉ là căn hầm để đựng đồ, có ô cửa sổ bằng bàn tay, ẩm thấp, gián chuột chạy vòng vòng. Sưởi lúc chạy lúc không, nay hỏng đèn điện mai hỏng thoát nước. Điều

kiện như thế chỉ dành cho những sinh viên Việt Nam không có tiền, không hiểu luật thuê lại, chỉ mong có chỗ chui ra chui vào. Mà những chỗ như vậy cũng không phải là sẵn có, vì đạo đó sinh viên Việt Nam bắt đầu ào sang rất nhiều.

Trở lại với nỗi lo thuê nhà của tôi cho nàng. Tôi chạy đôn đáo khắp nơi, vận dụng mọi mối quen biết. Cũng may lúc ấy, sau hơn hai năm ở Paris, nhờ những hoạt động trong giới sinh viên mà hầu hết sinh viên Việt ở Paris đều biết tôi, tôi “cầu cứu” thì họ truyền tai nhau tìm người giúp. Nhờ thế mà tôi được giới thiệu đến một căn hộ của một sinh viên Việt sắp về nước. Căn hộ ở tầng sáu, ngay bên cạnh sân công viên các Hoàng tử, trong một quận nội thành nổi tiếng đẹp và giàu có của Paris.

Khi đến nơi, tôi ghen ngào sung sướng: lần đầu tiên tôi được nhìn toàn cảnh sân vận động trong mơ. Từ tầng sáu nhìn xuống, khung cảnh đẹp quá đỗi, tháp Eiffel không quá xa, sân Công viên các Hoàng tử hoành tráng ngay trong tầm mắt, thêm cả các sân tennis của hệ thống giải Roland Garros cùng một rừng cây, công viên, các siêu thị, cửa hàng... Tất nhiên căn hộ nhỏ thôi, nhưng đầy ắp ánh sáng và khô ráo, giá lại rất “sinh viên” nhờ mối quan hệ của người thuê trước. Chỉ có điều duy nhất là căn hộ sau thời gian dài cho thuê, người thuê không ở thường xuyên nên trông hơi cũ, cần phải sửa sang lại, nhất là để đón một nàng công chúa.

Một tuần trước khi nàng sang, tôi bắt đầu nhận nhà. Mỗi ngày tôi đi làm, đi học từ bảy giờ sáng đến mười giờ tối, tan việc tôi lại phải mang thức ăn đến thẳng căn hộ ấy để bóc giấy dán tường cũ, sơn bả lại, trải lại thảm dưới nền nhà, lắp lại cái góc bếp. Tôi làm đến ba giờ sáng, làm xong ngủ luôn dưới nền nhà, mai bảy giờ sáng lại dậy đi làm tiếp. Chẳng hiểu sao tôi khỏe thế, cũng chẳng biết tại sao tôi nhiệt tình đến vậy. Có thể vì lúc mới sang tôi đã chịu nhiều khổ sở cay đắng nên sau này nhìn những sinh viên ngơ ngác đặt chân đến Paris, lại còn trẻ và khờ dại hơn tôi hồi trước, tôi luôn muốn giúp họ hết mức để họ không phải khổ sở đau đớn như tôi. Nhất là một nàng công chúa thì tôi không đành lòng nhìn nàng khổ, dù chưa gặp bao giờ.

Nhưng đến hôm nàng sang thì nhà vẫn chưa sửa xong, tôi lại muối mặt nhờ một người em gái mà tôi quen cho nàng “tá túc” vài ngày trong lúc đợi sửa nhà. Ở được ba ngày thì ngày nào cô bạn tôi cũng gọi điện đến bảo “Anh ơi, anh đưa công chúa của anh đi, em chịu hết nổi rồi.” Khổ nỗi cô bạn tôi cũng từng là một “nàng công chúa”, đi du học khi chưa từng phải động tay vào việc nhà. Sau hơn một năm cô cũng học và làm được những việc cơ bản và tối thiểu, nay lại phải “nuôi” một nàng công chúa khác xem ra còn “tệ” hơn mình ngày xưa, đã chẳng làm gì còn suốt ngày kêu ở bên này không bằng Việt Nam. Lại thêm gia đình của cô công chúa, xót con quá nên gọi điện sang mỗi ngày, không kể ban đêm hay sáng sớm, họ gọi nhờ vào điện thoại cô bạn tôi mà chỉ rồi rít đòi gặp con, không được lời cảm ơn, nên cô càng giận. Cũng có thể vì nàng đẹp quá, đẹp thật sự, mà phụ nữ thì không thích phải ngày ngày nhìn thấy người đẹp (kể cả là không đẹp bằng mình) trong nhà của họ. Tôi lại phải vừa thương lượng để kéo dài thêm ít hôm, vừa cật lực lao động để hoàn thành việc sửa chữa. Rốt cuộc đành thức trắng đêm để hoàn thành việc.

Cuối cùng thì tôi cũng có thể đưa nàng đến căn hộ mới. Sau gần hai tuần lao động cực nhọc của tôi, căn hộ trở nên đẹp đẽ, sáng sủa và ấm áp. Với tôi nó như một giấc mơ. Tôi hồi hộp chờ xem thái độ của nàng, như thế đón cô dâu về nhà. Nhưng tôi quên mất là nàng còn chưa phải “nếm mùi đời” của sinh viên du học, nàng mới vừa rời “cung điện” của nàng ở Việt Nam thôi. Nàng đến, đi ra đi vào xem xét, mặt không chút cảm xúc. Hoặc phải nói là nàng vì nể tôi mà cố nén sự thất vọng. Rồi nàng kết luận: “Thôi, ở tạm. Ít hôm rồi anh tìm cho em cái khác, to đẹp hơn”. Tôi nửa muốn cười lại nửa muốn khóc, cố nuốt cục nghẹn xuống, nghĩ rằng rồi dần dần cuộc đời sẽ chỉ cho nàng biết giá trị của những thứ mà nàng đang có.

Nhưng nàng còn có thể thay đổi được vì nàng sẽ tận mắt thấy cuộc sống của chúng tôi bên này, gia đình nàng thì không. Ngày nào tôi cũng nhận được điện thoại, bảo em ra ở riêng rồi, cần phải có ti vi, tủ lạnh, máy giặt, máy tính, máy rửa bát, giường tủ đẹp đẽ đầy đủ, cháu đi mua giúp em. Rồi mở tài khoản ngân hàng, đăng ký học, làm giấy tờ, mua bảo hiểm. Rồi bảo em mới sang, xa nhà, xa bạn nên buồn lắm, cháu phải đến nói chuyện,

dắt em đi chơi, làm cho em hết buồn... Tôi đành phải thừa rằng tôi giúp em vì nể mặt cậu anh họ của em và cậu em ở cùng nhà, vì thương em mới sang còn chưa biết gì, nên tôi sẽ đi mua mọi thứ, tạo dựng cơ sở vật chất ban đầu cho cuộc sống mới của em. Chứ tôi bận rộn lắm, và đã có bạn gái rồi, nên cần tôi đến tâm sự giải buồn mỗi ngày hay cái gì “xa xôi” hơn thì chắc tôi không làm được, tôi xin nhận lỗi trước.

Tôi đi mua, nhưng chỉ có một mình, không ô tô, tôi đành vác ngăn ấy thứ lên tàu điện ngầm, rồi bê lên tầng sáu không cầu thang máy. Có cái tủ to quá, tôi bê một mình không nổi, chẳng biết nhờ ai, mọi người đi học đi làm cả, chỉ có chàng là lúc nào cũng rảnh, lúc nào cũng nhiệt tình, nên tôi gọi chàng tới giúp một tay. Chàng đến ngay, lỗi của tôi có lẽ cũng là chỗ ấy.

Họ gặp nhau. Chàng ngay lập tức “choáng váng” và rung động mãnh liệt trước vẻ đẹp trong sáng của nàng. Nàng tỏ ra bình thường, vì chàng không quá ấn tượng và nàng còn ngây thơ chưa nghĩ gì. Nói chuyện vài câu thì hóa ra hai người có họ hàng với nhau, mà chưa từng gặp mặt. Tự nhiên câu chuyện giữa hai người thân mật gần gũi hơn hẳn. Nàng tin tưởng tuyệt đối vào ông anh họ, và chàng thì đặc biệt quan tâm chăm sóc cho cô em họ. Tôi cũng thấy yên tâm, vì tự nhiên nàng gặp họ hàng bên này, dù sao cũng có chỗ dựa.

Bằng đi một thời gian, tôi quá bận rộn nên chỉ thỉnh thoảng hỏi thăm nàng xem mọi việc có tốt không, có cần gì không. Nàng bảo là anh yên tâm, có anh họ em lo nên tôi cũng không để ý đến chuyện gì. Bỗng một hôm, chàng gọi tôi đến nhà để cảm ơn vì tôi đã giúp chàng tìm thấy “tình yêu của đời mình”, chính là nàng. Tôi trợn mắt bảo “Cái gì, chúng mày là họ hàng mà”. Chàng bảo “Tao kệ, tao yêu mất rồi. Nàng cũng yêu tao, thế thôi”. Chàng vẫn đơn giản thế, làm theo cái mình thích, những cái khác không quan tâm. Tôi nói mãi, chàng bảo đã nghiên cứu rồi, gần đủ cách ba đời, lấy nhau được. Thế nào là “gần đủ ba đời”? Tôi hỏi, chàng không biết. Tôi biết làm gì hơn.

Thật lòng mà nói, chàng không có lỗi, nàng cũng thế. Yêu nhau thật lòng thì không bao giờ là tội lỗi cả. Hai người khác giới, gặp nhau rồi nảy sinh tình cảm là lẽ thường tình. Nàng thì thiếu thốn tình cảm, chỗ dựa, quen

có người cung phụng, chăm sóc. Chàng thì độc thân, sẵn có thời gian, lại nhiệt tình, gặp một cô gái đẹp như nàng mà không say mới là lạ. Ban đầu là anh em họ, lại càng không cần giữ ý, câu nệ, rồi dần dần mọi thứ đến tự nhiên.

Tình yêu của họ đẹp, tôi thấy vậy. Tình yêu của con người, nếu thật lòng thì lúc nào cũng đẹp. Phải nói là họ si mê nhau và hạnh phúc. Nhìn trong mắt chàng hay nàng tôi đều thấy sáng ngời lên ngọn lửa tình yêu và sự mãn nguyện. Hai người lại hoàn toàn tự do ở với nhau, chắc hẳn đều cảm thấy thỏa mãn. Chỉ có một điều tôi lo lắng là họ si mê nhau quá, mà một người thì ngây thơ chưa có kế hoạch gì cho cuộc đời, người kia thì đơn giản và phải nói là vô trách nhiệm với mọi thứ, nên cả hai chỉ ở đó mà yêu nhau thôi, chẳng làm gì. Nàng gần như không đi học, chàng cũng chẳng đi làm. Tôi gặp cả hai, gặp riêng nàng để nói chuyện, khuyên bảo, đặc biệt là nhắc nhở nàng phải đi học, phải tiếp tục cuộc sống tích

cực chứ không thể chỉ lao đầu vào yêu. Nghe xong, nàng bối rối ngượng ngịu, với những vết cắn của chàng còn in trên cổ, trên má, chứ không phải vì những lời khuyên của tôi. Nàng bảo “Em cũng muốn đi học, nhưng tối nào cũng... ngủ khuya quá ạ”.

Chàng kể với tôi: “Bọn tao thức đêm..., sáng không mở mắt ra được, ngủ đến trưa. Rồi tao dậy, ngồi hút thuốc, chơi điện tử. Nàng dậy, loay hoay nấu mì tôm. Mì tôm nàng chả biết nấu, vừa nát nát, vừa mặn chát, thế mà hai đứa xì xụp ăn vẫn ngon. Ăn xong lại ôm nhau ngủ tiếp. Hạnh phúc vãi đ****” (Tôi xin lỗi, đấy là nguyên văn lời của chàng). Hai người đẹp đến sáng sủa đến thế mà sao tình yêu của họ tôi thấy như đang đi vào ngõ cụt, không lối thoát. Họ yêu nhau bản năng quá, dễ dãi quá. Thật lòng mà nói, trong suốt những năm ở Paris, tôi đã gặp không biết bao nhiêu những câu chuyện, những mối tình kiểu bản năng, dễ dãi như thế. Họ không biết, hay còn chưa cảm nhận được vận may của mình khi được đi du học. Có thể vì họ còn trẻ quá, và chưa va chạm với đời. Họ không coi trọng những đồng tiền mà gia đình bỏ ra đầu tư thì tôi có thể hiểu được, vì họ chưa từng vất vả kiếm tiền, bố mẹ họ có thể cũng như vậy, nhưng họ không coi trọng cả thời gian, tuổi trẻ và tương lai của mình thì tôi không hiểu. Họ chỉ sống

ngày hôm nay chứ họ không nghĩ đến ngày mai. Tôi cũng không hiểu những ông bố bà mẹ bằng mọi giá đưa, (thậm chí phải gọi là “tống”) con mình đi học nước ngoài mà không nhìn lại xem liệu con mình có đủ khả năng sống một mình và vượt qua những khó khăn, cám dỗ của cuộc sống đơn độc nơi đất khách quê người hay không.

Rồi gia đình nàng cũng biết về chuyện tình của nàng và biết về chàng. Họ còn là họ hàng nên chẳng khó gì để biết quá khứ ăn chơi và những “chiến tích” của chàng. Họ cũng biết rằng nàng không học hành gì, chỉ say mê với tình yêu mới. Vậy là họ tìm mọi cách ngăn cản. Họ gọi cả tôi. Nhưng tôi làm gì được. Tôi đã cố gắng khuyên bảo rồi. Tôi còn có cả cuộc đời riêng phải lo toan, nghĩ ngợi.

Chỉ một thời gian sau, gia đình báo nhà có việc, nàng phải về gấp. Và nàng về, rồi bị giữ ở nhà và không bao giờ sang lại nữa, dù việc học hành sau gần hai năm còn chưa kịp bắt đầu. Gia đình nhờ chúng tôi giải quyết hợp đồng thuê căn hộ và bán tổng bán tháo hoặc đóng gói những đồ đạc còn lại của nàng rồi gửi về nhà.

Tôi trở lại căn hộ ấy, lòng đau đớn. Đau đớn không chỉ vì khi đến nơi, căn hộ vẫn còn đẹp như mơ, vì ngay lúc đó, tôi cùng hai người bạn nữa còn đang thuê chung một căn hộ, chắc hẳn bạn còn nhớ: ở ngoại ô, một căn phòng 9m vuông, lạnh đến nổi sáng mùa đông, tôi phải gồng mình ngồi dậy với một đồng chăn đắp lên trên nặng hơn chục cân, ẩm ướt đến nỗi hơi nước đọng lại trên các đường ống nước suốt ngày đêm nhỏ xuống tí tách, thơ mộng như ở trong hang động. Mà tôi thì không có đủ tiền để một mình thuê lại căn hộ đẹp để ấy của nàng. Tôi đau đớn vì chứng kiến một cô gái trẻ, vừa mất đi hai năm tươi đẹp nhất của cuộc đời để từ nay dấn thân vào một cuộc sống phức tạp và chắc chắn nhiều buồn khổ. Đây là không tính đến phần chi phí cho hai năm du học có lẽ là cả một gia tài với rất nhiều người. Tôi không biết lỗi tại tôi, tại bố mẹ nàng, tại nàng hay tại chàng, chắc là ai cũng có lỗi. Nghĩ vậy, tôi đau lòng ghê gớm.

Tôi lại đứng trên gác cao mà nhìn xuống sân Công viên các Hoàng tử, lung linh, đẹp đẽ. Tôi nghĩ đến niềm đam mê trái bóng của mình. Vì đam mê bóng đá mà nhiều khi tôi làm những việc khó khăn với một đứa trẻ. Tôi

nghe đến hàng ngàn, hàng chục ngàn đứa trẻ từ khắp mọi miền nước Pháp, từ mọi nơi trên thế giới, mỗi năm đổ đến câu lạc bộ PSG để thi tuyển. Trong số ấy có bao nhiêu em được chọn, trong số những em được chọn ấy có bao nhiêu em vượt qua được những năm luyện tập, sát hạch, vượt qua được những khó khăn ở một thành phố thơ mộng nhưng đầy thử thách để trở thành cầu thủ. Cuối cùng cũng chỉ có mười một người được chơi trong sân vận động đáng mơ ước ấy. Đó là chưa kể đa phần trong số mười một người lại được mua về từ nơi khác.

Mười một người ấy có thể không phải là những người giỏi nhất, có điều kiện nhất hay khỏe mạnh nhất. Nhưng tôi chắc chắn mười một người ấy đến Paris với một niềm say mê và nhất là, với một quyết tâm và niềm tin mãnh liệt. Tôi cũng chắc đó là những người can trường nhất, biết chịu đựng và biết vượt khó. Họ cũng yêu, cũng chơi và cũng đam mê, nhưng họ biết mình là ai và đang làm gì, cần phải làm gì.

Những người đi du học không nhất thiết sẽ trở thành ngôi sao sáng hay cái gì lung linh như được đứng trong sân vận động kia, giữa trăm ngàn máy quay và người hâm mộ. Nhưng cuộc chiến đấu có lẽ cũng không kém phần khó khăn. Những người có thể trụ lại, có thể hoàn thành những khóa học và giành được bằng cấp với kiến thức thực sự, đều ít hay nhiều là những “vận động viên”, cả trí óc lẫn tâm hồn, thể xác. Sự “đào thải” của du học cũng mạnh mẽ, tàn nhẫn chẳng kém gì câu lạc bộ PSG. Đằng sau hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn những cuộc chia ly ở sân bay, nơi mà cả gia đình hờ hững và kỳ vọng tiền một người đi, có biết bao gia đình phải đón về, lôi về một “thất bại” (kẻ bại trận?). Tiền mất, thời gian mất, tình cảm cũng mất mà thứ thu lại nhiều khi chỉ là cái danh hào gói gọn trong hai từ “Du học”. Có biết bao bà mẹ tiễn con đi vẫn còn đang khắc khoải chờ đợi, vẫn còn hy vọng lo lắng chờ con “chiến thắng trở về”, như mẹ tôi.

Trong suốt những năm ở Paris, tôi đã chứng kiến biết bao sinh viên phải bỏ về giữa chừng vì không đủ tiền, không đủ khả năng theo học, vì không chịu được áp lực. Tôi đã xót xa nhìn thấy bao nhiêu bạn bè vì ham kiếm tiền hoặc vì không vượt qua nổi khó khăn của việc học hành mà chấp nhận đánh đổi trình độ đại học để đi làm thuê cho các tiệm ăn, nhà hàng

mãi mãi không gắng gượng lên được... Tôi đã từng viết thư, giúp một người em mà tôi cứu mang, khuyên bảo trong suốt nhiều năm để theo đuổi việc học. Nhưng cuối cùng cũng không học nổi, gia đình bán cả nhà đi để chu cấp cũng không đủ, muốn quay về Việt Nam phải nhờ tôi viết thư xin viện trợ của chính phủ Pháp để mua vé máy bay. Tôi đã gặp lại ở Hà Nội đứa em của gia đình bạn mẹ tôi, bỏ dở việc học vì gia đình không chu cấp nổi chi phí, bán sạch cả nhà, khi trở lại Việt Nam không bằng cấp, không vốn liếng, phải lấy cái xe máy cuối cùng còn lại trong nhà để đi làm xe ôm.

Tất cả, hết thảy những điều đó đều rất thật, còn trăm ngàn câu chuyện nữa mà tôi không bao giờ có thể kể hết. Không phải để tung hô vài thành công nhỏ bé của mình mà để tự bảo mình còn phải cố gắng hơn nữa, không phải để “dìm hàng” người khác mà là để thông cảm, chia sẻ với họ, càng không phải để nản lòng các bạn trẻ đang và sẽ đi du học nước ngoài. Bởi cũng có ngàn vạn du học sinh đã thành công, đã vượt qua số phận của mình hoặc vượt qua vô vàn những cạm bẫy, những khó khăn để hoàn thành mục đích của mình, thậm chí làm rạng danh gia đình và đất nước. Tôi chỉ muốn những người bắt đầu cuộc hành trình ấy, họ, gia đình của họ biết những sự thật, những khó khăn đón đợi để xác định cho mình quyết tâm và những cố gắng cho một cuộc chiến kéo dài và khốc liệt. Tôi muốn các bạn trẻ ra đi với những ước mơ và niềm say mê, nhưng đừng quên trong hành trang của mình lòng dũng cảm, sự cố gắng và niềm tin ở ngày mai.

Bảo Tàng: Nơi Lịch Sử Ngủ Quên Hay Nơi Cuộc Sống Phát Triển?



Bảo tàng Louvre toàn cảnh. (Ảnh: Nguyễn Hồng Long)

Những khác biệt khiến ta phải suy nghĩ?

Người Pháp thích đi xem bảo tàng. Hầu hết là như thế, nhất là dân Paris. Thích đến mức mới đầu ta nghĩ họ giả tạo, bởi ta không biết có gì hấp dẫn đến thế đằng sau những đồng xu cổ, những mảnh chai lọ chẳng còn nguyên vẹn hay một góc tường đổ mà khiến họ trầm ngâm hàng giờ, lục lọi

đọc, ghi chép rồi gật gù sung sướng. Nhiều người nghiện đi xem bảo tàng, tuần nào cũng đi, đi thăm nhiều lần một cái bảo tàng cho đến khi thuộc từng ngõ ngách, am hiểu từng hiện vật mới chuyển sang bảo tàng khác (mà giá vé xem bảo tàng nói chung không hề rẻ). Sở thích ấy được truyền từ đời này sang đời khác, trẻ con vừa biết đọc biết viết đã thích đi xem bảo tàng.

Và họ cũng sống trong một thế giới của viện bảo tàng. Ở Paris có bảo tàng Louvre, hẳn nhiều người biết. Chỉ riêng những gì có ở Louvre đã đủ để bất cứ ai phải dành nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần để xem hết, hiểu hết bởi đó là bảo tàng nghệ thuật và hiện vật cổ của nước Pháp và cả nhân loại. Louvre có hơn 35.000 hiện vật trưng bày trải khắp hơn 60.000m² diện tích các phòng trưng bày. Tôi không hiểu làm thế nào mà rất nhiều bạn bè tôi, đến Paris lần đầu tiên và đến thăm bảo tàng Louvre, chỉ sau ba tiếng đã bảo: “Xong, thế là đi hết Louvre rồi nhé, cái gì cũng xem hết cả.” Bảo tàng là một dãy các tòa nhà nối liền theo hình chữ U với nhiều tầng, các phòng ốc khá phức tạp, tôi nghĩ rằng nếu bạn đi bộ với tốc độ trung bình, chỉ đi thôi không xem gì cả, đi đủ hết các ngõ ngách của Louvre, chắc bạn cũng mất đến hai ngày. Vậy nhưng rất nhiều người đến Louvre, cố chen cho bằng được đến trước bức tranh nàng Mona Lisa chỉ để selfie (tự chụp ảnh) một cái. Thế là đã đủ để tuyên bố rằng “Đã vào Louvre, xem hết rồi.” Ấy là nếu như biết được mấy chữ Mona Lisa cũng đã là tốt, chứ trong đám người chen lấn cố chụp cho được bức ảnh của nàng, tôi dám chắc rất nhiều người không biết tranh này ai vẽ và vẽ ai, chỉ thấy đông người chụp và nghe nói tranh nổi tiếng, thì chụp, thế thôi.

Tôi không có ý chê nhiều người Việt mình ít am tường về văn hóa, nghệ thuật, lịch sử nhân loại. Nếu chúng ta thiếu hụt trong lĩnh vực ấy thì chúng ta thừa nhận, thế thôi. Nếu không ai nhận, tôi sẽ nhận. Tôi mù tịt những kiến thức ấy. Có thể không phải lỗi do chúng ta mà do chúng ta không có điều kiện hay thói quen thăm quan học hỏi, do nét văn hóa của chúng ta đề cao chủ nghĩa gia đình, ít đề cao việc giao tiếp xã hội, khi gặp gỡ nhau ít nói chuyện lịch sử, xã hội, địa lý... Hoặc lý do gì đó tôi không biết, nhưng quả thật khi ra nước ngoài, nói chuyện với người nước ngoài tôi

mới thấy cái hạn hẹp đến xấu hổ của bản thân trong những lĩnh vực ấy. Đừng nói thế giới, ngay lịch sử, địa lý Việt Nam tôi cũng mù mờ.

Tôi từng là một học sinh xuất sắc trong các môn học thuộc lòng. Trong vòng một tiếng đồng hồ, tôi có thể học thuộc đến từng dấu chấm, dấu phẩy một chương sách. Và tôi luôn đạt điểm cao trong các môn Lịch sử, xã hội, Địa lý. Nhưng rồi quên sạch. Thử hỏi người Việt mình có tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc hay không? Tự hào lắm chứ, nhưng khi hỏi một người trưởng thành traten Bạch Đằng diễn ra năm nào, thời nhà Lý, nhà Trần tồn tại trong bao nhiêu năm, chắc không dễ đưa ra câu trả lời ngay lập tức. Tôi còn nhớ khi mới đến Pháp, học lớp cao học MBA, có một sinh viên người Anh nói chuyện với tôi về nước Pháp và các thuộc địa Pháp, cậu đó hỏi tôi Pháp đến Việt Nam từ năm nào, bắt đầu đô hộ nước mình từ năm bao nhiêu đến năm bao nhiêu. Tôi bảo chỉ biết là Pháp kết thúc đô hộ Việt Nam năm 1945 và thua cuộc chiến sau đó vào năm 1954, còn bắt đầu lúc nào thì tôi không nhớ. Cậu ta tròn mắt nhìn tôi như người đến từ hành tinh khác. Rồi một cậu sinh viên người Pháp ngồi cạnh bắt đầu “giảng” cho chúng tôi nghe về những chuyện ấy, rất say sưa, rất chi tiết. Rồi cậu người Anh cũng tham gia bàn luận. Cũng chính hai anh đó nói với tôi rằng tiếng Quốc Ngữ của người Việt xuất hiện là do một số nhà truyền giáo phương Tây (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp) do nhu cầu giao tiếp với người bản xứ mà tìm cách ghi lại ngôn ngữ Việt bằng các ký tự Latin, rồi sau này mới được phát triển thêm bởi người Việt mình. Có lẽ bạn biết điều đó, nhưng quả thật khi ấy tôi hoàn toàn không biết. Tôi cứ tưởng rằng tiếng Việt là do các nho sĩ, thầy đồ tạo ra. Cũng chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi tại sao Việt Nam là nước duy nhất trong khu vực sử dụng bảng chữ cái Latin như người châu Âu. Khởi cần phải kể với bạn lúc ấy bộ dạng tôi thế nào, vừa đần ngố, vừa xấu hổ, vừa khâm phục nhìn một ông bạn Anh, một ông bạn Pháp ngồi kể cho mình nghe lịch sử nước mình. Những kiến thức ấy họ biết nhờ đâu? Có lẽ không phải từ các tiết dạy lịch sử thế giới. Họ biết được chính từ các bảo tàng, các chuyến đi và sự ham hiểu biết, ham đọc của họ, đặc biệt là vì những kiến thức ấy được sử dụng trong cuộc sống đời thường của họ.

Tôi trở lại với “thế giới bảo tàng” của người Pháp. Đến Paris bạn sẽ đến thăm Louvre, bạn sẽ nghe kể hoặc đặt chân đến cung điện Versailles, vừa là cung điện cổ, vừa là bảo tàng nghệ thuật. Nhưng còn vô số, vô số những bảo tàng ở khắp nơi, về đủ các chủ đề quen thuộc: bảo tàng chiến tranh, bảo tàng khoa học và công nghiệp, bảo tàng săn bắn và tự nhiên, bảo tàng năng lượng, y học... Bạn sẽ ngạc nhiên khi biết rằng có rất nhiều bảo tàng khác, về các giới hạn chủ đề rất hẹp, rất đặc trưng: bảo tàng rượu vang, bảo tàng chocolate hay thậm chí bảo tàng cống thoát nước, bảo tàng lịch sử hút thuốc lá... Có tổng cộng hơn 130 bảo tàng ở Paris.

Và tất nhiên không giống như các bảo tàng ở Việt Nam thường vắng lặng, được xây dựng lên vì nhu cầu lưu giữ các hiện vật, các bảo tàng ở Paris, dù về chủ đề gì đi nữa, luôn tấp nập người, kể cả những ngày trong tuần.

Các trường học, ở mọi cấp từ mẫu giáo đến cao học, luôn có mối quan hệ mật thiết với các viện bảo tàng, đặc biệt là các trường tiểu học, trung học. Khi vào một viện bảo tàng nghệ thuật, lịch sử ở Paris vào một ngày trong tuần, bạn sẽ rất dễ gặp một nhóm học sinh, tay sách tay bút, được hướng dẫn bởi một nhân viên và một giáo viên. Họ học ngay tiết học lịch sử, văn học, nghệ thuật của họ dưới chân, bên cạnh một bức tranh lớn, một hiện vật gắn liền với chủ đề của tiết học ấy. Lần đầu tiên đến cung điện Versailles vào ngày trong tuần, tôi đã bị ấn tượng khi thấy các em bé chỉ học lớp Một, lớp Hai say sưa ngắm các bức tranh tả về những cuộc chiến cổ xưa, đầy chăm chú nghiêm túc tìm hiểu các thông tin trên bức tranh, trên những lời chú thích đặt dưới chân bức tranh để có thể trả lời các câu hỏi trong bài tập của mình. Chúng học hăng say như tham dự một cuộc thi, một cuộc đố vui, sôi nổi bàn luận và hét lên vui mừng khi tìm thấy một chi tiết nhỏ. Học như thế làm gì mà chẳng thích, chẳng nhớ lâu. Học để sau này lại dắt con cái, bạn bè vào bảo tàng và dạy cho họ những điều mình đã biết, tìm hiểu những cái mới mà khi trước mình đi chưa có (thứ hấp dẫn cũng nằm ở chỗ, các bảo tàng ở Pháp vẫn thường xuyên được cập nhật những hiện vật mới, những câu chuyện mới, khám phá mới khiến người đã đi rồi lâu lâu có thể quay lại mà không nhàm chán). Học để trong bất cứ cuộc

chuyện trò, trong công việc nào, người ta cũng có thể sử dụng kiến thức của mình như những bằng chứng thuyết phục nhất, như những chi tiết đáng tin cậy nhất để nhiều khi có thể lý giải, có thể trả lời cho chính những câu hỏi của mình và bạn bè. Khi ta học mà biết rõ tác dụng của cái mà ta đang học, chẳng cần có cái gậy hay củ cà rốt nào ép buộc hay chèo kéo, tự ta sẽ học say sưa.

Trước khi đến Pháp, hình ảnh “bảo tàng” trong đầu tôi là những căn phòng rộng lớn, vắng lạnh, toát ra mùi ẩm mốc vì thiếu ánh sáng tự nhiên, là “lịch sử” nằm ngủ quên trong những góc tối, là dấu vết thời gian bị hóa thạch. Khi còn nhỏ tôi rất thích đến bảo tàng, đủ loại bảo tàng khác nhau, tình cờ có, bắt buộc có, khám phá có. Tôi còn quay lại nhiều lần nữa. Nhưng càng ngày, niềm yêu thích ấy càng giảm đi, ấn tượng về nơi mà “lịch sử đang ngủ quên” ấy càng tăng lên.

Louvre về chiều. (Ảnh: Nguyễn Hồng Long)

Không phải vì ở đó không có những câu chuyện cảm động và vĩ đại, không phải vì ở đó không có tình người chan chứa, không phải vì ở đó không có những kiếp người, những số phận, những thế hệ và cả lịch sử đằng sau mỗi hiện vật, mỗi bức ảnh, nhưng bởi vì ở đó tôi luôn cảm thấy sự thiếu thốn, cảm thấy những câu hỏi của mình không được giải đáp đầy đủ, những thông tin được cung cấp nửa vơi, là sự thiếu đầu tư, sự miễn cưỡng của những người có trách nhiệm. Và người đến xem càng ngày càng vắng: thế nào mà chỉ có các ông Tây bà đầm quan tâm đến lịch sử nước mình, còn người nhà mình chạy ra quán cà phê hết cả. Thật đấy, có vô khối bạn trẻ ngày nay sẽ chẳng bao giờ biết đến Bảo tàng Quân đội nằm ở đâu nếu không có quán Highland Coffee dưới chân cột cờ. Vào quán thì nhìn thấy, rồi “A, hay nhỉ !” Thế thôi. Tôi cũng thế, về Hà Nội, lần nào cũng vội vàng, có thời gian để ngồi cà phê chứ làm gì có tâm tư gì vào thăm Bảo tàng Quân đội. Nhưng ít ra tôi cũng đã vào bảo tàng ấy vài lần rồi, chứ tôi chắc trong hàng trăm nghìn lượt người ra vào quán cà phê kia, có hơn phân nửa

chưa từng đặt chân vào bên trong Bảo tàng Quân đội. Cũng không trách họ được. Vào rồi có thể họ cũng sẽ thất vọng như tôi.

Đến Pháp, tôi dần cảm nhận được các bảo tàng là kho báu hiện vật, là cái gốc của hiểu biết và đương nhiên, của sự phát triển, bản thân các bảo tàng ở Paris hay ở châu Âu cũng được phát triển, tự nâng cấp không ngừng. Và lạ chưa, với người châu Âu, bảo tàng còn là nơi đem lại tình yêu: yêu nghề, yêu cuộc sống, yêu nhau. Thật đấy.

Những câu chuyện nhỏ: đến bảo tàng để... yêu.

Hồi tôi mới làm bartender, trong quán có một cô bạn người Pháp cũng là sinh viên đi làm thêm. Một ngày tôi nói rất thích nghề bartender (tất nhiên là nghề tay trái thôi) và thích hiểu biết về các loại rượu vang Pháp. Như một sự hiển nhiên, cô ấy bảo: “Thế thì chắc đi Bảo tàng Rượu vang ở Paris rồi”. Tôi bảo chưa, cô ấy ngạc nhiên lắm. Hai hôm sau cô chìa cho tôi đôi vé, bảo mai đi. OK, đi liền.

Đó là một bảo tàng xinh xắn, lãng mạn ngay gần tháp Eiffel, nơi người ta trưng bày đủ thứ liên quan đến rượu vang, từ các dụng cụ, quy trình sản xuất rượu đến các mẫu vật thể hiện sự phát triển của cái mở rượu hay nút chai qua từng thời kỳ. Nhưng sinh động hơn, ở đó có các khóa đào tạo nếm rượu, nhận biết các loại rượu. Có cả một nhà hàng lớn cho khách thưởng thức ngay trong một hầm rượu rộng, đẹp. Cô đã đăng ký cho chúng tôi một khóa như thế, khóa “cấp tốc” thôi, chỉ có hai giờ đồng hồ, nhưng đủ để nghe người hướng dẫn dạy cho đủ thứ: làm thế nào để nhận biết sản phẩm của các vùng rượu, dòng rượu nho của Pháp, món ăn nào nên kết hợp với rượu loại nào, năm nào... Chúng tôi được nếm nhiều loại rượu, lẽ ra chỉ nếm thôi, không uống, nhưng đại gì chứ, bỏ thì uống quá. Hai chúng tôi “nếm” nhiều, chỉ một lát là mặt đã đỏ, mắt đã long lanh. Trong hầm rượu cổ kính và lãng mạn ấy, nghe những kiến thức về rượu và nhìn màu rượu phản chiếu qua đôi mắt lấp lánh ấy, chắc chẳng bao giờ quên được. Đó là cái bảo tàng đầu tiên làm thay đổi định nghĩa khô cứng về “bảo tàng” của tôi.

Lại có một người bạn nữa, cũng làm ở quán, nhưng là người làm chuyên nghiệp chứ không phải sinh viên đi làm thêm như chúng tôi. Anh

bạn ấy người Paris gốc, đẹp trai, hào hoa, tóc dài và xoăn, trông rất nghệ sĩ. Làm bồi bàn mà mỗi tối anh đều ăn mặc rất chỉnh tề, đứng chải tóc, chỉnh lại quần áo trước gương, rồi nước hoa thơm nức. Hồi mới gặp tôi nghĩ “Chắc là ái, chán thật”. Nhưng càng quen thân, càng biết là không “ái” tý nào mà ngược lại rất đàn ông, rất mạnh mẽ và cực kỳ quyết liệt trong công việc. Đúng là phải dùng từ “quyết liệt” để nói về cách anh ta làm việc bởi việc gì anh cũng muốn làm thật nhanh, thật tốt, thật chuyên nghiệp, bằng mọi giá. Có một lần ngồi nói chuyện vu vơ về gia đình, tôi hỏi bố cậu làm gì. Anh bảo: “Giám đốc kỹ thuật Công ty tháp Eiffel”. Tôi tròn mắt. Chức danh ấy không phải hạng thường, đó là vị trí quản lý hàng trăm người trực tiếp điều hành và phục vụ cho sự hoạt động của tháp, và đặc biệt việc khai thác vận hành và bảo dưỡng tháp Eiffel đòi hỏi những công nghệ, kỹ thuật hiện đại, tiên tiến nhất, những người được đào tạo tốt nhất đến từ nhiều nơi trên thế giới. Người nắm giữ chức danh ấy thường phải xuất phát từ một “Grande Ecole”, nói nôm na là một trong những trường danh tiếng nhất nước Pháp. Cũng giống như một “mặc định” rất “truyền thống” của người Việt, tôi nghĩ thầm “thế mà anh đi làm bồi bàn, có lẽ anh phải là một ‘thất bại’, một ‘nỗi hổ thẹn’ của gia đình anh”. Nhưng tôi đã lại ngạc nhiên. Sau này mới biết, bố con anh rất yêu, rất thân nhau. Rồi một buổi tối, bố anh tới ăn ở nhà hàng nơi chúng tôi cùng làm, đến với rất nhiều bạn bè, đều là những nhân vật quan trọng, có tiếng tăm cả. Lúc anh cầm các menu hướng dẫn món ăn tới, ông đứng dậy, rất trịnh trọng: “Giới thiệu với mọi người con trai của tôi, cháu làm bồi bàn ở đây”. Hai bố con bắt tay rồi ôm hôn nhau theo kiểu Pháp. Mắt ông long lanh vì tình yêu, vì hạnh diện với con trai. Các bạn ông đều trịnh trọng đứng dậy, trịnh trọng bắt tay anh, nói chuyện với anh như một người bạn đáng kính.

Tôi sửng sốt. Lại một cú sốc văn hóa. Người Pháp, trong gia đình, với bạn bè, luôn tôn trọng cuộc sống, sở thích của nhau, và trước tiên, của chính họ. Nếu ai đó làm nghề gì đó, thì trước tiên bởi họ thích, họ say mê. Với họ, nghề nào cũng cao quý, cũng đáng được tôn trọng. Niềm say mê là động lực, là cái đích cho mọi công việc. Nếu lúc nào đó chợt nhận ra mình nhầm, hay không còn say mê với nghề mình đang làm thì gần như dù ở bất

kể thời điểm nào, kể cả khi đã có hàng chục năm kinh nghiệm, có chức vụ, có thu nhập cao, họ sẵn sàng từ bỏ tất cả, học lại, bắt đầu lại từ đầu với thứ mà họ thực sự đam mê. Anh bạn tôi mỗi tối ăn mặc đẹp, cẩn thận chuẩn bị cũng bởi niềm say mê, sự tôn trọng của anh đối với nghề, tôn trọng người khác. Anh bảo, mình làm nghề dịch vụ, phục vụ người khác mà mình không đẹp, không thơm, không chỉnh tề là mình không coi trọng khách hàng, không coi trọng bản thân và không coi trọng nghề của mình. Có vẻ như tôi hơi lạc đề so với câu chuyện “bảo tàng” của mình. Không phải. Tôi không thể không nhắc về anh, về bố con anh khi kể về các bảo tàng ở Pháp bởi hai người ấy là những “con mọt” bảo tàng nếu tôi có thể gọi như thế và là người cho tôi hiểu thêm rất nhiều điều về các bảo tàng, về văn hóa đi thăm bảo tàng của người châu Âu.

Anh bạn tôi, tất nhiên đã đến bảo tàng rượu vang nhiều lần rồi. Hơn thế, mỗi lần về anh lại mang theo những cuốn sách vừa mua, sách về rượu, về cách bảo quản rượu, cách rót rượu, cách uống rượu, về các loại ly khác nhau dùng cho các loại rượu khác nhau... Anh bảo “mình phục vụ khách thì phải biết phục vụ cái gì, rót ly rượu thì phải biết đang rót rượu gì, rót đúng cách không. Rồi khách hỏi mình ăn món này nên uống rượu gì, không biết nói hay nói lung tung thì không được, nhất là khách người Pháp ai cũng có ít nhiều hiểu biết về rượu vang. Bởi thế phải học, học ở đâu? Ở bảo tàng, ở sách vở, tài liệu. Đọc không thì chán, đọc xong đi bảo tàng kiểm chứng là thú vị nhất”. Tôi hiểu, có điều anh không chỉ đi bảo tàng về rượu, về ẩm thực, mà anh đi bảo tàng văn hóa, nghệ thuật, công nghệ. Anh không chỉ đi bảo tàng văn hóa Pháp mà đi cả bảo tàng văn hóa châu Á, châu Phi, Trung Đông... Cũng lại dễ hiểu thôi, nghề của anh gặp đủ loại người, đến từ mọi nơi, làm đủ mọi nghề, mà xét cho cùng, nghề nào cũng thế cả. Cái chính là khi ta ham hiểu biết và thấy lợi ích “thiết thực” cho việc trau dồi kiến thức của mình, ta sẽ làm nó bằng mọi cách, và thường xuyên.

Anh kể: “Tôi với bố tôi hay đi bảo tàng cùng nhau, từ khi tôi còn bé, bây giờ vẫn thế. Nhờ bảo tàng mà tôi hiểu bố mình hơn. Bình thường ông ít lời, dân kỹ thuật mà. Nhưng khi vào bảo tàng, ông cởi mở hơn. Nhìn mỗi thứ gợi nhớ đến những kỷ niệm của một giai đoạn nào đó, một sự kiện nào

đó ông lại kể cho tôi nghe những câu chuyện quá khứ, của xã hội, của riêng ông. Còn khi đi những bảo tàng về những chủ đề hiện đại hơn, của giới trẻ ngày nay thì đến lượt tôi kể cho ông những chuyện của tôi. Có khi cùng nhìn vào một hiện vật, hai bố con lại có những cảm giác khác hẳn: với ông là một khám phá mới mẻ đầy phức tạp cách đây không lâu, còn với tôi là thứ trò con trẻ thời thơ ấu đáng buồn cười. Và hai bố con cười phá lên.” Tôi hỏi: “Này tôi để ý, người Pháp các anh đi đâu cũng quần áo chỉnh tề, trang trọng lắm, sao đi bảo tàng cũng là nơi lịch sự, toàn thấy các anh mặc quần bò, áo phông, nói chung quần áo tuềnh toàng, lại đeo balo mang cả bánh mì nước ngọt như đi leo núi ấy?” Anh bảo: “Quần áo phải thoải mái chứ, ăn uống phải đầy đủ chứ. Đi khám phá học hỏi mà. Có khi đi cả ngày, từ sáng tới tối. Phải sẵn sàng để có thể ngồi xuống, quỳ xuống, thậm chí nằm lăn ra để nhìn một thông số, một dòng chữ hay một cái dấu có khi ở dưới gầm ghế chẳng hạn. Rồi ngồi lăn ra đọc cuốn sách để kiểm chứng, học hỏi, ngồi bất cứ chỗ nào. Có khác gì đi vượt rừng, leo núi đâu, chỉ thiếu cái gậy”.

Sau này đi làm trong ngành tài chính, tôi còn gặp nhiều câu chuyện hơn nữa liên quan đến bảo tàng. Trong công ty tôi có cô kỹ sư công nghệ rất trẻ và xinh, vừa ra trường đã được nhận vào làm điều hành các dự án phát triển năng lượng sạch (năng lượng gió, mặt trời, thủy triều) với mức lương đáng ngưỡng mộ. Đùng một cái, một ngày cô ấy bảo: “Em nộp đơn xin nghỉ việc rồi anh ạ. Em đăng ký học ngành khác: nghiên cứu lịch sử và hướng dẫn viên bảo tàng. Em nghĩ nhiều rồi, đấy mới là say mê của em. Từ bé em đã thích đi bảo tàng, nghĩ là chỉ thích đi chơi với bố mẹ thế thôi, đi để học hỏi thêm. Nhưng càng ngày mới càng nhận thấy bảo tàng đã cho mình tất cả: niềm say mê sống, tình cảm gia đình, kiến thức xã hội. Em nhất định phải đem niềm say mê ấy đến cho nhiều người khác nữa. Em bắt đầu lại từ đầu. Nhất định thế.”

Đấy, văn hóa “bảo tàng” của họ là thế đấy. Bảo sao họ không thích đi bảo tàng, sao họ am hiểu đến thế đủ mọi chuyện mà ta cho là “vô bổ” nhưng nếu có ai kể cho một chút thì há hốc mồm ra nghe. Chữ “Musée” dịch ra thành “Bảo tàng” trong tiếng Việt dường như không ổn, hoặc nếu

không phải là từ được dịch ra thì định nghĩa về “Bảo tàng” của ta không ổn. Đây nhé, lấy định nghĩa trong từ điển tiếng Việt thì “bảo tàng” là “nơi tàng trữ, bảo quản và trưng bày những tài liệu, hiện vật có ý nghĩa lịch sử”, thế thôi. Còn chữ Musée trong tiếng Pháp được định nghĩa: “là nơi mà những hiện vật được thu thập, giữ gìn và trưng bày phục vụ cho mục đích nghiên cứu, tìm hiểu thông tin, văn hóa” hoặc “là nơi quy tụ, với mục đích gìn giữ và trưng bày cho công chúng những bộ sưu tầm nghệ thuật, những tài sản văn hóa, khoa học, nghệ thuật.” Rõ ràng với những định nghĩa trong tiếng Pháp, khái niệm “bảo tàng” nghe gần gũi, hiện đại và có tính thu hút hơn hẳn. Nếu muốn học hỏi những điều tích cực, học hỏi để phát triển thì cần phải thay đổi, thay đổi từ trong suy nghĩ, nhận định của ta, từ có lẽ là cả một cái định nghĩa trong từ điển.

Nếu bây giờ bạn hỏi hình ảnh của tôi về “bảo tàng” là gì, tôi sẽ không trả lời bạn. Tôi sẽ nhắm mắt lại và nhìn thấy ánh mắt long lanh đầy tình cảm và niềm vui muốn chia sẻ của cô gái ấy, nhìn thấy hai cha con người bạn tôi: quần bò giày bệt, người nằm kẻ ngồi đang kể cho nhau nghe một câu chuyện xưa cũ bên cạnh một món đồ tưởng chừng chẳng liên quan gì, rồi cùng cười phá lên. Là cô bạn kỹ sư công nghệ của tôi miệt mài ghi chép, tươi tắn cầm tay các em nhỏ hoặc bế chúng lên, để chúng có thể nhìn thấy một chi tiết nhỏ được hỏi đến trong bài tập, hay một chi tiết đã được nhắc đến trong một cuốn truyện tranh. Không chỉ là “bảo quản, tàng trữ”, đó là nơi đang hiện diện cuộc sống, là gốc rễ cho sự phát triển của hiện tại, tương lai, là cái nôi cho sự hiểu biết và niềm đam mê, của tình yêu con người.

Paris Ẩm Thực: Những Lễ Sống Đẳng Sau Câu Chuyện Ăn Uống Tầm Thường



Một nhà hàng phong cách đặc trưng Paris với bàn ăn ngoài trời. (Ảnh: Tác giả)

Nhắc đến nước Pháp nói chung và Paris nói riêng, nhiều người nghĩ đến văn hóa ẩm thực đã được nâng lên đến mức nghệ thuật, đến những nhà hàng cực kỳ sang trọng, những món ăn được chế biến cầu kỳ bậc nhất thế giới.

Người ta cũng có thể nghĩ đến nghệ thuật nướng bánh, làm bánh ngọt phát triển nhất ở châu Âu; đến chiếc bánh mỳ dài như cây gậy đặc trưng của Pháp; đến những sản phẩm từ bơ sữa, đặc biệt là món pho mát cực kỳ đa dạng hay những chai rượu vang Pháp được biết đến bởi tất cả những người sành rượu, yêu rượu trên thế giới.

Chương này sẽ không thực sự có một danh lam thắng cảnh cụ thể nào. “Nghệ thuật ẩm thực” Pháp bản thân nó đã là một kỳ quan mà có lẽ ta chẳng bao giờ khám phá hết. Ẩm thực Pháp đã được Unesco xếp hạng “di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”. Bởi thế mà tôi viết chương này, để kể với bạn về văn hóa ăn uống của người Pháp, về những thói quen, phong tục, đặc điểm của những món ăn, bữa ăn dù sang trọng hay đời thường. Và tất nhiên, xen vào đó, phía sau đó, tôi lại viết về những suy nghĩ, cảm nhận, những câu chuyện của riêng tôi.

Từ khi đến Pháp, để kiếm sống, tồn tại và học tiếng Pháp, tôi đã làm đủ thứ nghề: đi phát báo, phát tờ rơi, làm lập trình tin học, làm phụ nề, thợ mộc, đi bán hàng... nhưng nhiều nhất là trong lĩnh vực ăn uống, nhà hàng: từ rửa bát, phụ bếp đến bán đồ ăn nhanh, từ bồi bàn, runner (nghề chuyển đồ ăn trong các nhà hàng sang trọng mà có lẽ tôi sẽ giải thích sau một chút) đến bartender (người pha rượu). Tôi làm cho đủ loại, từ nhà hàng Việt bình dân, các chuỗi nhà hàng Tàu hay Nhật hạng trung bình đến cả những nhà hàng Pháp cực kỳ sang trọng. Bởi thế tôi có thêm ít nhiều kiến thức trong lĩnh vực này và rất nhiều câu chuyện để kể với bạn.

Từ cách “ăn uống” của người Pháp...

Trước tiên cần nói rằng trong lĩnh vực ăn uống, người Pháp rất coi trọng vấn đề vệ sinh. Thực khách ở Pháp chắc chắn sẽ không ăn nếu trên đĩa, trên cốc của họ có một vết vân tay của người phục vụ, dù chỉ mờ mờ. Họ cũng không ăn nếu như mặt bàn còn chưa được lau dọn và sửa soạn lại như mới sau khi khách trước rời đi. Các quy định, luật lệ về vệ sinh thực phẩm trong các nhà hàng cũng được đặt ra và giám sát khá chặt chẽ, tất nhiên không phải nhà hàng nào cũng tuân thủ, nhưng nếu bị phát hiện, sẽ bị phạt rất nặng, thậm chí bị đóng cửa vĩnh viễn. Tôi nhớ lại thời gian làm trong cái bếp vừa nhỏ vừa nóng đến ngột ngạt ở Quận 13. Mỗi khi nền nhà

loang nước, tôi lấy cái khăn lau nhà ra lau vội rồi vứt đó, bị bà chủ la hét chổng cả mặt. Bà ấy bắt tôi mỗi lần lau xong phải giặt ngay và phơi lên, không được để dưới nền nhà. Tôi bảo “để đấy lát lại lau tiếp, cuối buổi giặt một thể.” Bà bảo: “Mày muốn tao sạt nghiệp?” Thì ra theo quy định là như vậy, bởi khăn lau xong không giặt và phơi lên mà để trên nền nhà có thể là một ổ phát triển thuận lợi cho vi trùng, và nếu có đoàn kiểm tra, một cái khăn nằm trên nền nhà như vậy dù chỉ trong năm phút cũng có thể khiến nhà hàng bị phạt hàng ngàn euro.

Đó chỉ đơn giản là quy định về chiếc khăn lau nhà. Còn hàng trăm điều khoản, quy định về vệ sinh khác, về nhiệt độ cho từng loại ngăn chứa đồ trong tủ lạnh, về việc phân loại, lưu giữ đồ ăn, nhất là đồ đã qua chế biến không được để qua đêm. Thời còn nghèo đói, làm việc cho một nhà hàng sushi (món ăn với cá sống truyền thống của Nhật Bản), tôi đã đau lòng khi mỗi đêm phải vứt vào thùng rác hàng trăm hộp sushi bán không hết, dù chúng chỉ vừa mới được chế biến trong buổi tối. Tại sao phải vứt chúng đi, bạn sẽ hiểu khi đọc câu chuyện ở cuối chương này.

Ở trong các nhà hàng, trừ các nhà hàng ăn nhanh và các quán phục vụ dân công sở lúc bữa trưa, người Pháp không thích tiếng ồn. Điều này có lẽ cũng trái ngược với người Việt. Không phải người Pháp khi đi ăn thì không nói chuyện, cười đùa, nhưng họ làm những điều đó rất nhẹ nhàng. Càng ở trong những nhà hàng nhỏ hẹp, khoảng cách giữa bàn này đến bàn kia càng ít thì người ta càng “nói khẽ, cười duyên”. Bởi đối với người Pháp, đi ăn uống là lúc thư giãn, cần sự yên tĩnh để nghỉ ngơi và tận hưởng món ăn ngon. Cũng vì thế mà trong các nhà hàng, nhất là nhà hàng sang trọng, ít khi có trẻ con, nhất là trẻ con ở độ tuổi còn chưa thể “khống chế” được (khoảng dưới ba tuổi). Các cặp vợ chồng trẻ có con nhỏ, nếu muốn đi thưởng thức một bữa tối sẽ gửi con cho bố mẹ trông hộ hoặc thuê người đến trông, để có thể tay trong tay đi ăn theo cách thư giãn nhất. Điều đó không có nghĩa là trẻ con không được ăn ngon, bởi nếu muốn thưởng thức món ăn ngon trong không khí gia đình, các ông bố bà mẹ sẽ mua về nhà hoặc đặt mang đến tận nơi, như thế con cái họ sẽ được vừa ăn vừa làm ồn thoải mái nếu chúng thích mà không làm ảnh hưởng đến người khác. Nếu

không, họ sẽ đến những quán ăn nhanh, quán ăn kiểu gia đình có không gian rộng hay ở ngoài trời chứ không đưa đến những quán theo kiểu gastronomie (quán ẩm thực cao cấp).

Trong các quán ăn, kể cả quán bình dân, người Pháp luôn coi trọng cách trang trí nội thất, màu sắc đẹp, dễ chịu, ánh sáng tự nhiên... Tức là họ coi trọng mọi yếu tố để bữa ăn thực sự nhẹ nhàng, thư giãn để đầu óc được thoải mái hoàn toàn và tận hưởng hương vị của thức ăn. Họ đặc biệt coi trọng việc tôn trọng người khác và việc được tôn trọng. Tôi không thích thú cao độ gì chuyện ngồi “thì thầm” khi đi ăn tối (thật ra, khi ai cũng nói nhẹ nhàng thì chỉ cần nói nhẹ nhàng là đủ nghe thấy nhau), nhưng rõ ràng là ăn tối như thế, bữa ăn trở nên hấp dẫn, ngon lành và dễ chịu hơn nhiều so với khi quanh ta ầm ĩ những tiếng mắng con, cười đùa, những câu chuyện chém gió, chuông điện thoại, cụng ly và những gã gào lên “dzo dzo” như để thể hiện sức mạnh. Tất nhiên sự khác biệt đến từ cách sống khác nhau. Nhưng cách sống, văn hóa nào cũng có giá trị của nó. Tôi sẽ không cảm thấy bị phiền khi ngồi ăn mà xung quanh tiếng nói cười rộn rã, vui vẻ như trong nhiều quán ăn ở Hà Nội, khi cách giao tiếp của mọi người vẫn ở trong chừng mực có văn hóa. Còn vượt quá giới hạn, giống như tai của ta chỉ chịu được âm thanh đến một “ngưỡng” nào đó trước khi việc “nghe” trở thành “chịu đựng” và thậm chí là “đau đớn”. Nếu khách hàng đã tự coi trọng nhau như thế, nhà hàng sẽ còn coi trọng hơn. Ở Pháp, bạn sẽ không bao giờ nghe thấy tiếng dọn bát đĩa ầm ầm, tiếng chân chạy hay la hét của nhân viên, quát tháo của chủ, chứ đừng nói đến chuyện ngồi ăn phải nghe chủ quán mắng người giúp việc như hát hay, văng ra đủ thứ tùm lum vào mặt khách, ăn thấy đắng, lần sau tôi chẳng bao giờ quay lại. Tất nhiên không phải quán nào cũng vậy, nhưng chuyện ấy thường gặp quá, và đau buồn hơn là những chuyện đó mọi người chẳng ai chú ý, hay phản đối (???), kể cả những “thượng đế” đang chi tiền ra kia.

Trong các quán ăn Pháp, thực khách thường phải đợi rất lâu. Quán càng sang trọng càng phải đợi lâu. Để được ngồi vào bàn đã phải đợi (ấy là chưa kể những quán có khi phải đặt trước qua điện thoại cả tuần, cả tháng hoặc thậm chí cả năm mới có chỗ), được người phục vụ đến cho ta đặt món

cũng phải đợi, và đặt món xong rồi đến lúc được ăn thì còn đợi lâu hơn. Việc chờ đợi như thế có nhiều lý do. Đầu tiên là vì nhân công ở các nước phát triển như ở Pháp rất đắt đỏ, nên không có nhiều người phục vụ. Sau nữa là cũng bởi vậy, người Pháp có thói quen chờ đợi mà không sốt ruột, đi xem phim đợi, đi cắt tóc đợi, đi ăn uống cũng đợi.

Người Pháp cũng xem lúc đi ăn là khi thư giãn, chuyện trò nên việc chờ đợi không khiến họ khó chịu. Dựa vào đặc tính ấy, có nhiều nhà hàng cố tình ra món chậm, để khách đói thì ăn càng ngon, làm tăng tính tò mò của khách với việc “kỳ công” chuẩn bị món ăn. Kéo dài thời gian bày món ăn chính cũng là cách để thúc đẩy khách hàng dùng thêm đồ uống và các món khai vị (những thứ thường đem lại nhiều lợi nhuận hơn là các món ăn cần phải chế biến). Cũng vì sự “khó tính” của khách hàng mà người phục vụ mất nhiều thời gian hơn: người đầu bếp trước khi đưa đĩa ăn ra phải quan sát, phải lau thật sạch đĩa bát, người bồi bàn kiểm tra lại lần nữa cách đặt đĩa ở đâu, phục vụ ai trước ai sau cũng đều có quy tắc cả.

Tôi vẫn nhớ quãng thời gian tôi làm runner trong một quán ăn sang trọng. Trong những quán ăn đó, các phòng ăn rất rộng lớn, có khi ở nhiều tầng. Người ta tránh không dùng cầu thang máy vận chuyển thức ăn để tránh tiếng ồn và bồi bàn luôn luôn phải đứng cạnh bàn ăn để quan sát bất kỳ cử chỉ mong muốn nào của khách. Vì thế mà có các runner làm nhiệm vụ chuyển các đĩa thức ăn từ bếp đến ngay cạnh từng bàn một cho bồi bàn phục vụ khách. Nói nghe thì đơn giản thế, nhưng đó là nghề nặng nhọc nhất mà tôi từng làm, nặng hơn cả đi phụ nề. Bởi vì bạn làm việc nặng, vác nặng nhưng luôn phải tươi cười, quần áo chỉnh tề, phải đi xa, leo tầng, phải thật nhanh nhưng chính xác, không được chạy, không được làm ồn. Khoảng cách từ bếp đến bàn ăn có khi hàng trăm mét, phải leo nhiều tầng gác. Các đĩa thức ăn thường rất to, rất dày (để tăng độ sang trọng và cũng là giữ nhiệt cho món ăn) và vì để tiết kiệm thời gian thì mỗi lần đi, chúng tôi phải mang theo một cái khay cực lớn mà tổng trọng lượng luôn ở vào khoảng 30kg (trong khay luôn có ít nhất là tám đĩa thức ăn). Mang thức ăn đến đã nặng, dọn đĩa bát sau khi khách dùng bữa xong còn nặng hơn vì khi mang đến các đĩa không được phép chồng lên nhau, chứ lúc mang đi thì hàng

chồng bát đĩa chất cao). Kỷ lục của tôi khi mang khay đĩa bát xuống bếp, cái khay cân nặng 45kg. Hãy tưởng tượng một đêm nhà hàng phục vụ khoảng 400 khách, chỉ có hai người runner chạy đi, chạy lại với những cái khay như thế, chỉ được bưng bằng một tay, phải nâng thật cao để không chạm vào ai khi di chuyển, không được chạy và luôn luôn mỉm cười. Có nhiều hôm gần hai giờ sáng, tôi mang khay thức ăn đến gần giá để khay cho bồi bàn lấy thức ăn đi, chân tay đã rã rời, trong đầu nghĩ rằng cố gắng tới nơi là được đặt khay xuống, không ngờ khi tới mới thấy cái khay lúc trước còn chưa được phục vụ hết, không có chỗ để hạ khay mới. Tôi gần như sụp xuống vì quá sức chịu đựng. May mà anh bồi bàn hiểu ý, chạy tới đỡ cho tôi cái khay để tôi nghỉ một chút, nếu không chắc chắn tôi buông khay rơi xuống vì kiệt sức. Kể chuyện “ngoài lề” như vậy để biết thêm về cách phục vụ cầu kỳ trong các nhà hàng Pháp, để hiểu thêm vì sao ta phải đợi lâu. Về khoản đợi lâu này thì tôi không được ủng hộ lắm vì tôi là kẻ háu đói, vào quán chỉ muốn ăn ngay. Nhưng biết làm sao được, muốn ăn nhanh thì chạy ra quán Việt ở Quận 13 vậy.

Người Pháp nói chung thích nấu ăn, đặc biệt thích làm bánh ngọt/mặn. Làm bánh, thưởng thức bánh đã được nâng lên thành một thứ văn hóa, nghệ thuật. Bạn bè và các đồng nghiệp nữ (và cả nam) của tôi hầu như đều biết làm ít nhất vài món bánh. Nhà ai cũng có sách dạy làm bánh. Hằng tuần ở chỗ làm, các sáng thứ Hai thường xuyên có một người mang đến một khay bánh mà họ tự làm để các đồng nghiệp cùng nếm, cùng bàn luận và trao đổi với nhau những công thức mới.

Như ở rất nhiều quốc gia, thế hệ trẻ của Pháp cũng không còn chăm chỉ nấu nướng như các thế hệ trước nữa. Tuy nhiên, “phê bình” và “thưởng thức” ẩm thực vẫn luôn là một thứ nghệ thuật mà họ đề cao. Đừng ngạc nhiên nếu sau khi ăn một món ăn, dù chỉ là món bình thường cho bữa trưa, một người Pháp ngồi phân tích, phê bình nó như một “tác phẩm” với những từ ngữ cầu kỳ, kiểu cách thường chỉ dùng cho các trường dạy nấu ăn hoặc một chương trình truyền hình ẩm thực. Cũng đừng ngạc nhiên khi thấy họ dành rất nhiều thời gian cho việc thưởng thức một chút thức ăn nhỏ, như một viên kẹo chocolate: đầu tiên họ sẽ chuẩn bị trà, cà phê cho phù hợp, rồi

nhìn ngắm, đưa lên mũi ngửi, hình dung ra các thành phần của viên kẹo đó trước, rồi mới cắn từng miếng nhỏ, rồi nhắm mắt tận hưởng từng chút hương vị, kiểm tra lại xem trước đó mình có đoán đúng các thành phần hay không. Người Pháp cũng bởi thế mà rất giỏi khi đọc ra những thành phần, gia vị có trong một miếng thức ăn mà họ vừa nếm. Tôi nghĩ rằng khi ăn như vậy, các món ăn sẽ trở nên thơm ngon gấp bội phần.

Những câu chuyện thú vị với người Pháp

Kể về chuyện ăn uống của người Pháp, tôi nhớ đến nhiều câu chuyện buồn cười và thú vị. Tôi nhớ có lần làm việc trong một nhà hàng Việt Nam hết sức sang trọng, là điểm đến cho rất nhiều ngôi sao, tài tử điện ảnh, ca sĩ... người Pháp. Tôi phục vụ món nem cho một vị khách mặc nguyên bộ complet rất sang. Mãi đặt đĩa nem xuống đúng vị trí và chỉnh sửa lại đĩa, đĩa trên mặt bàn, tôi không để ý đến tay kia cầm bát nước mắt, từ từ nghiêng xuống, từ từ tưới lên bộ quần áo đắt tiền của ông khách. Điều buồn cười nhất là ông khách ấy đã nhìn thấy “hiểm họa” từ khi bát nước mắt đang dần nghiêng xuống, nhưng ông ngồi im há hốc mồm không nói câu nào. Sau đó tôi hỏi ông tại sao không kêu lên thì có lẽ tôi đã kịp ngừng, hay vì ông sợ quá không kêu được, ông ấy bảo: “Có sợ, nhưng không phải là không kêu được. Nhưng vì đây là lần đầu tiên ăn nhà hàng Việt nên tôi nghĩ đó là một nghi thức ‘chào đón’ hay chúc may mắn của các bạn. Tôi không dám kêu.”

Có lần hai anh bạn người Pháp theo tôi về Việt Nam, đến nhà tôi, được mẹ tôi chiêu đãi. Trong các món có món chim cú nhồi hầm hạt sen. Trong bát canh bày ra có con chim cú còn nguyên đầu, hai cánh và hai chân vắt lên thành bát với rau thơm trang trí rất đẹp. Hai anh bạn tôi trợn mắt nhìn rồi cả bữa ngồi im, không nói cũng không ăn, miệng mím chặt, mặt đỏ lựng. Mãi sau tôi hỏi hai anh ấy mới bảo vì chưa bao giờ nhìn thấy trong bàn ăn mà chim (hay gà) còn nguyên đầu, chân, cánh như vậy, thấy nó “sống động” quá, vừa sợ lại vừa buồn cười. Rồi bảo nhìn con chim tự nhiên hình dung ra cảnh cô thiếu nữ trong chiếc bồn tắm nhỏ, vắt chân tay nằm ngửa đầu thư giãn, lại có lá rau thơm che đây, vừa kín đáo vừa sexy quá, ăn không được. Tôi nghe nói cũng bật cười, phì cả cơm ra ngoài.

Còn mấy anh bạn khác tôi mời đến nhà ăn tối, tôi giới thiệu có món nem là món khai vị, sau đấy còn nhiều món khác. Nhưng tôi cứ bỏ bao nhiêu nem ra thì họ ăn hết ngay, rất nhanh, rất thòm thềm, nên tôi lại bỏ thêm nữa. Đến lúc đã ăn nhiều lắm, nhiều lắm, họ mới kêu lên xin thôi. Bảo tôi sao khai vị mà nhiều thế, no lắm rồi làm sao ăn được bữa chính. Tôi bảo tại họ luôn ăn nhanh và có vẻ còn thềm nên tôi bỏ thêm ra, còn họ thì bảo khi được mời ăn, có đồ ăn đưa ra là phải ăn hết, ăn nhanh cho nóng, như thế mới là lịch sự. Chủ nhà sẽ tự “căn” số lượng, thấy đủ rồi thì đưa món khác ra. Và thường thì người Pháp chuẩn bị đồ ăn theo suất, theo kiểu mỗi người mấy trăm gram thịt, mấy trăm gram rau hay cơm chứ làm gì có ai chuẩn bị kiểu “thừa hơn thiếu” như người Việt.

Đến những câu chuyện về chủ đề “ăn uống” của tôi

Bàn về những câu chuyện ở Pháp, người Pháp xong rồi, tôi lại nói đến những câu chuyện của riêng tôi. Đọc đến chương này thì hẳn bạn đã quen với điều đó. Điều đặc biệt là lần này, tôi sẽ chép nguyên một đoạn “hồi ký” mà tôi đã viết từ lâu lắm, từ khi mới mười mấy tuổi. Đặt vào đây bỗng phù hợp quá. Vì cùng một chủ đề “ăn uống”. (Tôi vốn là người “phàm ăn”, thích ăn uống, để ý đến chuyện bếp núc và nấu nướng từ nhỏ, nên lúc nào đó tôi viết về chủ đề này cũng có nhiều chuyện để kể.) Và đằng sau những câu chuyện “ăn uống” lại là vô vàn những lẽ sống, những yêu thương:

Tôi nghĩ rằng, nếu viết truyện, tôi sẽ chỉ viết về mình và những chuyện xung quanh mình. Sao lại không nhỉ?

Các nhà văn vẫn đi nhiều và quan sát, sống và cảm thông với cuộc đời của người khác, để nhập tâm, để hiểu, đồng cảm và viết. Tôi cũng đã đi nhiều, quan sát và chia sẻ, thông cảm và nhập tâm, nhưng tôi không phải nhà văn, tôi sợ những gì mình viết về người khác có thể là thương hại hay mai mỉa hoặc thóc mách. Thế thì phiền, phiền cho tôi và cho người, mặc dù tôi có thể đổi tên đi, thêm vào đủ thứ hư cấu để chẳng ai biết truyện nói về ai, nhưng thâm tâm tôi thì biết, nó sẽ lên án tôi. Thâm tâm tôi cũng biết mình chưa nhiều kinh nghiệm và chưa đủ hiểu đời. Tôi mới chỉ hiểu tôi, thậm chí, không hết. Và tôi cũng có vô khối chuyện để kể, vậy thì sao không viết về chính mình.

Tôi sẽ kể gì nhỉ: à, tôi sẽ kể rằng tôi ăn khoẻ từ khi còn nhỏ, lúc nào cũng thế. Rồi tôi tự hỏi: có gì là hấp dẫn, có gì để viết truyện quanh cái ăn vốn vẫn được coi là phạm tục ấy? Và tôi trả lời: Không ư? Ngược lại là khác: có đủ thứ chuyện vui buồn có, cao cả và cảm động cũng có. Bạn không tin ư?

Một bát cơm bằng bao nhiêu bát cháo?

Mẹ tôi vẫn mắng tôi: “Thằng quý, ăn khoẻ như voi, tao phải bù gạo cho mày từ năm mày hai tuổi” và tôi nhe răng cười. Tôi biết mẹ mắng yêu, nhưng cũng hiểu cả nỗi nhọc nhằn của mẹ vì phải chạy ăn cho tôi từ thuở lọt lòng. Ba mẹ tôi lập gia đình muộn, sinh con đầu lòng còn muộn hơn. Tám năm sau ngày cưới của hai người, chị tôi mới cất tiếng khóc chào đời: tám năm chờ đợi của mẹ khi ba lao vào cuộc chiến, rồi lại nằm viện ròn rã vì bệnh gan. Chị tôi sinh vào một ngày cuối tháng chạp năm 1972 trong tiếng bom đạn của một cuộc tàn phá đã đi vào lòng người dân Hà Nội: cuộc đánh bom vào khu phố Khâm Thiên. Giữa đau khổ và nước mắt, giữa bom đạn và đổ nát, mẹ tôi ôm vào lòng một niềm vui nhỏ bé: tình yêu được nhân lên gấp bội.

Mãi bốn năm sau mới đến lượt tôi, những năm 1976 ấy Hà Nội vừa vui mừng với niềm vui thống nhất chẳng bao lâu, đã kịp nhận ra cái nghèo, cái khó khăn của một đất nước sau mấy chục năm chiến tranh: bị tàn phá và vắt kiệt. Người Hà Nội đã quen tần tiện và chịu đựng, họ âm thầm vượt qua hết thảy những nỗi khó khăn đè nặng trên vai mỗi ngày. Mẹ tôi cũng thế, 36 tuổi, cái tuổi không còn nhiều trẻ trung và sinh lực, mẹ vẫn bền bỉ lạ thường: hai con nhỏ, ba tôi đau ốm luôn, mẹ vẫn vừa đi làm ở viện thiết kế, lại làm thêm ở hợp tác xã may mặc, vừa học đại học kiến trúc. Và mẹ lúc nào cũng lo cho chúng tôi no đủ và béo tròn. Nhìn bóng nhỏ bé của mẹ trên xe đạp với cái nôi to ngật ngưỡng phía sau, trong đó hai chị em tôi, đứa lớn ôm đứa nhỏ, chắc nịch và mập mạp, không ít người tự hỏi ở đâu ra thằng bằng cho cái xe? Tại sao nó không bị tung bê hay đổ vật sang hai bên. Tôi biết, cái thằng bằng to lớn ấy là nghị lực của mẹ tôi.

Đó là những gì tôi nghe kể lại, tôi cũng nghe kể rằng từ lúc tôi cai sữa thì ba mẹ bắt đầu phải chạy ăn cho tôi. Ở cùng khu tập thể, ba mẹ của

những đứa trẻ khác mỗi khi đến giờ ăn bột phải nhảy xung quanh, ba gõ xoong phèng phèng, mẹ cầm thìa bột giả làm máy bay “Nào máy bay này, ào ào, há miệng ra con để máy bay bay vào”, nhiều khi phải cậy răng đứa trẻ mới đút được cho nó một thìa bột. Còn tôi thì ngược lại, mẹ tôi mỗi khi đút xong một thìa bột cho tôi lại phải giả vờ kêu “Ái đau quá, nhả cái thìa ra con, con cắn nó đau, nó khóc đấy” vì tôi cứ cắn chặt cái thìa như để mút cho hết sạch chỗ bột dính trên ấy. Tôi ăn khoẻ quá, gấp mấy lần cái tiêu chuẩn dành cho một đứa trẻ cùng tuổi.

Lớn hơn một chút, tôi bắt đầu ăn cháo, rồi từ đó đến lúc ba bốn tuổi, tôi suốt ngày đòi ăn cháo, tôi khoái ăn cháo lắm, chẳng biết tại sao, có thể vì bà tôi bảo: Một bát cơm nấu được bảy bát cháo. Tôi bập bẹ hỏi lại bà “Thế thì cháu thích ăn cháo, ăn cháo được nhiều bát hơn bà nhỉ?” Bà tôi cười, rân rân nước mắt, làm tôi chẳng hiểu vì sao tôi khôn thế mà bà lại khóc.

Ở trường mẫu giáo, lúc bốn tuổi, tôi ở nhóm lớn, nhóm cơm, nhưng tôi không chịu, đòi xuống nhóm cháo, các cô ngạc nhiên lắm, vì trẻ thường thích đòi ăn cơm cho giống người lớn chứ chưa thấy đứa nào ăn cơm được mà đòi ăn cháo. Các cô nhất định bắt tôi ăn cơm. Và thế là, đến giờ ăn, tôi đợi nhận phần của mình xong, lên sang nhóm cháo gạ mấy đứa bé hơn đổi lấy cháo. Tôi đổi vì thích ăn cháo thôi, trong khi bọn kia lại thích ăn cơm, thế là công bằng, tôi nghĩ thế. Và cũng vì sự công bằng này, tôi giải thích cho chúng “Một bát cơm nấu được bảy bát cháo, chúng mày về hỏi bố mẹ mà xem. Tao đổi rẻ cho chúng mày lấy ba bát”. Tụi kia đồng ý, và ba đứa ăn chung bát cơm của tôi, đến chiều thì đói, chúng nó khóc um lên, và mách cô. Tôi bị phạt đứng góc lớp, trong lòng âm ứ vì rõ ràng mình đã đổi thiệt mà còn bị phạt. Chẳng ai giải thích cho tôi.

Mẹ tôi biết chuyện, hỏi tôi: “Đã bao giờ mẹ để con đói chưa? Sao con lại đi ăn đồ các em bé?” Tôi cãi: “Con chẳng đói bao giờ, con thích ăn cháo thôi, bọn kia cũng thích ăn cơm, tại chúng nó bé, không biết gạ đổi, nếu không chúng nó đã gạ con trước. Con đổi thế là thiệt rồi, bà bảo một bát cơm là bảy bát cháo cơ mà.” Mẹ lại hỏi: “Thế tại sao con thích ăn cháo?” “Tại con thấy ăn cháo cũng no, lại được nhiều bát hơn, tối về con ăn ít cơm

ở nhà để mẹ không phải vất vả.” Mẹ tôi nghe xong, lại rưng rưng nước mắt, tôi thấy người lớn lạ quá, tôi nói thật mà ai cũng khóc, hay là một bát cơm không nấu được bảy bát cháo?

Những lo lắng, chia sẻ không hề “phàm tục”...

Đi học lớp Một, tôi lại càng biết rõ ràng hơn sự vất vả của ba mẹ để có đủ ăn cho chúng tôi. Gạo tiêu chuẩn thì ít, lại thường bị độn thêm bột mì, sắn. Còn “gạo ngoài” thì đắt gấp mấy lần. Đi mua gạo cũng chẳng dễ, mẹ tôi đi làm về còn đứng xếp hàng cả mấy giờ đồng hồ mới đong được mười cân gạo. Cả đoàn người dài nhể nhại, xô lấn, vừa kiên nhẫn lại vừa dễ nóng nảy. Trong hàng người ấy, mẹ tôi, dáng nhỏ bé, tóc tết hai bên làm trẻ ra những nỗi lo âu trĩu nặng, kiên nhẫn mà không nóng nảy, nhể nhại mồ hôi mà chẳng bao giờ xô lấn. Mua được bao gạo hai chục ký, mẹ đặt bao gạo lên sau xe đạp, đặt tôi ngồi lên trên đèo về nhà. Tôi thấy mình cao lớn hơn nhiều, không phải vì đang ngồi lên cái bao gạo, mà vì một sự an tâm lớn lao mà bao gạo đem lại, vì kiêu hãnh nữa, chẳng biết vì sao. Tôi nghĩ ngày xưa các ông vua ngồi trên một đồng vàng cũng cảm thấy kiêu hãnh đến như tôi lúc ấy là cùng. Nhà tôi nằm trong khu tập thể viện thiết kế, cách đường cái một bức tường rào lớn của viện. Giờ mẹ đèo tôi về, biết chị gái đang chuẩn bị nấu cơm ngoài sân, thế là không kìm được niềm vui của mình tôi hét toáng lên khi mẹ đèo ngang qua đoạn hàng rào nhà mình “Chị ơi, mua được gạo rồi nhé, hai chục cân”. Có bác bộ đội đi sau xe của mẹ tôi vượt lên hỏi mẹ xem tôi mấy tuổi rồi; Sáu tuổi ư; rồi bác thở dài “Ôi, đến đứa trẻ sáu tuổi đã phải lo thiếu gạo, thời buổi này...”

Lạ nhỉ, tôi chẳng thấy điều đó là đáng buồn, đáng thở dài, ngược lại. Tôi nghĩ người lớn phải thấy mừng khi trẻ con đã biết chia sẻ những lo lắng của ba mẹ. Mỗi lần tan học, mẹ đón về, cho tôi cùng đi chợ. Thấy tôi thích để ý, mẹ dạy tôi đủ thứ: “Đây là rau cải xoong để nấu canh, hay xào cũng được, đây là cải cúc chỉ cần thả vào nước sôi một tí là ăn được, đây là rau cần...” Tôi còn biết giá cả của từng thứ, rồi áp dụng mấy phép cộng trừ nhân chia lớp một, tôi biết mỗi tháng mẹ phải tần tảo thế nào để đủ tiền tiêu dùng cho cả nhà.

Ngày bé, mỗi bữa cơm, khi ba hay mẹ gấp cho tôi một miếng thịt hay cá, tôi lại hỏi “Một bát hay cả bữa ạ?” Chẳng ai dạy tôi hỏi thế, tôi chỉ biết rằng tôi ăn khỏe, bữa nào cũng bốn năm bát, thịt cá thì chẳng có nhiều, mỗi tháng tem phiếu được mấy lạng thịt, đủ sao được. Lần nào mẹ tôi cũng bảo “Con cứ ăn đi, hết lại lấy”. Nhưng tôi thì cứ ăn dè, bữa cơm nhà tôi bao giờ cũng có bát nước mắm, tôi chấm miếng thịt vào đó, dầm vào bát cơm, gấp lên mút mút chút nước thịt rồi lại bỏ xuống, lâu lâu mới dám cắn một chút thịt. Mẹ bảo “con ăn theo kiểu ‘cá gổ’ đấy à?” Tôi bảo “con ăn vẫn ngon, mẹ thấy con vẫn tròn xoe đấy chứ”. Có bữa mẹ làm chả xương sông, món này tôi khoái nhất, mẹ nói đùa khi gấp cho tôi một miếng bằng ngón tay cái “Miếng này cả bữa đấy nhé”. Tôi chẳng nói gì, gật đầu rồi lẳng lặng ăn. Mẹ không để ý, lúc nhìn ra thấy hết hai bát cơm, tôi mới ăn hết cái lá quần xung quanh miếng thịt. Mẹ rưng rưng xoa đầu tôi “Mẹ đùa đấy, con ăn thoải mái đi, còn nhiều mà”. Đến tận bây giờ ba thỉnh thoảng vẫn nói “khổ thân con tôi, từ bé đã tập ăn dè”.

Có thể có người cho rằng tôi đang kể khổ. Không phải. Đối với tôi, đó là những kỷ niệm đẹp đẽ của thời thơ ấu. Tại sao lại khổ khi mà tôi luôn đủ ăn, đủ mặc, luôn khỏe mạnh nhất so với lũ bạn cùng tuổi, luôn học giỏi và được khen. Khi mà cả nhà tôi luôn quây quần vui vẻ mỗi bữa cơm, khi mà ba mẹ gấp vào bát tôi không chỉ miếng rau, miếng thịt mà cả ánh mắt yêu thương chan chứa, khi mà chị em tôi trân trọng từng miếng ăn không phải chỉ vì tem phiếu hiếm hoi mà vì biết đó là mồ hôi nước mắt, là nỗi nhọc nhằn và tình yêu của cha mẹ.

Có một chuyện nữa mà tôi không bao giờ quên được. Ấy là một lần tôi bị ốm, mấy ngày sốt cao, miệng đắng ngắt không ăn uống gì được, đến hôm đỡ hơn, bắt đầu ăn được, mẹ tôi ra chợ mua về cho tôi cả một cái đùi gà thật to, luộc chín vàng, thơm lừng. Tôi ngồi trên giường nhìn cái đùi gà, rồi nhìn mẹ, không dám ăn. Mẹ bảo: “Con ăn đi, ăn vã cả miếng cho lại người”. Chưa bao giờ tôi được cầm cả một cái đùi gà to đến thế, tôi cứ cầm lên rồi hạ xuống, tôi chần chừ rồi hỏi mẹ “Thế có phần cho chị Mai không?” “Chị con có món khác, mẹ làm cho cả nhà rồi, con bị ốm nên được ưu tiên”. Tôi không chịu, đòi cất đi đợi chị về sẽ chia. Mẹ đồng ý. Chị

tôi đi học về là tôi reo lên “Chị ơi, em với chị được ăn một cái đùi gà rất to”. Hai chị em hớn hở mở lồng bàn ra, chỉ thấy con mèo đang ngồi liếm cái đĩa không với cái xương. Tại tôi đây không cẩn thận nên con mèo tinh quái chui được vào lúc nào không biết. Mẹ giận quá, cầm cái đĩa cả vụt cho con mèo mấy cái, nó kêu ré lên rồi bỏ chạy. Thấy tôi ngẩn ngơ ôm cái đĩa trống không nhìn theo con mèo, chị tôi ôm tôi vào lòng, òa khóc, mẹ cũng khóc, rồi tôi cũng khóc nốt. Mẹ khóc vì thương hai chị em tôi, chị khóc vì thương tôi không được ăn thịt gà chỉ vì muốn chia với chị, còn tôi khóc vì vừa giận, vừa thương... con mèo. Tại nó ăn “lẻ” không để phần chị em tôi, nên bị đòn đau. Nếu mà con mèo biết khóc, chắc là nó không ăn một mình như thế.

Đấy, ai nói chuyện ăn uống là phạm tục, là tầm thường? Với tôi, không bao giờ tôi có thể quên được những kỷ niệm như thế, những kỷ niệm đầy mùi thơ ấu, ấm áp tình người, lung linh cả tiếng cười và những giọt nước mắt yêu thương của người thân.

Rồi còn một chuyện này nữa, cũng là từ một miếng cơm, không chỉ lưu lại trong suốt quãng đời thơ ấu của tôi mà còn theo tôi đến suốt cả cuộc đời và là điểm tựa để tôi vượt qua biết bao thăng trầm, khốn khó.

... đến khám phá “phi thường” về một chân lý sống.

Hồi ấy, vẫn là thời bao cấp đầy khó khăn ấy, khi tôi mới bảy tuổi, ba tôi đi phép vào miền Nam. Vì quê nội tôi ở Đồng Nai và bà nội đã lớn tuổi nên ba mẹ tôi ngoài việc lo kiếm tiền chi tiêu trong nhà, còn luôn phải dành dụm để lâu lâu ba đi phép, thăm quê và biếu bà ít tiền. Một chuyến đi Nam thời ấy là cả một gia tài mà ba mẹ phải dành dụm, thậm chí vay mượn bao lâu. Năm ấy ba đi đúng dịp Tết, ba mẹ con tôi ở nhà. Ngày 29 có người trong Nam ra, nói có quà của ba. Bác ấy đưa cho mẹ hai gói lớn, bọc giấy báo. Chúng tôi hồi hộp mở ra, hóa ra là hai ký bóng bay ba gửi cho hai chị em chơi. Những hai ký. Trời ơi, không hình dung hết niềm vui của hai chị em tôi. Thời đó, có ai đi nước ngoài về hay ở miền Nam ra cho một quả bóng bay là lũ trẻ con cả xóm kéo đến chơi chung. Chúng tôi không dám thổi căng, sợ vỡ. Chơi một buổi lại xì hơi ra, cất đi, hôm sau chơi tiếp. Đứa nào mà lỡ tay làm vỡ thì sẽ bị cả hội xúm vào mắng mỏ. Thế mà bây giờ tôi

và chị có hai cân bóng bay, là hàng trăm quả. Ba viết trong thư nói để chị em tôi chơi thỏa thích và để mẹ lấy làm quà mừng tuổi cho trẻ em trong xóm... Ngay lập tức, tôi thổi một quả lên, rồi hai chị em chơi tung hứng, tranh nhau đánh cho quả bóng bay thật cao. Mẹ nhìn chúng tôi, mỉm cười. Nhưng sao mà nụ cười của mẹ vẫn không kéo giãn được hết những nếp nhăn lo âu. Tôi chợt nhớ ra rằng để ba đủ tiền đi Nam lần này, mẹ đã phải vay đến hai chỉ vàng của người quen, người ta cũng đòi trả gấp. Chị tôi cũng hiểu điều đó, thế là hai chị em tôi chợt có một ý kiến bàn với mẹ: gần Tết rồi, sao mình không thổi bóng bay lên rồi đem bán ở ngoài phố, cũng kiếm được một khoản kha khá đấy nhỉ. Tôi còn bảo mẹ mua mực để tôi vẽ mắt mũi hình con thỏ lên quả bóng, bán được tiền hơn vì thường thường tôi vẽ thỏ trên giấy rất đẹp. Tối hôm ấy, dưới ánh đèn dầu, ba mẹ con ngồi xúm lại, mẹ và chị thổi bóng, tôi vẽ thỏ. Khốn nỗi vẽ trên bóng bay chẳng dễ như vẽ trên giấy, thỏ của tôi trông chẳng giống chuột cũng không ra cáo. Tôi bực mình, ngồi khóc, mẹ động viên, tôi tập mãi rồi thỏ trông cũng ra thỏ hơn, chị tôi hớn hờ khen tôi giỏi. Cả ba mẹ con hồi hộp đợi sáng hôm sau đi bán ở nhà bác tôi. Nhà bác có một cửa hàng nhỏ ở phố Bạch Mai.

Thỏ của tôi vẽ thế mà nhiều người mua, nhưng việc buôn bán chẳng hề đơn giản, nhất là với những người chưa từng buôn bán. Không có bơm, mà chị tôi thì yếu, thổi bóng không được, mẹ tôi phải ngồi cả ngày trong nhà bác Tuấn để thổi bóng, chân tay mặt mũi đỏ choét, còn chị thì đứng bán ở vỉa hè cũng đỏ choe choét cả chân tay. Khổ nỗi, phố Bạch Mai là con phố mà bạn cùng lớp với chị tôi ở rất đông. Chị tôi xấu hổ sợ có bạn nhìn thấy, trời không nắng cũng chẳng mưa mà chị tôi đội lụp xụp cái nón lá, nấp vào một xó thấy ai đến mua mới chạy ra, người ta trả tiền cũng chẳng dám ngẩng lên nhìn, rồi lại chạy biến, thành ra toàn nhận thiếu tiền. Những chuyện ấy sau này tôi mới biết. Còn hôm đó, 30 tết tôi ở nhà, sáng thì ngâm gạo nếp theo lời mẹ dặn để chiều về mẹ thổi xôi, rồi đãi đồ xanh, rồi quét sân, rồi nấu cơm trưa để mẹ về ăn lấy sức đi thổi bóng. Làm xong việc, tôi lững thững ra sân khu tập thể chơi lang thang một mình, thấy nhà ai cũng quây quần bên mâm cơm, ăn uống rôm rả, tôi buồn thiu. Có nhà bác Nhung ở giữa khu đang ăn uống linh đình. Đó là nhà duy nhất trong xóm không

phải là công nhân viên của viện thiết kế mà làm nghề buôn bán gì đó, giàu sụ. Bác Nhung bỗng gọi tôi vào, tôi ngạc nhiên vì vốn bác Nhung chẳng ư gì gia đình tôi, tại con bác học dốt lại hư, còn hai chị em tôi thì học giỏi nhất xóm, thêm nữa mấy lần ba tôi thay mặt công đoàn viện khiển trách gia đình bác tập kết hàng bữa bãi, chiếm hết cả lối đi lại. Nhưng vì mẹ tôi bảo người lớn nói thì bao giờ cũng phải nghe nên tôi đến gần cửa nhà bác, bác chỉ cho tôi ngồi trên bậc cửa rồi hỏi han đủ thứ, nào ba mẹ đi đâu, nào nhà sắm Tết những gì... Cả nhà bác đang ăn cơm, còn tôi thì bụng đói meo, thêm cái sự sĩ diện nữa mà tôi chẳng muốn ngồi đó, nhưng bác cứ hỏi hết câu này đến câu khác nên tôi không dám đứng dậy, và lúc đó tôi đâu có ngờ những sâu hiểm của lòng người. Đúng lúc ấy mẹ tôi về ngang qua, vừa đói, vừa mệt, thấy con bỏ nhà đi chơi, lại còn ngồi bậc cửa nhà người khác chầu rìa người ta đang ăn cơm. Mẹ tôi gọi về, mắng tôi; Khi ấy tôi chẳng hiểu mình có lỗi gì, giương mắt lên nhìn và cãi lại, thế là ăn một trận đòn. Vùng ra được khỏi cơn mưa roi, tôi cảm đầu chạy thẳng một mạch, vừa chạy vừa khóc. Bụng thì đói, lòng thì uất ức vì bị đòn oan, cảm giận vì vừa hiểu ra rằng bác Nhung kia đã dựng lên cảnh đó để vừa hạ nhục mình lại vừa trêu tức mẹ. Giữa ngày 30 Tết, lúc đó tôi buồn giận đến mức muốn chết. Tôi thấy trong thế gian dường như không ai khổ sở bằng tôi. Chạy một hồi rồi tôi nhận thấy mình đang ở trên phố Bạch Mai, đến nhà ông ngoại. Có lẽ ông ngoại cưng tôi nhất họ, hay nói chuyện dễ dàng tôi mỗi khi tôi buồn. Ngang qua nhà bác Tuấn, thấy chị tôi ngồi nấp thu lu một xó, đội nón lá, vừa đợi để bán bóng, vừa đợi mẹ mang cơm cho. Nỗi buồn khổ trong tôi đã dịu đi một chút. Đến nhà ông ngoại, tôi không vào ngay mà ngồi lại ở vỉa hè. Tôi ngồi khóc. Khóc vì đói, vì mệt, vì buồn giận. Rồi tôi chợt nhận thấy, ngay bên cạnh tôi, một đứa bé ăn mày còn nhỏ hơn tôi, đang ngủ gật, người thì nằm dài trên vỉa hè, đầu lại tựa lên tường nhà làm cái cổ như muốn gãy gục, đầu nghẹo một bên. Trên tay nó và cả trong miệng nó là một miếng cơm nguội đang ăn dở. Tôi nhớ ra rằng tối hôm trước trời mưa lạnh, chắc đứa trẻ này không ngủ được cả đêm, vừa đói lạnh, vừa mệt nên có ai cho miếng cơm, miệng nhai còn chưa hết đã gục xuống ngủ li bì. Gương mặt nó vừa xanh xao vừa run rẩy, vừa ngây thơ lại vừa đau khổ nhưng

không có nét nào của sự tuyệt vọng, thậm chí tôi cảm thấy như nó đang cười. Từ chính gương mặt đó, vào đúng lúc đó, chợt vụt đến trong tôi một suy nghĩ, một triết lý “phi thường” mà tôi không hiểu bằng cách nào có thể nảy trong đầu của một thằng bé chưa đầy bảy tuổi.

Khi ấy tôi đã tự nói với mình rằng “Trong cuộc đời này, trong bất cứ hoàn cảnh nào, tình huống nào, dù phải chịu bất cứ nỗi bất hạnh hay thất vọng ghê gớm nào, ta hãy hiểu rằng cũng lúc đó, có thể ngay ở đó hay ở không xa xung quanh ta, đang có người, có những người còn phải hứng chịu những điều khủng khiếp hơn, đau buồn hơn. Họ có thể chịu đựng được, có thể vượt qua được, tại sao ta không thể vượt qua, tại sao ta tuyệt vọng?” Chỉ nghĩ đến điều đó, tôi liền đứng dậy lau khô nước mắt, chạy thẳng về nhà, xin lỗi mẹ tôi lúc ấy đang vừa nháo nhác gọi tôi, vừa lo cơm nước mang cho chị. Mẹ ôm tôi vào lòng và cũng xin lỗi tôi vì phút nóng nảy lúc trước. Mẹ nói rất thương tôi và hiểu tôi, nhưng có thể mẹ không thể hiểu được điều gì làm cho tôi trở lại nhanh chóng như thế, mẹ cũng không biết rằng từ ngày hôm đó tôi đã có một chân lý sống mới, một chỗ dựa tinh thần mà cho đến tận bây giờ, đến cả mãi sau này mỗi khi gặp khó khăn hay bất hạnh, những lúc cô đơn, khổ sở hay chán chường tôi đều nghĩ đến để vượt qua. Và thực sự không có một khó khăn hay hoàn cảnh nào cản được bước tôi.

Thế đấy, những câu chuyện về miếng ăn, ở gia đình hay ngoài đường, ở Hà Nội hay Paris, tầm thường và giản dị hay cầu kỳ, hào nhoáng, nhưng ta nếm trải, ta suy ngẫm, ta rút ra được nhiều điều, đôi khi là cả một chân lý sống. Những thế hệ sau này, tôi mừng cho họ, mừng vì cuộc sống ngày càng phát triển, kinh tế ngày thêm khấm khá. Những đứa trẻ ngày nay không cần biết đến những nỗi lo cơm áo gạo tiền như tôi ngày trước. Chúng sống vô tư hơn. Nhưng có phải vì thế mà chúng sống vô tâm hơn. Những năm sau này tôi nhìn thấy những đứa trẻ (cho đến cả 40 tuổi) dè bủ bữa cơm nhà, kén cá chọn canh, coi việc phải ngồi ăn cơm với gia đình là một cực hình vì không được dạo phố ăn quà với bạn. Tôi thấy những cậu ấm, cô chiêu đến khi trưởng thành cũng không biết nấu lấy cho mình một nồi cơm, luộc một đĩa rau nhưng được ba mẹ nấu cho bữa cơm ngon thì không coi ra

gì. Tôi thấy tiếc cho họ. Không phải xã hội phát triển, kinh tế đầy đủ hơn thì tình người không còn được coi trọng, công sức của ba mẹ và tình cảm gia đình trở thành thứ bỏ đi. Không phải ai cũng được đầy đủ, sung sướng. Ở đâu đó rất gần bạn, gần tôi, ở xung quanh chúng ta vẫn còn triệu triệu người đói khổ. Cái đói khổ vật chất còn không ghê gớm bằng cái đói khổ tình yêu thương, sự chăm sóc. Hãy trân trọng cái may mắn của ta nếu ta có một cuộc sống sung túc, một gia đình đầy đủ. Còn tôi, luôn trân trọng cái may mắn của tôi khi có một gia đình ấm áp tình yêu thương, và những kỷ niệm thơ ấu giản đơn giúp tôi khôn lớn, giúp tôi thành người.

Trở lại với Paris: Tôi bị cướp và bài học về lòng tốt

Tôi làm việc ở một tiệm bán đồ ăn Nhật. Tiệm nằm ở một khu du lịch sầm uất của Paris, ngay đằng sau trung tâm thương mại Lafayette và Printemps, điểm đến yêu thích để shopping “hàng hiệu” của khách châu Á. Tuy là tiệm bán đồ Nhật nhưng nếu có khách Nhật vào tuôn một tràng thì nhân viên chỉ có đứng nhìn nhau cười: chủ tiệm thì người Hoa, còn nhân viên hầu hết người Việt, số còn lại là người Hoa, người Lào, người Thái... Tuyệt nhiên không có ai người Nhật.

Hồi ấy đồ ăn Nhật đang là trào lưu ở Paris: những xâu thịt nướng hay những hộp sushi, maki với cá sống bắt đầu được biết đến rộng rãi và được ưa chuộng ở Pháp. Nhưng những cửa hàng Nhật xịn với cách làm việc thủ công, cầu kỳ thì không đủ sức đáp ứng nhu cầu của thị trường, chưa kể là giá rất đắt. Lão chủ người Hoa của tôi là một người nhạy bén, lập tức thiết lập ra một hệ thống cửa hàng theo kiểu công nghiệp: một dãy các cửa hàng nằm ở những vị trí du lịch hay khu công sở sầm uất, một cái bếp khổng lồ cung cấp hàng hóa cho tất cả những cửa hàng này và mọi thứ được sản xuất theo kiểu dây chuyền nhằm cung cấp đủ lượng hàng với giá cạnh tranh nhất có thể.

Tôi đã từng làm việc trong cái bếp ấy, mọi thứ đều công nghiệp, mọi thứ đều dây chuyền. Trong một căn hầm to quanh năm được giữ lạnh ở mức khoảng 40C, những con cá ngừ, cá hồi hàng chục ký được qua một dây chuyền ba bốn đầu bếp chuyên tay nhau lọc xương, lột da, cắt thành miếng nhỏ. Một cái máy mà một đầu, hai phụ bếp nấu cơm kiểu Nhật đồ

vào, đầu kia, máy dập ra những miếng cơm nhỏ, hai người khác đứng xếp những miếng cá lên trên thành những miếng sushi hoặc quấn lá rong biển để làm maki...rồi xếp vào hộp. Những hộp nhỏ tám miếng, 12 miếng được xếp vào thùng carton to và được chuyển đi. Cứ thế, ngày 14 tiếng, không ngừng tay, ai cắt cá cứ cắt cá, ai nấu cơm, xếp cá cứ thay nhau nấu cơm, xếp cá và đóng hộp. Các xôi thịt nướng cũng được sản xuất kiểu dây chuyền như thế. Có một thời gian, tôi làm thợ cắt cá, ngày 12 tiếng, nghỉ hai tiếng ăn cơm trưa và tối. 10 tiếng đứng trong căn hầm ẩm thấp và lạnh lẽo, hai tay lúc nào cũng buốt đến nhức nhối vì cắt cá ướp lạnh. Tôi ho sáu tháng liền, uống thuốc gì cũng không khỏi. Hôm nào về đến nhà cũng kiệt sức, nghĩ mình phải ngủ ngay, nhưng đêm nằm xuống giường, nghĩ đến hôm sau sáu giờ sáng đã phải bước xuống cái hầm lạnh ấy là không cách nào ngủ nổi, chỉ thiếp đi khi trời mờ sáng và đã quá mệt. May mà một thời gian sau, lão chủ thấy tôi nhanh nhẹn và tiếng Pháp đã khá hơn, đưa tôi lên bán hàng.

Bán hàng thì cũng mệt chẳng kém, vì tiệm nằm tại khu du lịch, giá thuê mặt bằng đắt đỏ nên diện tích nhỏ xíu, chỉ có thể xếp tối đa ba người làm: vừa bán hàng, thu tiền, vừa phục vụ khách, thu dọn bát đĩa, rửa bát, lau nhà, nhận hàng... kiêm tất cả mọi việc. Những thằng “lính mới” như tôi, lại là sinh viên, đi làm kiểu thời vụ thì bao giờ cũng bị “đi”, làm nhiều nhất và những việc nặng nhất có thể. Nhưng tôi đã quen rồi, tôi không ngại. Tôi đang sức trẻ phơi phới, tôi lại đang yêu. Người yêu tôi ở xa, tận London, và chúng tôi chẳng có điều kiện gặp nhau nhiều, mỗi tháng chỉ một, hai ngày ngắn ngủi, còn lại chỉ là trao đổi qua e-mail, điện thoại. Nhưng cũng có thể vì thế mà cuộc tình thêm lãng mạn, nhớ nhung thêm chồng chất và yêu thương nhau nhiều hơn. Ngày nào tôi cũng chỉ mong chờ đến tối, xong việc là chạy ra cabin điện thoại để gọi điện cho em, cả ngày chỉ có lúc ấy là vui vẻ, là có ý nghĩa, còn thì tôi nghiền răng mà làm như cái máy.

Nói như thế không có nghĩa là tôi không vui vẻ, yêu đời và quan tâm đến mọi người khi làm việc. Đó cũng là những liều thuốc khiến công việc trở nên nhẹ nhàng hơn và thời gian qua nhanh hơn. Trong quán, làm cùng

tôi có hai anh lớn tuổi hơn, thời gian đầu cũng ma cũ bắt nạt ma mới, cũng đùn việc nặng cho tôi ra mặt, nhưng sau thấy tôi lúc nào cũng vui vẻ, tự nhận lấy việc nặng mà làm thì các anh đổi thái độ, cư xử dễ chịu hơn. Chỉ có buổi tối là nặng nề, lúc lão chủ đến, kiểm tiền và kiểm tra hàng thừa, thiếu.

Bếp công nghiệp bắt đầu ngày làm việc từ rất sớm nên cũng đóng cửa sớm, khoảng sáu giờ tối là ngừng ra hàng để dọn dẹp, làm vệ sinh, trong khi các tiệm thì mở cửa đến chín, mười giờ tối. Bởi thế mà đầu giờ chiều chúng tôi đã phải tùy theo tình hình thời tiết, lượng khách qua đường, dựa vào kinh nghiệm để ước lượng và đặt hàng số hộp sushi hay thịt nướng cho buổi tối. Đơn đặt hàng được gửi đi bằng Fax, và hàng chuyển đến theo đúng yêu cầu, không thay đổi được. Nhưng việc buôn bán không dễ đoán trước, có hôm mưa gió, đường vắng tanh mà không hiểu khách ở đâu ra cứ kéo đến ùn ùn, chỉ tám giờ tối là chúng tôi hết hàng bán. Lại có hôm trời đẹp, phố đầy người, các cửa hàng cũng đông đúc, nhưng tuyệt nhiên chúng tôi chẳng có mấy khách, tám rưỡi tối là giờ gã chủ đến mà đồ ăn chất đầy khắp nơi. Mấy anh em tôi lo méo mặt.

Ít khi lão chủ vừa lòng, kiểu gì lão cũng không vừa lòng, bởi tiền đổi với lão không bao giờ là đủ. Hết hàng sớm lão nhăn nhó, vì nghĩ lẽ ra có thể bán thêm vài chục hộp sushi. Hàng còn nhiều thì lão xót xa, chửi bới chúng tôi đặt hàng lãng phí, lát nữa lại phải mang vứt.

Ở Pháp, những quy định về vệ sinh thực phẩm hết sức nghiêm ngặt, đặc biệt với những đồ tươi sống. Cá tươi còn nguyên con hay nguyên miếng lớn có thể được bảo quản lạnh để giữ đến hôm sau chứ cá đã cắt ra và đặt lên miếng cơm rồi thì vài tiếng sau, nếu không bán được cũng phải bỏ đi. Xót của lắm cũng phải vứt bỏ, nếu giữ lại mà bị kiểm tra thì chỉ có đường đóng cửa tiệm.

Mà hầu như tối nào cũng còn thừa. Bởi chúng tôi bao giờ cũng đặt dư một chút, trước giờ lão chủ đến nếu thấy nhiều quá thì giấu bớt vào một góc để lão không biết, chứ lão đến mà chúng tôi hết hàng, đứng đực mặt ra đấy thì lão chửi cho vuốt mặt không kịp. Và lại nếu có hàng, chỉ cần bán

được một hộp thì phần lãi đã có thể bù cho nhiều hộp. Bởi thế mà tối nào cũng thừa hàng và phải vứt đi.

Có lần, gần cuối giờ, hàng còn chất đống. Có người đến mua, thấy còn nhiều hàng, gạ lão chủ bán rẻ đi một chút thì họ sẽ mua rất nhiều. Thế mà lão chủ nhất định không hạ giá lấy một xu. Tôi ngạc nhiên lắm, hỏi tại sao. Lão chủ bảo nếu bán một lần như thế, lần sau khách cứ đợi đến cuối giờ mới đến mua, rồi đòi hạ giá thì còn buôn bán thế nào. Nghe cũng đúng thật. Buôn bán không đơn giản là vì thế.

Tôi lại hỏi: Đồ còn thừa, thay vì vứt đi, sao không làm từ thiện. Chả đâu xa, cuối phố, chỗ cửa sau của mấy cửa hàng lớn, buổi tối lúc nào cũng có cả đám vô gia cư đứng vật vờ, chết đói.

Lão chủ lại cười phá lên: “Mày ngố thật. Mày muốn làm người tốt bụng hả. Nói cho mày nghe, trong xã hội này, muốn làm người tốt bụng cũng khó lắm đó. Đi bố thí cũng không đơn giản. Tao cho nó thì tao được cái gì? Mày chưa biết những thằng cùng đường đó đâu, mày mà cho nó chút cơ hội thì nó không dừng ở đó. Tao mà cho nó một lần, lần sau chưa đến giờ đóng cửa nó kéo cả họ nhà nó ra đứng chờ trước tiệm, khách nào dám vào? Ấy là tao chưa nói mày cho chúng nó đồ, nó ăn mà bị đau bụng, dù trước đó nó ăn cái gì ai biết, nó kiện lên công an thì mày không sập tiệm cũng bị đóng cửa vài ngày để lấy mẫu đi kiểm tra, có phải là mày ngu không?”

Tôi chợt hiểu ra tại sao mỗi lần tôi đem đồ ra vứt vào mấy thùng rác lớn trước cửa tiệm xong, ông anh quản lý làm cùng lại chạy ra đổ lên trên thứ nước gì đó, chắc hẳn là để làm hỏng chỗ thức ăn, những người ăn xin muốn lấy cũng không ăn được. Dã man quá.

Tôi nghe lão chủ nói thế, nhưng mỗi tối vẫn không nuốt trôi được nỗi đau lòng nhìn hàng đống đồ ăn bị đổ vào thùng rác. Tôi lớn lên trong nghèo khó, trân trọng từng miếng thức ăn nhỏ, không đành lòng làm ngơ chuyện đó.

Vậy là, một tối, đợi lão chủ về rồi, nhìn hàng còn nhiều quá, tôi lấy một cái túi giấy, xếp vào hơn chục hộp, nói với anh quản lý: “Em có bạn đến chơi, lấy mấy hộp về ăn để khỏi phải vứt đi, có được không anh?” Anh

bảo “Mày lấy về ăn thì thoải mái, lấy hết cũng được, đừng có lấy đem cho.” Tôi gật gật, nhưng cuối giờ, tôi đợi mọi người về hết thì mang cái túi ấy ra đầu phố.

Lố nhố cả chục người nằm ngồi trong bóng tối. Những người vô gia cư tụ tập có lẽ vì chỗ ấy ban ngày là chỗ nhập hàng của mấy cửa hàng lớn, có mái che và khuất gió, lại có mấy cái chân giá gỗ của các kiện hàng, họ kê lại thành giường ngủ qua đêm. Toàn là thanh niên, cao khỏe, lực lưỡng, chẳng hiểu sao không chịu làm ăn gì, chỉ ngày ngày đi ăn xin rồi tối lại vật vờ uống rượu. To khỏe thế mà đi ăn xin chắc cũng chẳng mấy ai cho, tối nào cũng đói. Tôi bước tới, đặt túi đồ trước mặt một gã da đen to khỏe, nói nhẹ nhàng: “Tôi có chút đồ, còn tươi ngon, ăn không hết. Tặng các anh. Có đủ để nhiều người ăn.” Gã da đen nhìn túi đồ, nhìn tôi ngạc nhiên lắm, cái túi đồ ấy nhìn thoáng qua đã biết là ngon lành thế nào rồi. Gã chấp tay lại, đầu gật gật: “Cảm ơn, cảm ơn, tốt bụng quá”. Tôi bảo: “Anh ăn đi, lấy sức rồi mà đi kiếm việc làm. Đi ăn xin mãi không được đâu”. Gã lắp bắp “Có chứ, làm việc chứ, người tốt phải làm việc”.

Tôi thấy tim mình thắt lại, vừa tự hào, vừa thương cảm. Tôi bước đi, đầu lâng lâng, sung sướng vì làm được một việc tốt và ngày hôm nay sống có ý nghĩa hơn một chút. Thật ra tôi không biết có đúng là như vậy, hay chỉ đơn giản vì tôi được nghe một lời cảm ơn, được người ta nhìn mình bằng đôi mắt biết ơn. Tôi định rằng ít hôm nữa, khi nào quen thân hơn thì tôi sẽ ngồi ăn với họ một hôm, nói chuyện để hiểu được họ, và biết đâu có thể khuyên bảo giúp họ đi tìm việc làm, khỏi sống lang thang. Kế hoạch của tôi có vẻ “hoành tráng” quá.

Nhưng như vậy được vài hôm thì tôi bị để ý. Anh quản lý bắt đầu nghi ngờ việc ngày nào tôi cũng có bạn đến chơi, mang đồ về ăn. Bởi cứ cho là có bạn đến chơi thật, cũng không thể mỗi ngày ăn mãi mấy món này. Anh thừa biết rằng sau sáu tháng đứng cắt cá thì giờ đây ngửi mùi cá sống tôi đã thấy nôn nao, đừng nói là ăn mỗi tối. Tôi lại phải tìm cách khác. Có một cậu em mỗi tối tới thu thùng nhựa dùng để vận chuyển hàng để đưa về bếp chuẩn bị đưa hàng sớm hôm sau. Tôi vờ ra xếp hàng với nó rồi dúm cho nó một cái túi giấy, bảo nó ngang qua đầu phố thì để lại giúp, tất nhiên là

những hôm nào mà hàng còn thừa nhiều. Nhưng cũng chỉ được hai tuần thì cậu ấy không chịu mang nữa. Nó bảo “Hôm nào có đồ ăn thì chúng nó vui vẻ, cảm ơn, phải hôm hết hàng, anh không đưa gì cho em thì chúng nó chặn lại, hỏi tại sao không có gì, rồi bảo nếu không có đồ ăn thì đưa tiền đây để chúng nó đi mua. Em chả đưa nữa đâu, cho không mà cứ như mắc nợ chúng nó”.

Thế là tôi bí. Tôi phải dừng chuyện “từ thiện” mấy hôm. Để tìm cách mới. Rồi thì tôi cũng quên bég đi, cả ngày làm việc mệt, tối chỉ mong hết giờ để đi gọi điện thoại. Trong vài ngày, tôi quên mất những đôi mắt cùng cực kia.

Hôm ấy là cuối tháng, lão chủ qua trả lương. Vì là làm chui phần lớn thời gian (sinh viên như tôi chỉ được phép đi làm 20 giờ một tuần, phần còn lại không khai báo) nên lương tôi nhận hầu hết bằng tiền mặt. Hơn một ngàn euro tiền mặt. Một món tiền lớn, tôi nhét ở túi quần sau rồi ra về, lòng lâng lâng. Tôi ra cabin điện thoại để gọi cho bạn gái. Ra đến cabin gần cuối phố, tôi ngạc nhiên dừng lại. Lúc ấy đã gần 10 giờ tối, phố thừa thớt. Cạnh cái cabin điện thoại, một chiếc xe ô tô thể thao, mui trần rất đẹp đỗ ở đó mà chẳng có ai. Tưởng rằng người lái ở trong cabin điện thoại mà không phải. Lạ thật. Tôi chợt nhớ ra lúc chiều anh quản lý có kể ngoài phố có một gã chắc vận chuyển ma túy, đi xe xịn chạy đến đây thì bị cảnh sát mặc thường phục bắt đưa đi, vớt lại cái xe.

Tôi ngắm cái xe một chút, tự nhìn lại mình hôm nay, quần áo cũng bảnh bao vì lát nữa đi dự sinh nhật bạn, và nghĩ thầm: “Mình trông cũng ổn đấy nhỉ, cứ như là chủ xe dừng lại gọi điện, chắc ai đi qua cũng phải nhầm, phải ghen tị. Đợi nha, rồi một ngày không xa...”

Tôi biết đâu cái sự “trùng hợp” ấy thiếu chút nữa lại hại chết tôi.

Tôi gọi điện cho em, vui vẻ. Hôm nay lại còn vui vẻ hơn mọi ngày vì vừa lĩnh lương, tiền cộm mông. Chẳng nhớ tôi đã nói những gì, chỉ biết là tôi vui lắm, khua chân múa tay hào hứng hết chỗ nói. Đột nhiên, cửa cabin tối sầm lại. Một gã da đen đội mũ lụp xụp xộc vào.

Tôi đã từng bị kiểu này, dân da đen nhiều khi rất thô lỗ, chờ lâu không đến lượt mình thì họ đập cửa hoặc xông vào để gây khó chịu, để mình phải

bỏ máy mà đi. Ai sợ hay ngại va chạm thường đều phải nhường máy, nhưng không phải tôi. Tôi chẳng sợ thằng nào.

Tôi không thèm quay lại, lạnh lùng nói: “Tôi còn gọi lâu, xin lỗi, anh muốn gọi điện thì đi tìm máy khác”. Rồi xô hẳn ra cửa. Mấy gã da đen kiểu này thường hay cậy mình to cao để dọa người khác, nhưng khi thấy đối phương “cứng” một chút thì chúng ngại, chuồn ngay. Nhưng lần này không phải thế. Gã da đen áp sát vào và rít lên “Tao nghiện, tao đói, cần tiền, đưa đây”. Tôi giật mình “Chết cha, gặp cướp”. Ở giữa phố lớn thế này, tuy trời tối, nhưng còn chưa quá muộn, vẫn còn người qua lại mà lại có cướp.

Tôi nói nhỏ trong điện thoại: “Xin lỗi, anh có chuyện rồi”, rồi quay ra, cố tình nói lớn: “Ông ơi, đừng đòi tiền tôi, tôi sinh viên mà, không có tiền đâu”. Tôi cố tình nói to để nếu có người đi qua nghe thấy sẽ giúp mình. Nhưng vô vọng. Vẫn có người qua lại, nhưng ai nấy thấy có chuyện cũng cầm đầu rào bước thật nhanh, sợ rắc rối.

Gã da đen áp sát hơn, vạch áo đủ để tôi thấy bên trong bụng dắt một con dao, gã nói nhanh: “Mày đừng có bịp tao, sinh viên gì mà ăn mặc đẹp như mày, lại còn xe thể thao xịn nữa. Mày mà không có trong người cả ngàn euro hả?”

Thôi rồi, bộ quần áo cùng cái xe của kẻ nào đó đã làm hại tôi. Khổ nỗi, gã không hoàn toàn nhầm, tôi có trong người cả ngàn euro thật.

Nhưng tiền ấy là cả tháng lao động kiệt sức của tôi, là tiền để đi học, để sống, để mua vé đi gặp em hai tháng một lần. Tôi không thể để mất, giá nào tôi cũng không để mất.

Tôi mới chỉ kịp nghĩ thế, gã da đen đã chộp tay lên ngực áo kiểm tra, rồi vòng cả hai tay ra sau lưng tôi mà nắn. Ngực hẳn đè vào mặt tôi, ngộp thở. Tôi với hẳn đứng ôm nhau trong điện thoại cứ như thể cặp tình nhân, có điều chẳng lãng mạn chút nào. Hẳn chột rú lên: “Haha, tao bảo mà, thằng này có tiền, nhiều tiền, ví dày lắm”. Hẳn không nói với tôi, hóa ra còn một thằng khác đứng bên ngoài.

Tôi chỉ nghe có vậy, vòng hai tay ra sau chụp lấy hai cổ tay gã. Lúc ấy tôi không kịp nghĩ gì nhiều, chỉ nghĩ bằng mọi cách không được để hắn rút tay lại mà lấy con dao. Gã da đen vận sức giằng tay lại, nhưng không được.

Hai tay tôi như hai gọng kìm. Những năm tháng luyện võ ở Việt Nam và lao động ở nước ngoài khiến tay tôi mạnh hơn hẳn tưởng rất nhiều.

Hắn la lên “thằng này có Kungfu, giúp tao”. Thế là thằng ở ngoài chồm tới. Nhưng gã da đen to cao quá, cái cabin thì nhỏ nên gã đã chặn cả lối vào, thằng kia không có cách gì, chỉ vòng tay qua vai đồng bọn mà đâm, mà giật tóc tôi, đập đầu tôi vào vách kính, may mà thằng đó không có dao. Tôi thì bị gắn chặt vào thằng đen to lớn này, không dám buông tay nên chỉ đứng cúi đầu chịu trận.

Cái điện thoại phía sau lưng tôi buông rơi lúc nãy, không kịp đập máy giờ vang lên tiếng em hét: em chắc đã nghe thấy mọi chuyện, dù không hiểu tiếng Pháp nhưng có thể đoán ra có chuyện. Em gọi tôi hoảng hốt, vừa gọi vừa khóc khiến tôi càng thêm căng thẳng. Tôi nghĩ rất nhanh phải thoát ra khỏi cái cabin này, trước khi thằng bên ngoài tìm ra cách nào hạ gục tôi.

Tôi co chân, đập vào vách kính sau lưng, rồi bằng hết sức lực, bung ra một cú đập thật mạnh, lao người về phía trước. Vì tôi với gã da đen đứng sát nhau, còn thằng bên ngoài cũng đang áp sát vào đánh tôi nên cả ba cùng ngã, hai thằng kia nằm dưới, tôi đè bên trên. Tôi đập mạnh đầu vào mặt thằng da đen một cú trời giáng, rồi buông tay lăn một vòng, thoát hiểm. Tôi cầm đầu chạy được vài chục bước, thấy hai thằng đen đang chạy đuổi theo. Tôi chạy rất nhanh, nhưng sợ rằng sẽ còn có đứa khác chặn đường. Ngang qua chỗ cuối phố có mấy cái chân giá hàng bằng gỗ, tôi nhảy vào đập gãy một đoạn. Cầm thanh gỗ trong tay, tôi quay lại, sẵn sàng cho một cuộc tử chiến. Thằng đen cao lớn đã chạy đến, cái mũ lụp xụp đã rơi khỏi đầu hắn. Và tôi bàng hoàng nhận ra: chính hắn là người tôi đưa túi đồ ăn những hôm trước. Hắn bây giờ cũng đã nhận ra tôi, sửng sờ. Hắn đứng khựng lại, hai tay giơ lên cao như đầu hàng, mồm lắp bắp “Không đánh nữa, không đánh nữa, người quen mà, người tốt mà”.

Nhưng lúc ấy thì máu điên của tôi đã nổi lên rồi, máu điên bốc lên đầu ngùn ngụt rồi, có lẽ vì lúc nãy căng thẳng quá, tôi không kiềm chế được nữa, tôi hét lên “Đánh đi, đánh tiếp đi. Hay lắm đó. Chúng mày hay lắm đó. Tao giấu chủ lấy thức ăn cho chúng mày vì nghĩ chúng mày đói mà đang hoảng, chỉ xin ăn thôi, không làm bậy. Không ngờ chúng mày cướp bóc,

lấy đồ ăn rồi chưa đủ, giờ muốn cướp cả tiền lao động của tao nữa. Lại đây mà cướp đi, tao vừa lĩnh lương, nhiều tiền lắm đó, chắc chúng mày rình biết mà”.

Nhưng gã da đen quỳ xuống, chắp hai tay mà vái “Tôi không đánh, tôi xin lỗi. Tôi không biết là anh. Thề đấy. Tôi tưởng là thằng công tử có xe ô tô đẹp, có nhiều tiền nên hù dọa lấy tiền tiêu, tôi đói quá, chúng tôi đều đói”.

“Thế à, đói thì chúng mày đi cướp tiền à? Nếu tao không thoát ra được thì chúng mày đâm chết tao trong cái cabin ấy, làm gì còn xin lỗi nữa”.

“Tôi không đâm. Nếu tôi dùng dao thì tôi đã dùng từ đầu chứ không giấu trong bụng. Tôi chưa cướp bao giờ, đây là lần đầu tiên tôi làm như thế. Cũng là vì đói, mà cũng là vì anh nữa”. Đột nhiên, như thể nghĩ ra điều gì hăn gào lên “Đúng, đúng là vì anh đó. Trước đây chúng tôi đói quen rồi, cũng có ngày no, có ngày được ăn ngon, nhưng hầu như là đói, ngày nào cũng đói, không thấy nhịn ăn là khổ. Từ ngày anh cho chúng tôi ăn, cho mỗi ngày lại còn nhiều, toàn đồ ăn ngon thì ngày nào chúng tôi cũng đợi. Chúng tôi biết ơn anh lắm, nhưng vì anh mà cả tháng chúng tôi không bị đói nữa, quên mất đêm phải nhịn đói đi ngủ nó khổ thế nào. Rồi anh không cho đồ nữa thì chúng tôi không chịu được, đã hai ngày rồi gần như không có gì ăn, tôi mới tính chuyện đi kiếm chút tiền. Lỗi chính là tại anh, thà anh cứ để mặc chúng tôi như xưa thì có lẽ chúng tôi không biết sống như ngày xưa là khổ...”

Tôi sững sờ, mồm há hốc, thanh gỗ trong tay rơi xuống, tôi quay đi. Tay tôi sờ túi rút ra một tờ tiền, định quay lại đưa nhưng lại thôi, tôi đi, như chạy, vừa đi vừa lẩm bẩm “Tôi xin lỗi, là tại tôi, tại tôi”. Tôi nhớ đến lúc lão chủ nhìn tôi cười ha hả “Mày ngốc lắm. Trong xã hội này muốn làm người tốt bụng cũng khó lắm đó”. Tôi có lẽ không tuyệt vọng như Chí Phèo, phải gào lên “Ai cho tao lương thiện”, nhưng từ lúc đó tôi hiểu rằng muốn làm người tốt không phải đơn giản, không phải muốn làm thế nào thì làm. Muốn giúp một người lại càng khó, không thể làm việc thiện theo kiểu ban ơn, đừng tưởng cho người ta sướng một lúc thì nghĩa là người ta đỡ khổ được một lúc, mọi chuyện có thể hoàn toàn ngược lại. Lần bị cướp ấy

hóa ra lại là một bài học. Gã da đen vô gia cư ấy đã cho tôi một bài học. Thế nào mà tôi lại bị cướp giữa Paris, bị cướp ở góc phố mà tôi rất quen thuộc, cướp bởi những người tôi đã từng giúp đỡ. Cuộc đời có lẽ chính vì thế luôn là một bài học lớn, và chẳng bao giờ ngừng.

Luxembourg, Tuileries Và Những Khu Vườn: Cần Lắm Những Lá Phổi Cho Thành Phố (và Cho Tâm Hồn)



Công viên Sceaux. (Ảnh: Tác giả)

Tôi vẫn còn nhớ, hồi đi học, ở trường, không chỉ một lần, không chỉ một cô giáo đã dạy chúng tôi rằng “Hà Nội nhiều cây xanh, ta phải biết gìn giữ. Ở các nước phát triển, ở Mỹ, Pháp hay các nước châu Âu chỉ có nhà chọc trời, không có cây xanh. Vì thế mà khách nước ngoài đến Hà Nội thì thích lắm, thích nhất cây vì họ ít thấy trong thành phố của họ”. Tôi tin thế

và rất đỗi tự hào về điều này. Hồi ấy tôi ít có cơ hội gặp người nước ngoài, chứ nếu gặp thế nào tôi cũng hỏi: “Sang đây nhiều cây xanh, các bạn có thích không? “Khi đặt chân đến Paris, ý niệm ấy vẫn còn trong đầu tôi mặc dù nhiều khi xem phim tôi đã thấy không phải thế, nhưng lại nghĩ “Ôi phim ảnh ấy mà, có gì thật đâu”.

Nói thế cũng để biết rằng, những gì ta nói với con trẻ, nhiều khi vô thường vô phạt với ta, nhưng với chúng có thể là những định nghĩa, những chân lý không thể xóa nhòa và theo chúng suốt cả đời. Tôi cũng nhớ hồi học cấp hai, có lần cô giáo dạy Sinh, người mà tôi rất yêu quý đã nói: “Thủy ngân cực độc, chỉ cần đứng gần, nhất là chạm vào, thì bất kỳ ai cũng nhiễm độc, bị vô sinh, sau này không có con”. Trước đây hai ngày tôi vừa làm vỡ cái cặp nhiệt độ của mẹ, thấy thủy ngân lăn tròn trên mặt đất ngổ quá, ấn vào thì nó vỡ ra, rồi lại chụm lại, tôi ngồi nghịch mãi. Cô giáo nói xong câu ấy, đất trời quanh tôi bỗng sụp đổ. Tôi chưa ý thức được chuyện “vô sinh” nhưng khái niệm “nhiễm độc”, không bao giờ có con khiến tôi sợ hãi đến tột độ. Tôi buồn bã cả tuần, buồn đến độ muốn chết. May sao sau đây tôi kiếm được cuốn sách giải thích kỹ rằng thủy ngân có thể nguy hiểm khi ở dạng khí, còn ít độc ở dạng lỏng. Nếu ta ở trong môi trường có nồng độ cao, hoặc tiếp xúc với thủy ngân ở những chỗ có vết thương trên cơ thể, có thể nhiễm vào máu thì sẽ có những ảnh hưởng nghiêm trọng. Nếu chỉ đứng gần, chạm vào, nếu không bị dị ứng thì cũng không có gì nghiêm trọng. Từ hồi ấy tôi không còn yêu quý cô giáo dạy Sinh như trước nữa. Có thể cô giáo muốn cảnh báo để chúng tôi hạn chế tiếp xúc, nhưng cô phải biết rằng rất nhiều đứa trẻ đã từng một lần làm vỡ cặp nhiệt độ và chạm vào thủy ngân như tôi. Nếu cô nói bằng những lời lẽ đe dọa đến mức thiếu hiểu biết như thế thì những đứa trẻ như tôi sẽ lo sợ đến mức nào.

Paris, thành phố của cây xanh và các vườn hoa

Lại nói về cây xanh, từ lúc đến Paris tôi thấy cây xanh ở khắp mọi nơi, còn nhiều hơn Hà Nội rất nhiều. Ở Hà Nội có nhiều con phố không có một bóng cây hoặc toàn những cây con mới trồng khẳng khiu như mấy cái que, rất khó tìm thấy con phố nào ở Paris không có cây. Cây ở đây không chỉ to lớn mà còn được trồng, quy hoạch tốt nên rất ngay ngắn đẹp đẽ. Vì được

chăm sóc cắt xén thường xuyên, cùng với khí hậu ôn đới nên ngoài mấy tháng mùa đông, cây nào cũng xanh tốt quanh năm. Không chỉ cây trên phố, quanh Paris có rất nhiều rừng, thậm chí trong Paris cũng có rừng. Ở ngay Paris, trong Quận 16 là rừng Boulogne với bạt ngàn cây và hồ nước, là chỗ tập thể dục đi dạo, nhặt hạt dẻ của rất nhiều người. Giáp phía Đông Paris là rừng Vincennes, phía nam là rừng Clamart...

Paris còn nổi tiếng là thành phố của những vườn hoa, công viên. Với hơn 400 công viên và vườn hoa, cây cảnh, Paris là thành phố nhiều cây nhất châu Âu. Trong những trang sách này, tôi không thể kể hết với bạn về những công viên, vườn hoa của thành phố, chỉ có thể điểm qua những nơi nổi bật nhất ở Paris. Vườn hoa Tuileries nằm ngay cạnh bảo tàng Louvre, trước đây là cung điện, nơi làm việc của nhà vua là vườn hoa nổi tiếng nhất ở Paris. Nơi đây không quá rộng lớn nhưng mang dáng dấp của một vườn thượng uyển với cây cối, hoa lá được cắt tỉa cầu kỳ, những hàng cây tán được xén thành vòm thẳng tắp, là hồ nước với đài phun nước, là rất nhiều các tượng, các tác phẩm điêu khắc cầu kỳ. Vườn Tuileries cũng có vị trí hết sức “du lịch”, nó nối liền Điện Louvre với Quảng trường Concorde, nơi bắt đầu Đại lộ Champs Elysée, kẹp giữa một bên là sông Seine và một bên là Đại lộ Rivoli, một đại lộ lớn với những công trình kiến trúc kiểu Haussmann đặc trưng của Paris.

Người ta cũng biết nhiều đến vườn Luxembourg, một khu vườn cây, công viên rất đẹp ngay gần khu quartier Latin. Vườn Luxembourg có diện tích gần giống như Tuileries (khoảng gần 25 ha), và cũng có nhiều góc mang phong thái của một khu vườn thượng uyển của các nhà vua, quý tộc thời xưa. Trong vườn Luxembourg cũng có rất nhiều tác phẩm điêu khắc, đặc biệt cho đến 2012, trong khu vườn này bạn có thể đến chụp ảnh với tiêu bản gốc của bức tượng Nữ thần tự do (bạn có biết Tượng nữ thần tự do, biểu tượng của nước Mỹ chính là bản sao tác phẩm của một nhà điêu khắc người Pháp, và bức tượng ở Mỹ được dựng nên ở Pháp và là món quà của nước Pháp gửi tới nước Mỹ?), ngày nay, bản gốc đã được đưa vào trưng bày ở bảo tàng Orsay, trong vườn Luxembourg ngày nay chỉ còn một bản

sao, cũng giống như một bản sao khác bạn có thể nhìn thấy trên đảo Thiên Nga (Ile des Cygnes) trên sông Seine, gần tháp Eiffel.

Vườn Luxembourg là sự kết hợp của một rừng cây nhỏ, những khu vườn tiểu cảnh theo kiểu Anh, kiểu Ý, kiểu Pháp, là đài phun nước với những bức tượng đẹp, là những quần thể kiến trúc, điêu khắc và hồ nước, nơi bạn có thể ngồi phơi nắng, thư giãn bên cạnh những bãi cỏ xanh mướt.

Còn rất nhiều công viên, vườn cây khác ở Paris, ít nổi tiếng với khách du lịch hơn, nhưng hấp dẫn không kém: Vườn bách thú (có thể gọi như thế cho dễ gần với chúng ta) Acclimatation nằm trong rừng Boulogne, nơi vừa được xây dựng thêm Bảo tàng Louis Vuitton, một tòa nhà có kiến trúc cực kỳ độc đáo, vườn của các loài cây (Jardin des plantes) ở Quận 5 với hàng chục ngàn loại cây, với cả tòa nhà kính được gọi là “vườn mùa đông” cho các loại cây cần phát triển trong điều kiện riêng biệt, công viên Monceau, vườn Montsouris... đều có thể là nơi dừng chân cho khách du lịch, là nơi ăn trưa thư giãn cho dân công sở, là chỗ tập thể dục, đi dạo cho người dân thành phố.

Không chỉ có các công viên, vườn hoa lớn, ở Paris, mỗi khu phố, khu dân cư đều có những vườn hoa, cây cảnh giống như những ốc đảo trong lành. Không có chỗ đủ rộng để làm vườn hoa thì người ta làm những “con đường xanh” chạy dài, phủ đầy cây, hoa. Một “con đường xanh” rất đẹp ở Paris mà khách du lịch không nhiều người biết, còn được gọi là “La promenade plantée” tức là “lối dạo phủ cây xanh” kéo dài nhiều cây số, chạy trên nóc của các cửa hàng, galerie nghệ thuật, xuyên qua lòng của rất nhiều tòa nhà cao tầng.

Trong một thành phố phát triển, tấp nập và vội vã, những lối đi phủ cây, những khu vườn, công viên như thế thật sự là những “lá phổi” của người dân, của cả thành phố, là nơi mà đôi khi ta đến chỉ để hít đầy lồng ngực những ngậm khí trong lành, thanh thản ngồi trên ghế ngắm nhìn cảnh vật. Không có cái cổng kết nối như kiểu USB nào nhưng dường như ta đang cảm sạc, nạp nhiên liệu, sinh khí mới từ chính không gian ngập đầy cảnh sắc tự nhiên kia, để rồi những mệt nhọc cau có, những ô nhiễm đời

thường tan biến. Những lá phổi ấy tiếp thêm sự sống cho thành phố, cho người dân.

Đâu rồi “Hà Nội xanh” của tôi?

Kể về Paris đầy rừng cây, vườn hoa không phải là tôi mất đi lòng kiêu hãnh về một Hà Nội xanh. So sánh Paris với Hà Nội có vẻ hơi khập khiễng và gượng ép. Nhưng với bất kỳ ai, bất kỳ thành phố nào, cũng đều cần những “lá phổi” như thế. Trong 15 năm tôi xa Hà Nội, thành phố thay đổi quá nhiều, phát triển đến nỗi Hà Nội của lòng tôi bây giờ có lẽ chỉ còn là một góc nhỏ của Hà Nội hiện tại. Đường mới mở khắp nơi, các tòa nhà mọc lên như nấm sau mưa. Không phải là một nhà, một dãy nhà mà là những khu đô thị mới.

Thế mà cây xanh thì không thấy phát triển gì nhiều. Số cây trồng thêm mới thậm chí còn chưa đủ để thay thế những cây cũ bị đổ vì mưa bão thì ít, bị cưa đổ để nhường chỗ cho các công trình xây dựng mới thì nhiều. Đây là chỉ nói về số lượng, còn về chất, bao nhiêu cái cây mới trồng khăng khiu vài cái lá mới thay thế được một cây cổ thụ, đại thụ bị chặt đi? Vườn hoa, công viên mới cũng không đáng kể. Tôi tự hỏi “thành phố thở làm sao?” Hai lá phổi chính của Hà Nội là Hồ Gươm và Hồ Tây cũng ngày càng hẹp lại, bị bóp nghẹt bởi những tòa nhà ngạo nghễ, hay nhể nhại những ô nhiễm, u ám giống như lá phổi của người nghiện thuốc lá.

Trong lòng Hà Nội cổ, những đường Nguyễn Du, Hoàng Diệu, đường Thanh Niên xanh ngập mắt, nồng nàn hương hoa sữa là cái gì đặc biệt không thể thay thế trong lòng tôi và của bao thế hệ người Hà Nội.

Nhưng những con đường như thế ngày càng ít đi, càng trở thành thiểu số bên cạnh hàng trăm con đường mới mà tôi chưa kịp quen tên. Bạn tôi dắt đến thăm những đường mới mở, tự hào nào là cầu vượt, hầm chui, nào là khách sạn, khu vui chơi, siêu thị... Tôi chỉ hỏi: “Cây ở đâu, cây ở đâu?” Người ta xây ngăn ấy những thứ “vĩ đại” kia, người ta cũng có thể làm một “củ chi” gì đấy nhỏ bé cho những cái cây của tôi chứ? Đây đó trên vỉa hè, những hố vuông lấp dang dở, ngơ ngác mấy cây cọc gỗ, những dây thép buộc vôi nứu giữ vài thân cành tội nghiệp. Ấy là chỗ còn có cây được chăm xuống, còn phần lớn chỉ là những ô đất trống. Vẫn biết để có hàng cây xanh

cần có nhiều thời gian, nhưng bởi thế mà càng phải làm ngay, làm luôn, vội lên đi chứ. Ta đã muộn rồi mà còn chưa vội lên thì đến bao giờ? Chúng ta và con cháu ta sẽ thở cái gì? Sẽ thở những cột khói nhà máy bốc cao, những tòa nhà xây dở bụi mù không được che chắn, sẽ thở khói xả của hàng triệu ô tô ùn tắc mọi ngõ ngách? Tự bản thân ta làm gì đó để thay đổi chắc là khó, có thể bản thân bạn nghĩ thế. Đúng là cũng không phải đơn giản. Về Hà Nội, bóc cái kem cho con ăn trên phố, còn cái vỏ bọc, tôi đi tìm một thùng rác công cộng, cầm đi bộ đến 20 phút mà không tìm thấy cái nào, đành bỏ túi quần, nhưng nếu là cái gì to hơn, bền hơn, chắc không cho túi quần được, cũng không thể cầm theo quá lâu được. Bí quá thì lại vứt ra đường, như bao người khác, dù có thể kém tự nhiên hơn, mặt đỏ lên vì ngượng với bản thân, với các con. Thế thì ta làm thế nào để thay đổi môi trường, thay đổi xã hội? Tôi không biết, không chắc lắm. Nhưng tôi nghĩ, ít nhất nếu bị bắt buộc phải làm điều tệ, ít nhất cũng hãy biết đỏ mặt lên cái đã, ít nhất cũng ngượng với bản thân mình cái đã, và đừng dễ quên, luôn tự đặt cho mình những câu hỏi: “Liệu ta có thể làm tốt hơn được không?”

“Cây ở đâu, thở vào đâu?” nếu người người hỏi thế, nhà nhà tự hỏi thế, những hàng cây xanh mướt hẳn không thể mọc lên ngay, nhưng ít nhất cũng không héo quắt những cây non chưa kịp mọc lên đã được tắm mình cả một thùng nước sôi của bà hàng phở, những cây to không phải oằn mình bởi sức nặng của vô số biển quảng cáo, máy bơm, đường ống nước, đường điện mà người ta chẳng buộc lên mỗi ngày, những bãi cỏ không tan nát vì một cô nàng nhảy qua biển cấm, dẫm đạp lên chỉ để chụp một bức ảnh với bông hoa, rồi post lên facebook với chủ đề “Em với thiên nhiên”. Về Hà Nội những dịp lễ tết, tôi choáng ngợp bởi những hàng cây, có khi nguyên cả dãy phố được chăng đèn nhấp nháy, đèn trang trí sáng rực, lộng lẫy, lấp lánh. Dây đèn led quấn khắp thân cây, từ gốc đến ngọn, từ thân đến cành, hàng trăm ngàn, hàng triệu bóng đèn thi nhau tỏa sáng. Đẹp thế, mà buồn thế. Ở Pháp hay ở châu Âu bạn không bao giờ nhìn thấy những “cây đèn” như thế, không phải vì giá nhân công, vật liệu cao. Bạn nghĩ rằng các công ty, các tổ chức chính quyền ở đây không đủ tiền đầu tư để mắc nhiều đèn như thế ư? Bạn có thể tin như thế. Còn tôi tin rằng người ta cũng treo đèn

trên cây để trang trí, nhưng chỉ mắc đèn vừa phải, vừa là tiết kiệm nhiên liệu, vừa là tính toán để công suất, ánh sáng của những bóng đèn không làm ảnh hưởng đến sự phát triển hay quá trình quang hợp của cây.

Tôi hỏi thế, tôi trả lời thế, nhưng tôi làm được gì? Có lẽ là không gì nhiều cả. Nhưng có lẽ cũng bởi vì thế mà tôi viết, tôi sẽ viết, cho tôi, cho bạn, cho những ai dù tình cờ hay bị bắt buộc, thích thú hay dè bieu những dòng viết của tôi, điều đó không quan trọng, chỉ cần đọc xong bạn ra phố, thấy đẹp hơn, quý hơn một chút hàng cây mỗi ngày bạn vẫn ngang qua...

“Lá phổi” của tâm hồn

Tôi viết về lá phổi của những thành phố, rồi tự hỏi mình: “Cần không nhỉ/là gì thế lá phổi của những tâm hồn?” Ai cũng đi học, đi làm, cũng ăn, cũng ngủ, cũng yêu ai đấy và ghét ai đấy, cũng cả ngày chạy đi chạy lại như những con kiến, theo những tuyến đường đã lập trình sẵn, ngày nào cũng như ngày nào. Một thì nghỉ, khỏe lại chạy tiếp. Mỗi người một tâm hồn, lãng mạn có, khô cứng cũng nhiều, kiểu nghệ sĩ có, kiểu khoa học cũng có. Thật ra khó mà định nghĩa, xác định được cái gọi là “tâm hồn” trong mỗi con người, khó mà tách biệt được phần hồn, phần xác. Nhưng tôi cứ định nghĩa rằng tâm hồn ta là những gì thuộc về riêng ta mà ta không sờ mó, không chạm vào, không thể nhìn thấy được. Đây là suy nghĩ, trăn trở, là yêu thương giận ghét, là khát vọng hay tuyệt vọng, là quyết tâm hay niềm tin, là say mê, là giấc mơ, là ảo ảnh, là tín ngưỡng hay giáo dục, là kiến thức, sự hiểu biết... Cũng như thân xác ta mỗi ngày thêm mỗi một, tâm hồn ta cũng nhiều khi cạn kiệt. Bạn đã bao giờ ở trong trạng thái mệt mỏi đến mức không chỉ không muốn nói câu nào, mà còn không muốn nghĩ bất cứ điều gì nữa? Hay có lúc người không ốm, không mệt, nhưng đầu óc trống rỗng không biết mình nên hoặc phải làm gì? Tôi nghĩ đó là lúc mà tâm hồn ta mỏi mệt, quá tải hay cạn kiệt. Tâm hồn ta cũng cần thanh lọc, thái độ, cần thay đổi, hít thở những mới mẻ trong lành nào đó chứ nhỉ? “Lá phổi” cần thiết cho tâm hồn ta khi ấy là gì?

Tôi đã từng nhiều lần đặt cho mình câu hỏi ấy, trong những lúc tuyệt vọng chán nản, lúc mà tinh thần đã nhão ra, hò hét lên giãy cọt thế nào cũng không hăng hái lên nổi, những lúc đầu óc lơ lửng giữa tầng mây,

không nghĩ được gì mà cũng không muốn nghĩ gì. Tôi đã trần trở tìm kiếm, và dường như tôi đã tìm ra câu trả lời.

Trái với phần xác, khi mỗi mệt cạn kiệt thì cần nghỉ ngơi, phần hồn của ta, ít nhất là của tôi không cần nghỉ, không muốn nghỉ khi mệt mỏi. Lúc bạn chán nản, mất tinh thần hay tuyệt vọng, càng nằm một chỗ, càng không làm gì bạn càng muốn phát điên lên, bạn càng thêm ủ ê rã rượi. Hãy thử nhé: thử vừa đi dạo vừa nghe nhạc trong một khu vườn yên tĩnh, phong cảnh hài hòa, thử ngồi cà phê hay lượn phố với một người bạn thân thiết, dễ chịu, thử xem một bộ phim, đọc một cuốn sách thú vị, chơi thể thao hay ca hát, thậm chí là chơi một trò chơi mạo hiểm, khiến ta sợ đến chết đi được, hét đến khản cổ hay làm bất cứ điều gì mà bạn thích làm, bạn say mê... Ngắt bạn ra khỏi những gì đời thường lối mòn một chút và hết mình làm điều gì đó, bạn đột nhiên tìm lại được niềm vui và khát vọng sống, tìm lại niềm tin và trở lại với chính tâm hồn mình. Cái cốt lõi là bạn hãy làm điều gì bạn thích, bạn say mê, làm hết mình, đến toát mồ hôi ra càng tốt. Nếu có nhiều đam mê khác nhau, có thể làm thường xuyên thì càng tốt.

Khi còn là sinh viên ở Hà Nội, một đêm tôi chỉ ngủ vài tiếng, tối đa thì vài tiếng, tối thiểu thì có khi một tuần liền không ngủ. Tôi đi học, đi làm, tôi nấu cơm rửa bát ở nhà đều đặn mỗi ngày, tôi chơi bóng đá, bóng bàn, đá cầu, tôi hát, tôi viết văn làm thơ, tôi tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên trường tôi, tôi dẫn đầu trong các hoạt động ấy: nào văn nghệ, thời trang, nào SV96, nào giải bóng đá, nào câu lạc bộ bóng bàn, các buổi tối tôi đi làm gia sư tin học, mỗi mùa thi thì tôi kèm một lũ bạn học qua đêm tại nhà, nếu có thời gian thì tôi đi cà phê lượn phố với bạn bè, về đến nhà nếu còn chưa quá muộn lại cắm cúi lập trình, làm tin học hay viết lách đến ba giờ sáng. Bạn bè tôi cần gì, gọi điện, kể cả khi ấy là hai giờ sáng, chỉ 15 phút sau là tôi có mặt. Rất nhiều đứa bạn, kể cả rất thân với tôi ngạc nhiên hỏi: “Sao mày không bao giờ mệt nhỉ?”, “Làm thế quái nào mà mày có thời gian và nhất là sức lực để làm, để say mê bao nhiêu thứ ấy cùng một lúc?” Tôi chỉ cười, trong câu hỏi ấy đã có câu trả lời, câu hỏi sau trả lời cho câu hỏi trước. Chính vì luôn hết mình cho những gì mà tôi say mê hoặc thấy có ích mà tôi lúc nào cũng tràn đầy năng lượng. Khi bạn muốn làm, yêu việc

mình làm, bạn luôn tìm ra đủ thời gian để làm những việc ấy. Không thể tránh khỏi những lúc thất vọng hay mệt mỏi chán chường, nhưng thường thì những thứ ấy qua đi rất nhanh, những cảm giác ấy bị cuốn theo một hoạt động nào khác hoặc là tôi thậm chí chẳng có thì giờ để mà ủ dột nữa. Lúc nào cũng yêu đời, đầy ắp tiếng cười. Lúc nào tôi cũng muốn làm cho mọi người phải cười như tôi.

Sang Pháp, mọi thứ đều bở ngỡ, phải đi làm rất nhiều để kiếm sống, tôi cũng chỉ bỏ bóng đá, văn nghệ ba tháng đầu, lúc mà chẳng tìm được ai đá bóng, đàn hát với mình. Lần đầu tiên đi họp mặt sinh viên Việt Nam ở Paris, tôi thấy đời sống văn hóa thể thao của mọi người nghèo nàn quá. Hồi ấy sinh viên Việt ở Paris còn chưa đông. Khoảng hai ba trăm người mỗi tháng một lần tụ họp trong Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp, phát biểu vài câu, thông báo tí tin tức, rồi ngồi hát karaoke vu vơ, phần lớn bỏ về sớm. Chỉ sau một lần là tôi quyết định sẽ làm mọi thứ để thay đổi. Và tôi làm: thành lập một đội bóng để tham gia giải sinh viên quốc tế, rồi tổ chức giải bóng đá đầu tiên của sinh viên Việt Nam tại Paris, cùng với vài người bạn trong đó có hai đứa bạn ở chung nhà, chúng tôi lập ban nhạc sinh viên đầu tiên, làm đêm nhạc và tổ chức biểu diễn ở khắp nơi. Những lần họp mặt sinh viên sau đó cũng không còn buồn tẻ nữa, chúng tôi tổ chức biểu diễn thời trang, ca nhạc, thi đố vui, tổ chức giải bóng bàn, đá cầu... mặc dù điều kiện vật chất khó khăn. Tôi còn nhớ, đêm nhạc đầu tiên tôi tổ chức ở Đại sứ quán, “ban nhạc” chúng tôi chỉ có ba người với hai cây ghi ta gỗ và hai cái micro, một để hát, cái kia để tăng âm cho hai đàn ghita thùng, thế mà cũng rôm rả, khí thế ra trò.

Trong tuần đi làm kín thời gian, cuối tuần có chút rảnh rỗi nào là tôi hoạt động. Có khi đêm thứ Sáu tan làm muộn, trễ chuyến bus đêm cuối, tôi đi roller gần 15km, về đến nhà đã sáu giờ sáng, tắm xong đi ngủ hai tiếng, đến chín giờ đã có mặt trên sân bóng, đá đến trưa lại đi làm tiếp đến đêm. Tám giờ sáng chủ nhật, nhà tôi đã đầy đủ sáu người trong ban nhạc, đàn trống hát hò đến tối để chuẩn bị cho một đêm diễn. Tuần nào cũng thế, ấy là chưa kể những buổi họp trù bị thành lập hội sinh viên, tổ chức các hoạt động... Vì ít thời gian mà sau này tôi không chính thức tham gia một hội,

đoàn thể chính thức nào của sinh viên Việt Nam tại Pháp, nhưng có thể nói chẳng có hội đoàn nào được thành lập hay hoạt động mà không có sự góp mặt của tôi.

Cuộc sống của tôi là thế, lúc nào cũng đầy ắp những hoạt động, những niềm đam mê. Tôi cũng vì thế mà chẳng bao giờ mệt mỏi, luôn có đầy nghị lực và niềm tin để vượt qua mọi khó khăn. Quanh tôi luôn có rất nhiều bạn, những người mà tôi có thể sẻ chia mọi buồn vui, luôn sát cánh với tôi để vươn lên phía trước. Đó là những cửa sổ, những lá phổi của tâm hồn tôi và cũng là nguồn năng lượng không bao giờ cạn kiệt. Bạn càng cháy hết mình thì càng có thêm năng lượng để cháy mạnh hơn nữa.

Gần đây, trong giải bóng đá sinh viên Việt Nam tại Pháp, tôi vừa đá xong một trận thì có cậu sinh viên trẻ măng tìm đến chào, bắt tay tôi rồi nói: “Chú ơi, gần 10 năm trước cháu đến Pháp, cháu tham dự giải với tư cách là cổ động viên cho các anh trong đội bóng thành phố cháu, đã thấy chú là đội trưởng đội bóng già dặn nhất giải, mà vẫn chạy khỏe làm bọn cháu phát khiếp. Rồi cháu đá bóng, bây giờ đã là đội trưởng đội bóng, lên Paris đá giải thấy chú vẫn thế, vẫn đội trưởng, vẫn chạy khỏe đến sợ. Chú làm thế nào ạ?” Tôi chỉ cười. Tôi già hơn xưa chứ, yếu hơn chứ. Nhưng mỗi khi vào sân bóng tôi chơi với hết thấy say mê của mình, với hơn 100% sức lực của mình, dù chỉ là đá chơi, đá tập. Mỗi lần, tôi đẩy mình qua cái ngưỡng của chính mình một chút. Cũng giống như khi ta tập nâng tạ, nếu lần đầu ta nâng được 50 lần đã thấy mệt, nghĩ rằng sức mình chỉ đến thế, ngày mai cũng chỉ như thế, thì mãi mãi ta sẽ chỉ nâng được 50 lần, hoặc hơn một chút thôi. Còn ta nâng đến 50 lần, biết là mệt lắm, vẫn nghĩ rằng làm thêm hai ba cái nữa, cứ thế vài hôm thì thấy đến cái thứ 55 mới mệt, lại nghĩ rằng nâng thêm vài cái. Ta chắc sẽ không thể nâng mãi đến mức 1.000 cái, nhưng chắc chắn đến lúc nào đó, con số sẽ vượt hơn nhiều, rất nhiều so với con số 50 ta từng nghĩ là tối đa kia. Đơn giản thế thôi. Ở chương 8 tôi đã từng nói với bạn, nếu bạn quyết tâm, tự tin, có ý chí và lòng dũng cảm thì bạn có thể làm được bất cứ việc gì, hay ít nhất là rất nhiều điều mà bạn không nghĩ là mình có đủ khả năng. Bây giờ tôi nói thêm với bạn, nếu bạn có thêm niềm say mê, nếu tâm hồn bạn thực sự sáng

khoái để bạn có thể cháy hết mình với việc bạn làm, giới hạn sẽ càng bị đẩy xa hơn.

Bất cứ lúc nào, dù là nhiều năm sau nữa, nếu như bạn gặp tôi và hỏi tôi đang làm gì, tôi sẽ trả lời bạn: “Tôi đang trưởng thành”, “Để làm gì?”, “Để trở thành tôi”. Vâng, tôi vẫn còn học hỏi, học để sống với mình, sống với người, để được trở thành, được là chính mình, để có thể làm hết những gì mình có thể làm, được hiện thực hóa những giấc mơ mình đã có và cả những giấc mơ của mọi người, tại sao không chứ?

Có thể bạn cũng đã tìm ra giải pháp để cung cấp năng lượng cho mình, có thể bạn đã có những lá phổi quý giá để tâm hồn bạn thanh lọc, thư giãn, nạp năng lượng, lấy cảm hứng mới. Nếu không, hãy thử làm như tôi, hãy thử sống hết mình cho những niềm đam mê của bạn và không ngừng tìm ra những niềm đam mê mới. Nhớ một ngày nào đó tìm tôi và cho tôi biết kết quả, tôi chắc rằng bạn sẽ không thất vọng.

Sain Michel & quartier Latin: ngày Valentin xin được dành cho mẹ



Đại học Sorbonne. (Ảnh: Tác giả)

Thật kỳ lạ kiểu dẫn dắt, liên tưởng của tôi trong cuốn sách này: lòng vòng dẫn bạn đi đến những công trình, địa điểm của Paris, rồi tôi lại kể cho bạn nghe những câu chuyện về cuộc sống của tôi, bạn bè tôi. Mọi thứ tưởng chừng chẳng liên quan gì đến nhau, nhưng kỳ thực, tất cả đều liên quan, đều có nguyên do cả.

Khu phố lãng mạn

Thật ra nếu kể về Saint Michel và quartier (khu phố) Latin, về mặt không gian, địa lý mà nói thì phải kể luôn cùng với Nhà thờ Đức Bà (Notre Dame de Paris) vì chúng ở cạnh nhau, cách nhau vài trăm mét. Nhưng kể như thế thì có vẻ không đúng với trình tự thời gian và logic của riêng tôi đặt ra trong cuốn sách này. Trình tự ấy hoàn toàn tự nhiên, theo cách tôi nghĩ phải viết như thế để kể lại những câu chuyện về Paris và nhất là những câu chuyện của tôi. Còn nếu đến du lịch Paris, bạn đừng đi đúng theo trình tự những địa điểm trong cuốn sách này nhé, sẽ phải trả oan thêm mấy cái vé xe bus hay metro đấy.

Ở khu Saint Michel và khu phố Latin thật ra không có công trình kiến trúc nào cực kỳ nổi tiếng cả. Nhưng cũng như bất cứ một khu phố nào khác ở Paris, luôn có vô số những cảnh đẹp về kiến trúc, về văn hóa và con người. Đó là một khu vực nằm trên quận 5 và sát quận 6 của Paris, nơi đặc biệt có rất nhiều trường đại học, nổi tiếng nhất là khuôn viên của Đại học Sorbonne, được coi là trụ sở các trường đại học của Paris, một tòa nhà không quá lớn nhưng cổ kính và rất đẹp. Đặc biệt “trái tim” của khu phố này là Panthéon, vốn là nhà thờ hoàng gia, đã và đang được dùng như ngôi đền của những người nổi tiếng, những người đã ghi dấu ấn trong lịch sử nước Pháp, những nhà khoa học, nhà văn thơ nổi tiếng như Pierre và Marie Curie, như Alexandre Dumas... Nếu có thời gian sau khi đã thăm những điểm du lịch không thể bỏ qua của Paris, bạn đừng quên Panthéon. Có thể kiến trúc bên ngoài của nó không quá nổi trội, nhưng khi lọt vào bên trong bạn chắc chắn sẽ phải trầm trồ.

Nói đến khu phố Latin là nói đến những đặc trưng của nó: những con phố nhỏ, thậm chí là rất nhỏ, có nơi chỉ đủ để hai người đi bộ tránh nhau, mặt đường ở nhiều nơi vẫn còn giữ nguyên như thời xưa: đường lát đá vòng cao lên ở giữa, hai bên là hai rãnh cho bánh xe ngựa chạy vào. Khu phố Latin cũng là nơi tập nập các cửa hàng quần áo, đặc biệt là hàng ăn, quán cà phê, quán bán đồ ăn vặt, ăn nhanh.

Tôi yêu thích khu phố Latin từ khi mới đặt chân đến Pháp vì vẻ vui nhộn xen lẫn những nét lãng mạn của nó. Sau này cùng với “bến bờ” của mình, chúng tôi càng hay trở lại nơi này. Cũng vì cái đêm sau lời tỏ tình

của tôi, chúng tôi rời bờ sông Seine, chọn một quán ở vị trí thật đẹp vừa nhìn ra sông, vừa nhìn ra quảng trường Saint Michel tấp nập. Ngồi rất lâu, ngồi cả đêm, đến gần sáng đứng dậy trả tiền, mới phát hiện ra tên quán là “Le départ” có nghĩa là điểm bắt đầu, điểm xuất phát. Cả hai cùng cười cho sự trùng lặp ngẫu nhiên, và coi đó giống như là điểm xuất phát cho cuộc hành trình rất nhiều năm (và còn nhiều năm nữa) của mình. Bây giờ cái quán vẫn còn ở đó, vẫn tên đó và chúng tôi, những buổi tối có thời gian rảnh để đi chơi, sau một hồi dạo quanh khu phố Latin, hay trở lại điểm xuất phát ấy để ôn lại những kỷ niệm đẹp, để cùng nhau bắt đầu những dự án mới hay chỉ đơn giản là những chương mới của một câu chuyện tình yêu.

Câu chuyện của đêm Valentin kỳ lạ

Và câu chuyện trong chương này của tôi cũng bắt đầu từ một buổi tối như thế, nhưng đặc biệt hơn: một buổi tối của lễ tình nhân, ngày lễ Saint Valentin.

Hồi ấy chúng tôi đã lấy nhau rồi, nhưng cả hai vẫn còn là sinh viên. Sau hơn một năm yêu nhau, khi em kết thúc khóa học MBA ở Anh, tôi không muốn em trở lại Việt Nam để phải tiếp tục xa cách và chúng tôi cùng quyết định: em sẽ sang Pháp. Sang Pháp lại là một thử thách mới, lại phải học tiếng Pháp từ đầu, lại vừa học vừa đi làm thêm. Lúc ấy tôi đã học xong khóa MBA của mình, nhưng cũng như em, tôi chỉ nói tiếng Anh, tiếng Pháp thì bập bẹ tự học vì có bao nhiêu thời gian rảnh đều phải đi làm. Tôi vừa đăng ký vào một trường cao học hệ tiếng Pháp để lấy thêm bằng cao học chuyên ngành tài chính, vừa là học thêm tiếng Pháp.

Em sang Pháp một thời gian thì chúng tôi cưới nhau, khi cả hai đã chắc chắn tìm thấy một nửa của mình, và vì cả hai gia đình đều không muốn hai đứa ở với nhau mà không có cưới xin. Thế là một đám cưới thật nhỏ, thật đơn giản với hơn chục người bạn và mẹ của em sang đại diện hai gia đình. Cưới xong chúng tôi tranh thủ về Việt Nam ra mắt gia đình, họ hàng, rồi lại đi (Đó cũng là lần đầu tiên tôi về thăm nhà, năm năm sau ngày đi).

Khi ấy cả hai còn nghèo lắm. Thật ra thì gia đình em có điều kiện kinh tế, nhưng cả hai chúng tôi đều quen sống tự lập, không thích dựa vào gia

đình, nên quyết tâm tự mình xoay sở, bắt đầu từ hai bàn tay trắng. Chúng tôi đều đi học và đi làm thêm, đi học đi làm nhiều đến nỗi, ở chung nhà, ngủ chung giường nhưng có khi cả tuần không nói chuyện gì với nhau: khi tôi đi làm về đến nhà thì đã hai, ba giờ sáng, em đã ngủ, khi em thức dậy lúc năm giờ sáng để đi làm sớm rồi đi học thì tôi còn đang ngủ. Cứ thế cả tuần mới có một buổi tối cả hai cùng tan việc sớm để gặp nhau. Trong tuần nếu có gì cần trao đổi thì chúng tôi viết giấy dán lên cửa tủ lạnh (điện thoại di động cũng chưa có mỗi người một cái). Những dòng viết vội Em yêu, sáng mai anh sẽ nấu món em thích nhé; Chiều nay em tan học muộn, không kịp đi chợ. Em nhớ anh dán trên tủ lạnh trở thành cách trao đổi yêu thương, thành động lực cho cả hai vượt qua những nỗi “đời thường”. Cứ cuối tuần, tôi gom những mẫu “Post-it” dán trên tủ lạnh ấy lại thì có thể tóm tắt được các “sự kiện” lớn nhỏ của cả tuần: ai đi chợ, ai nấu món gì, con mèo bị ốm, mẹ tôi ở nhà phải vào bệnh viện, em đi thi làm bài không tốt... Tôi nghĩ một ngày có thể tôi sẽ viết một cuốn “tiểu thuyết” nhỏ chỉ bằng nội dung của những mẫu post-it như thế.

Tối hôm ấy cả hai cùng về sớm. Lại là 14 tháng Hai. Tôi chạy vội về nhà, định rủ em đi ăn ngoài hàng thì em đã nấu cơm rồi. Vì thế cả hai lại cùng ngồi ăn, rồi đi dạo phố. Lại đến khu phố Latin, lại cùng nhau đi “liếm cửa kính” các cửa hàng sang trọng, ngắm người xe tấp nập, nói với nhau những câu vu vơ gì đó rồi cùng cười vang. Bỗng ngang qua một cửa hàng, thấy cái áo da thật đẹp, tôi bảo: “Áo này hợp với em đấy, mua nhé”. Thật ra lúc bình thường, chẳng bao giờ chúng tôi mua đồ ở khu du lịch ấy, giá đắt ít nhất là gấp đôi những chỗ khác. Nhưng khi ấy chúng tôi đang hân hoan, tràn ngập trong tình yêu, đang say sưa, đang bị cái thằng (hay cái con) tình yêu không biết rõ mặt dẫn lối, nên thậm chí chẳng để ý đến điều đó. Cả hai cùng vào, em thử, anh ngắm, chú bán hàng đứng tán, quyết định mua. Rồi chú bán hàng lại bảo: “Sao không mua luôn cho Monsieur (quý ông) một cái? Có loại dành cho nam, màu giống thế”. Em bảo: “Ừ nhỉ, lâu rồi anh cũng không mua gì”. Thế là anh thử, em ngắm, chú bán hàng tán thêm vào, mua cái thứ hai. Thành đồng phục nhé, hâm thật. Mua xong ra đến phố, chú bán hàng đứng sau rèm trờ “Oh, les amoureux. C’est mignon” tạm dịch là

“Ôi, những kẻ đang yêu, thơ mộng (hay đáng yêu) quá” nhưng nếu hiểu theo đúng khung cảnh lúc ấy thì ý chú muốn nói là “Haha, lũ ngốc mơ mộng, thật tội nghiệp” hay cái gì tương tự thế vì sau này chúng tôi biết mình mua giá đắt gần gấp đôi. Chẳng sao, hai kẻ đang yêu tiếp tục đi, tiếp tục mơ mộng.

Qua khu phố nhỏ với các nhà hàng kiểu Latin với những xâu thịt nướng, cá nướng thật bắt mắt, với nhạc sống réo rắt, với phong tục mỗi khách ăn xong ra cửa thì đập một cái đĩa để lấy may mắn, chúng tôi lại dừng lại, ngấm ngấm. Một chú bán hàng lại hiện ra mời chào. Ừ thì vào ăn thử, đi một lúc có vẻ đói, cái chính là nhìn khung cảnh nhà hàng lãng mạn quá, không cầm lòng được. Nhưng thật ra, đói con mắt thế thôi, chứ vừa cơm tối xong, ăn gì nữa. Hai suất ăn dọn ra, đầy ắp. Hai đứa nhìn nhau cười, gần như không đụng đến một miếng. Chú bồi bàn dừng nhìn, lại kêu “Oh, les amoureux. C’est mignon. Nhìn nhau là đủ no rồi, chẳng cần ăn gì nữa”. Cũng không hẳn thế. Nếu đói thì vẫn ăn như thường. Nhưng lúc ấy thì biết làm gì nữa, lại cũng hơi ngượng, không dám xin cho vào hộp mang về.

Đi dạo chán, chúng tôi lại ra quán “Le départ” ngồi ngấm phố. Ngấm đến lúc chợt nhớ ra phải về cho kịp chuyển tàu cuối mới cuống cuống trả tiền rồi chạy. May sao vẫn kịp chuyển cuối cùng. Về đến bến nhà mình đã gần hai giờ sáng. Ga nhà tôi có hai lối ra, một lối phụ gần nhà hơn thì bị đóng từ sau mười một giờ đêm. Chúng tôi biết thế. Ai đi tàu về đến đó vào giờ đó cũng đều biết thế. Lại có cả tấm bảng to tướng thông báo nữa. Nhưng chúng tôi đang mải chuyện, mải cười, mải nhìn nhau nên theo thói quen dắt nhau xuống đường hầm dẫn ra cổng phụ. Có anh nhân viên trực ở ga chắc cũng chỉ đợi chuyển tàu cuối đến, đợi không còn ai trên đường ra cổng chính thì vội vã đóng cửa đi về, Valentin mà. Biết đâu có hai kẻ mơ mộng còn đang hốt hải chạy ngược lại đường hầm để ra cổng chính. Vậy là tự nhiên chúng tôi bị nhốt ở trong ga, kêu gào mãi chẳng ai nghe thấy. Leo cầu thang lên cạnh đường ray, nhìn xuống đường. Từ chỗ chúng tôi xuống đường khá cao, kể ra nếu có mình tôi thì tôi sẽ trèo tường xuống ngay. Nhưng có em thì không thể. Chúng tôi đành gọi cứu hỏa. Phải giải thích

với bạn rằng ở Pháp, lính cứu hỏa không chỉ có nhiệm vụ chữa cháy. Không có nhiều đám cháy đến thế. Mà lính cứu hỏa thì cơ động, được trang bị đầy đủ cho các trường hợp cấp cứu, nên có gì khẩn cấp người ta đều gọi lính cứu hỏa. Chúng tôi chơi bóng đá, nếu có ai chấn thương, ngã treo chân tay hay mệt quá ngất xỉu là gọi lính cứu hỏa. Ngoài phố có ai bị ngã, gọi lính cứu hỏa. Thậm chí có con mèo kẹt trên mái nhà, người ta cũng gọi lính cứu hỏa. Thông thường thì họ đến rất nhanh. Chúng tôi gọi lính cứu hỏa. Họ hỏi đầu đuôi câu chuyện. Tôi kể lại. Tất nhiên không đại gì mà bảo là vì mãi chuyện, mãi nhìn nhau mà không nhìn thấy biển thông báo lối ra đã bị đóng cửa, nhưng vì nghĩ lại cảnh ấy buồn cười quá không nhìn được cười. Đợi mãi không thấy ai đến. Chắc họ không tin chuyện của tôi, hoặc vì tôi cười mà họ cho là tôi đùa. Thỉnh thoảng cũng có kẻ dối việc, gọi đùa như thế. Đợi chán không được, tôi đành phải gọi cho cậu em vợ, hồi ấy mới sang đây du học, còn đang ở nhà tôi, vác cái thang ra “ứng cứu”. Ba giờ sáng, ông em ngái ngủ vác thang ra giải cứu hai anh chị rét cóng ngoài ga. Nhưng bà chị mặt đỏ bừng bừng, ngượng nghịu vì lý do bị nhốt trong ga nghe có vẻ hơi “ngớ ngẩn”. Thế là cậu em lại buông một câu “Oh, les amoureux. C’est mignon”, ý bảo ôi những kẻ yêu nhau, thật “đáng yêu” quá đi.

Thế nào mà trong một buổi tối, có đến ba người cùng bảo chúng tôi câu ấy, trong những hoàn cảnh khác nhau. Chẳng biết cái cậu bé (hay cô bé) tình yêu có vẽ gì đánh dấu lên mặt chúng tôi, hay là bay lượn vòng vòng trên đầu chúng tôi với cái băng dán dòng chữ ấy không mà ai cũng để ý. Nhưng có lẽ tình yêu là như thế. Chỉ khi yêu người ta mới có, mới gặp những chuyện kỳ lạ, ngớ ngẩn mà đáng yêu đến thế.

Và ngày Valentin xin dành cho mẹ

Tôi về đến nhà, không ngủ ngay. Tôi nghĩ đến mẹ. Lạ nhỉ, ngày Valentin mà nghĩ đến mẹ. Tôi bỗng chợt nghĩ rằng mẹ tôi chẳng bao giờ biết đến ngày Valentin, đến những câu chuyện lãng mạn, đáng yêu kiểu như thế hoặc có thì cũng ít lắm. Ba mẹ thuộc lớp người cổ, hoặc vì có chúng tôi muộn nên từ khi chúng tôi biết nhận thức mọi chuyện, đã thấy ba mẹ gọi nhau là “ông, bà” xưng tôi rồi... Ba mẹ đối với nhau như những cặp vợ

chồng tôi đọc trong truyện cổ: tôn trọng, nhã nhặn, chăm sóc, yêu thương nhau nhưng không thể hiện nhiều, nhất là bằng lời nói. Tại mẹ sinh tôi muộn quá chẳng, nên khi tôi bắt đầu biết nhận thức thì ba mẹ đã già rồi? Tôi nghĩ mẹ tôi từ khi lấy chồng chẳng mấy khi được hưởng cái gọi là lãng mạn.

Ba mẹ yêu nhau khi đất nước còn chia cắt, chiến tranh. Yêu nhau đơn giản thôi, thời xưa thế. Có muốn thể hiện cũng chẳng dám, sợ mọi người đàm tiếu, sợ tổ chức liệt vào dòng “tư sản” hay nhắc nhở vì gây dư luận. Mà cũng đâu có thời gian hay điều kiện gì nhiều. Nhưng ít ra hồi ấy chắc mẹ còn thảnh thơi được hưởng vài giây phút lãng mạn. Nghe ba kể là hồi ấy ba đang đi thực tập ở Hải Phòng. Chủ nhật ba đạp xe hơn 100km lên Hà Nội để xem đá bóng (niềm đam mê lớn nhất của đời ba) nhân tiện ghé qua ký túc xá của mẹ (hồi ấy ba mẹ còn đang “cửa cấm” nhau), nói rằng đạp xe lên thăm mẹ, để được gặp nhau một chút. Mẹ xúc động lắm. (Dĩ nhiên trong hoàn cảnh đó, không ai đại gì mà nói thật lý do.) Lãng mạn thế còn gì nữa. Chỉ thế thôi có lẽ cũng đã là những giây phút đẹp nhất trong tình yêu của ba mẹ.

Chưa lấy nhau thì mẹ đã phải chăm ba trong bệnh viện đến cả năm trời. Hồi ấy ba ở chung phòng trọ với một người bạn, chẳng biết chú ấy nấu nướng thế nào, đang nấu bếp dầu thì hết dầu, mang can dầu ra tiếp thêm vào mà không tắt lửa đi. Loay hoay làm sao lửa bắt vào can dầu bùng lên, ba nhảy vào cứu không được, chú ấy mất còn ba bị bỏng nặng, nhiều chỗ cháy đến tận xương.

Lấy nhau rồi thì ba đi bộ đội, mà bộ đội đặc công, đi biệt luôn. May mà rồi người ta phát hiện ra ba bị bệnh xoang, không đảm bảo cho các trận đánh (đêm hôm đào hầm vào đánh đồn mà ông lại lên cơn hắt hơi cho mấy cái thì nguy) nên trả về chứ nguyên đại đội của ba được điều đi đánh trận ở thành cổ Quảng Trị, chẳng còn ai trở lại.

Sinh con đầu lòng đúng đêm giặc Mỹ đánh bom khu phố Khâm Thiên, sinh con út ngay sau giải phóng, những giai đoạn khó khăn vất vả nhất của đất nước, ba mẹ tôi cũng gồng mình, bươn trải đấu lại cái đói, cái nghèo. Nếu các bạn đã đọc những câu chuyện “ăn uống” của tôi ở chương trước,

bạn có thể cảm nhận được những khó khăn của gia đình tôi khi ấy, không chỉ khó khăn về miếng ăn mà còn khó khăn cả chỗ ở. Nhà tôi được viện thiết kế của ba phân cho ngôi nhà cấp bốn, chia đôi chung với một hộ gia đình khác. Phần của gia đình tôi chỉ có 9m2, coi nới thêm một phần 9m2 nữa làm bếp và chỗ ăn cơm, phòng khách... và đủ kê một tấm ván hẹp, vừa đủ cho ba nằm ngủ mỗi đêm, ba mẹ con tôi ngủ chung một giường. Sau này tôi lớn một chút, thường thì thầm hỏi chị tôi: ba mẹ có ngủ chung bao giờ không nhỉ? Ba mẹ “tâm sự” vào lúc nào nhỉ? Hai chị em ngó ngán nhìn nhau, không biết, tuyệt nhiên không tìm ra một khoảng thời gian nào là “có thể” để ba mẹ chia sẻ những khoảnh khắc riêng tư với nhau, thậm chí nói chuyện riêng cũng khó. Ấy là tôi chưa kể đến cái vách ngăn giữa nhà tôi và nhà hàng xóm, bằng cốt ép, mỏng đến mức bên kia thổi mạnh bên này cũng nghe rõ, hoặc tôi lấy móng tay cạy cạy một chút là có cái lỗ nhìn sang bên kia xem nhờ ti vi.

Không có không gian riêng tư, ba mẹ cũng chẳng có thời gian cho những lãng mạn, yêu thương. Mẹ tôi làm công việc hành chính ngày tám tiếng, xong còn làm “kế hoạch 3” - làm thăm cói, may vá tăng thu nhập cho cán bộ, ba tôi ngoài giờ làm việc còn nhận công trình tư làm thêm để phụ vào chi tiêu. Về đến nhà mẹ còn cơm nước giặt giũ, dù hai chị em tôi cũng tham gia việc nhà từ bé nhưng bữa cơm chẳng bao giờ thiếu bàn tay của mẹ.

Mãi đến khi tôi 15 tuổi, nhà tôi mới có điều kiện để mua miếng đất nhỏ xây ngôi nhà của mình, lúc ấy thì có thể có phòng riêng cho ba mẹ, nhưng ba mẹ khi ấy đã bắt đầu có tuổi rồi, mẹ tôi bị chứng mất ngủ, tóc bạc trắng. Đêm mẹ không ngủ được, cứ xoay qua xoay lại làm ba cũng mất ngủ theo, vì thế ba ngủ một mình dưới nhà, để trông nhà luôn, còn mẹ ngủ trên gác, cạnh phòng tôi, để đêm hôm khó ngủ mẹ còn gọi tôi chạy sang đấm lưng, bóp chân cho dễ ngủ.

Ba mẹ không kỷ niệm ngày cưới, ngày yêu nhau cũng theo những bận bịu công việc và lo toan cuộc sống mà quên băng đi. Ngày sinh nhật của các con thì ba mẹ lo để con mời bạn đến nhà, chứ của ba mẹ thì ba mẹ chẳng bao giờ nhớ, chỉ có các con mua hoa, tặng quà hay mua món gì về cả nhà

ăn. Cái vất vả đời thường cùng những trói buộc, câu nệ của một thời khổn khó đã làm mờ đi cả những âu yếm, yêu thương giản dị nhất của một cặp vợ chồng. Sao lại thế chứ? Tôi lại thì thầm hỏi chị tôi “Có bao giờ chị nghe thấy ba bảo mẹ ‘Anh yêu em không?’” Hai chị em lại nhìn nhau, ngớ ngẩn cười và lắc đầu.

Tôi nghĩ rằng ngày Valentin, nếu là ngày để thổ lộ, để thể hiện tình yêu thì tôi sẽ dành ngày ấy tặng ba mẹ, cho một đời vất vả lo lắng của ba mẹ. Nếu ở nhà ngày này, tôi chắc sẽ giục ba mua hoa tặng mẹ, hoa tươi hẳn hoi, vì cũng có lúc ba tặng mẹ hoa vào ngày 8-3 chẳng hạn, nhưng là hoa “đồng tiền”. Ba tôi chuyên lấy cái đĩa chẻ ra một đầu, kẹp vào đấy hai tờ tiền làm hoa rồi đưa mẹ, cười hề hề: “Tôi mà mua hoa thì thế nào bà cũng kêu mua đắt, rồi lại bảo thà đưa tiền đây tôi mua con gà luộc lên ăn.” Ba ơi, mẹ ơi, hoa trong những ngày ấy có thể đắt thật, nhưng chẳng sao cả, bông hoa ấy chỉ là cái cớ để ta thể hiện tình yêu, để ta nói lời yêu. Không có hoa cũng được, nếu đột nhiên ba cầm tay mẹ mà nói lời yêu thì cảm giác có khi còn mạnh mẽ gấp mấy lần tặng hoa. Phải nói chứ, đến bạc đầu cũng nói, nếu ta yêu nhau thật lòng. Người đời không cười đâu. Nếu có cười thì mặc họ.

Không, không ai cười những người yêu nhau, người ta sẽ nói: “Oh les amoureux. C’est mignon.”

15

Hà Nội



Hà Nội. (Ảnh: Tác giả)

Tại sao Hà Nội lại được “đặt” vào đây?

Bởi vì bạn đang tham quan một Paris của riêng tôi.

Paris của tôi, ở bất cứ chỗ nào và bất kỳ lúc nào cũng có một khoảng rộng lớn, sâu thẳm luôn hiện hữu: nỗi nhớ Hà Nội. Nhiều khi tôi tự hỏi nó là cái gì. Đêm về, nó có khi là tảng đá nặng trĩu đè trên ngực, là đám mây

bồng bênh trong những giấc mơ, lại có khi là con chấy nấp dưới gối, đợi mình mơ màng thì chui sâu vào trong tóc, cắn mình ngứa phát điên lên.

Paris cái gì cũng to, cũng đẹp hơn Hà Nội, mà rốt cuộc chẳng có gì bằng Hà Nội. Là vì tôi cứ muốn so sánh những cái không thể, cứ hỏi những câu ngớ ngẩn kiểu: “Sao sông Seine không cuộn đỏ phù sa?” hay “Sao Paris không có tháp rùa đứng giữa Hồ Gươm?”

Từng nhiều lần viết về Hà Nội nhưng tôi chưa bao giờ ưng ý. Tôi đã định không bao giờ viết nữa.

Nhưng không phải là viết. Là một sáng nắng đẹp, nghe một bản nhạc nào đó, có piano đậm, có tiếng chuông thánh thót, có tiếng violon réo rắt và những nốt chữ tuôn ra từ trong lòng, tuôn đầy hai tay tràn xuống bàn phím, ngập lên mắt, ngập lên màn hình. Như thế nếu không trào ra thì tim phổi lòng dạ sẽ bị ngập hết cả.

Đó không phải là kỷ niệm, là những cái móc sắt một đầu móc vào quá khứ, đầu kia móc vào da thịt, là cái cách để bầu víu vào những tiềm thức xa xôi, sợ rằng cuộn cuộn thời gian sẽ cuốn mình đi. Đau đớn cũng là một cách giải thoát, hay để xả bớt năng lượng, để tìm lại bình yên: cảm giác đau đớn mạnh hơn, vượt qua cả những lo toan cuống cuồng.

Đó không chỉ là những êm đềm lơ đãng, là cả những điên cuồng giằng xé, những khắc khoải tuyệt vọng, và cả hy vọng nữa.

Đó không phải đoạn văn một chiều mà là cuộc đối thoại với chính mình ở đầu bên kia nỗi nhớ.

Hà Nội bảo: Mày viết làm gì thế, cứ ôm trong lòng thôi.

- Ôm mãi rồi, ôm không nổi, nặng muốn chết.
- Làm gì mà rùm beng lên, ai bảo đi.
- Tim đâu có đi, là chân đi thôi.
- Chân *** gì, tâm hồn, tim gan cũng đi hết cả. Bụi Hà Nội mày cũng mang theo trên giày mày đi ấy.
- Mày lại nói bậy thế?
- Thì thời buổi bây giờ, không nói bậy, quê thấy bà cố.
- Nhưng Hà Nội thì không nói bậy.
- Bởi thế mới bảo đừng viết nữa, đau lắm!

- Là tao viết về mẹ tao.
 - Thì cũng vậy, cũng là một, mà mẹ mày thế nào?
 - Mẹ tao yêu thương tao, cả đời lo cho tao. Nhớ tao, mẹ tao khổ.
 - Thế cơ à, nẫu.
 - Mẹ mày cũng thế, ai cũng có một người mẹ như thế, ít hay nhiều.
 - Thôi đừng nói, đừng nhắc đến mẹ. Người ta lại phải giả dối.
 - Sao phải giả dối?
 - Thì hoặc là đồng cảm, phải rưng rưng xúc động, mà thế thì “quê”, thì “sến” nên mặt phải giả vờ tỉnh bơ. Còn thẳng nào không đồng cảm, nó lại phải tỏ ra đồng ý, giả dối hết.
 - Phức tạp thế à?
 - Ủ, mẹ kiếp.
 - Là mày nhắc đấy nhé, không phải tao.
 - Nhắc gì, là tao nói bậy thôi.
 - Tại sao người ta nói tiếng đầu đời là gọi mẹ, đêm ngủ nằm mơ, lúc đau ốm vô thức cũng gọi mẹ, lúc vô ý văng tục ra cũng gọi mẹ, mà khi có ý thức, có chủ ý lại tặc bực, lại hờ hững?
 - Ờ nhỉ. Nhưng mẹ cũng có lúc tặc, vô tâm, chả theo ý mình, cũng có khi nói bậy...
 - Nhưng mà tao yêu mẹ, mày cũng thế, sâu thẳm trong lòng mình ai cũng thế.
 - Vậy sao?
 - Tao yêu mày nữa, mày nói yêu tao đi.
 - Cửa nợ, nợ lòng chết.
 - Văng tục thì không nợ, nói yêu phải nợ à? Cũng như ở Hà Nội người ta đá bậy thì ngang nhiên, mà hôn phải giấu giếm.
 - Ờ nhỉ. Tình yêu là gì nhỉ?
 - Không biết, chỉ biết yêu thôi.
 - Là mày yêu tao thôi, tao chả yêu mày đến thế...
- Tình yêu thật khó diễn tả. Chẳng ai biết tim liêu xiêu, nhớ nôn nao là gì. Nhưng ai cũng biết cái cảm giác tim đập dồn dập, nghẹn cả thở, bụng thắt lại, thần kinh căng ra chỉ vì nhìn thấy một người, thế là yêu à?

Yêu Hà Nội thì không đến như thế, nhưng cũng hồi hộp khi máy bay hạ cánh: mình sắp được gặp nó, cũng hơn hờ thấy nó đổi thay, nó đẹp hơn, cũng đau đớn thấy nó xuống cấp tệ hại.

Mình yêu nó, đơn phương, chứ nó yêu gì mình.

Hà Nội như cô tiểu thư đài các, dịu dàng, duyên dáng, hấp dẫn gợi tình, nói chung là đủ phẩm chất khiến bao gã trai trồng cây si, làm sao mà đáp lại hết? Với các cô gái, Hà Nội hiện lên oai phong, trầm hùng, bao dung, độ lượng mà sâu sắc. Hà Nội như người đàn ông từng trải mà vẫn tươi trẻ, đắm thắm mà sôi nổi, dễ khiến trái tim các cô gái say mê.

Hà Nội là gì nhỉ? Mình yêu Hà Nội mà chẳng biết nó có yêu lại mình không ?

Mùa hè, nó thổi hoa phượng cháy rực lên, ve kêu râm ran làm mình nhớ tuổi thơ, tuổi cắp sách, tuổi ô mai, tuổi trốn học, tuổi mới yêu, đã cầm tay con người ta kéo vào lòng rồi mà không dám hôn một cái, tiếc muốn chết. Thế mà năm nào nó cũng thổi hoa cháy bùng lên cho mình tiếc nữa, chắc nó ghen. Nó cuồn cuộn sóng sông Hồng sôi sục đỏ như máu, dữ dội, nắng đốt lửa trên đường. Ấy là khi nó giận.

Mùa thu, nó nhuộm lá đỏ lá vàng, gió hiu hiu đượm mùi cốm, nó tạo cảnh hữu tình dụ mình đi dạo phố để rắc lá, rắc cả nắng vàng lên vai mình, nó dụ tình đến thế, để mình yêu nó. Đêm đến thì nó nồng nàn hoa sữa, thứ nước hoa hay sữa tắm đặc biệt, chẳng lẫn đi đâu được, chỉ ngửi thấy mùi ấy, nhắm mắt lại là thấy những con phố miên man, e ấp như cặp chân dài thẳng tắp, gợi tình. Để quyến rũ mình. Thế mà sáng mai nó thản nhiên như không, nó từng bừng xách cặp đi khai trường.

Mùa đông thì nó đánh đá. Hôm trước vẫn còn ấm áp, chỉ một đêm không vừa ý, nó đổi gió mùa, hôm sau là nó tê tái, nó luồn vào da thịt mình mà cắn, rồi lại hôn mình đến rách cả môi, rớm máu. Phố ngơ ngác những thân cành trơ trụi, và phố liêu xiêu đứng run run trong gió heo may, làm mình thương nó đến rưng rưng. Nó thì thản nhiên ngồi nhấm mực nướng, ngô nướng trong lòng phố cổ, nó ngồi canh nồi bánh chưng hai má đỏ hồng lên. Rồi lại lạnh lùng, đến rùng mình.

Mùa xuân nó nở hé vườn hồng, nó trải bụi mưa trên mỗi cánh hoa e ấp. Nó trong trắng tinh khôi như con gái mới lớn còn chưa hôn lần nào. Nắng nháy mắt lấp lánh cười tình, áo hoa nhộn nhịp trên phố. Sôi động, hớn hở trẻ trung đầy sinh lực, nó cuốn mình vào nhịp sống của nó, vào vòng xoay của nó, không có cách nào thoát ra.

Thế mà nó nhất định không chịu nói yêu mình. Còn mình không biết là mình viết về nó hay viết về chính mình, chính tình yêu của mình....

Hà Nội bảo: Mà mày toàn nhớ những thứ linh tinh, những thứ xưa rồi.

- Thế à, thế Hà Nội bây giờ thế nào, chẳng nhẽ không có bốn mùa?

- Có chứ, nhưng người ta bận bịu hơn, chẳng ai mơ mộng thả hồn như mày nữa. Mùa nào thì cũng xe hơi, điều hòa, phố nào cũng ngọt ngào xe, mờ mịt bụi. Người ta ít để ý hoa sữa, hương cốm, chỉ chuộng Channel, Dior...

- Thế bây giờ còn ai yêu Hà Nội không?

- Ai biết được, đi mà hỏi người ta. Còn mày nữa, hỏi gì lắm thế, ngồi đấy mà thơ với ca. Đời không “thơ” như thế đâu. Yêu lắm à, hỏi một câu thôi nhé: mày làm được gì cho tình yêu của mày chưa?

.....

- Hỏi gì khó thế, ờ nhỉ, tao làm gì? Thôi, tao viết mấy dòng thôi...

Đại Lộ Haussmann: Khởi Đầu Sự Nghiệp



Quang cảnh nhộn nhịp đại lộ Haussmann. (Ảnh: Tác giả)

Tôi gọi Quận 9 là quận “nhà giàu” của Paris. Định nghĩa ấy chỉ là của riêng tôi thôi. Tôi gọi như vậy bởi đó là nơi tập trung những hệ thống cửa hàng đồ sộ chuyên bán “hàng hiệu”: Lafayette và Printemps (như kiểu Tràng Tiền Plaza ở Hà Nội), và đặc biệt, là nơi tập trung trụ sở đầu não của hàng loạt các ngân hàng lớn nhất nước Pháp, điểm làm việc mơ ước cho những sinh viên học chuyên ngành tài chính như tôi.

Trong rất nhiều những khu phố của một Paris rộng lớn, đa dạng thì ngoài đại lộ Champs Elyssées đã từng nhắc đến ở chương 1 và khu phố Latin mà tôi kể thêm ở chương trước thì có lẽ tôi yêu mến và có nhiều kỷ niệm nhất với khu đại lộ Haussmann, nơi có hai hệ thống cửa hàng Printemps và Lafayette.

Đọc đến đây, hẳn bạn còn nhớ câu chuyện tôi bị cướp ở ngay gần Lafayette? Trong rất nhiều năm, kể cả khi gần tốt nghiệp khóa cao học chuyên ngành tài chính hệ tiếng Pháp, đã lấy vợ và chuẩn bị đi tìm việc làm chính thức, mỗi tối, tôi vẫn đi làm thêm trong quán Nhật “rôm” ở ngay sau lưng Lafayette.

Nỗi khó khăn vất vả hằng ngày trong rất nhiều năm không làm cho tôi nhìn khu phố ấy kém đẹp hơn chút nào. Mỗi lần tôi đến, như lần đầu tiên, mắt tôi đều long lanh ánh sáng của những cửa hàng sầm uất và sang trọng, của những tòa nhà đặc trưng kiến trúc Haussmann nổi tiếng (chẳng phải ngẫu nhiên mà đại lộ ấy mang tên của nhà kiến trúc sư lừng danh đã quy hoạch và tạo nên diện mạo của Paris từ hai thế kỷ nay).

Và mùa Noel. Mùa Noel ở Paris chỗ nào cũng đẹp rực rỡ, nhưng đại lộ Elyssées và khu Lafayette là rực rỡ hơn cả. Ở Elyssées có chợ Noel, ở Lafayette có các gian trưng bày với cửa sổ lớn được biến thành rạp múa rối cho trẻ em ngày tết. Những khung cửa múa rối ấy, mỗi dịp Noel và Tết tây lại thu hút hàng trăm ngàn lượt người đến, hàng trăm ngàn những ánh mắt và nụ cười của trẻ em ít tuổi và trẻ em nhiều tuổi. Tôi gọi như thế vì người lớn đứng trước những khung cửa múa rối sinh động, lấp lánh ấy cũng tròn mồm tròn mắt ra thích thú như những đứa trẻ vậy.

Hồi ấy, sắp cuối năm, tôi hoàn thành khóa cao học tài chính của mình, là lúc bắt đầu “sự nghiệp” thực sự của tôi, liệu tôi có thể kết thúc cái “sự nghiệp” tạm thời là đi làm nhà hàng để bước vào môi trường làm việc mà tôi hằng mơ ước hay không? Đó là một câu hỏi lớn, vì khi ấy, tôi đã đọc và viết khá tốt bằng tiếng Pháp, nhưng khả năng nói thì rất tệ. Tính tôi vốn hơi nhút nhát trong giao tiếp. Và khổ nỗi tôi đi làm nhiều quá, toàn làm với người Việt nên trình độ nói tiếng Pháp không khá lên bao nhiêu. Bán hàng cũng chỉ quanh quẩn vốn từ liên quan đến mấy thứ đồ ăn.

Sinh viên ở Pháp thường bắt đầu sự nghiệp của mình bằng một khóa thực tập. Nó hoàn toàn không giống như những kỳ thực tập trong năm cuối đại học của tôi ở Việt Nam. Hồi đó ở Việt Nam, thực tập sinh chúng tôi đến các công ty chỉ để pha trà, lau bàn và đợi sai việc vặt như photo tài liệu hay đi căng lưới cho nhân viên văn phòng đánh cầu lông, rồi chờ người ta cho ít số liệu để đưa vào luận văn tốt nghiệp. Ở Pháp, thực tập là đi làm, có công việc, trách nhiệm rõ ràng như một nhân viên thực thụ của công ty. Nói chung là làm việc thật, chỉ có lương là thấp hơn. Nó tạo điều kiện cho công ty thử nghiệm một người trước khi tuyển dụng, vừa cho sinh viên cơ hội làm quen với môi trường chuyên nghiệp và cũng là để có cho mình một định hướng cho sự chọn lựa công việc, loại hình công ty sau này. Kỳ thực tập vì thế cực kỳ quan trọng trong sự khởi nghiệp của bất kỳ ai và các công ty tuyển thực tập sinh cũng khó khăn như tuyển nhân viên.

Tôi gửi hồ sơ đi khắp nơi. Miệt mài. Trong vòng ba tháng tôi gửi hàng trăm bộ hồ sơ. Đều là viết tay. Bạn đừng ngạc nhiên. Ở một xã hội phát triển tin học, người ta lại coi trọng thư tay. Chữ viết tay thể hiện tính cách, con người bạn, vừa thể hiện sự cẩn thận, tính kỷ luật và sự tôn trọng của bạn dành cho công ty. Và đơn xin việc viết tay không được phép tẩy xóa, nếu có lỗi là phải viết lại từ đầu. Vì thế nó còn thể hiện sự tập trung cao độ nữa.

Hồ sơ gửi đi, những lời từ chối quay lại. Mười cái: bình thường, ba mươi cái: hơi nản, nhưng đến cái thứ một trăm ba mươi bị từ chối thì chán nản vô cùng. Nhưng tôi biết mình cần phải làm gì. Lý lịch của tôi trình bày chưa đẹp, tôi tìm hiểu để làm lại, thư của tôi viết chưa hay, chưa “phong cách Pháp”, tôi mang đi hỏi các anh chị đi trước, tôi tìm hiểu trên internet để viết cho hay. Duy có đi phỏng vấn là khổ sở. Hồ sơ gửi mãi rồi cũng có người gọi mình đi phỏng vấn. Lần đầu tiên có người gọi, tôi cúp điện thoại xong đã đứng giữa nhà mà hét lên Yeeeeeees như thể mình đã được nhận vào làm. Không đâu. Phỏng vấn vòng đầu, chờ mãi, rồi phỏng vấn vòng hai, chờ nữa, rồi vòng ba, vòng bốn. Cuối cùng thì từ chối. Đây là những lần còn vào được vòng sau, nhiều lần tôi bị loại ngay từ vòng lọc hồ sơ. Tôi nói tiếng Pháp kém quá. Nghe nói, ở một số nước châu Âu, nếu bạn nói

tiếng Anh tốt thì không cần giỏi tiếng bản địa, bạn có thể tìm được công việc trong một công ty hệ Anh Mỹ. Ở Pháp thì không, hoặc ít nhất bạn phải từng có nhiều kinh nghiệm và nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, nếu không các công ty Anh Mỹ cũng phỏng vấn bạn bằng cả tiếng Pháp.

Tôi biết là mình nói kém. Khi còn học đại học ở Việt Nam, tôi học cả hai thứ tiếng nhưng chỉ chú trọng tiếng Anh, nghĩ mình không đi Pháp thì học tiếng Pháp làm gì. Sau đó sang Pháp du học, cũng lại sử dụng tiếng Anh, tiếng Pháp chỉ là tự học. Sẽ hoàn toàn là sai lầm khi nghĩ rằng, sống ở một nước nói tiếng khác tiếng mẹ đẻ của mình, lâu dần tự nó sẽ “ngấm” vào mình, tự nhiên mình nói được tiếng của người ta. HOÀN TOÀN SAI. Có rất nhiều người, thông minh nhanh nhẹn, sống ở Pháp cả đời nhưng cũng chỉ nói được một số câu tiếng Pháp, biết nhiều từ nhưng ghép vào nhau lộn nhồn như gạo trộn sỏi, có thể hiểu được ý chứ không thể nói thành câu. Có thể bạn nói thành thạo những câu giao tiếp quen thuộc, nhưng ngôn ngữ văn phòng lại đòi hỏi bạn phải nói khác.

Tôi cứ loay hoay như thế với điểm yếu tiếng Pháp của mình. Càng loay hoay, tôi càng mất tự tin. Tôi sợ nói tiếng Pháp đến mức tránh tối đa việc nói một câu mà không chuẩn bị, viết ra trên giấy trước. Nhiều khi đang đi trên đường, nhận cuộc gọi của một công ty gọi đi phỏng vấn, thường thì đơn giản thôi, nhưng tôi vẫn sợ. Dù đang ở chỗ thoáng đãng, bắt sóng điện thoại rất tốt, tôi cũng giả vờ nói ngắt quãng trong điện thoại kiểu như “Tôi đang... tàu... đi... ngẫm... sóng... không tốt... gọi lại...” để trốn tránh việc trả lời, rồi chạy một mạch về nhà, viết lách chuẩn bị hoặc lấy đoạn viết đã soạn sẵn ra, hít một hơi thật sâu rồi mới gọi lại.

Tôi biết mình không có nhiều thời gian, mỗi khóa học họ chỉ cho một khoảng thời gian nhất định để tìm nơi thực tập, quá hạn mà không tìm được là ngừng, phải chờ đăng ký học ở một trường khác hoặc một khóa học khác [3]. Tôi bắt đầu “phương án” của mình, tôi ngồi viết ra tất cả những câu hỏi mà người ta có thể hỏi đến trong một buổi phỏng vấn, kể cả những câu ít phổ biến nhất, về đời tư, gia đình, về học hành, kinh nghiệm, về Việt Nam, về nước Pháp, về ước mơ, kế hoạch... Rồi tôi soạn “đáp án”. Tất cả hơn

trăm trang giấy. Tôi viết rồi nhờ người giỏi tiếng Pháp xem qua giúp. Rồi học thuộc lòng. Rồi ngồi trước gương mà nói và tự sửa cho đến lúc trôi chảy nhất.

Hoàn thành xong “công trình” ấy, vừa may, có công ty gọi đi phỏng vấn, lại là một ngân hàng lớn hàng đầu nước Pháp và top 3 châu Âu. Tôi xem địa chỉ trụ sở công ty, bạn thử đoán xem nó ở đâu. Đúng vậy, khu đại lộ Hausseman, ngay gần khu Lafayette quen thuộc của tôi.

Đứng trước trụ sở công ty, một tòa nhà lớn, bên ngoài cổ kính và đẹp tráng lệ, bên trong là sự pha trộn hài hòa giữa kiến trúc cổ và nội thất, ánh sáng hiện đại, tôi hít một hơi thật sâu rồi bước vào, quyết tâm như chưa bao giờ thất bại, tự tin như thế đến đây chỉ để ký hợp đồng làm việc, tôi chưa bao giờ tự tin đi phỏng vấn như thế, nhờ vào sự chuẩn bị và lòng quyết tâm của tôi.

Như một sự hiển nhiên, tôi được nhận. YEEEEEEES tôi được làm thực tập cho một ngân hàng mà tôi hằng mơ ước, với mức lương rất cao so với lương thực tập bình thường. Nhưng tôi biết mọi sự mới chỉ là khởi đầu.

Ngay ngày đầu tiên đi làm, tôi nhận thấy ngay sự ngạc nhiên trong mắt chị trưởng phòng, người trực tiếp phỏng vấn tôi. Chị thấy rõ sự chênh lệch về khả năng nói tiếng Pháp đời thường của tôi với bài thuyết trình hoàn hảo lúc phỏng vấn. Và tôi xin gặp chị, tôi nói thật về sự yếu kém tiếng Pháp của mình, về cách mà tôi chuẩn bị cho phỏng vấn. Tôi nói: “Tôi nghĩ đó không phải là dối trá. Đó là giải pháp duy nhất của tôi giành lấy một cơ hội. Muốn chứng minh khả năng của mình thì trước tiên tôi phải có cơ hội đó. Bây giờ là lúc tôi chứng minh những thứ khác. Hãy giao việc cho tôi và chị sẽ không phải thất vọng.” Chị nhìn vào mắt tôi và cười, gật đầu. Chị nói: “Đừng lo, tôi hiểu. Một người có thể học thuộc một trăm trang giấy để chuẩn bị cho một cuộc phỏng vấn thì có thể làm rất nhiều điều khác. Quan trọng là lòng quyết tâm, nếu đã quyết tâm như cậu, không có gì mà không làm được.”

Tôi nhìn thấy sự tin tưởng trong mắt chị, tôi nhìn thấy niềm tin trong mắt các đồng nghiệp, và tôi làm việc hết mình để không phụ những niềm tin ấy.

Hồi ấy, đi làm, tôi ăn mặc đẹp, sang trọng. Tôi khác hẳn với anh chàng lam lũ trong nhiều năm làm việc ở tiệm ăn giả Nhật chỉ cách đây chừng 300 mét. Tôi vẫn trở lại đó thường xuyên, ăn uống chuyện trò với các “đồng nghiệp” cũ trong tiệm. Thật ra có lúc, tôi muốn chạy đến cười vào mặt lão chủ như một sự trả thù cho những năm tháng lão khinh bỉ và đày đọa tôi. Nhưng tôi không làm thế. Đến tiệm tôi vẫn cúi đầu chào lão và các anh đồng nghiệp cũ, vẫn nhẹ nhàng vui vẻ hỏi thăm từng người một và sẵn sàng xắn tay áo lên giúp ai đó nếu họ cần tôi. Sâu thẳm lòng mình, tôi biết ơn lão chủ và mọi người ở đó, chính nhờ công việc tại đây mà tôi có tiền đi học, lo cho gia đình. Tôi chưa là gì cả, còn rất lâu nữa tôi mới có thể là “cái gì đó”. Cuộc đời có những thăng trầm không ai biết được. Và tôi không nhìn người qua bộ quần áo. Bên trong bộ quần áo hào nhoáng thì tôi vẫn là tôi, một gã sinh viên vất vả tha nhật, đục đẽo từng viên gạch nhỏ để xây con đường tìm đến tương lai.

Thoáng một cái thì hết sáu tháng thực tập. Đích thân ông Giám đốc Tài chính của công ty đến gặp tôi. Ông nói: “Chúng tôi đánh giá rất cao khả năng và phong cách làm việc của cậu. Tôi muốn nhận cậu vào làm chính thức. Nhưng cậu biết đó, thủ tục để tuyển một vị trí mới trong một công ty có cơ cấu lớn là khá phức tạp. Tôi phải có thời gian. Nếu cậu có thể kéo dài kỳ thực tập thêm vài tháng, tôi sẽ bắt đầu thủ tục xin mở một vị trí mới từ hôm nay.”

Tôi đang nằm mơ? Không phải. Mọi thứ đều rất thật. Nhìn vào mắt ông tôi biết và thật ra tôi cũng đã hình dung ra điều đó sau những kết quả công việc được đánh giá cao của tôi, cũng như mối quan hệ tốt với các đồng nghiệp. Tất nhiên là tôi đồng ý ở lại. Có lẽ chẳng có nơi nào tốt hơn nơi này để khởi đầu sự nghiệp của tôi.

Nhưng cuộc đời thì không đơn giản thế, ít nhất là cuộc đời của tôi. Trong bất kỳ chuyện gì tôi cũng cảm thấy mọi khó khăn cứ tìm đến tôi mà vui đùa cười cợt, như thể chúng yêu tôi lắm. Không việc gì tôi có thể làm dễ dàng ngay từ đầu. Tưởng chừng cuộc sống như muốn nói với tôi rằng: “Cái thằng này, nó không ngại khó, nó tự tin, thì cho nó thêm ít khó khăn nữa, xem nó còn tự tin được không.”

Hơn hai tháng trôi qua, ông Giám đốc Tài chính nói với tôi rằng yêu cầu của ông bước đầu được chấp thuận, ông còn cần phải tổ chức một buổi họp để chứng minh và bảo vệ nhu cầu tuyển nhân lực mới của mình nữa là sẽ được duyệt chính thức. Rồi bỗng nhiên ông nhận tin vui: ông được chính thức bổ nhiệm làm Tổng giám đốc hệ thống các ngân hàng của công ty tôi trên toàn lãnh thổ Luxembourg, một vị trí mà ông đã nhắm đến từ rất lâu. Ngày chia tay đi nhận công việc mới, ông nắm chặt tay tôi và nhìn vào mắt tôi: “Xin lỗi cậu, tôi chưa làm xong việc tôi hứa với cậu. Tôi đã truyền đạt lại với người mới đến thay. Tôi sẽ làm hết mình, nhưng bây giờ kết quả cuối cùng còn phụ thuộc chủ yếu vào người đó. Dù có thế nào, tôi tin rằng, người như cậu sẽ luôn vững vàng vươn lên.”

Người mới đến, một phụ nữ còn trẻ, thay thế vị trí Giám đốc Tài chính có lẽ là một thử thách hơi quá sức của chị vì trước đó chị còn làm ở một vị trí thấp hơn nhiều và ở tỉnh ngoài Paris, với chị mọi thứ vẫn còn bỡ ngỡ. Tôi vì thế mà gần như đoán được những gì chị sẽ nói khi một ngày chị gọi tôi vào phòng riêng. Chị bảo chị vừa đến nhận chức, còn cần rất nhiều thời gian để làm quen với mọi người, với công việc mới. Ông giám đốc cũ có nói với chị về việc của tôi nhưng ngay lập tức, chị chưa có cơ sở hiểu biết và chưa có uy lực, kinh nghiệm để có thể bảo vệ trước ban Tổng giám đốc và công ty mẹ về việc phải tuyển dụng một người mới như tôi. Chị nói xin lỗi là sẽ không thể tuyển tôi vào làm ngay được.

Tôi thất vọng nhưng không tuyệt vọng. Cuộc sống là như thế, luôn là như thế. Cũng giống như câu chuyện “Tái ông thất mã”, mọi thứ đều có hai mặt của nó. Cái rủi và cái may luôn song hành với nhau, cái rủi này có thể là một cái may khác và cái may này cũng có thể là một cái rủi khác. Cũng như trường hợp của tôi lúc này vậy, có thể việc không được tuyển vào làm là một cái rủi nhưng biết đâu nó sẽ khiến cho tôi gặp cái may khác, một cơ hội khác tốt hơn. Có bao giờ bạn nghĩ rằng cuộc đời của bạn đôi khi được định đoạt hoặc bị ảnh hưởng, thay đổi bởi những người xa lạ, hoàn toàn không quen biết? Có thể điều đó không xảy ra với tất cả mọi người, hoặc mọi người không để ý đến nhưng tôi thì thấy như vậy.

Tất nhiên định nghĩa “người xa lạ” cũng có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, bởi vì thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp, ngay cả vợ chồng của ta cũng bắt đầu đến với ta là những người xa lạ. Nhưng tôi muốn nói đến việc cuộc sống của ta đôi khi bị ảnh hưởng bởi những người xa lạ mà ta hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của họ hoặc chỉ gặp thoáng qua hoặc chỉ biết sơ sơ.

Tôi còn nhớ mãi cậu bé ăn xin tôi đã gặp lúc bảy tuổi, lúc tôi đang rất đau khổ trong câu chuyện tôi kể ở chương 12 về chủ đề “ăn uống”. Cậu không nói với tôi lời nào, thậm chí không nhìn tôi, vì đang ngủ gật, thế mà cậu giúp tôi thoát ra khỏi nỗi đau khổ đó. Cậu ấy dạy cho tôi một bài học về sự khốn khó của loài người để tôi biết và trân trọng những gì tôi có. Hay tôi nhớ có một lần hồi học lớp tám, tôi đạt giải nhì cuộc thi học sinh giỏi tiếng Anh toàn quận. Được các cô giáo tung hô thành tích vì hồi đó tôi thuộc trường không chuyên mà giành giải trong cuộc thi với các trường chuyên, tôi tự hào lắm. Sau này tôi tình cờ biết được sáng hôm ấy có hai bạn rất giỏi tiếng Anh của một trường chuyên đèo nhau đi thi nhưng bị ngã xe đạp nên không tới dự được. Có lẽ vì thế mà tôi giành giải nhì, chứ nếu không có khi chỉ được giải khuyến khích. Tôi nhớ đến gã da đen định cướp tiền tôi ở cabin điện thoại ngày nào, nhưng hóa ra gã ấy lại dạy cho tôi một bài học về lòng tốt, sự thương hại. Tôi nhớ những câu chuyện nhỏ của bà hàng nước, ông xích lô đã kể, đã tâm sự với tôi, đã dạy dỗ tôi. Những cuốn sách, bản nhạc, bộ phim mà có khi tôi không nhớ tên người viết... Hết thầy đã cho tôi những suy nghĩ lớn lao về cuộc sống và hình thành nên tích cách con người tôi. Còn rất nhiều những ví dụ nữa, nhưng tôi chỉ muốn nói với bạn đừng vô tâm với những người xa lạ, với những thứ xung quanh tưởng như không liên quan đến mình.

Cũng bởi thế mà tôi luôn mở lòng ra với mọi người, luôn vui cười chào hỏi giúp đỡ bất kỳ ai tôi có thể. Bởi những người ấy, vô tình hay hữu ý, trực tiếp hay gián tiếp, có thể chỉ là một phần nhỏ thôi nhưng ngày nào đó sắp tới hoặc có thể đã xảy ra rồi, đã liên quan ảnh hưởng đến cuộc đời tôi, hoặc đến người thân quen của tôi. Hoặc liên quan đến ai đó, ngày nào đó sẽ là bạn của tôi. Nếu không có gì liên quan đến tôi, thì có sao chứ, tôi

vui lòng được làm điều đó như lời cảm ơn đến cuộc sống này. Tôi trở lại với kỳ thực tập của tôi. Tôi kết thúc nó, và mọi thứ tôi phải bắt đầu lại từ đầu. Tôi lại phải đăng ký một khóa học mới, lại chờ đợi xin đi thực tập, tìm việc. Nhưng tôi cũng đã học thêm được rất nhiều, trưởng thành hơn, có kinh nghiệm trong môi trường chuyên nghiệp, tiếng Pháp tôi cũng khá hơn, tự tin hơn nhiều khi giao tiếp với người Pháp.

Trong lúc chờ đợi đó tôi lại trở về làm việc tại tiệm Nhật “rôm” mà không hề cảm thấy đau khổ phải quay lại với công việc vất vả, lam lũ sau hơn một năm “ăn trắng mặc trơn”. Bởi tôi biết, tôi tin đó chỉ là bước đệm cần thiết trong cuộc hành trình của mình. Những người ở quán đón sự quay lại của tôi với sự ngạc nhiên và tôn trọng. Họ không còn nhìn tôi như một gã sinh viên lăn lộn chịu khó nữa mà như một người đàn ông biết trân trọng những khốn khó đã dạy mình khôn lớn và dám đối mặt với những thăng trầm của cuộc sống, vượt qua cái tự ti và chiến thắng cái tự kiêu.

Hơn sáu tháng sau tôi được nhận vào thực tập trong một công ty khác, nhỏ hơn, ít nổi tiếng hơn và một năm sau trở thành nhân viên chính thức. Đã có rất nhiều chuyện, rất nhiều những thăng trầm khác mà tôi không thể kể hết, cho đến lúc tôi thực sự có thể bắt đầu công việc chuyên môn của mình với hợp đồng làm việc vô thời hạn. Nhưng cũng giống như ngày đầu tiên đến làm ở tiệm Nhật, như ngày đầu tiên đến phỏng vấn ở ngân hàng, mỗi lần đến với khu phố Haussmann và khu cửa hàng Lafayette, Printemps tôi lại nhớ đến những kỷ niệm cũ, lại tự nhắc nhở mình rằng: Tất cả mới chỉ, vẫn còn là sự bắt đầu. Mỗi ngày mới là sự bắt đầu của những cố gắng, những quyết tâm mới và là bắt đầu của một ngày để chia sẻ yêu thương.

Nếu có ai đó hỏi tôi có thể chia sẻ điều gì từ kinh nghiệm xin đi thực tập của tôi, tôi sẽ đúc kết vài điều ngắn gọn thế này:

- Nếu bạn có ý định tìm việc làm công sở ở các nước phát triển thì kỳ thực tập là một yếu tố tiên quyết, mang tính quyết định. Tôi gần như chưa bao giờ thấy ai (kể cả người bản xứ) có thể tìm được việc làm mà không từng đi thực tập.

- Tìm nơi thực tập thì khó khăn, đôi khi mất rất nhiều thời gian nhưng không được nản lòng. Đừng coi đó là một sự đối phó chỉ để có tấm bằng

(có nhiều bạn vì ngại xin thực tập ở Pháp mà quay về Việt Nam mấy tháng để nhờ người quen xin vào thực tập trong một công ty ở nhà). Hãy nhớ rằng nếu muốn đi làm ở nước ngoài thì tấm bằng luôn có giá trị khi có kỳ thực tập ở nước đó. Ngay cả khi bạn quay về lập nghiệp ở quê hương, tôi chắc chắn việc bạn đã trải qua một kỳ thực tập hay đi làm trong một công ty nơi bạn du học sẽ luôn là một điểm cộng lớn trong hồ sơ cũng như trong sự nghiệp của bạn).

- Để có thể xin được thực tập, hay sau này là xin việc thì hai thứ quan trọng nhất là chuẩn bị hồ sơ và đi phỏng vấn. Hồ sơ nếu muốn được chú ý thì ngoài CV (tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, kinh nghiệm của bản thân), nhất thiết phải có thư xin việc, trình bày động lực, mục đích của mình và lý do tại sao mình xin vào công ty đó chứ không phải bất kỳ công ty nào khác. Đơn xin việc vì thế nên viết tay và phải được thay đổi theo đặc điểm của từng công ty, chứ không dùng một cái đơn cho tất cả. Dù bạn có viết đến cái đơn thứ 100, hãy cố coi nó như là cái đầu tiên. Hãy tìm hiểu các thông tin về công ty đó, hình dung ra những gì bạn có thể làm trong công ty, và viết như thể viết thư tỏ tình (với những tình cảm thực của bạn), hãy khéo léo cài vào trong nội dung thư những “từ khóa”, những từ này có thể được tìm thấy từ chính quảng cáo của công ty cho vị trí đó, bởi đó là những phẩm chất hay kỹ năng mà người tuyển dụng muốn thấy trong hồ sơ của bạn. Hãy coi chừng: Sự chán nản và thiếu niềm tin hay tính cầu thả của bạn thể hiện rất rõ qua cách bạn viết thư. Và người tuyển dụng không bao giờ dành quá năm giây để đọc những điều như thế, vậy là bạn trượt ngay từ vòng lọc hồ sơ rồi đấy! Bởi thế, nếu đọc một thông báo mà bạn không có chút cảm hứng nào với công ty và/hay công việc được đề ra, đừng mất thời gian để trả lời nó theo kiểu “vơ bèo gạt tép”. Bởi điều đó chỉ làm bạn mất thêm thời gian và nản lòng. Sự không thích thú của bạn, nếu không lộ ra trong hồ sơ cũng sẽ lộ ra khi đi phỏng vấn.

- Và cuối cùng, tất nhiên là phỏng vấn. Phỏng vấn thì ở đâu cũng thế, đã có quá nhiều tài liệu dạy bạn cách chuẩn bị, đối phó với nó. Riêng tôi, với tư cách là người từng đi phỏng vấn xin thực tập rất nhiều và sau này cũng phỏng vấn các thí sinh thực tập, xin việc mỗi năm vài lần, chỉ muốn

nhấn mạnh điều này: Khi đi phỏng vấn, điều quan trọng nhất mà người ta tìm kiếm ở bạn là sự quyết tâm, là động lực, là tinh thần ham học hỏi và sẵn sàng làm việc để được học hỏi (tất nhiên những kiến thức cơ bản phải đạt yêu cầu). Đừng mất thì giờ tô vẽ nhiều cho bằng cấp của bạn (cái đó đã có in trong hồ sơ), cũng đừng nâng tầm quan trọng cho kiến thức hay những việc mình đã làm (bởi thường thì người đối diện với bạn tự biết rất rõ những điều đó). Hãy khiêm tốn, ngắn gọn và tập trung vào hai thứ chủ yếu: Quyết tâm của bạn và những vấn đề liên quan đến các “từ khóa”. Nếu có thể, hãy nói thêm một chút về con người và tính cách của bạn (một cách có chọn lọc), điều đó có thể làm giảm căng thẳng của cuộc phỏng vấn và khiến người ta chú ý đến bạn hơn những người khác. Hãy nhìn thẳng vào mắt nhà tuyển dụng với một cái nhìn đầy quyết tâm và chân thành. Thế thôi. Còn lại là chỗ của niềm tin và một chút may mắn.

Opéra De Paris: Nhà Hát Quốc Gia Và Bài Hùng Biện Ngẫu Hứng



Mặt trước của Opera de Paris. (Ảnh: Tác giả)

Từ ngày còn ở Hà Nội, tôi đã thích lang thang khu phố cổ về đêm. Sau này đi du học, tôi ít có điều kiện quay về Hà Nội nhưng mỗi lần quay về dù bận bịu thế nào tôi cũng cố dành một đêm dạo quanh Hà Nội để tự hào ghi nhận những đổi thay hay ghen ngào tiếc thương một điều gì xưa cũ không còn nữa... Hà Nội về đêm là vắng người qua lại, là lơ ngơ những

góc phố cũ ghi dấu ấn trăm năm trong thanh bình và phát triển, là những hàng quán vỉa hè và những tiếng rao đêm. Hà Nội đêm là lúc những hào nhoáng, xa hoa đã đi ngủ, trở về với nét bình dị và cả lam lũ của những người lao động lúc trời khuya, những người dọn rác, những bác xích lô, những cô bán nước chè, ngô nướng.

Hà Nội phố cổ về đêm cũng giống như Paris thu nhỏ, những nét kiến trúc ấy, nhỏ hơn, đơn giản hơn, cái nét lãng mạn kiểu Pháp ướp lên hồn Tràng An nhẹ nhàng, giản dị. Có nhiều góc phố rất đặc trưng kiểu Pháp, nhưng tôi thích đoạn Tràng Tiền đi dọc lên Nhà hát lớn, đi dạo ở đây, vừa thấm đẫm sương lạnh Hồ Hoàn Kiếm lại như nghe đâu đây tiếng sóng sông Hồng rì rào phía xa xa, vừa tráng lệ Tràng Tiền, rộng rãi Ngô Quyền lại nhỏ nhắn những Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Nguyễn Khắc Cần. Và Nhà Hát Lớn hiện ra, giữa ngã tư, ngã năm rộng lớn, đủ khoảng trống để ta thấy hết cái đẹp của nó.

Nhà Hát Lớn, nếu so với bản mẫu của nó ở Paris thì có lẽ chỉ nên gọi là Nhà Hát Nhỏ nhưng tôi rất thích gọi ba tiếng “Nhà Hát Lớn”, trong nó dường như có cả sự khiêm nhường xen lẫn niềm tự hào của một dân tộc. Với tôi chỉ như thế cũng là lớn rồi, nó nhỏ nhưng đủ để người ta phải ngược nhìn, trân trọng.

Dĩ nhiên, tôi không để niềm tự hào ấy lấn át hết cảm giác thích thú của mình khi lần đầu đến Opéra de Paris, nhà hát quốc gia. Nhà hát Opéra de Paris cực kỳ tráng lệ và cổ kính sẽ khiến bạn đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, từ tầm vóc và kiến trúc bên ngoài của nhà hát cho đến nội thất bên trong với cầu thang vòm cuốn, đèn, rèm mang dáng dấp của một cung điện, một học viện nghệ thuật thời xa xưa.

Tôi đến đứng bên ngoài ngắm Nhà hát Opéra nhiều lần nhưng mới chỉ vào bên trong một lần duy nhất. Và nhớ mãi.

Hồi ấy tôi chuyển đến làm cho một công ty chuyên về năng lượng sạch. Công ty đang trong thời kỳ phát triển bùng nổ, tuyển hàng loạt nhân viên mới và mua nhiều công ty nhỏ ở Mỹ hay các nước châu Âu.

Đầu năm, để chào đón hàng loạt sự kiện và cũng là để nhân viên của các công ty con trên thế giới gặp mặt làm quen, họ tổ chức nhiều hoạt động

văn hóa, du lịch ở Paris. Xem một vở hài kịch ở nhà hát quốc gia là một trong những hoạt động ấy. Vở hài kịch ngắn, vui nhộn trong một khung cảnh tráng lệ khiến mọi người đều ấn tượng. Khi kết thúc, tổng giám đốc tuyên bố bắt đầu một cuộc thi bất ngờ: thi hùng biện. Mỗi người sẽ phải bốc thăm một chủ đề đơn giản: cái kính, cái khăn, nụ cười, mái tóc... Có ba phút chuẩn bị, để rồi nói một bài về chủ đề ấy, phải dí dỏm vui vẻ nhưng cũng phải đồng thời giới thiệu về mình để mọi người làm quen. Ai cũng thi và tất cả mọi người cho điểm.

Tôi đã từng hùng biện khi còn là sinh viên ở Việt Nam trong một cuộc thi lớn của các trường đại học. Tôi thậm chí đã nói trước cả ngàn người và trước ống kính camera truyền hình trực tiếp. Nhưng đó là nói bằng tiếng Việt. Còn ở đây, tôi phải nói bằng tiếng Anh, phải thi với những người đến từ Anh, Mỹ và cả không ít nhân viên người Pháp đã từng làm việc nhiều năm ở London hay New York. Họ đều xuất phát từ các trường đại học danh tiếng của châu Âu và không hề xa lạ với việc hùng biện hay thuyết trình ngẫu hứng. Nhưng không sao, tôi sẽ cố gắng hết mình.

“Nụ cười” là chủ đề mà tôi bốc thăm được, quả thật rất hợp với tôi. Tôi nở một nụ cười thật tươi. Ở dưới mọi người cũng cười theo và tôi nghe thấy tiếng xì xào “Im lặng, để xem anh 'Trung Quốc' làm tài chính suốt ngày cắm đầu vào số má này nói năng thế nào nào.” Tôi nhắm mắt lại, hít một hơi dài rồi ngẩng cao đầu tự tin bước tới micro và bắt đầu ngay, một cách ngẫu hứng. Tôi sẽ chép lại nguyên văn nội dung bài “hùng biện” đó của tôi, bởi tôi thấy nó phù hợp, bởi nó tóm tắt một phần câu chuyện du học của tôi, và cả những gì tôi muốn nói với bạn qua cuốn sách này:

“Chào mọi người, tôi sẽ nói gì về mình nhỉ. Không khó để thấy tôi là người châu Á, cái mắt cái mũi, ngữ điệu (accent) tiếng Anh của tôi khẳng định điều đó và đặc biệt là nụ cười. Tôi biết các bạn thường để ý đến nụ cười của người châu Á, tự hỏi tại sao người châu Á hay cười, và khi cười cặp mắt đã nhỏ của họ lại càng nhỏ hơn, chả nhìn thấy thế giới nữa, thế mà vẫn hay cười. Rồi tôi sẽ trở lại nói về nụ cười ấy.

Nhưng có một điều tôi muốn nói đến trước tiên: tôi là người Việt Nam, không phải người Trung Quốc, và tôi tự hào vì điều đó. Có một xu

hướng chung ở Pháp và ở nhiều nước châu Âu là mọi người thường nghiêm nhiên quy đồng mọi thứ liên quan đến châu Á với Trung Quốc. Ngày Tết Trung quốc, quận của người Trung Quốc và khi trước mặt bạn là một người châu Á, nếu chưa có điều kiện nói chuyện, bạn sẽ thầm nghĩ trong đầu: “người Trung Quốc”. Điều ấy dễ hiểu nếu nhìn vào lượng người Trung Quốc trên toàn thế giới này. Đến nỗi con gái tôi mới ba tuổi đã bảo “Bố mẹ có đẻ thêm em bé nữa không? Nếu có thì chỉ đẻ thêm ba em nữa thôi nhé. Tại vì đứa thứ năm sẽ là người Trung Quốc đấy ạ. Cô giáo con bảo trên thế giới này, cứ năm người thì sẽ có một là người Trung Quốc ạ”. Còn tôi muốn nói với các bạn “Nếu bạn đã gặp bốn người châu Á, đều là người Trung Quốc cả, thì rất có thể, người thứ năm sẽ là tôi - một người Việt Nam. Chúng tôi, như các bạn, tự hào về nguồn gốc và nền văn hóa của mình, là rất riêng, là chỉ có một, xin hãy tôn trọng điều đó.”

Bây giờ thì tôi quay trở lại với nụ cười. Nụ cười thường trực trên môi người châu Á mà nhiều khi khiến bạn bức mình, không hiểu mình có mặc áo trái hay mặt mình có nhọ không mà thấy mặt mình là nó nhe răng ra cười, hoặc nó khoái chí vì làm gì “xỏ lá” mà mình không biết. Như người Paris thường nói “Người Trung Quốc cười vì chỉ có họ mới biết đã cho những gì vào trong cái nem bán cho mình ăn”. Thưa, lại nhầm nữa, nem là món đặc sản của Việt Nam đấy ạ! Nhưng tôi hiểu nỗi bức mình của bạn khi vào một nhà hàng châu Á, thấy anh bồi bàn đứng ở cửa, cười rất tươi “Xin chào, mời vào, cảm ơn”. Như thế thì bình thường, nhưng khi tìm mãi không có bàn trống, bạn quay lại hỏi, anh ta vẫn cười và bảo “Tất nhiên, mời vào, cảm ơn” và khi bạn đã phát cáu lên “Chết tiệt, thay vì cảm ơn hãy tìm cho tôi một chỗ ngồi” mà anh ta vẫn cười, vẫn cảm ơn thì quả là bức mình lắm.

Bạn có để ý rằng giữa những người châu Á họ thường ít cười hơn. Nếu bạn nhìn một nhóm người du lịch châu Á đứng nói chuyện với nhau thì họ không chỉ cười và cảm ơn nhau suốt ngày đâu. Thế thì tại sao họ hay cười với bạn thế?

Tôi chưa có điều kiện hỏi hết những người châu Á khác ở Paris, tôi sẽ chỉ kể cho bạn vài câu chuyện của tôi thôi nhé và bạn sẽ thử nghĩ xem tại sao tôi hay cười.

Tôi nhớ lúc mới sang du học ở Paris, chúng tôi phải đi sở cảnh sát để làm thẻ cư trú. Chắc các bạn đồng ý với tôi rằng đi làm giấy tờ ở Pháp là phải xếp hàng, tất nhiên thôi, đến đi ăn, đi cắt tóc còn xếp hàng nữa là các dịch vụ hành chính. Nhưng tôi đảm bảo với bạn rằng cái phòng làm thẻ cư trú cho người nước ngoài ở sở cảnh sát chắc chắn là nơi mà người ta phải chờ nhiều nhất. Có khi vào mùa đông, tôi chờ từ tối hôm trước, ngủ ngoài trời, đến trưa hôm sau vào đến cửa, chỗ phát vé vào làm thủ tục thì người ta bảo “ôi tiếc quá, vừa phát cái vé cuối cùng rồi, anh vui lòng về nhé, mai quay lại”. Thật ra thì tôi không muốn cười đâu.

Rồi đến hôm vào được bên trong, người ta bảo muốn làm thẻ cư trú thì phải chứng minh tài chính, tức là phải có tài khoản ngân hàng tại Pháp, đi mở tài khoản đi, mai quay lại nhé. Đến ngân hàng, người ta bảo “Muốn mở tài khoản ngân hàng thì phải có thẻ cư trú dài hạn, chứ ai mở tài khoản cho mấy anh đi du lịch, hay sinh viên chưa có thẻ cư trú. Đến sở cảnh sát lấy thẻ rồi quay lại đây” Lúc ấy tôi cũng chả muốn cười. Nhưng tôi đã thức trắng đêm, lại vào sở cảnh sát, tiếng Pháp không nói được nhiều, cô cảnh sát thì chẳng thích nói tiếng Anh, tôi lại không muốn làm mất lòng cô, thì tôi còn làm gì nữa? Tôi chỉ biết cười thôi, ánh mắt năn nỉ và luôn miệng “cảm ơn”, “làm ơn”.

Anh bồi bàn mà bạn gặp lúc nãy, thật ra chính là tôi, tôi đi làm thêm để lấy tiền đi học. Tôi chỉ làm nhiệm vụ bưng đồ thôi, tôi đứng đấy chờ chủ gọi thì chạy đi bưng đồ, tôi vừa bắt đầu học tiếng Pháp, tôi không hiểu những gì bạn nói, tôi không nói được gì nhiều, thế thì bạn sẽ bực mình, chẳng nào bạn cũng bực mình, thôi thì tôi cười, tôi cảm ơn để ít ra bạn không thể nói là tôi nhàn nhó hay tôi vô lễ, để ông chủ không bực mình mà đuổi tôi.

Rồi tôi đi học cao học ngành Tài chính, mà tiếng Pháp tôi vẫn còn kém, tôi phải mượn vở bạn bè để photo lại, thì tôi cười để bạn vui lòng cho tôi mượn, nghe giảng mà không hiểu thì tôi muốn hỏi lại, trước khi hỏi thì tôi cười để giáo viên khỏi khó chịu vì câu hỏi không được diễn đạt trôi chảy của tôi.

Đến khi tôi đi xin việc, tôi nói tiếng Pháp tốt rồi nhưng không thể tốt bằng những người Pháp đang cạnh tranh với tôi. Tuyển một người nước ngoài thì công ty, theo luật của nhà nước, phải giải trình với sở lao động lý do tuyển dụng người nước ngoài, trong khi người Pháp còn đang thất nghiệp đầy ra kia, công ty phải nộp phạt, phải chờ sáu tháng làm đủ thủ tục mới nhận được tôi vào. Thế thì ngoài những khả năng, nỗ lực của mình tôi đã chứng tỏ hết cả, tôi còn gì nữa, còn có nụ cười thôi, tôi chả tiếc. Coi như là phần thưởng, là lời cảm ơn cho người tuyển dụng đã dũng cảm nhận tôi. Chỉ riêng việc người ấy, không phân biệt tôi là người nước ngoài, gọi tôi đến và cho tôi một cơ hội thì cũng đáng để tôi cảm ơn. Và tôi hài lòng, biết rằng cuộc đời này công bằng, rằng xã hội này phát triển thì không có chỗ cho phân biệt đối xử, vẫn có rất nhiều người tốt, cuộc đời vẫn đền đáp cho những người biết cố gắng, vẫn còn mỉm cười với tôi, thế thì hiển nhiên là tôi sẽ nở nụ cười.

Và bây giờ, tôi đứng trước mặt các bạn, tôi hài lòng lắm. Tôi được nghe các bạn tự kể về mình, ai cũng dí dỏm thông minh khiến tôi cười không ngớt. Tôi có cơ hội được chia sẻ chút tình cảm, văn hóa, học thức, nhất là chia sẻ tấm lòng của tôi thì chắc chắn là tôi rất vui. Những lúc khó khăn tôi sẽ cười để lòng nhẹ nhõm, để có niềm tin vào ngày mai, khi an lành thì hiển nhiên tôi sẽ hài lòng, và tôi muốn chia sẻ niềm yêu đời, yêu cuộc sống với tất cả mọi người. Các bạn thấy không, có bao nhiêu lý do để tôi cười.

Tôi kể với các bạn một câu chuyện nhỏ về nụ cười, để các bạn cười và tôi cũng cười, nhưng cũng để các bạn, nếu ai còn chưa biết, thì biết rằng đằng sau một nụ cười đôi khi là những câu chuyện về một cuộc đời, một nền văn hóa, đôi khi là nỗi đau và những giọt nước mắt. Với tôi, nụ cười là sự sẻ chia, là lời cảm ơn cuộc sống và là biểu tượng của niềm tin. Hãy cười với tôi nào. Xin cảm ơn.”

Bài hùng biện ấy của tôi, hãy đoán xem, có được đón nhận nồng nhiệt không?

Tôi đạt điểm trung bình 9,8/10, y như luận văn tốt nghiệp đại học ngày xưa và giành giải nhất, tất nhiên chỉ là giải phong trào thôi. Chẳng rõ mọi

người có “nhân nhượng” chấm điểm cao cho tôi vì tôi “kể khổ” trong bài hùng biện hay không, nhưng ông Tổng giám đốc, sau này bảo tôi “Chưa bao giờ tôi được nghe cái gì thú vị như thế, chỉ mấy phút mà tóm tắt một quãng đời gian khó, biết cả xuất xứ, quốc tịch đến gia đình con cái. Có cả niềm tự hào dân tộc lẫn quan điểm sống. Vừa chỉ trích lại ca ngợi cái dở cái hay của xã hội. Và nhất là làm mọi người cười mà khóe mắt cay cay.”

Không hiểu sao tôi rất có “duyên” với những bài hùng biện và thường phải nói trước đám đông. Trước đây khi học đại học, tôi tham gia đội tuyển SV 96 của trường tôi. Trong trận chung kết, tôi đã hùng biện và trả lời các câu hỏi trước cả ngàn người và trước máy quay truyền hình trực tiếp. Sau này sang Pháp, tôi cũng là người dẫn chương trình cho các buổi biểu diễn của sinh viên, cho đêm nhạc của nhóm chúng tôi hay cho đám cưới của bạn bè.

Bạn có thể không cần, không phải tham dự thi hùng biện, không muốn làm người dẫn chương trình hay hoạt náo viên, nhưng bạn chắc chắn phải đối mặt với những cuộc phỏng vấn, phải trình bày một phần nào đó trong buổi họp ở công ty, phải bảo vệ luận văn tốt nghiệp hay chỉ đơn giản là tranh luận một vấn đề với bạn bè, đồng nghiệp, đó đều là những bài hùng biện, thuyết trình nho nhỏ.

Nhất là ở nước ngoài, từ trường học đến công ty, người ta rất hay yêu cầu bạn phải nói, phải diễn thuyết trước mặt mọi người. Điều này thì người châu Âu làm rất tốt, từ cách giáo dục đến đặc điểm cộng đồng khiến họ có sự tự tin trong giao tiếp và những kiến thức văn hóa xã hội tiếp cho họ thêm sức mạnh.

Các bạn có thể không tin: Xuất phát điểm của tôi là một người vô cùng nhút nhát. Nhát đến nỗi hồi cấp ba nếu phải lên phát biểu trước lớp thì ống quần tôi dù rất rộng cũng rung bần bật như cờ bay trước gió. Ngay cả khi học đại học, khi ngồi ở một quán ăn với bạn bè trường tôi và một trường đại học khác, phải phát biểu mấy câu và bị mọi người đề nghị đọc mấy câu thơ, tôi còn đứng không vững, vừa nói vừa bám vào bàn khiến bát đĩa trên bàn rung và kêu leng keng như có động đất nhẹ, ai cũng phải buồn cười.

Tôi biết là rất nhiều bạn cũng gặp không ít khó khăn khi phải đối mặt với những tình huống như thế, và tôi muốn chia sẻ cách tôi chiến thắng sự nhút nhát và sợ hãi của bản thân, kinh nghiệm của tôi để làm tốt phần “phát biểu” của mình:

Quan trọng nhất là sự chuẩn bị. Tùy theo thời gian có ít hay có nhiều mà tôi có cách chuẩn bị khác nhau. Nếu có nhiều thời gian, tôi thường viết ra những ý chính mình sẽ nói, chú ý đến trình tự logic và thời gian của từng điểm, rồi ghi nhớ. Chỉ viết gạch đầu dòng thôi, những thứ quan trọng nhất, không viết toàn bộ câu chữ để dành chỗ cho sự ngẫu hứng, tránh tình trạng diễn thuyết một cách vô hồn. Tất nhiên đây là nếu bạn có “khẩu ngữ” tốt, có thể ứng đáp nhanh nhẹn và tìm từ chuẩn khi nói. Nếu không thì viết ra hết, học thuộc. Đọc trên giấy thì vẫn tốt hơn là đứng im không biết nói gì hoặc luôn thêm các đoạn “ờ...” sau mỗi cụm từ. Nếu không đủ thời gian thì tôi viết rất nhanh các ý chính, vạch ra trong đầu những gì sẽ nói. Cái cốt lõi là câu mở đầu và trình tự: cái gì nói trước, cái gì nói sau. Nếu bạn đã nói câu mở đầu tốt, thường thì sau đó sẽ thuận lợi và ngược lại. Còn sắp xếp trình tự những ý sẽ nói giúp bạn tránh sự trùng lặp, lúng túng và thiếu chặt chẽ trong lập luận. Cách thức và sự nghiêm túc trong việc chuẩn bị tỷ lệ thuận với sự thành công và sự tự tin khi nói. Tôi không coi thường một câu nói nào cả, ngay cả bây giờ, khi đã có thể nói rất tốt và không nhút nhát nữa, nhiều khi chỉ phải đến gặp ai để nói một câu gì đó, tôi cũng nghĩ trước xem mình sẽ nói gì và nói như thế nào. Không phải ngẫu nhiên mà người ta bảo “uốn lưỡi bảy lần mới nói.” Việc bạn chuẩn bị để nói tốt từng câu trong đời thường là tiền đề để bạn có thể thuyết trình hàng tiếng đồng hồ mà không sợ vấp vấp.

Sự tập trung cũng là yếu tố then chốt. Trước bài diễn thuyết của mình, tôi thường tìm một chỗ yên tĩnh, nhắm mắt lại, hít thật sâu. Chỉ cần vài giây, có khi là vài phút. Nếu có ít thời gian thì khâu chuẩn bị của tôi được làm luôn. Trong khi nói cũng cần sự tập trung cao độ. Khi đang nói một câu, tôi đã nghĩ đến câu sau mình sắp nói. Thường thì tôi nhìn thấy những gì mình sắp nói hiện ra trước mắt. Tập trung cũng là cách bạn vượt qua sự sợ hãi, nhút nhát lúc ban đầu. Nếu như bạn còn run trong khi nói thì nên

chọn một vật gì đó để nhìn, để không bị bối rối vì ánh mắt hay cái nhìn mặt của ai đó. Nhưng như vậy thì không được lịch sự lắm. Người nói phải có sự trao đổi ánh mắt với người nghe, dù chỉ là hình thức. Vì thế điểm bạn chọn không nên ở gần bạn quá, khiến đầu bạn cúi gằm hay mắt luôn nhìn xuống. Trước đây tôi hay chọn một điểm ở cuối phòng, và khi cần tôi nhìn vào đó, nhìn mà không nhìn. Nhìn để tránh bị phân tâm bởi những “nháo nhác” xung quanh, không nhìn chòng chọc vào đó để không lộ ra là mình không nhìn người nghe, để không trở nên cứng nhắc. Dần dần, tự tin hơn, tôi bắt đầu thực sự nhìn “khán giả” của mình, nhìn một cách có chọn lọc, tức là chỉ nhìn những ai tỏ ra hứng thú và tập trung, điều đó tiếp thêm cho bạn sức mạnh. Rồi thì tôi nhìn tất cả mọi người.

Để một bài “diễn thuyết” trở nên hấp dẫn và có hồn, hãy làm cho nó trở nên hóm hỉnh, hài hước một chút (nhưng đừng quá đà thành trò lố bịch). Nụ cười luôn được đón nhận, ở bất cứ đâu, ngay cả trong một buổi họp của các nguyên thủ quốc gia. Nói một câu dí dỏm không khó, chỉ thay đổi thêm bớt vài từ, hoặc nói đến những thứ đơn giản mà mọi người không để ý đến, khiến họ bị bất ngờ là đã làm người nghe thấy cuốn hút. Tôi cũng thường cố gắng “cài” vào bài “diễn thuyết” của mình sự quan tâm của tôi đến người nghe, khán giả. Tôi điều chỉnh “nhịp độ” của tôi theo thái độ của người nghe và tôi nói với họ điều đó, kiểu như “Tôi vừa nhìn thấy một vài ánh mắt có ý 'thúc giục' của các bạn (mỉm cười), và tôi sẽ 'tăng tốc' nhé, nếu tôi nói nhanh quá, hãy ra hiệu cho tôi, cảm ơn các bạn.” Một câu đó vừa thể hiện sự quan tâm của tôi, vừa là lời nhắc nhở những ai không tập trung. Vậy thôi, những yếu tố quan trọng để bài diễn thuyết của tôi thành công thường nhờ vào mấy điều này. Tất nhiên với điều kiện là ta phải nắm rõ chủ đề của mình, có kiến thức chắc chắn về những gì ta nói, vì có thể còn phải trả lời các câu hỏi nữa. Kiến thức mở về xã hội và các vấn đề thời sự cũng là những điểm nhấn thêm, khiến những gì bạn nói trở nên sinh động với người nghe.

Les Champs Elysées: Thay Cho Lời Kết: Khi Cuộc Sống Là (một/những) Con Đường



Đại lộ Champs Elysées luôn náo nhiệt. (Ảnh: Tác giả)

Vậy là bạn đã đi cùng tôi gần hết hành trình rồi nhé! Đã cùng nhau đi ít nhất là một quãng đường, rồi đến ngã rẽ, hoặc có thể đi tiếp chút nữa hoặc mỗi người lại đi một ngã. Có thể, lúc nào đó, đường của bạn lại giao với đường của tôi, lại gặp nhau, lại đi cùng một đoạn, hoặc chỉ kịp nhìn nhau cười một cái, hoặc chẳng bao giờ gặp lại nữa. Đôi khi cũng tùy vào duyên số hay định mệnh, nếu bạn tin vậy, nhưng nếu tôi không nhầm thì bạn luôn có thể tự mình chọn lựa và quyết định. Giống như cuốn sách nhỏ

này, bạn có thể tình cờ nhìn thấy trên một giá sách nào đó, hoặc ai đó vô tình làm rơi xuống chân bạn, hoặc bạn bè giới thiệu hoặc là tôi gửi cho bạn với lời đề tặng chân thành.

Dù thế nào đi nữa, bạn cũng có quyền lựa chọn và quyết định. Cầm nó hay không cầm nó, cầm rồi thì đọc hay không đọc, đọc rồi thì đọc tiếp hay cất vào một góc. Bạn chỉ không có quyền lựa chọn nếu như tôi không quyết định viết nó ra và xuất bản nó. Bởi vì tôi đã từng có lựa chọn: viết hay không viết, xuất bản hay không xuất bản, và rồi tôi đã quyết định. Cuộc sống, suy cho cùng, là một chuỗi những lựa chọn, quyết định như thế. Khi có lựa chọn thì ta phải quyết định, quyết định này lại đưa đến những lựa chọn khác, quyết định của người này lại đưa đến lựa chọn cho người khác... Cuộc sống của mỗi người cũng giống như một dòng sông, một con đường: có bắt đầu, có kết thúc, có những ngã rẽ, có những vòng cua (có khi rất gấp, ngoặt hẳn đi một hướng khác, thậm chí quay ngược lại) nhưng thường thì ai cũng mãi miết tiến lên. Có lúc bạn lùi, có lúc bạn rẽ, mỗi người một tốc độ nhanh chậm khác nhau. Có vẻ như, chỉ có cái kết là ta ít khi chọn lựa hoặc quyết định được theo ý mình.

Bỗng dưng muốn... viết.

Thật ra tôi đã bắt đầu viết những dòng đầu tiên của cuốn sách này từ lâu lắm rồi. Tôi không lựa chọn, đắn đo “Viết hay không viết?” Chỉ đơn giản, một ngày tôi bỗng muốn viết vài điều về Paris, về cuộc sống, về tôi. Vậy là tôi viết. Tôi viết lung tung, dang dở, mỗi nơi một chút, không có cấu trúc trình tự nào cả. Tôi chỉ nghĩ viết cho mình, nghĩ rằng mãi mãi chỉ có tôi đọc, như rất nhiều những thứ khác, những văn, những thơ, những nhạc tôi đã viết ra. Có xuất bản hay không, tôi chưa từng nghĩ đến.

Nhưng đến một ngày về thăm Hà Nội, vui mừng vì những đổi thay của Hà Nội, đau đốn vì những mất mát của Hà Nội, trăn trở muốn đóng góp cho Hà Nội, tôi viết cái gì đó tâm huyết lắm, đăng lên facebook có bốn chục người “like”. Thế là “kỷ lục” của tôi rồi, vì tôi ít khi dùng facebook, ít bạn bè trên đó. Họ đều là những người bạn thật sự của tôi. Các bạn của tôi, cũng như tôi, không dành nhiều thời gian cho “mạng xã hội” mà không thật sự thể hiện đúng xã hội ấy. Tôi chợt nghĩ rằng giá như nhiều người đọc

những gì mình viết hơn thì có lẽ tôi làm được điều gì đó tích cực hơn cho cuộc sống này.

Hay một ngày tôi viết một bài thơ, chị tôi tình cờ đọc rồi bảo “Mình không ngờ em trai mình lại văn thơ lai láng như thế đâu nhé!” Tôi giật mình. Chị em thân nhau đến thế, tuy 15 năm gần đây xa cách về địa lý nhưng chẳng có chuyện gì không nói với nhau, mấy chục năm nay vẫn luôn như thế. Thế mà chị còn chưa biết hết về tôi, về tính cách, sở thích của tôi. Tôi chợt nhớ đến những bài thơ tôi viết tặng mẹ, tặng ba mà ba mẹ tôi chưa bao giờ được đọc, chợt nghĩ rằng sống tình cảm mà không thể hiện ra thì uổng phí tình cảm, có tình cảm mà chỉ thể hiện qua ánh mắt cử chỉ, không viết ra, nói ra thì đôi khi cũng là không đủ. Sống mà người thân của mình còn không biết hết về mình có lẽ là sống chưa hết mình.

Còn một người nữa mà tôi phải đặc biệt cảm ơn, nếu như cuốn sách này đến tay bạn, là bố vợ tôi. Ông là người sống phúc hậu, lành mạnh, chăm chỉ làm việc, giúp đỡ mọi người, cả đời cặm cụi lo cho gia đình, cho con, cho cháu. Tôi có may mắn được sống cùng với bố mẹ vợ nhiều, vì vợ chồng tôi từ khi định cư ở Pháp, năm nào bố mẹ vợ tôi cũng sang ở với chúng tôi ít thì ba tháng, lâu thì nửa năm. Lúc là sang thăm, giúp đỡ chúng tôi, khi thì là nghỉ ngơi, đi du lịch nhưng lúc nào ông cũng thế. Lúc nào cũng là tấm gương nhân hậu, chăm chỉ lao động, hết mình với mọi người để chúng tôi soi vào.

Thế mà thật đột ngột, ông mất. Ông mất khi mới 70 tuổi, trước đó không bệnh tật, ốm đau, không tai nạn. Ông mất vì căn bệnh ung thư máu, mất nhanh đến nỗi vừa nghe tin ông vào viện, chúng tôi đã đặt vé máy bay ngay trong đêm, để sáng lên máy bay quay về, vậy mà về không kịp. Giống như Trịnh Công Sơn từng viết “Sống thì có hẹn hò hôm nay, ngày mai. Chết thì chẳng bao giờ có cuộc hẹn hò nào trước.” Ông mất thanh thản, nhẹ nhàng như người đi ngủ rồi không dậy nữa. Nhưng tôi biết ông còn rất nhiều điều muốn nói, muốn chia sẻ với vợ, với các con, các cháu mà không kịp. Bao nhiêu năm, ông dạy bảo tôi nhiều thứ, những lẽ sống, những cách cư xử ở đời, lúc mất, cái chết của ông dạy tôi thêm ít nhất một điều: “Những lời yêu thương chân thành ấy, nếu còn chưa nói, hôm nay hãy nói

đi, đừng để mai, có khi không kịp. Những dự án, những công việc ta đã bắt đầu hay chỉ vừa có ý tưởng, nếu thấy có ích, nếu lòng ta thấy có ý nghĩa, dù chỉ với một người, hãy làm đi, làm ngay bây giờ, lát nữa có lẽ đã là quá muộn.”

Và tôi nghĩ đến ba mẹ tôi, những người đã cho tôi cuộc sống, dạy dỗ tôi thành người. Ba mẹ sẽ khó hình dung hết được tình yêu và sự kính trọng của tôi dành cho họ và tôi sẽ khó kể hết bằng lời cuộc hành trình của mình cũng như nỗi trăn trở của một người con vẫn luôn ôm trong lòng lời hứa “Ba mẹ ơi, rồi con sẽ chiến thắng trở về.”

Và thế là tôi viết, viết như chưa từng được viết, vừa làm việc công ty vừa viết, vừa nấu cơm, trông con vừa viết, vừa ngủ vừa viết, viết nốt những gì còn dang dở, viết luôn những gì vừa ập đến trong đầu. Trong một tháng tôi viết hơn ba trăm trang. Viết rồi sửa, sửa rồi lại viết tiếp. Viết để hoàn thành một công việc mà tôi nghĩ rằng nên làm, để có thể chia sẻ với bạn chút kiến thức, kinh nghiệm hạn chế, có thể với cả những nhầm lẫn sai sót, viết để chia sẻ những suy nghĩ có thể là nông hẹp của tôi. Viết để các lứa du học sinh sau này có thể thêm vào hành trang của mình vài lời khuyên bổ ích, hay chỉ đơn giản là sự đồng cảm của một kẻ xa quê.

Nhiều người có thể đồng tình, có thể phản đối, có thể lãnh đạm, nhưng ít nhất sẽ có ai đó cảm nhận được chút gì tích cực, rút ra được cho mình một lời khuyên, để sống đẹp hơn, có ích hơn. Viết để tri ân những tấm chân tình cả đời tôi đáp lại cũng không đủ, viết để dù sau này không ai còn muốn nhắc đến cuốn sách này, con cháu tôi có thể đọc nó mà nói với nhau rằng “cha ông ta đã từng sống như thế, từng nghĩ như thế”.

Trở lại điểm khởi đầu.

Tôi đã bắt đầu câu chuyện này ở Khải Hoàn Môn, cổng chào chiến thắng của người Pháp, nhưng lúc ấy tôi chưa chiến thắng gì cả (bây giờ cũng thế), tôi chỉ vừa mới bắt đầu một chặng đường, một quãng đường của cuộc đời tôi. Cũng như Khải Hoàn Môn là sự khởi đầu cho đại lộ Champs Elysée, đại lộ được coi là đẹp, là lộng lẫy nhất châu Âu, nhất thế giới, nhưng cũng đơn giản là một đoạn đường như trăm ngàn đoạn đường khác.

Đại lộ luôn sáng rực cả ngày lẫn đêm bởi các quán cà phê, cửa hàng, các phòng trưng bày, nơi bạn “muốn mua gì cũng có” như nhiều người Paris tự hào. Đại lộ của cuộc duyệt binh mỗi năm vào ngày quốc khánh, những đoàn người xe, bắt đầu từ phía Khải Hoàn Môn xuống đến quảng trường Concorde (sát vườn Tuileries), của những đêm hội mừng chiến thắng của bất kỳ đoàn quân nào chiến thắng trở về. Đại lộ của tình yêu, của những mối tình lãng mạn đêm Valentin, hay của lung linh mỗi năm hàng trăm ngàn ngọn đèn trang trí và thắp sáng mừng Noel và năm mới từ đầu tháng Mười hai đến giữa tháng Một năm sau.

Đại lộ của “thế giới ẩm thực”, của những nhà hàng sang trọng mở đầu đêm, nơi có những “quý ông, quý bà” tiệc tùng và có cả những “quý ông, quý bà” say sưa làm việc, phục vụ.

Đại lộ thơ mộng trên “bờ phải” của Paris, chạy song song với dòng sông Seine thơ mộng. Đại lộ của những tòa nhà là trung tâm bán hàng cho các hãng nổi tiếng, như Chanel, Louis Vuitton, nơi hàng đoàn người mà trong số đó hơn 2/3 là người châu Á nhẩn nại xếp hàng, trong số ấy có vô khối những người không thể có khả năng mua cho họ một cái túi vài ngàn đô-la, chỉ xếp hàng thuê kiếm vài đồng bạc lẻ, và trong khi xếp hàng đã có thể kịp thì thầm “Mẹ ơi, Tết này con không về”. Đại lộ mà từ đó, ở mỗi góc phố khuất nhà, bạn có thể nhìn thấy “khối sắt” Eiffel hùng vĩ, kiêu hãnh và rất có hồn. Đại lộ mà mỗi người khách du lịch lần đầu đặt chân đến, có tôn giáo hay không theo tôn giáo, có đi nhà thờ hay không đi nhà thờ, đều cảm thấy như là “cơ duyên” trời định, đều thầm cảm ơn “số phận” của mình (trừ một người, ít nhất là một người). Đại lộ rộng lớn và kéo dài, tấp nập không chỉ bên trên mà bên dưới lòng đất là rất nhiều ga tàu, đường tàu qua lại giao nhau nhằng nhịt, nơi mà những cuộc đời vội vã hay tĩnh lặng, bắt đầu hay kết thúc một chuyến đi, một cuộc hành trình và rất nhiều thứ khác.

Và một câu chuyện nhỏ cuối cùng.

Có một câu chuyện nữa tôi còn chưa kể với bạn, cũng là một kỷ niệm khó quên của tôi với đại lộ Champs Elysées. Hôm ấy, mới chỉ vài ngày sau khi tôi gặp em lần đầu, dù bị “sét đánh” cháy khét, tôi với em vẫn chỉ là hai người bạn mới gặp. Đêm ấy là tết Tây, ban nhạc chúng tôi tổ chức đêm

nhạc sinh viên trong Đại sứ quán Việt Nam, tất nhiên tôi mời em tới dự. Kết thúc buổi diễn đã muộn lắm, quá nửa đêm, nghĩ sẽ không còn kịp tàu để về nhà tôi (ở ngoại ô), cả nhóm định lên tàu điện ngầm đi về nhà một anh bạn trong nhóm, gần trung tâm để ngủ tạm. Trên tàu vắng người, còn chúng tôi đang lâng lâng vì chút rượu năm mới uống sau đêm diễn, cao hứng, chúng tôi chơi đàn guitar và hát ngay trên tàu điện ngầm, át cả tiếng tàu chạy, phải nói là lúc ấy chúng tôi cao hứng lắm. Dân chúng hò reo cổ vũ nhiệt tình. Tôi vừa hát vừa nhìn em, cảm hứng dâng trào không cầm được lòng mình, tôi nắm lấy tay em, thật chặt, thấy đôi mắt em vừa ngượng ngịu bẽn lén vừa ánh lên nét tự hào. Tàu đi qua ngay dưới đường Champs Elysées, gần Khải Hoàn Môn. Chúng tôi không hề biết lúc ấy, ở ngay phía trên, vừa có bắn pháo hoa và hàng triệu người tập trung trên đường để xem. Pháo hoa xong thì đột ngột trời mưa to như có bão. Bao nhiêu con người ấy hốt hoảng, ai cũng chạy xuống tàu điện ngầm, thành ra chen lấn xô đẩy nhau, cảnh tượng hết sức hỗn loạn. Nhưng chúng tôi chưa biết, vẫn còn đang đàn hát say sưa. Tàu vào bến, chưa ai kịp nói câu nào đã tràn vào cơ man nào là người. Phần lớn do sợ hãi, hoảng hốt, nhiều đám trẻ quậy phá nhân cơ hội đó kích động, đập phá, dẫm đạp. Tôi chỉ kịp hô mọi người cẩn thận, đứng dồn vào một góc tàu, ba cô gái cho đứng vào trong còn ba gã trai chúng tôi tạo thành một vòng tròn che chắn. Nhưng chắn không nổi, cả trăm cả ngàn người xô đẩy, chèn ép. Lũ thanh niên phá phách thấy chúng tôi thấp bé mà đòi “ga lăng” nên ngửa mặt, chúng nhảy đè cả lên vai, lên lưng chúng tôi. Tôi khỏe còn chịu được, hai cậu kia đuối dần, đến một lúc nào đó thấy không thể trụ thêm được nữa, tôi quyết định phải thoát ra khỏi toa tàu, thà đi bộ về dưới mưa còn hơn chết ngạt. Tôi bảo cả hội, rồi bắt đầu đi giật lùi, lấy sức của mình mà xô đám kia ra, hai tay ôm theo em, mở đường cho cả nhóm xông ra ngoài. Lũ thanh niên kia, có lẽ tức giận vì bị tôi xô ra, mượn tình hình để phá đám, thi nhau đập lên tay, lên lưng tôi và cả em nữa. Một khoảnh khắc, tôi kéo nhanh quá, em bị trượt chân, ngã xuống. Giữa đám người xô lấn, tay em tuột ra khỏi tay tôi, tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt em, nhìn tôi cầu cứu, hốt hoảng cực độ. Rồi đám người ào lên.

Tôi gầm lên một tiếng, có lẽ đời tôi chưa bao giờ gầm to đến thế, bình thường tôi hét đã to lắm, át cả tiếng loa đài, đi diễn đi hát nhiều khi không cần micro, nhưng lúc ấy tôi gầm lên, có lẽ sự tử gầm cũng chỉ đến thế thôi. Tôi gạt đám người ra, xốc em đứng dậy, chẳng biết bằng cách nào lôi được em và cả nhóm ra ngoài. Lũ thanh niên kia còn lao theo ra chửi bới đòi đánh chúng tôi. Tôi đẩy cả nhóm sang một bên rồi giật cây đàn trên tay cậu em, quay lại nói một câu: “Đứa nào xuống đây, xuống luôn một lượt, tao tiếp hết”. Tôi vẫn còn nhớ cả nhà ga náo loạn lúc ấy bỗng nhiên câm bặt. Hình ảnh một gã trai châu Á nhỏ bé đứng thách thức cả toa tàu đầy một đám côn đồ kia có lẽ ấn tượng quá làm tất cả phải lặng im. Không có đứa nào dám xuống, tôi nhìn vào mặt đứa nào, đứa ấy cũng xua tay “Xin lỗi, xin lỗi”. Chúng tôi lên phố, Champs Elysées đã vắng người, mưa không quá to nữa. Chúng tôi lặng lẽ đi dưới mưa. Tôi nắm tay em, yên lặng, thanh bình như chưa có chuyện gì xảy ra. Chỉ hỏi “Ngã có đau không, có sợ không?” Em cười, lại nhìn tôi bằng ánh mắt vừa bền lên, vừa tự hào, em bảo “Sợ chứ. Tớ sợ người ta thì ít, sợ ấy thì nhiều. Người đâu mà năm phút trước là nghệ sĩ, năm phút sau chẳng khác gì Gladiator, hét gì mà to thế.” Khoảnh khắc ấy có lẽ giúp em biết thêm một chút về tôi, rằng tôi là người như thế, bao giờ cũng hết mình cả. Khi cần là nghệ sĩ, tôi sẽ là nghệ sĩ, nếu cần là chiến binh, phải lao vào lửa, phải cầm dao cứa vào thân mình, tôi sẽ làm, không phải chỉ vì em, vì bất cứ người bạn, người thân nào hay bất kỳ ai nếu người đó cần, nếu tôi thấy cần. Có phải vì thế mà em cảm phục hay rung động, để đêm sau nhận lời yêu tôi hay không, tôi không biết, chỉ biết rằng mỗi khi trở lại nơi này, bao giờ tôi cũng nhớ đến ánh mắt em.

Để nói lời kết.

Và bao giờ cũng thế, tôi đến bến tàu ở chân Khải Hoàn Môn bắt đầu cuộc đi dạo. Cứ mỗi đoạn tôi lại dừng chân ở một điểm nào đó thân quen, một điểm nào đó đã lưu dấu trong cuộc hành trình của tôi. Có cảm giác như con đường này chính là cuộc đời, không, một phần đời mình, từ ngày tôi đặt chân đến Paris. Bởi ở đó, đầu đường là nơi chàng sinh viên 23 tuổi nhể nhại mồ hôi, hành lý trĩu nặng trên vai và một lời hẹn ước trong tim, bắt đầu cuộc phiêu lưu không hồi kết. Đi thêm chừng 200 mét, tôi lại thấy đôi

tình nhân, chỉ mấy ngày trước còn chưa biết mặt nhau, đang đi dạo phố, bỗng dừng lại trao nhau một nụ hôn nồng cháy và thì thầm những lời hẹn ước trong một đêm sau tết Tây, đèn trang trí của đại lộ vẫn còn thấp lung linh trên các ngọn cây. Đi đoạn nữa, đến vòng xoay Rond Point des Champs Elysées, ở đúng một nửa chiều dài của con đường Champs Elysées, nơi có một nhà hàng sang trọng. Đúng chỗ ấy, 10 năm trước tôi làm bartender và cả runner cho nhà hàng ấy. Mỗi đêm kết thúc công việc lúc ba giờ rưỡi sáng, nhảy vội lên roller phóng như điên mong kịp chuyển bus cuối. Nếu không kịp, tôi sẽ đi roller hơn 15 cây số về nhà mình ở ngoại ô phía Nam. 10 năm sau, tức là bây giờ, tôi làm quản lý tài chính cho một công ty có trụ sở cũng ở đúng vòng xoay ấy, mỗi ngày đi làm lại đứng tần ngần, tưởng chừng như vẫn nhìn thấy trong đêm chàng thanh niên lao mình trên đôi roller kia, tự hỏi mình làm thế nào mà có đủ năng lượng để làm những điều ấy? Rồi tự trả lời: Nhờ có những niềm say mê, có những bến bờ, có một quyết tâm và những niềm tin. 10 năm trước đã thế, bây giờ vẫn thế và sau này sẽ mãi như thế. Bởi con đường còn chưa hết, ta mới đi một nửa. Bởi cuộc sống không bao giờ dừng lại, cứ cuồn cuộn chảy như những con sông... Mỗi khi đi dạo trên con đường này, bao giờ tôi cũng lẩm nhẩm hát một bài hát mà bất cứ người Paris nào cũng biết, bài hát vui nhộn của Joe Dassin về chính con đường Champs Elysées. Không hiểu sao, lời bài hát lại có nhiều trùng hợp đến thế với chuyện của tôi, với những điều mà tôi muốn nói với bạn. Tôi dịch tạm lời bài hát cho bạn thử đọc xem nhé :

“Tôi dạo trên phố, và mở tim mình ra với mọi người, dù chẳng quen biết

Tôi muốn cất lời chào và chúc ngày mới tốt lành đến bất kỳ ai

Con người bất kỳ ấy thế nào lại chính là em, và tôi đã nói với em lung tung điều gì thế

Thật ra thì chỉ cần nói với em là đủ, nói với em rằng:

“Trên đại lộ Champs Elysées, trên con đường ấy

Lúc nắng khi mưa, ngày cũng như đêm

Có đủ mọi thứ mà mọi người mong muốn, ở Champs Elysées.”

Em nói với tôi “Em có hẹn dưới những ga ngằm dưới lòng đất, với những người say mê...

Sống với cây đàn guitar trên tay, từ sáng đến tối”

Thế là tôi đưa em đi, và ta hát, ta nhảy cùng nhau

Rồi thậm chí chẳng nghĩ ngợi gì, ta đã hôn nhau.

Hôm qua là hai kẻ không quen biết, và sáng nay trên con phố ấy

Hai người yêu nhau vừa ngất ngây suốt một đêm

Từ vòng xoay Etoile đến quảng trường Concorde, một dàn nhạc với ngàn thanh âm

Và tất cả những con chim vừa bừng tỉnh dậy với ngày mới đều hát những lời tình yêu.”

Vừa hát, tôi vừa mỉm cười và bước đi trên con đường của (một phần) đời tôi...

Paris, ngày 13 tháng Hai năm 2015

Hoàng Long.

Chú thích

[1]. Một hypocrite là một người giả vờ có tín ngưỡng, đạo đức hoặc ý kiến, nhưng thực chất không có những điều đó. Hoặc tỏ ra, làm điều gì đó cao đẹp nhưng trái với lòng mình.

[2]. Ở Pháp nói riêng và các nước châu Âu nói chung, từ tháng Mười một đến tháng Ba năm sau, đồng hồ sẽ được điều chỉnh chậm hơn một giờ so với giờ mùa hè. Và vì thế vào mùa đông, giờ Paris lệch sáu giờ so với Hà Nội.

[3]. Ở Pháp, thường ngay từ năm thứ hai đại học sinh viên đã được nhà trường cấp một bản Convention de stage (có thể hiểu là Hợp đồng thực tập, là sự cam kết trách nhiệm, quyền lợi giữa ba bên: nhà trường, sinh viên và công ty) vào cuối mỗi năm học để sinh viên liên hệ với các nhà tuyển dụng xin đi thực tập. Lên bậc cao học, một khóa học viên thường chỉ được cấp một lần bản Convention de stage đó. Trong vòng 6 tháng, nếu sinh viên hoặc học viên cao học đó không được nơi nào nhận về thực tập thì cũng không thể kéo dài thời hạn hoặc xin một bản Convention mới..

Table of Contents

Lời Tựa

1

Khải Hoàn Môn: ngày tôi đến

2

Tháp Eiffel: nhập học

3

Trung Tâm Ký Túc Xá Cité Universi Taire: Ở Trọ

4

Les Invalides: Những Khiếm Khuyết Của Một Thành Phố Phát Triển

5

Nhà Thờ Đức Bà Paris: Có Nên Tin Vào Số Phận?

6

Quận 13: Tết Này Con (lại) Không Về

7

Sông Seine, Chuyện Của Con Sông Và Những Bến Bờ

8

Các Nhà Ga: Nơi Bắt Đầu Hay Kết Thúc (một Chuyến Đi Một Tình Yêu Hay Nhiều Hơn Thế)

9

Đồi Montmatre Sacré Coeur: Có Ngọn Núi Nào Ta Không Thể Vượt Qua?

10

Sân Công viên các Hoàng tử: một câu chuyện tình

11

Bảo Tàng: Nơi Lịch Sử Ngủ Quên Hay Nơi Cuộc Sống Phát Triển?

12

Paris Ấm Thực: Những Lễ Sống Đẳng Sau Câu Chuyện Ăn Uống Tâm Thường

13

Luxembourg, Tuileries Và Những Khu Vườn: Cần Lắm Những Lá Phôi Cho Thành Phố (và Cho Tâm Hồn)

14

Sain Michel & quartier Latin: ngày Valentin xin được dành cho me

15

Hà Nội

16

Đại Lộ Haussmann: Khởi Đầu Sự Nghiệp

17

Opéra De Paris: Nhà Hát Quốc Gia Và Bài Hùng Biện Ngẫu Hứng

18

Les Champs Elysées: Thay Cho Lời Kết: Khi Cuộc Sống Là (một/những) Con Đường